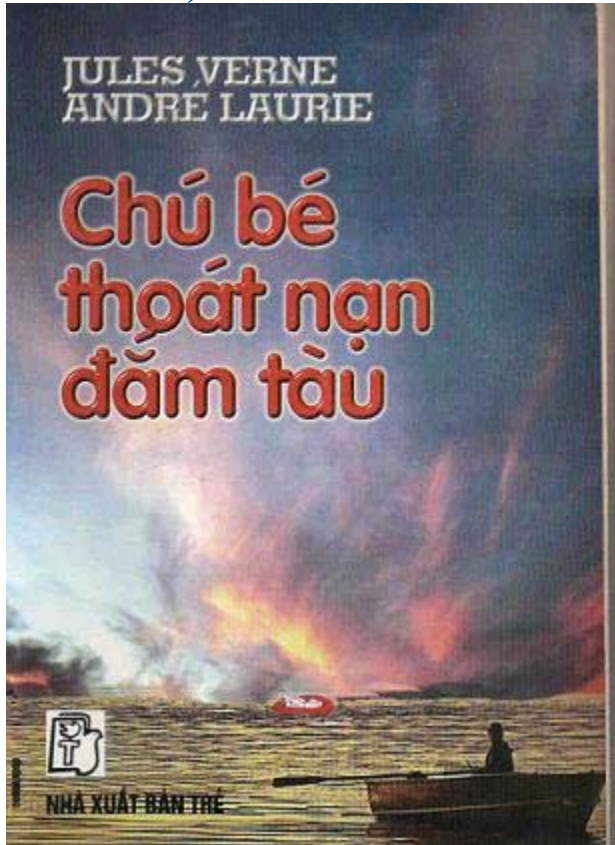


Jules Verne, André Laurie

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Nguyên bản tiếng Pháp: L'épave du "Cynthia" (Người bị trôi giạt từ tàu Cynthia)



Lời người dịch

Tiểu thuyết "Chú bé thoát nạn đắm tàu" ra mắt bạn đọc Pháp năm 1885. Đây là cuốn tiểu thuyết duy nhất mà Jules Verne, nhà văn Pháp nổi tiếng thế giới về loại tiểu thuyết khoa học viễn tưởng và phiêu lưu mạo hiểm, viết chung với một tác giả khác.

Và đồng tác giả của Jules Verne là André Laurie, nhà văn, nhà chính luận nổi tiếng, người đã tham gia tích cực vào công xã Paris. Jules Verne (1828-1905) nổi tiếng ngay từ tác phẩm đầu tay của mình. Sách của ông được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, phát hành rộng rãi khắp nơi và được đông đảo mọi người, nhất là giới trẻ, háo hức đón đọc. Trong những năm 1970, so với các tác giả khác, số sách của J. Verne được xuất bản đứng hàng thứ ba trên thế giới. Không phải ngẫu nhiên mà ông được mệnh danh là “người bạn đường bất tử của tuổi trẻ.”

Sự nghiệp sáng tác văn học của J. Verne thật là vĩ đại. Trong cuộc đời 77 năm của mình, ông đã dành cho hoạt động văn học hơn 40 năm. Từ cuốn tiểu thuyết đầu tay được xuất bản năm 1862 đến khi qua đời ông đã hoàn thành bộ sách vĩ đại mà ông gọi chung là "những cuộc du hành lạ thường" gồm 63 tiểu thuyết và 2 tuyển tập truyện vừa và truyện ngắn được in thành 97 cuốn.

Các tác phẩm của J. Verne thường lấy đề tài từ những sự thật khoa học, những tiên đoán khoa học và những phát hiện về địa lý. Các nhân vật của J. Verne đều là những nhà bác học, kỹ sư, các nhà phát minh, sáng chế, các nhà du hành dũng cảm, quên mình vì lợi ích tiến bộ xã hội. Ta còn thấy trong các tác phẩm của J. Verne những con người lương thiện, nhân đạo và cao thượng, dám đấu tranh cho đạo lý cao đẹp của con người, chống chế độ áp bức, thực dân và bất công xã hội.

J. Verne sinh ra và lớn lên ở thành phố biển Nantes. Sau khi tốt nghiệp trường trung học, chàng J. Verne được cha gửi lên Paris học luật và trở thành luật sư. Tuy nhiên, J. Verne say mê văn học hơn. Vì vậy, mặc dù hành

nghề luật sư theo ý cha, nhưng chàng đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu, tích lũy các kiến thức về khoa học tự nhiên, thiên văn, hàng hải, lịch sử, kỹ thuật... Nhờ sự say mê và cần mẫn tích lũy kiến thức, về sau, J. Verne đã nảy ra ý định kết hợp văn học với khoa học và trở thành người mở đường viết "tiểu thuyết về khoa học" - một loại tiểu thuyết mới mà ngày nay chúng ta gọi là tiểu thuyết "khoa học viễn tưởng" rất được tuổi trẻ yêu thích.

Mùa Thu năm 1962, lúc ấy J. Verne 34 tuổi. Ông hoàn thành cuốn tiểu thuyết đầu tay "Năm tuần lễ trên khinh khí cầu" nói về những khám phá địa lý giả tưởng ở châu Phi được thực hiện từ trên một khinh khí cầu do ông "thiết kế và chế tạo" ra.

Sau đó, một loạt tiểu thuyết khác của J. Verne: "Cuộc du hành vào lòng đất", "Những cuộc du hành của thuyền trưởng Hatseras " .. v.. v đã được đăng trên "Tạp chí giáo dục và giải trí" - một tạp chí lớn ở Pháp hồi ấy, rất được bạn đọc trẻ yêu thích. Sự thành công của J. Verne khiến ông chủ của tạp chí này đã ký trước với nhà văn những bản hợp đồng 20 năm, theo đó mỗi năm J. Verne đưa in 2 tiểu thuyết hoặc một bộ tiểu thuyết gồm 2 tập. Và nhà văn đã thực hiện đúng hợp đồng đến cuối đời mình. Trong số những tác phẩm nổi tiếng nhất của J. Verne phải kể đến tiểu thuyết bộ ba: "Những đứa con của thuyền trưởng Grant", "Hai vạn dặm dưới biển" và "Hòn đảo bí ẩn".

Bằng lao động nghệ thuật sáng tạo. J. Verne đã góp phần công hiến cho nền văn minh và tiến bộ của loài người. Đến nay, nhiều dự kiến, ước mơ của ông đã trở thành hiện thực...

*** **

Năm 1881, cũng trên "Tạp chí giáo dục và giải trí" nước Pháp xuất hiện một tác giả mới chưa ai biết - đó là André Laurie. Nhưng, chẳng bao lâu sau, cái tên ấy đã trở nên quen thuộc với độc giả. Tuy nhiên, tên ấy là bút danh, còn tên thật của tác giả là Pascal Grusse (1845-1909) - một nhà hoạt động chính trị, nhà bình luận nổi tiếng, đã từng tham gia Công xã Paris, người đã nhiều lần được C.Mác và F.Engen nhắc đến trong các bài báo và thư của mình.

Pascal Grusse sinh trong một gia đình nhà giáo ở đảo Corse. Ông tốt nghiệp khoa Y ở Paris và rất say mê môn sư phạm, đặc biệt là vấn đề giáo dục lao động và thể lực cho tuổi trẻ. Pascal Grusse từng tham gia hoạt động chính trị, viết báo và năm 1870 là chủ bút báo "Marseillaise", một tờ báo chủ trương đoàn kết các chiến sĩ đấu tranh cho nền cộng hòa, công khai lên án sự thối nát, phản động của chính phủ tư sản, công kích hoàng đế Napoleon III và phe cánh. C. Mác đã chăm chú đọc tờ "Marseillaise" và trong thư viết cho F.Engen, người đã nhận xét: Pascal Grusse là "một người rất đặc lực, tính cách mạnh mẽ và dũng cảm". Sau đó, Pascal Grusse đã tham gia công xã Paris và trở thành ủy viên của Hội đồng Công xã, phụ trách ủy ban đối ngoại (Bộ trưởng ngoại giao). Tuy nhiên, cũng như nhiều người lãnh đạo Công xã Paris khác, ông chưa phải là nhà cách mạng vô sản.

Sau khi công xã Paris thất bại, Pascal Grusse bị bắt và bị đày ra đảo Calédonia Mới. Năm 1874, ông đã vượt ngục sang sinh sống ở Úc, rồi ở Anh. Năm 1880, sau khi được ân xá, ông trở về Pháp và được mời cộng tác với "Tạp chí giáo dục và giải trí". Và dưới bút danh André Laurie, ông đã cho ra mắt bạn đọc nhiều cuốn sách, tiểu thuyết và truyện vừa, trong đó,

thành công nhất là loạt sách nhiều tập "Sinh hoạt học đường ở tất cả các nước", đề cập những quan điểm sư phạm mới của ông. Các tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm "Thuyền trưởng Trafalgar", "Người kế tục Robinson" và tiểu thuyết khoa học viễn tưởng "Từ New York đến Brest trong 7 giờ" của ông, ngay sau khi ra mắt đã được dư luận bạn đọc đánh giá cao.

"Chú bé thoát nạn đắm tàu" thuộc số tiểu thuyết thành công của cả hai tác giả.

Thực ra, người đầu tiên nảy ra ý định viết cuốn tiểu thuyết này là André Laurie. Nhưng vốn cảm phục J. Verne, "bậc thầy" về loại truyện phiêu lưu mạo hiểm và khoa học viễn tưởng, và để cho cuốn tiểu thuyết có đầy đủ những kiến thức địa lý phong phú, nhất là những kiến thức địa lý về vùng bắc cực. André Laurie đã mời J. Verne viết chung.

Cuốn sách tuy không dày, nhưng nội dung súc tích. Nó vừa là tiểu thuyết phiêu lưu mạo hiểm, vừa là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng được viết khá hấp dẫn.

Nội dung chủ yếu của tiểu thuyết kể về số phận của một chú bé mới 7-8 tháng tuổi, tình cờ sống sót trong vụ đắm tàu "Cintia". Chú được một người đánh cá nghèo Na Uy tìm thấy trong một chiếc nôi để trên phao bị sóng đánh trôi vào một vịnh biển, và đem về nuôi nấng. Hai vợ chồng người đánh cá thương yêu, chăm sóc chú bé như con đẻ, đặt tên cho chú là Êrik. Êrik lớn lên mạnh khỏe, đặc biệt rất thông minh. Thế nhưng "tổ quốc của mình là đâu?", "cha mẹ của mình là ai và có còn sống không?", "vì sao mình bị trôi

đạt vào vùng biển này?” Đến khi lớn lên Êrik cứ day dứt với những câu hỏi ấy. Và, bác sĩ Svariênkrôna, một người nổi tiếng ở Xtôckhôm, với tấm lòng nhân đạo cao cả của mình, đã nhận đỡ đầu cho Êrik ăn học đến nơi đến chốn và tìm mọi cách giúp chú trả lời những câu hỏi đó. Bác sĩ và bản thân Êrik đã vượt qua biết bao trở ngại, thử thách do thiên nhiên hà khắc, do sự xảo quyệt và ti tiện của những kẻ bất nhân gây ra, quyết tâm đạt mục đích của mình...

Phần có ý nghĩa nhất của tiểu thuyết là cuộc hành trình thám hiểm bắc cực của tàu "Aljaska" do thuyền trưởng Êrik chỉ huy, thực hiện những cuộc phiêu lưu trên vùng băng trôi, lập nên chiến công địa lý vĩ đại: đi vòng quanh thế giới trên vùng biển bắc cực của nước Nga và nước Mỹ, trong một hành trình đã khai phá thành công hai con đường biển Đông bắc và Tây bắc mà trước đó chưa ai làm được. Chính sự vinh quang của chiến công vang dội này đã đem lại cho Êrik niềm hạnh phúc lớn lao: Trở về tổ quốc và đoàn tụ với người mẹ thân yêu đã hơn hai mươi năm mỗi mắt đợi chờ, hy vọng có ngày gặp lại đứa con trai duy nhất của mình bị mất tích trong tai nạn đắm tàu "Cintia" đầy bí ẩn.

Hình tượng Êrik trong tiểu thuyết đã chinh phục người đọc từ những trang đầu tiên. Chàng thanh niên thông minh tỏ rõ tính cách mạnh mẽ, dũng cảm trong mọi hành động, vững vàng vượt qua mọi thử thách gay go, trở thành một người anh hùng thật sự.

Các tác giả cũng đã khắc họa đậm nét hình ảnh đáng yêu của những con người bình thường đã góp phần giáo dục, dạy dỗ, nuôi nấng Êrik từ tấm bé. Bác Hecsêbom và bà Katrina, thầy giáo Maljarius, Ôttô và Vanda thể hiện những phẩm chất đẹp đẽ nhất của con người. Không phải ngẫu nhiên mà các tác giả đã xây dựng nên sự "đối chọi" giữa tính cách khiêm tốn, thông minh

của Vanda, một cô gái nông thôn chịu thương chịu khó, và thói kênh kiêu khinh người của Kaisa, một cô gái thủ đô được nuông chiều.

Mọi nỗi bất hạnh, rủi ro giáng lên số phận của Êrik và những người bạn của chàng, xét cho cùng, đều do hậu quả của những hành vi tội lỗi của Noi Giôn, một tên đại diện của thế giới tư bản bóc lột Mỹ bạo tàn, và tên thủy thủ Padric Ô Đômôgan, một công cụ ngoan ngoãn trong tay tên tội phạm Noi Giôn ấy.

Nhưng, những tình cảm cao thượng, sự trung thực, lòng quyết tâm đạt mục đích đã giúp Êrik chiến thắng mọi thế lực hung ác, bạo tàn. Và, tên Noi Giôn đã trở thành nạn nhân của chính những quỷ kế đã man do hắn gây ra. Cho dù tội ác được cố tình che đậy như thế nào thì trước sau nó cũng sẽ bị phơi bày và công lý sẽ chiến thắng - đó là điều quan trọng mà cuốn sách đã khẳng định với chúng ta.

Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc tiểu thuyết “Chú bé thoát nạn đắm tàu” của hai tác giả Pháp nổi tiếng Jules Verne và André Laurier, và hy vọng rằng tác phẩm sẽ đem lại cho các bạn sự hài lòng.

Trong việc dịch thuật chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, chúng tôi mong được các bạn đóng góp cho những ý kiến xây dựng.

NGƯỜI DỊCH

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương một

NGƯỜI BẠN CỦA THẦY GIÁO MALJARIUS

Chắc gì còn tìm được ở châu Âu hay bên ngoài phạm vi của nó một học giả mà tên tuổi được mọi người biết rõ như bác sĩ Svaviênkrôna ở Xtốckhôm.

Các nhãn hiệu của nhà máy có in hình ông dán lên hàng triệu cái chai được niêm phong bằng một lớp bọc màu xanh. Như sự nỗ lực của các nhà cung ứng hàng, những cái chai này thậm chí đã thâm nhập đến tận những nơi xa xôi hẻo lánh nhất của trái đất.

Thật ra mà nói thì đó chỉ là một thứ dầu cá mà thôi- mỗi chai giá một Frăng 39 xăng tim (tiền Pháp), được mọi người thừa nhận là thứ thuốc rất thần hiệu, nhất là đối với dân chúng Na Uy, hằng năm đem lại số tiền lời lên đến hàng chục triệu Curon (tiền Na-uy).

Từ thời xa xưa, dân chài Na Uy đã làm nghề sản xuất dầu cá. Ngày nay, nhờ ứng dụng các phương pháp khoa học, nghề sản xuất này đã trở nên tinh vi hơn rất nhiều. Vua dầu cá chính cống thời nay là bác sĩ Svartiênkrôna nổi tiếng. Ai nấy đều quen thuộc chòm râu cằm nhọn, cặp mực kính, cái mũi khoằm và chiếc mũ lông của ông. Mặt dù chân dung bác sĩ in trên nhãn hiệu không có gì đặc sắc về mặt nghệ thuật, nhưng nom giống hệt như người thật. Bằng chứng về việc này là chuyện xảy ra một lần nọ ở trường tiểu học làng chài Nôrô thuộc vùng duyên hải Na Uy, cách thành phố Berghen vài liô (Lieue - dặm Pháp, mỗi lieue bằng 4,5km). Lúc ấy là 2 giờ chiều. Học sinh đang ngồi trong lớp - một căn phòng lớn, nền đất rắc cát, nữ ngồi bên trái, nam ngồi bên phải. Các em đang chăm chú nghe thầy giáo Maljarius giảng bài trên bảng, bỗng cánh cửa mở toang và trên ngưỡng cửa xuất hiện một người mặc áo khoác lông, đội mũ lông, đi ủng lông và găng tay lông.

Các em học sinh kính cẩn đứng dậy chào theo đúng qui định khi có người vào thăm lớp - không một em nào biết người này, nhưng khi ông ta xuất hiện, các em đều xì xào bảo nhau:
- Bác sĩ Svartiênkrôna!

Đúng là nom ông ta giống hệt hình in trên các nhãn chai!

Cần ghi nhận rằng những chai dầu cá luôn luôn đập vào mắt các em học sinh của Maljarius: ở Nôrô đây cũng có một trong số các nhà máy dầu cá của bác sĩ. Tuy nhiên đã nhiều năm nay bác sĩ không về Nôrô và đến bây giờ chưa có em học sinh nào tự khoe rằng đã được tận mắt nhìn thấy ông cả.

Vậy nhưng các em được nghe nói về ông không phải ít. Tới tới, ở làng chài người ta thường nhắc tới bác sĩ Svariênkrôna. Người ta nhắc tới ông thường xuyên đến nỗi chắc ông cũng phải nóng tai liên tục. nếu như những điều mê tín trong dân gian thực sự có cơ sở nào đó.

Dẫu sao thì sự “tương đồng” lạ lùng được mọi người nhất trí thừa nhận cũng chứng tỏ tài năng kiệt xuất của nhà họa sĩ vẽ chân dung vô danh. Người họa sĩ khiêm tốn ấy hoàn toàn có quyền tự hào về tài năng của mình, khiến cho bất kỳ một nhà nhiếp ảnh tân thời nào cũng phải ganh tị.

Đúng, đây đích thị là ông ta - bộ râu cằm nhọn của ông, cặp mực kính, cái mũi khoằm và cái mũi lông không thay đổi của ông. Không thể lẫn đi đâu được! Tất cả đám học trò của Maljarius đều dám đưa đầu ra để cam đoan rằng đó chính là ông. Thật vậy, tuy có điều làm chúng hơi ngạc nhiên, thậm chí bản khoăn là: bác sĩ Svariênkrôna hóa ra là một người tầm thước bình thường nhất, chứ không phải là một người khổng lồ như chúng vẫn tưởng tượng. Và, thực ra, làm sao mà một học giả nổi tiếng như vậy lại có thể tự hài lòng với tầm vóc cao chưa quá 1.6m của mình được ?

Mái đầu bạc của ông chỉ đến ngang vai thầy giáo Maljarius, mà đây là Maljarius đã bị gù xuống ‘dưới gánh nặng của tuổi tác’! Nhờ vẻ gầy gò mà nom ông cao hơn bác sĩ nhiều. Chiếc áo màu nâu rộng thùng thình của ông giáo, do dùng lâu đã ngả màu xanh nhạt, bay lất phất trên người ông, nom như lá cờ bay trên cán vậy. Ông mặc chiếc quần soọc tới đầu gối và đi giày có khóa, đầu đội mũ bằng lụa đen, để lộ những mớ tóc bạc. Gương mặt hồng hào của ông luôn tươi cười, biểu thị một tâm lòng nhân hậu vô hạn.

Khác với bác sĩ có cái nhìn qua cặp kính sắc như dao, đôi mắt xanh của Maljarius cũng mang kính, nhưng nhìn thiên hạ với lòng thiện cảm trước sau như một. Đám học trò chưa em nào bị Maljarius trừng phạt bao giờ cả. Vậy nhưng không phải vì thế mà các em chẳng những yêu mến, mà còn kính nể thầy nữa.

Mọi người đều biết ông là người tận tụy như thế nào. Dân cư ở Nôrôê còn nhớ hồi trẻ Maljarius đã thi đỗ rất xuất sắc. Và cũng như bác sĩ, ông có thể nhận được một học vị, trở thành “Ngài giáo sư” ở môi trường Đại học tổng hợp lớn nào đó, trở nên nổi tiếng và giàu sang. Nhưng ông có người chị Gristina là một bần nông ốm yếu, bệnh tật. Bà cứ khẳng khẳng không chịu rời quê hương xứ sở. Bà cảm thấy sợ thành phố và tưởng rằng bà sẽ phải bỏ mạng ở nơi ấy. Maljarius nhẫn nhục và tận tâm đảm nhận phận sự khó khăn và bình dị của người thầy giáo trường làng... Hai mươi năm sau, khi Gristina tạ ơn người em trai và lặng lẽ qua đời thì Maljarius đã quen với cuộc sống quạnh hiu, bình dị của mình, thậm chí không nghĩ đến việc bắt đầu xây dựng lại nó nữa.

Mãi mê với những tìm tòi khoa học mà vì khiếm tốn ông không nói tới. Maljarius thấy rất toại nguyện với những trách nhiệm hàng ngày của người thầy giáo ở trường. Trường của ông là trường khá nhất huyện, và trong các bài giảng của mình, ông không chỉ hạn chế ở những kiến thức giản yếu được thừa nhận là đầy đủ đối với một trường làng. Ông đã mở rộng kiến thức cho học sinh của mình, gây cho các em lòng yêu khoa học, yêu văn học cổ và văn học hiện đại, yêu tất cả những gì thường là tài sản của các tầng lớp khá giả và quá tầm tay đối với con em của những người dân chài và nông dân.

- Tại sao những lợi ích thuộc về một số người này lại là cái mà người khác không thể với tới? - Ông nói - Nếu những người nghèo đã bị cướp mất hết bao niềm vui trong cuộc sống, thì tại sao lại tước đoạt thêm của họ những khả năng thưởng thức Hô-mê (nhà thơ cổ Hy Lạp kiệt xuất) và Sêkxpia (nhà soạn kịch thiên tài người Anh), khả năng nhìn sao trên trời mà định hướng đi biển, hoặc nhận biết thế giới thực vật chung quanh? Thật ra, chỉ vì họ sớm bị cái thiếu thốn siết lấy cổ họng và buộc phải suốt đời lao động quần quật. Hãy để cho họ ngay từ lúc tuổi thơ cũng đã được tiếp cận với nguồn tri thức trong sáng thuộc về toàn thể loài người !

Những quan điểm tương tự như thế đối với nền giáo dục nhân dân ở nhiều nước đã bị coi ít ra là xóc nổi, bởi vì chúng có thể gợi cho những người nghèo sự bất mãn đối với số phận tầm thường của mình và thúc đẩy họ đi đến bất kỳ hành động khả nghi nào.

Nhưng ở Na Uy điều ấy chẳng làm ai bận tâm cả. Sự đơn giản trong lối sống lối thời, sự cách biệt giữa thành thị với thôn quê, sự cần mẫn của một ít người dân đều không gây nên nổi e ngại nào đối với những thực nghiệm kiểu tương tự như thế. Bán đảo Scandinav có thể tự hào là nơi có mật độ dân số tương đối thấp, nhưng lại có số nhà bác học nhiều hơn và số người có trình độ học thức toàn diện nhiều hơn ở bất cứ một nước châu Âu nào khác. Các du khách luôn luôn kinh ngạc trước sự tương phản giữa thiên nhiên bán hoang dã của vùng Scandinav và nền sản xuất phát triển trong các nhà máy và công xưởng, chứng tỏ một trình độ văn hóa khá cao.

Nhưng, chẳng phải sao, đã đến lúc quay trở lại với bác sĩ Svariênkrôna mà chúng ta đã để ông đứng trước thềm cửa Nôrô?

Nếu ông được các em học sinh chưa từng gặp ông trước đây nhận ra ngay, thì không thể nói điều đó với thầy giáo các em, người đã biết bác sĩ từ lâu lắm rồi.

- Chào Maljarius thân mến của tôi! - Bác sĩ tiến lại gần người thầy giáo, chìa tay ra bắt và sung sướng reo lên.

- Kính chào ngài! - Ông giáo đáp lại, hơi có vẻ bối rối và lúng túng, như ta thường thấy ở tất cả những người đã từng quen với nếp sống cô đơn. Bác sĩ đã ngắt lời Maljarius vào đúng lúc ông đang giảng điều gì đó cho học trò. - Xin lỗi, tôi có hân hạnh được tiếp chuyện với ai đây ạ?

- Ô, có nhẽ nào tôi đã thay đổi đến thế ư, kể từ cái thời chúng ta thi nhau chạy trên tuyết và hút những tẩu thuốc dài Khrischiania (tên gọi của thành phố Ôxtô, thủ đô Na Uy) ấy. Mà lẽ nào anh đã quên cái nhà trọ ở Kraut và để tôi phải nhắc anh nhớ lại cái tên của người bạn mình?

- Svariênkrôna! - Maljarius reo lên. - Có thể như thế này sao? Đây là anh đấy ư?

- Xin anh miễn cho mọi nghi thức xã giao! Lẽ nào tôi không phải là người bạn cũ Rốtđ của anh, mà anh lại không phải Ôláp đáng yêu của tôi, người bạn gần gũi nhất, quý mến nhất thời thơ ấu của tôi? Ô, tôi hiểu. Năm tháng trôi qua, và sau ba mươi năm chúng ta phần nào đã thay đổi. Nhưng có trái tim là không già đi - có phải thế không nào? Và nơi trái tim ấy bao giờ cũng còn lại một góc nhỏ cho tất cả những ai mà tình yêu mến và những ai mà anh đã từng chia ngọt sẻ bùi suốt hai chục năm.

Khi nói điều ấy, ngài bác sĩ cười khà khà và nắm chặt hai tay Maljarius đang

xúc động ứa nước mắt.

- Người bạn thân mến của tôi, người bác sĩ yêu quý, yêu quý của tôi! - Ông nhắc lại - Chúng ta không nán lại ở đây làm gì nữa. Bây giờ tôi sẽ cho bọn trẻ về. Dĩ nhiên các em chẳng buồn phiền về chuyện ấy, và chúng ta sẽ về chỗ tôi.

- Nhưng quả thật không đáng phải như thế - bác sĩ nói, quay về phía các học trò đang hứng thú theo dõi mọi chi tiết của cuộc hội ngộ này. Tôi tuyệt nhiên không muốn gây phiền phức cho công việc của anh, càng không muốn làm dở dang buổi học của những đứa trẻ đáng yêu này! Nếu anh muốn đem đến cho tôi niềm vui thì anh hãy cho tôi được ngồi cạnh anh trong lúc anh tiếp tục giảng bài.

- Xin vui lòng - Maljarius đồng ý. - Nhưng xin nói thật là giờ đây tôi chẳng còn lòng dạ nào mà giảng bài hình học nữa, và một khi đã hứa cho các em ra về thì bây giờ không nên nuốt lời! Tuy vậy tôi cũng đã có cách. Nếu ngài Svariênkrôna muốn cho các trò của tôi niềm vinh dự được ngài kiểm tra kiến thức thì tôi sẽ cho các em nghỉ sau cũng được.

- Một ý nghĩ hay tuyệt! - bác sĩ nói sau khi ngồi vào chỗ của thầy giáo. Thế là chúng ta đã quyết định xong! Tôi sẽ đóng vai người thanh tra! Các em hãy cho biết, em nào là trò giỏi nhất trong lớp?

- Êrik Hecsêbom ạ! - năm mươi cái giọng trong trẻo đồng thanh đáp.

- Êrik Hecsêbom à? Giỏi lắm. Nào, Êrik Hecsêbom, em hãy lên đây.

Một chú bé mười hai tuổi ngồi sau bàn học thứ nhất đứng dậy và đi lên bục giảng. Đó là một đứa bé nghiêm nghị và ý tứ với vẻ mặt đăm chiêu và cái nhìn chăm chú. Nước da bánh mật, mái tóc đen và cặp mắt nâu to của chú khác hẳn với những chú bé khác cùng lứa tuổi tóc vàng, mắt xanh và má hồng. Lưỡng quyền của chú không cao, mũi không hếch và không đi khệnh khạng như phần lớn trẻ em ở vùng Scandinav độc đáo thường thể hiện rất rõ nét ở những người bạn của chú.

Cũng giống như mọi chú bé khác, Êrik Hecsêbom mặc bộ quần áo vải thô mà những người nông dân vùng ngoại ô thường mặc. Nhưng, nét mặt dịu dàng, cái đầu không to lắm, vẻ tao nhã, tự nhiên trong các cử chỉ và sự thoải mái trong phong cách - tất cả đều khẳng định chú là người gốc nước ngoài. Và có lẽ những đặc điểm ấy đã làm cho bất kỳ nhà tâm lý nào cũng phải ngạc nhiên không kém gì bác sĩ Svariênkrôna. Tuy nhiên, ông thấy không tiện quan sát lâu chú bé, nên đã chuyển sang hỏi chuyện chú.

- Chúng ta bắt đầu từ cái gì bây giờ? Có thể là từ môn ngữ pháp nhé? - Ông hỏi.

- Thưa, tùy ngài bác sĩ ạ. - Êrik khiêm tốn trả lời.

Bác sĩ hỏi hai câu không phức tạp lắm. Thật hết sức ngạc nhiên đối với ông là chú bé đã dẫn ra các thí dụ không những bằng tiếng Thụy Điển mà còn

bằng cả tiếng Pháp và tiếng Anh nữa. Bởi vì, Maljarius đã dạy cho học trò của mình cả một số ngoại ngữ với ý định cho các em cùng lúc thông thạo cả ba thứ tiếng như nhau.

- Chẳng lẽ anh dạy các em cả tiếng Pháp và tiếng Anh ? - Bác sĩ quay sang hỏi người bạn của mình.

- Thế tại sao lại không được nhỉ ? Hơn thế nữa, tôi sẽ còn cho các em làm quen cả với những cơ sở của tiếng Hy Lạp và tiếng La tinh nữa. Tôi thấy chuyện ấy chẳng có hại gì.

- Tôi cũng vậy. - bác sĩ mỉm cười đáp. Và ông đã giở bất chợt một tập truyện của Xixêrôn (một nhà hùng biện, nhà văn và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng thời La Mã), đưa cho Êrik Hecsêbom và chú bé đã dịch trôi chảy vài câu trong cuốn đó.

Nội dung đoạn này nói về một loại thuốc độc Xicuta mà Xôcrat (triết gia cô Hi Lạp nổi tiếng. Ông bị truy tố về học thuyết của mình và đã buộc phải uống một ly thuốc độc Xicuta) đã uống. Maljarius gợi ý bác sĩ thử hỏi xem Xicuta thuộc loại thực vật nào... Êrik đã trả lời không cần nghĩ ngợi rằng nó thuộc họ Hoa tán và đã chỉ ra ngay tất cả những đặc điểm của loài thực vật này.

Từ môn thực vật, họ chuyển sang môn hình học, Êrik đã chứng minh một cách xuất sắc định lý về tổng các góc của một tam giác.

Bác sĩ lại càng ngạc nhiên hơn.

- Thế bây giờ chúng ta chuyển sang môn địa lý nhé - ông nói - Em hãy cho thầy biết biển nào ở phía Bắc giáp với Scandinav, nước Nga và vùng Xibir?

- Đó là Bắc Băng Dương - Êrik đáp.

- Thế nó thông với những biển nào?

- Với Đại Tây Dương ở phía Tây và với Thái Bình Dương ở phía đông.

- Em có thể kể cho thầy biết hai hoặc ba cảng lớn nhất trên Thái Bình Dương được không?

- Con kể được ạ: Iôkôhama ở Nhật bản. Menburg ở Úc. San-Franxixcô ở bang California.

- Vậy là, nếu Bắc Băng Dương một đằng nối liền với Đại Tây Dương bao quanh bờ biển của chúng ta, còn đằng kia thông với Thái Bình Dương, thì em có thấy rằng con đường ngắn nhất để đi đến Iôkôhama hoặc San-Franxixcô chính là con đường đi qua Bắc Băng Dương không?

- Tất nhiên ạ, thưa ngài bác sĩ. - Êrik đáp, - nếu như đúng là con đường ngắn nhất ấy có thể đi qua được. Nhưng mà từ trước đến nay tất cả các nhà hàng hải có ý định đi theo con đường ấy đều đã đụng phải băng giá và nếu như họ may mắn sống sót thì họ cũng đã buộc phải từ bỏ ý định của mình.

- Em nói rằng người ta đã từng có nhiều lần định khai phá con đường lên miền Đông Bắc qua Bắc Băng Dương?

- Không dưới 50 lần trong vòng ba thế kỷ nay, và tất cả đều không thành công.
- Em có thể kể ra một vài cuộc thám hiểm ấy được chứ?

- Cuộc thứ nhất được thực hiện năm 1523 theo sáng kiến của Sêbaschian-Kabôt (Lịch sử các cuộc thám hiểm Bắc cực của các nhà hàng hải nói ở đây được trình bày đầy đủ trong cuốn “Khám phá trái đất” của J. Verne). Cuộc thám hiểm này gồm có ba con tàu dưới sự chỉ huy của Huy Uilôubi đã không may bị hy sinh ở Láplandia cùng với cả đoàn thủy thủ của mình. Chensler, một trong những phó thuyền trưởng của ông, thoát đầu tử ra may mắn hơn những người khác - ông đã mở được con đường thẳng đi qua Bắc Băng Dương ở giữa biển Măng và nước Nga. Nhưng trong chuyến thứ hai ông đã bị nạn đắm tàu và hy sinh. Thuyền trưởng Stêphan Bôrôi được phái đi tìm đã vượt qua được eo biển ngăn cách Đất Mới với đảo Valgash, và đã đến được biển Đỏ. Nhưng băng giá và sương mù đã ngăn trở ông không thể tiến được nữa... Hai đoàn thám hiểm được tổ chức năm 1589 cũng đều không thành công như vậy. Mười lăm năm sau, những người Hà Lan đã thử giải quyết nhiệm vụ ấy. Để tìm con đường lên vùng Đông Bắc họ đã thành lập liên ba đoàn thám hiểm dưới sự chỉ huy của Barenx. Năm 1596, Barenx hy sinh trên vùng băng Đất Mới. Mười năm sau, Hanri Hudzôn được hăng Ost-Ind của Hà Lan phái đi cũng đã gặp tai nạn y hệt như vậy cùng đoàn thám hiểm thứ ba trong số các đoàn thám hiểm được tổ chức liên tục hết đoàn này đến đoàn khác. Và những người Đan Mạch cũng đã không gặp may mắn trong năm 1653. Cả thuyền trưởng Zhôn Vut nữa, năm 1676 cũng chịu chung số phận như thế. Từ đó đến nay giải pháp ấy được công nhận là không thể thực hiện được và đã bị tất cả các cường quốc có biển bác bỏ.

- Vậy có nghĩa là từ đó đến nay đã không có thêm ý đồ nào khác nữa?

- Có. Đó là những ý đồ của nước Nga. Cũng như các nước khác ở phương Bắc, nước Nga đặc biệt quan tâm đến việc mở con đường biển ngắn nhất giữa phần châu Âu của nước Nga và vùng Xibir. Trong suốt một thế kỷ, nước Nga đã phái ít nhất mười tám đoàn thám hiểm đi thăm dò Đất Mới, Biển Đỏ, các con đường tiếp cận với Xibir ở phía Đông và phía Tây. Mặc dù các đoàn thám hiểm này cũng đã giúp cho việc nghiên cứu đầy đủ hơn những vùng ấy, nhưng họ cũng lại đã khẳng định rằng không thể có lối đi qua Bắc Băng Dương được. Viện sĩ Ber (nhà tự nhiên học vĩ đại người Nga), người đã thực hiện lại lần cuối cùng ý đồ này năm 1837, sau thủy sư đô đốc Litke (nhà hàng hải và địa lý Nga nổi tiếng, ông đã nghiên cứu các bờ biển vùng Đất Mới, hoàn thành hai chuyến đi vòng quanh thế giới) và Pakhtuxov (Nhà địa lý Nga, nhà nghiên cứu vùng Đất Mới), đã kiên quyết tuyên bố

công khai rằng "đại dương" này là một khối băng liền y như vùng đất cứng vậy, không thể cho tàu bè qua lại được.

- Vậy có nghĩa là phải dứt khoát từ bỏ con đường Đông Bắc?

- Ít ra đó cũng là kết luận được nêu lên sau tất cả những cuộc thám hiểm nhiều lần và không đạt kết quả. Nhưng, con nghe rằng nhà du hành vĩ đại của ta, Nordensheld (Học giả Thụy Điển xuất sắc, nhà du hành và nhà địa lý) có ý định nối lại những cuộc tìm kiếm này. Đầu tiên, ông muốn nghiên cứu Bắc Băng Dương theo từng phần và nếu như điều đó quả đúng như vậy thì có nghĩa là ông tin rằng sự nghiệp của mình sẽ thành công. Ông đủ hiểu biết sâu rộng để thuyết phục được mọi người nghe theo ý kiến của ông.

Bác sĩ Svariênkrôna là một trong những người sùng bái nồng nhiệt đối với Nordensheld. Bởi vậy, ông mới gọi chuyện về con đường Đông Bắc. Những câu trả lời đầy đủ và chính xác của chú bé làm ông khâm phục.

Ông nhìn Êrik Hecsebom với vẻ đầy hứng thú.

- Em đã thu thập được tất cả những hiểu biết ấy ở đâu thế, hả chú bạn của tôi? Ông hỏi sau một hồi im lặng kéo dài.

- Ở đây ạ, thưa ngài bác sĩ - Êrik đáp, ngạc nhiên trước một câu hỏi như thế.

- Em chưa khi nào học ở một trường khác đây chứ?

- Tất nhiên là chưa ạ.

- Ngài Maljarius có quyền hãnh diện về em - Bác sĩ quay về phía ông giáo nói.

- Tôi rất hài lòng về Êrik - Thầy giáo đáp - Thế là đã sắp tròn 7 năm em là học trò của tôi. Em đến đây học từ lúc còn nhỏ xíu, nhưng luôn luôn đứng đầu lớp.

Bác sĩ đắm mình trong im lặng. Đôi mắt sắc sảo của ông không rời Êrik.

Dường như ông đang bận giải quyết một vấn đề mà ông thấy không cần phải nói to lên.

- Không thể trả lời xuất sắc hơn thế được nữa và cũng không cần phải sát hạch thêm làm gì nữa - Cuối cùng ông nói - Thầy sẽ không giữ các em thêm nữa đâu: các em ạ. Nếu thầy Maljarius không phản đối thì chúng ta kết thúc ở đây.

Maljarius vỗ tay một cái, cả đám học trò nhất loạt đứng dậy, xếp hàng 4 trước các dãy bàn. Maljarius vỗ tay lần nữa, thế là hàng người dần bước chuyển động y như một hàng quân vậy.

Sau tín hiệu thứ ba các em hòa lẫn đội hình và chạy tỏa đi với những tiếng reo vui vẻ. Vài giây sau, các em đã tản ra trên bờ biển chênh vênh, dưới đó làn nước xanh soi bóng những mái nhà phủ cỏ của làng chài Nôrô.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương hai

Ở NHÀ MỘT DÂN CHÀI NÔRÔÊ

Căn nhà của bác Hecsêbom cũng như mọi nhà khác ở Nôrôê, được phủ bằng một lớp vỏ mộc xanh và ghép bằng những tấm gỗ thông to theo lối cổ truyền ở vùng Scandinav: hai phòng lớn, ở giữa được ngăn bằng một lối đi dài và hẹp thông ra nhà kho để thuyền, các dụng cụ đồ nghề đánh cá và hàng đông cá tuyết vùng Na Uy và Băng đảo. Loại cá này sau khi phơi khô, người ta đem bán cho các nhà buôn.

Mỗi căn phòng đều vừa làm nơi tiếp khách, vừa làm nơi ngủ. Các đồ dùng để ngủ như khăn trải giường và chăn làm bằng da thú được để trong những cái hộc đặc biệt ẩn trong tường gỗ và chỉ được lấy ra lúc ngủ đêm. Sự trang bị thuận tiện này, cũng như những bức tường mới sơn lại màu trắng, cái bếp lò cao ở góc nhà, trong đó luôn luôn có bó củi to cháy lách tách vui tai, đem lại cho những căn nhà bình dị nhất sự tươi mát và ấm cúng vốn chưa phải là đặc trưng của những căn nhà nông dân ở Nam Âu.

Buổi tối hôm ấy, cả gia đình bác Hecsêbom sum họp quanh chiếc bếp lò: trên bếp món cá trích xông khói, cá hồi và khoai tây đang được nấu trong một cái nồi to, lửa để riu riu. Bác Hecsêbom ngồi trên chiếc ghế gỗ cao đan lưới, công việc bác thường làm những khi không đi biển hoặc ra bãi phơi cá. Đó là một ngư phủ mặt đỏ au, dài dàu sương gió, tóc sớm hoa râu, mặc dù bác đang độ sung sức. Con trai bác, Ôttô, một chú bé 14 tuổi cao lớn, giống cha như đúc, chắc chắn sau này sẽ trở thành người đánh cá giỏi. Còn bây giờ chú đang cố gắng hết sức nắm bí mật của “qui tắc tam suất”, viết chi chít những con số lên một tấm bảng con làm bằng granit. Cánh tay lực lưỡng của chú hình như thích hợp với việc chèo thuyền hơn là một việc như thế. Êrik đang cúi trên một chiếc bàn ăn say mê đọc cuốn sách dày về lịch sử mới mượn của thầy giáo Maljarius. Bên cạnh chú là bà Katrina Hecsêbom, một người phụ nữ nhân hậu, đang se sợi một cách thanh thản. Còn Vanda tóc vàng, cô bé chừng 10-12 tuổi, ngồi trên chiếc ghế thấp miệt mài đan một chiếc bít tất dày bằng len đỏ. Chú chó vàng to đốm trắng, lông xoắn như lông cừu nằm khoan khoái dưới chân cô.

Sự yên lặng cứ như vậy kéo dài ít nhất một tiếng đồng hồ. Cây đèn bằng đồng đầy ắp dầu cá với bốn chiếc bắc tỏa sáng đều đặn khắp nơi trong căn nhà thanh bình này.

Nói cho đúng, sự im lặng đã bắt đầu đè nặng lên bà Katrina. Nhiều lần bà đã định lên tiếng gọi chuyện rồi.

Cuối cùng bà không nén được nữa.

- Tôi nay làm việc như vậy đủ rồi, bà nói. Giờ đi ăn tối thôi.

Êrik răm rắp nghe lời bà, ôm cuốn sách dày của mình chuyển sang ngồi gần bếp lò, còn Vanda thì cất đồ đan, lại chỗ tủ búp phê lấy đĩa và thìa.

- Ôtô này- bà Katrina nói - Có phải con bảo hôm nay Êrik nhà ta đã trả lời ngài bác sĩ khá lắm phải không?

- Trả lời khá à? Nó nói y như đọc trong sách ấy, thật đấy! Ôtô khoái chí kêu lên - Đến con cũng không hiểu vì sao mà nó lại biết hết được những chuyện ấy, bác sĩ càng nói nhiều thì nó càng trả lời lắm! Mà nó nói cứ làu làu ấy chứ! Thầy Maljarius hài lòng hết chỗ nói!

- Cả em cũng rất hài lòng nữa - Vanda nói vẻ nghiêm túc.

- Dĩ nhiên! Cả nhà ta đều vui chứ! Mẹ ơi, giá mẹ thấy chúng con há hốc miệng ra như thế nào nhỉ! Chúng con chỉ sợ bị gọi lên thôi. Thế mà nó thì chả sợ gì hết, trả lời bác sĩ cứ y như là trả lời thầy giáo chúng con ấy!

- Hừ! Thầy Maljarius sánh ngang với bất kỳ bác sĩ nào đó và tất nhiên thầy hiểu biết chẳng kém ai đâu! - Êrik nói, thấy mọi người khen mình quá, nên tỏ ra rất lúng túng.

Bác ngư dân già mỉm cười tán thưởng.

- Thằng bé nói đúng - Ông nói, đôi tay chai sần sùi vẫn không rời công việc. Thầy Maljarius nếu muốn thì rõ ràng là ăn đứt tất cả các ngài bác sĩ ở thành phố. Vả lại, thầy giáo không dùng học thức thông thái của mình để làm cho những người nghèo bị khánh kiệt!

- Thế chả nhẽ bác sĩ Svariênkrôna đã làm cho ai có bị khánh kiệt rồi sao? - Êrik tò mò hỏi.

- Hừ! Hừ!... Nếu điều đó xảy ra thì cũng không phải lỗi lại ngài ấy! Nhưng bố nói để cả nhà biết, và mọi người có thể tin ở bố rằng, bố thấy chẳng vừa lòng chút nào về chuyện cái nhà máy của ngài ấy đã được xây dựng và đang um đầy khói trên bờ vịnh kia. Mẹ các con có thể khẳng định với các con rằng trước đây chúng ta tự sản xuất dầu cá và bán được ở Berghen mỗi năm 150, thậm chí 200 curon! Còn bây giờ thì xin đủ. Không ai muốn mua dầu cá chưa tinh chế nữa, hoặc trả rẻ đến mức không đủ chi phí đi đường. Chỉ còn mỗi một cách là bán gan cá tuyết cho nhà máy thôi. Nhưng, có trời chứng giám, viên quản lý của bác sĩ lần nào cũng cố đòi mua rẻ hơn, bố vất vả lắm

mới bán được 45 curon thôi, nhưng cái công bỏ ra phải gấp 3 lần so với trước... Đó, vì sao mà bố bảo rằng điều đó là bất công. Thà bác sĩ cứ lo chữa bệnh cho các bệnh nhân của mình ở Xtôckhôm, còn hơn là đoạt nghề và cướp công của chúng ta.

Mọi người lặng thinh sau những lời nói cay đắng ấy. Có đến mấy phút đồng hồ chỉ nghe thấy tiếng đĩa lách cách nơi Vanda đang dọn cơm, trong khi đó người mẹ lấy thức ăn để vào một cái đĩa to bằng sứ trắng men.

Êrik suy nghĩ sâu sắc về những lời lẽ của bác Hecsêbom. Trong óc chú đã nảy ra những lời phản ứng mơ hồ và chú là người thẳng thắn lắm, nên đã nói rõ những điều suy nghĩ của mình:

- Bố ạ, con cảm thấy bố tiếc món tiền lời của những năm qua là đúng - chú nói - Nhưng buộc tội bác sĩ Svariênkrôna đã làm giảm mất số tiền ấy thì không hoàn toàn hợp lý. Chẳng lẽ dầu cá của ông ấy không tốt hơn của chúng ta sao?

- Tốt hơn à? Chỉ trong hơn, thế thôi! Ừ, mà người ta nói rằng dầu của ông ấy không có mùi khói như của chúng ta... Vì vậy, tất cả đàn bà, con gái thành thị đều ưa dùng thứ ấy hơn. Nhưng, làm sao biết nó có chữa được bệnh phổi như dầu cá tốt lành trước đây của chúng ta không!

- Dù với lý do nào đi nữa, nhưng người ta vẫn ưa chuộng dầu của ông ấy hơn. Còn vì đây là thứ thuốc chữa bệnh rất tốt thì điều quan trọng là bệnh nhân dùng nó không cảm thấy ớn. Bởi vậy, nếu thầy thuốc tìm được cách giảm bớt mùi vị khó chịu của thuốc, thay đổi phương thức chế tạo, thì đương nhiên ông ta phải chiếm được ưu thế hơn chứ.

Bác Hecsêbom gãi gáy.

- Tất nhiên - ông trả lời với vẻ nuối tiếc- có thể đây là trách nhiệm của ông ấy, trách nhiệm của một bác sĩ. Nhưng, cũng đừng vì thế mà cản trở những ngư dân nghèo kiếm sống...

- Như con biết thì ở nhà máy của bác sĩ có hơn ba trăm người làm, trong khi đó, theo bố nói, ở Nôrê không có đến hai mươi người làm nghề này thôi.

Êrik phản đối một cách rụt rè.

- Vì công việc ấy bây giờ có đáng giá gì đâu! - Bác Hecsêbom kêu lên.

- Thôi, đủ rồi! Cơm tối đã dọn xong, mời cả nhà ngồi vào bàn - bà Katrina nói khi thấy cuộc tranh luận mỗi lúc một gay gắt hơn mức bà tưởng.

Êrik hiểu rằng những lời phản ứng tiếp theo sẽ là không thích hợp, nên không đáp lại lời kết luận của bác Hecsêbom nữa và ngồi vào chỗ thường ngày của mình ở sau bàn ăn cạnh Vanda.

- Bác sĩ và thầy Maljarius gọi nhau bằng "mày" "tao". Như vậy hai người là bạn với nhau từ hồi nhỏ phải không ạ? Chú hỏi, cố ý lái câu chuyện sang hướng khác.

- Dĩ nhiên rồi - bác ngư dân già nói và ngồi vào bàn - cả hai người đều sinh ra ở Nôrê, nên bố còn nhớ thời họ chơi với nhau trên bãi đất trước cổng trường, mặc dù bố trẻ hơn họ cỡ 10 tuổi. Maljarius là con trai của ông bác sĩ chữa bệnh cho nhà ta, còn Svarenkrôna là con trai của một người đánh cá bình thường. Nhưng từ đó đến nay, ông ấy đã thay đổi nhiều lắm rồi! Người ta bảo ông ấy là triệu phú, sống ở Xtôckhôm, trong một tòa lâu đài sang trọng. Phải rồi, có học lại có của mà lại.

Bác nông dân vừa nói xong câu ấy, định nhúng thìa xúc món cá nấu với khoai tây còn đang bốc hơi nghi ngút, bỗng ngưng lại vì có tiếng gõ cửa.

- Có thể vào được không, thưa ông chủ Hecsbom? - Ngoài hiên vang lên một giọng nói sang sảng.

Và không đợi trả lời, chính người mà họ vừa mới nhắc đến đã bước vào phòng, mang theo luồng không khí giá lạnh.

- Ngài bác sĩ Svarenkrôna! - Ba đứa trẻ kêu lên, trong khi đó cả ông bố, bà mẹ đều vội vàng đứng dậy sau chiếc bàn.

- Hecsbom thân mến của tôi. - Nhà bác học nói và bắt tay người đánh cá. Đã bao nhiêu năm nay rồi chúng mình chưa gặp nhau. Nhưng tôi vẫn chưa quên người cha tuyệt diệu của anh và nghĩ rằng tôi có thể ghé thăm anh một cách tự nhiên, với tư cách là người bạn thời niên thiếu.

Người đánh cá thật thà hơi có vẻ lúng túng, vì vừa mới đứng ra tố cáo bác sĩ xong, bây giờ không biết phải đáp lời ông ta như thế nào, chỉ biết bắt tay chặt và cười niềm nở. Còn vợ ông trong khi đó rồi rút thúc giục con cái:

- Mau lên nào, Ôttô, Êrik, giúp ngài bác sĩ cởi áo khoác ra. Còn con, Vanda, lấy thêm đĩa và thìa ra. - Bà Katrina vốn mến khách như mọi bà chủ nhà Na Uy khác.

- Nói thật lòng, các bạn cứ tin là tôi sẽ không từ chối món ăn hấp dẫn này đâu, nếu tôi đói. Nhưng mới cách đây một tiếng đồng hồ, tôi đã dùng bữa tối với ông bạn Maljarius của tôi rồi. Giá biết sẽ gặp các bạn đang bữa thì tất nhiên là tôi sẽ không đến sớm thế này. Xin đề nghị các bạn cho tôi một điều vui là: các bạn đừng bận tâm về tôi và cứ tiếp tục dùng bữa tối đi.

- Thế thì mời ngài hãy uống với chúng tôi một tách trà nhỏ với mứt "Snorgas" vậy. - người phụ nữ nhân hậu khăn khăn yêu cầu.

- Uống tách trà thì tôi đồng ý, nhưng chỉ với điều kiện là trước hết các bạn ăn tối đi đã. - Bác sĩ trả lời, sau khi đã tìm được thế ngồi thuận tiện trên chiếc ghế bành lớn.

Vanda nhẹ tay đặt lên bếp một siêu nước và lên sang phòng bên bí mật như một nàng tiên vậy. Còn tất cả những người khác, với bản tính tế nhị, hiểu

rằng có nài nữa thì chỉ làm bác sĩ thêm ngại ngừng thôi, nên họ tiếp tục ăn. Một phút sau, bác sĩ đã hoàn toàn tự chủ. Vừa chất than vào bếp lò, vừa hơ chân gần lửa, ông vừa nhớ lại quá khứ, những người quen biết cũ mà nhiều người trong số họ đã mất, và nói về những thay đổi trong nước và ở ngay Berghen này. Ông cảm thấy hoàn toàn như ở nhà vậy, và thật lạ lùng, thậm chí ông đã trả lại cho Hecsêbom vẻ điềm tĩnh thường ngày của bác ấy. Vanda trở vào phòng với một khay gỗ để các đĩa, tách nhỏ và đưa mời bác sĩ khéo léo đến nỗi ông không thể nào từ chối được.

Đó là món mứt "Snogras" Na Uy nổi tiếng - những miếng thịt hươu, cá trích xông khói rắc ớt lên trên, những vụn bánh mì đen, bơ nguyên chất và các gia vị khác trộn vào, người ta ăn bất kỳ lúc nào để kích thích khẩu vị.

Món "Snorgas" đã tỏ rõ công dụng của nó đến mức bác sĩ lúc đầu chỉ nếm theo phép lịch sự, bây giờ đã phải "hạ cố" đến bà chủ nhà nếm thêm món mứt dâu nổi tiếng của bà. Còn để cho đỡ khát, ông đã dùng ít nhất bảy - tám tách trà không có đường.

Bác Hecsêbom đặt lên bàn một cái bình bằng sành đựng thứ "Skid" tuyệt trần đời - thứ rượu trắng của Hà Lan - mà ông đã mua được của một thương nhân Hà Lan. Sau đó, khi bữa tối đã xong, bác sĩ nhận từ tay chủ nhà một cái tẩu lớn, nhồi thuốc vào đó và bắt đầu hút, ai nấy đều rất hài lòng.

Chẳng phải nói thêm gì nữa, "tảng băng" đã bị phá vỡ, và bác sĩ bắt đầu cảm thấy ông ở trong căn nhà này như một thành viên gia đình từ lâu. Câu chuyện sôi nổi, những lời đùa vui và tiếng cười đã bị chen ngang bởi mười tiếng điểm của chiếc đồng hồ treo tường cũ kỹ để trong chiếc hộp gỗ láng bóng.

- Đã khuya rồi, các bạn thân mến - bác sĩ nói - Nếu đã đến giờ các cháu đi ngủ thì tôi có thể nói với các bạn những điều quan trọng được.

Người mẹ ra hiệu cho các con đi ngủ, Ôttô, Êrik, Vanda chúc mọi người ngủ ngon, rồi đi ra ngay.

- Các bạn chắc là ngạc nhiên về sự "đột nhập" của tôi - bác sĩ nói tiếp sau một phút im lặng, chăm chú nhìn bác Hecsêbom.

- Chúng tôi luôn luôn vui mừng khi có khách đến, - người đánh cá đáp lời một cách nghiêm chỉnh.

-Ồ tôi biết. Nô-rôê luôn có tiếng là mến khách! Và hẳn là các bạn vẫn nghĩ rằng không phải vô cớ mà buổi tối hôm nay, sau khi tôi tạm biệt ông bạn già Maljarius của tôi, tôi đã đến đây với các bạn. Tôi dám chắc là bà Hecsêbom thậm chí còn nghi ngại điều gì đó về chuyện này.

- Chúng tôi sẽ chỉ được biết điều ấy khi nào tự ngài nói ra thôi ạ, - người phụ nữ đáng mến nhận xét một cách xã giao.

- Thôi được. - Bác sĩ thở dài - nếu các bạn không muốn giúp, thì tự tôi phải khởi sự vậy. Cậu con trai Êrik của các bạn là một đứa trẻ siêu phàm đấy, bác

Hecsêhom ạ.

- Tôi không phải than phiền về cháu - người đánh cá trả lời.
- Đối với độ tuổi của mình thì cháu rất thông minh và hiểu biết rộng - bác sĩ nói tiếp - Hôm nay ở trường tôi đã kiểm tra kiến thức của cháu và đã phải ngạc nhiên trước những khả năng phi thường của cháu về các môn khoa học và tư duy. Tôi cũng đã phải ngạc nhiên khi biết tên của cháu, bởi vì cháu hoàn toàn không giống và khác hẳn những trẻ em địa phương.

Người đánh cá và vợ ông im lặng và chăm chú nghe.

- Nói tóm lại, - bác sĩ nói tiếp, có phần hơi sốt ruột, - chú bé này chẳng những hấp dẫn tôi mà còn khiến tôi thực sự quan tâm. Tôi đã nói chuyện về cháu với Maljarius và qua ông ấy tôi được biết rằng cháu không phải là con trai ruột của ông bà, rằng cháu được đưa về đây sau một vụ đắm tàu, rằng ông bà đã vớt được cháu, giáo dục, nuôi nấng và thậm chí đặt tên cho cháu nữa. Mọi chuyện là vậy, có phải thế không ?

- Vâng, thưa ngài bác sĩ. - bác Hecsêhom trả lời một cách nghiêm túc.

- Dù cháu không phải là con cùng máu mủ, nhưng chúng tôi cũng vẫn yêu quý cháu với tất cả trái tim! - Katrina kêu lên. Đôi môi bà run run và nước mắt lưng tròng.

- Chúng tôi không làm điều gì khác biệt giữa cháu với Ôttô và Vanda của chúng tôi, thậm chí không bao giờ nhắc đến điều ấy.

- Những tình cảm ấy đã tôn thêm phẩm giá của bác. - Bác sĩ nói, mỉm cười trước sự xúc động của người phụ nữ nhân hậu. - Nhưng các bạn của tôi ạ, tôi yêu cầu các bạn kể cho tôi nghe hết mọi chuyện về cháu bé này. Tôi cố ý tìm đến các bạn để biết rõ điều đó và, các bạn hãy tin tôi, tôi cầu chúc cho cháu điều tốt lành nhất.

Người đánh cá gãi tai, vẻ như lưỡng lự, nhưng thấy bác sĩ sốt ruột đòi bác kể, nên cuối cùng bác đã quyết định và bắt đầu câu chuyện:

- Mọi việc đúng như ngài đã biết, quả thật cháu bé không phải là con trai của chúng tôi, - bác nói, giọng buồn ngủ. - Thế là sắp được mười ba năm, kể từ ngày tôi đi đánh cá ở hòn đảo chắn ngang cửa vịnh biển. Ngài cũng biết đó, đằng sau hòn đảo nhỏ này có bãi cát chạy dài và ở đó có rất nhiều cá tuyết. Sau một mẻ lưới trúng nhiều cá, tôi thu dọn những đồ nghề cuối cùng của mình và định giương buồm trở về thì lại trông thấy có vật gì trắng trắng lấp lánh ánh nắng chiều và đập dềnh trôi trên sóng. Biển lúc ấy phẳng lặng, và tôi cũng chưa vội về. Thay vì quay thuyền về Nô-rê, tôi đã tò mò hướng thuyền đến chỗ vật trắng trắng ấy.

Mười phút sau thì tôi đến nơi. Hóa ra đó là một chiếc nôi con đan bằng những cành liễu, phủ vải muslin và được buộc chặt vào một cái phao cứu hộ hình tròn. Cái phao được thủy triều lên đẩy vào bờ. Tôi đến gần cái nôi và rất hồi hộp. Tôi túm lấy chiếc phao nâng lên khỏi mặt nước và khi ấy mới

thấy trong nôi có một hài nhi tội nghiệp chừng 7 -8 tháng tuổi. Đứa bé đang ngủ say. Người cháu nhợt nhạt và tím ngắt vì lạnh, nhưng hình như không đến nỗi bị đau ốm gì nặng lắm do ảnh hưởng của cuộc hành trình phi thường và nguy hiểm như thế gây ra. Tôi có thể khẳng định điều đó, vì cháu bé khóc tương lên khi không còn cảm thấy có sóng biển ru vỗ nữa. Hồi ấy chúng tôi đã sinh được Ôttô, vì thế tôi cũng biết chăm sóc những cháu bé như vậy. Tôi vội vàng làm một cái núm vú giả bằng khăn, nhúng vào rượu pha nước và nhét vào miệng cháu. Cháu nín ngay tức thì và hình như có vẻ ung chịu bài thuốc trợ sức ấy lắm. Nhưng tôi biết rằng đối với cháu như vậy là chưa đủ, nên đã nhanh chóng trở về Nô-rê. Tất nhiên là tôi đã tháo cái nôi con ra và để lên thuyền dưới chân mình.

Tôi vừa giữ chắc cần điều khiển buồm, vừa để ý cháu nhỏ và tự hỏi mình cháu từ đâu giạt đến? Chắc là cháu từ chiếc tàu bị nạn trôi giạt vào đây chăng? Hồi đêm qua, biển động, có bão hoành hành. Nhưng cơ cảnh nào đã xui khiến cháu phải xa lìa những người ruột thịt? Ai đã nghĩ ra việc buộc cháu vào cái phao cứu hộ! Cháu bị trôi trên sóng được bao lâu rồi? Có chuyện gì xảy ra với cha mẹ cháu và tất cả những ai yêu quý cháu? Biết bao nhiêu câu hỏi đã đặt ra, nhưng vĩnh viễn không được trả lời, bởi vì chú bé tội nghiệp không thể giải thích điều gì cả. Nói tóm lại, không đầy nửa giờ sau, tôi đã về đến nhà và trao chú bé tìm được cho Katrina. Đạo ấy chúng tôi nuôi một con bò cái, và nó trở thành "vú em" của thằng bé. Được uống sữa thỏa thuê và được sưởi ấm gần lửa, cháu bé trở nên khá khinh, hồng hào và noén miệng cười nom thật dễ thương, đến nỗi, nói thật lòng, ngay từ đấy chúng tôi đã yêu quý cháu như đứa con trai của mình vậy. Đây, toàn bộ câu chuyện là thế đó! Chúng tôi chăm sóc, giữ cháu lại nuôi trong nhà và không bao giờ phân biệt đối xử giữa cháu với hai đứa con của chúng tôi. Có phải thế không, hả bà nó? - bác Hec-sê-bom quay sang bà Katrina hỏi.

- Tất nhiên là thế rồi, tội nghiệp thằng bé! - bà chủ đáp, tay lau nước mắt.

Một khi chúng tôi đã nhận cháu là con trai thì cháu đích thực là con của chúng tôi. Tôi thậm chí không thể hiểu được vì sao ngài Maljarius lại cần phải nói rằng cháu không phải là ruột thịt của chúng tôi.

Và người phụ nữ đáng mến đã phần nộ sâu sắc về chuyện đó. Sau đấy bà lại bắt tay vào việc guồng sợi của mình với vẻ hậm hực.

- Đúng thế, - bác Hec-sê-bom khẳng định - Lẽ nào điều đó lại còn liên quan gì đến ai khác nữa sao?

- Các bạn có lý, - bác sĩ nói - nhưng có gì đâu mà cần phải khép cho Maljarius cái tội bép xép. Lỗi là lại tôi cả. Đó là do tôi đã yêu cầu ông ấy tiết lộ cho tôi biết chuyện về chú bé mà sáng nay đã làm cho tôi kinh ngạc.

Maljarius đã không giấu rằng Ê-ri-c coi mình như con trai của các bạn, và ở Nô-rê đã từ lâu mọi người quên chuyện cháu từ đâu đến rồi. Các bạn cũng

thấy đó, tôi đã nói chuyện này khi vắng mặt cháu bé và đã yêu cầu cho cháu đi ngủ cùng với Ôttô và Vanda kia mà... Các bạn nói rằng lúc thấy cháu thì cháu có thể đã được 7-8 tháng à?

- Khoảng thế. Cu cậu đã mọc được khoảng bốn cái răng, và tôi cam đoan với ngài rằng sau đó răng của ông mãnh cứ mọc "tua tua". - Hacsêbom vừa nói, vừa cười.

- Ô, đó là một thằng bé tuyệt diệu. - Katrina hào hứng bắt lời theo - vạm vỡ, trắng trẻo, mũm mĩm! Còn chân tay nó ấy à - cứ gọi là nhìn không biết chán!

- Thế lúc ấy cháu mặc thế nào? - bác sĩ hỏi.

Hechsêbom không trả lời câu nào, nhưng vợ ông tỏ ra ít giữ gìn ý tứ hơn.

- Như một hoàng tử bé con vậy! - bà kêu lên - Ngài hãy thử tưởng tượng, thừa ngài bác sĩ, quần áo bằng vải pikê viền đăng ten, áo lông khoác ngoài lót bằng lụa - chẳng kém gì của một hoàng tử thật sự, chiếc mũ trùm xếp nếp và cái chăn bằng nhung trắng. Toàn những thứ đẹp nhất! Tất nhiên là về chuyện này chính ngài có thể được thấy rõ tận mắt: tôi đã giữ lại nguyên vẹn các đồ đẹp của cháu. Ngài cũng biết đó, chúng tôi không diện cho cháu những thứ ấy nữa. Tôi đã cho cháu mặc quần áo mà Ôttô đã dùng chật, rồi chuyển tiếp cho Vanda. Các thứ của cháu còn đây, tôi sẽ đưa cho ngài coi ngay bây giờ.

Vừa nói, người phụ nữ thật thà vừa quỳ xuống trước một cái hòm to bằng gỗ sồi khóa bằng một cái khóa cũ kỹ, nâng nắp hòm lên và bắt đầu lục tìm một cách sốt sắng. Bà lần lượt lấy ra tất cả các thứ nói trên và hãnh diện giở ra cho ngài bác sĩ thấy. Trong số đó có cả những chiếc tã bằng vải batist rất mỏng: cái mũ xếp viền đăng ten sang trọng, cái chăn nhỏ bằng lụa và những đôi tất nhỏ bằng len trắng.

Bác sĩ đã để ý thấy ngay là tất cả những đồ dùng ấy đều được ghi dấu bằng những chữ tắt E. Đ. thêu rất đẹp.

- E. Đ. Có phải vì thế mà các bạn đã đặt tên cho thằng bé là Êrik không? - Ông hỏi.

- Ngài đã đoán đúng. - Katrina trả lời. Cái việc làm ấy của bà đã làm cho bà vui hẳn lên, trong khi đó thì trái lại, nét mặt chồng bà trở nên rầu rĩ. Còn đây là cái đẹp nhất. Cái này cháu đeo ở cổ. - Bà Katrina nói thêm và lấy từ trong "kho bí mật" ra một cái nhẫn vàng có sợi dây chuyền nhỏ.

Trên mặt nhẫn cũng khắc những chữ tắt E.Đ. như trên và câu danh ngôn hằng tiếng La tinh "Semperidem".

- Chúng tôi đã tưởng đây là tên của cháu bé - vừa nói bà vừa nhìn ngài bác sĩ đang cố đọc dòng chữ - Nhưng ngài Maljarius đã giải thích cho chúng tôi biết chữ ấy nghĩa là: "Trước sau như một". Có phải vậy không ạ?

- Ngài Maljarius nói đúng. - bác sĩ đã trả lời một câu hỏi mà chính ông cũng thấy hoàn toàn không đơn giản chút nào. - Rõ ràng là cháu bé đã sinh ra

trong một gia đình giàu có và quyền quý... - ông nói thêm, trong khi Katrina cất đồ dùng quần áo của cháu nhỏ vào hòm. - Thế các bạn chưa nghĩ đến gốc tích của cháu sao?

- Làm sao mà biết được chuyện ấy, một khi tôi nhặt được cháu ở trên biển? - bác Hecsêbom trả lời.

- Vâng, nhưng chính các bạn đã nói rằng chiếc nôi được buộc vào một cái phao cứu hộ phải không? Mà theo tập quán đi biển thì trên phao bao giờ cũng đề tên của chiếc tàu sở hữu nó. - Bác sĩ vẫn lại, nhìn chăm chăm vào đôi mắt người đánh cá.

- Đương nhiên là như vậy - người đánh cá đáp, đầu cúi xuống.

- Vậy thế tên tàu đề trên chiếc phao cứu hộ ấy là gì?

- Chà! Thưa ngài, tôi đâu có phải là bác học? Tôi chỉ biết đọc võ vẽ trong cuốn văn quốc ngữ của tôi thôi, chứ các thứ tiếng lạ thì xin ngài miễn thứ cho. Và lại chuyện ấy đã lâu quá rồi.

- Dẫu sao, bác cần nhớ lại ang áng thôi cũng được. Bởi vì, dĩ nhiên là bác đã đưa cái phao này cũng như tất cả những thứ khác cho ngài Maljarius xem rồi chứ? Thôi nào, bác nhớ lại đi! Có phải trên cái phao ấy viết chữ "Cintia" không?

- Tôi cảm thấy trên phao viết chữ gì đó tựa tựa như thế. - người đánh cá trả lời quanh co.

- Đó là một tên nước ngoài. Nhưng theo bác thì đó là nước nào, hả bác Hecsêbom?

- Làm sao mà tôi biết được? Và tôi đâu biết được tất cả những nước quý thần ấy. Bởi vì tôi chưa bao giờ ra khỏi địa phận Berghen và Nôrôê cả, nếu không kể một hoặc hai lần tôi đã đánh cá ở gần bờ biển Aixlen và Gronlan. - Ông đáp bằng một giọng không vừa ý lắm.

- Tôi cho rằng đây là một cái tên Anh hoặc Đức - bác sĩ nói, làm như cố tình không để ý đến giọng nói của người đang nói chuyện với mình. - Nếu được trông thấy cái phao, tôi có thể căn cứ vào hình dáng của chữ và xác định được điều đó dễ dàng. Ông có còn giữ được nó không ?

- Không, quý thật, nó đã bị đốt từ hồi tám hoành nào mất rồi! bác Hecsêbom kêu lên.

- Maljarius nhớ được rằng các chữ ấy là chữ La tinh, bác sĩ nói. Và cả trên quần áo cũng là chữ La tinh; nghĩa là có thể cho rằng "Cintia" không phải là một tàu Đức (Hồi thế kỷ thứ XIX - ở Đức dùng phổ biến chữ Gôtich). Tôi nghiêng về ý đây là một tàu Anh. Còn bác nghĩ thế nào, hả bác Hecsêbom?

- Điều ấy ít làm tôi quan tâm - người đánh cá đáp - cho dù nó là tàu Anh, tàu Nga hay tàu Patagônia, thì nó cũng không phải là điều tôi quan tâm. Từ cái ngày chiếc tàu ấy bị chìm dưới đáy đại dương sâu ba hoặc bốn kilômet đến nay, thời gian đâu có ít ỏi gì?

Người ta có thể tưởng rằng bác Hecsêbom thậm chí lấy làm vui thú trước việc con tàu bị đắm dưới đáy biển.

- Nhưng, tất nhiên là bác đã có ý định tìm kiếm gia đình của cháu bé chứ? - Bác sĩ hỏi, và hình như qua cặp mục kính mắt ông ta ánh lên vẻ giảo hoạt. - Hẳn là bác đã gặp ông thị trưởng thành Berghen, yêu cầu cho đăng thông báo trên các báo rồi chứ? Có phải thế không?

- Tôi ư? - người đánh cá thốt lên. - Tôi không làm điều gì như vậy cả. Có trời mà biết được cháu nhỏ ấy ở đâu đến và có ai lo âu cho nó không? Mà tôi thì làm sao có thể ném tiền qua cửa sổ để đi tìm những người đã ít lo lắng cho cháu như thế? Thưa ngài bác sĩ, ngài hãy thử tưởng tượng ở địa vị của tôi mà xem. Ai ai đó, chứ tôi thì còn lâu mới thành triệu phú! Chắc chắn là cho dù chúng tôi có tiêu phí tất cả những gì mình có thì cũng chẳng ăn thua gì! Chúng tôi đã làm những gì có thể làm được: Dạy dỗ thằng bé như con trai ruột của mình, yêu quý nó, nâng niu nó...

- Thậm chí còn hơn cả con ruột của mình ấy, miễn là điều kiện cho phép thôi. - Katrina nói chen ngang chồng và lấy góc tạp dề lau nước mắt - Nếu như chúng tôi có thể trách được mình điều gì thì đó chỉ là dành cho cháu quá nhiều sự âu yếm.

- Quỳ thật, bác Hecsêbom ạ, quả là bác làm tôi phật lòng đấy, nếu bác tưởng rằng thái độ tốt và thiện cảm của bác đối với thằng con nuôi tội nghiệp đã gây cho tôi một tình cảm nào khác, ngoài sự khâm phục sâu sắc! Không đâu, bác không nên nghĩ như vậy đâu! Nhưng nếu bác muốn tôi nói thẳng với bác, thì tôi nghĩ rằng chính tình yêu Êrik đã khiến bác quên mất nghĩa vụ của mình. Mà nghĩa vụ ấy là tìm ra gia đình cháu bé, dành hết công sức để làm việc ấy !

Bắt đầu một sự im lặng sâu lắng.

- Có thể lắm. - cuối cùng bác Hecsêbom nói, đầu cúi xuống vì những lời trách móc ấy. - Nhưng chuyện đã rồi, đâu có làm lại được. Bây giờ Êrik đã thật sự là của chúng tôi, và tôi không có ý định kể cho cháu nghe chuyện cũ này nữa.

- Bác hãy yên tâm ! Tất nhiên là tôi không có ác ý với niềm tin của bác đâu, - bác sĩ vừa nói, vừa đứng dậy - Đã muộn rồi, tôi phải tạm biệt các bạn thôi, những người bạn tốt bụng của tôi ạ. Xin chúc các bạn ngủ ngon và không phải ăn năn hối hận gì hết. - ông nói thêm về đầy ý nghĩa.

Sau đó, ông mặc áo khoác lông của mình, khước từ lời đề nghị của người đánh cá muốn tiễn ông, thân tình bắt tay các chủ nhà và đi về phía nhà máy. Hecsêbom nán lại vài giây bên thềm cửa, nhìn theo cái bóng xa dần của bác sĩ thấp thoáng dưới ánh trăng.

- Quý thật! Ông lẩm bẩm qua hàm răng, và cuối cùng, quyết định đóng cửa lại.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương ba

NHỮNG SUY NGHĨ CỦA BÁC HECSÊBOM

Sáng hôm sau, sau khi xem xét nhà máy một cách cẩn thận, bác sĩ Svariênkrôna vừa dùng xong bữa sáng cùng với nhân viên quản lý của mình thì có một người bước vào, ông nhận ra ngay bác Hecsêbom chẳng khó khăn gì.

Trong bộ quần áo ngày hội: áo khoác bằng lông thú, áo gilê thêu và đội chiếc mũ cao một đũa cũ, người đánh cá trông khác hẳn với khi bác mặc quần áo làm việc hằng ngày. Và cái vẻ buồn rầu, bối rối đã làm cho bác hoàn toàn không giống bản thân mình nữa. Hai khóe mắt đỏ ngầu chứng tỏ đêm qua bác mất ngủ.

Quả đúng như thế thật, Bác Hecsêbom xưa nay chưa bao giờ bị lương tâm cắn rứt cả; suốt đêm qua bác không chợp mắt phút nào, cứ trần trọc mãi trên tấm nệm da. Gần sáng, bác mới chia sẻ những suy nghĩ buồn rầu của mình với Katrina cũng thao thức thâu đêm.

- Mình biết không, Katrina, tôi cứ suy nghĩ mãi về điều mà bác sĩ nói với chúng ta - Bác nói, người phờ phạc vì mất ngủ.
- Tôi cũng nghĩ mãi về chuyện đó từ lúc ông ấy đi đến giờ. - người phụ nữ ngay thẳng trả lời.
- Tôi cảm thấy ở đây có phần nào đó đúng sự thật, và chúng mình là những người ích kỷ hơn mình tưởng. Biết đâu thằng bé của ta được quyền thừa hưởng một gia sản lớn nào đó thì sao? Và nhờ vì sự sơ suất của ta mà nó bị mất cái gia sản đó thì sao? Biết đâu suốt mười hai năm qua những người ruột thịt của thằng Êrik đã khóc than và họ có thể kiện ta một cách chính đáng là thậm chí đã không định trả lại con cho họ thì sao?
- Chính tôi cũng lo lắng về điều ấy. - Katrina thở dài đáp - Nếu mẹ của thằng

bé còn sống, tội nghiệp bà ấy! Thì bà ấy đã đau khổ biết chừng nào, vì cứ tưởng thằng con mình đã bị chết chìm rồi! Tôi sẽ hình dung tôi sẽ ra sao đây, nếu như chúng ta cũng bị mất thằng Ôtô trong cảnh như thế... Chúng ta sẽ chẳng hao giờ yên lòng được cả.

- Tôi lo lắng không phải chỉ cho mẹ thằng bé không thôi. Xét trên mọi mặt thì bà ấy đã mất từ lâu rồi - bác Hecsêbom nói tiếp sau hồi lâu im lặng, thở dài sườn sượt - Lẽ nào có thể cho phép đưa một cháu bé ngần ấy đi du lịch mà lại không có mẹ theo cùng, và ai lại có thể buộc cháu vào phao cứu hộ, bỏ mặc xuống đại dương nếu như mẹ nó còn sống?...

- Điều đó cũng đúng thôi, nhưng thật ra ta chẳng biết gì cả. Thế nhờ bỗng nhiên vì một sự kỳ lạ nào đấy bà ta cũng thoát chết thì sao ?

- Có thể bà ta bị bắt cóc mất thằng bé chẳng? Cái ý nghĩ ấy thỉnh thoảng lại hiện lên trong đầu tôi - bác Hecsêbom nhận xét - Lẽ nào lại có thể tin được rằng có ai đó đã không quan tâm gì đến việc thằng bé bị mất tích sao? Buộc một hài nhi vào phao cứu hộ là trường hợp hi hữu, đến mức khiến người ta có thể đặt ra mọi điều ước đoán. Mà đã vậy thì chúng ta hóa ra là những kẻ tòng phạm và vô tình đã tạo điều kiện để thực hiện tội ác. Thậm chí nghĩ đến điều đó thôi cũng thấy là khủng khiếp!

- Ai mà lại nỡ buộc tội chúng ta đã nhận thằng bé làm con trai chỉ vì những ý muốn nhân từ!

- Thì tất nhiên, bởi vì mình có làm điều gì ác với thằng bé đâu! Mình đã muốn nuôi nấng dạy dỗ nó với khả năng tốt nhất của mình kia mà! Nhưng dẫu sao thì mình cũng đã hành động một cách thiếu chín chắn. Sẽ đến lúc thằng bé có thể trách cứ chúng ta về chuyện này đấy.

- Điều đó thì khỏi lo, tôi tin là chỉ có mình tự trách móc mình điều này điều nọ mà thôi!

- Thật là kỳ lạ, cũng là chuyện thôi mà người ta lại có thể đánh giá theo những quan điểm khác nhau hoàn toàn. Trong đầu tôi chưa bao giờ thoáng qua một ý nghĩ như vậy cả. Thế mà chỉ cần mấy lời của ngài bác sĩ thôi là đã làm đủ cho mình nghĩ khác đi rồi...

Những người đáng mến ấy đã suy lý như vậy đó.

Sự xuất hiện đột ngột của bác Hecsêbom cũng là kết quả cuộc nói chuyện hồi đêm của họ. Người đánh cá đã quyết định hỏi ý kiến bác sĩ làm sao khắc phục sai lầm đã phạm.

Nhưng, bác sĩ không thấy cần phải trở lại ngay với đề tài câu chuyện hôm qua. Ông tiếp bác Hecsêbom một cách thân tình. Ông bắt đầu nói chuyện với

người đánh cá về thời tiết, về giá cả, coi việc bác đến đây như một cuộc thăm xã giao thông thường vậy.

Nhưng điều đó lại tuyệt nhiên không nằm trong tính toán của bác Hecsêbom muốn mau mau chuyển sang vấn đề mà bác quan tâm. Bác đã gọi chuyện về trường học của ngài Maljarius, nhưng sau đó lấy hết tinh thần và chuyển thẳng ngay vào việc.

- Thưa ngài bác sĩ - bác nói - cả tôi lẫn nhà tôi đều đã suy nghĩ thấu đêm suốt sáng về chuyện mà ngài đã nói với chúng tôi liên quan đến thằng bé. Chúng tôi chưa hao giờ nghĩ rằng chúng tôi sai lầm gì trong việc đã nuôi dạy cháu như một đứa con trai ruột. Nhưng ngài đã gọi cho chúng tôi những suy nghĩ khác, vì vậy mà tôi muốn hỏi ý kiến ngài xem chúng tôi cần sử dụng ra sao đây để khỏi sai phạm lần nữa vì sự dốt nát. Ngài nghĩ thế nào, bắt đầu những việc tìm kiếm gia đình của Êrik bây giờ cũng chưa muộn chứ ạ?

- Thực hiện nghĩa vụ của mình thì không bao giờ muộn cả - bác sĩ đáp mặc dù bây giờ nghĩa vụ này có vẻ hơi phức tạp hơn trước nhiều lắm rồi. Bác có đồng ý giao nghĩa vụ ấy cho tôi không? Tôi sẵn lòng nhận việc ấy và đem hết sức ra để thực hiện, nhưng chỉ với một điều kiện: Bác giao cháu bé lại cho tôi, tôi đưa cháu theo về Xtôckhôm (trước năm 1905, Thụy Điển và Na-Uy là một quốc gia. Thủ đô Thụy Điển là Xtôckhôm cũng được chính thức coi là thủ đô của Na Uy).

Có lẽ nhất cơn giáng lên đầu cũng không đến nỗi làm cho bác Hecsêbom choáng váng đến thế. Bác tái người đi và luống cuống cả lên.

- Giao Êrik cho ngài?... Gửi cháu lên Xtôckhôm?... Nhưng mà để làm gì ạ, thưa bác sĩ - Bác hỏi, giọng ngập ngừng và hồi hộp.

- Tôi sẽ giải thích cho bác nghe ngay bây giờ. Thằng bé khiến tôi chú ý không phải chỉ vì bề ngoài của nó khác hẳn đi những bạn bè chung quanh. Trí thông minh lạnh lợi, nhưng năng khiếu khoa học thể hiện rõ rệt của cháu khiến tôi hết sức ngạc nhiên. Ngay từ trước khi được biết về sự xuất hiện không bình thường của Êrik ở Nôrôê, tôi đã tự nhủ rằng nếu để cháu bé tài năng ấy ở một trường làng, cho dù là học với một thầy giáo như Maljarius đi nữa, thì cũng sẽ là một tội lớn lắm. Bởi vì ở đây thiếu thốn nhiều thứ để giúp cháu phát triển những năng khiếu hiếm có của mình. Không có viện bảo tàng, không có sách giáo khoa, thư viện, không có bạn bè trình độ phát triển tương đồng với cháu. Đó là lý do khiến tôi quan tâm đến Êrik và tìm hiểu lại lai lịch của cháu. Từ lúc còn chưa biết lai lịch của cháu, tôi đã rất muốn cho thằng bé được học đến nơi đến chốn... Và bây giờ đây, dĩ nhiên là bác đã hiểu vì sao khi bác kể tỉ mỉ cho tôi nghe hết về cháu thì ý nghĩ ấy lại càng thôi thúc tôi hơn. Đương nhiên là những sự quan tâm của tôi về cháu không

thể hạn chế ở việc tìm kiếm cha mẹ của cháu... Tôi thấy chẳng cần phải nhắc lại với bác làm gì, bác Hecsêbom ạ, rằng đứa con trai nuôi của bác xuất thân từ một gia đình quyền quý và giàu có. Không nhẽ bác lại muốn tôi trả lại cho gia đình cháu, nếu như may mắn tìm ra được gia đình ấy, một đứa trẻ được nuôi dạy trong những điều kiện ở nông thôn và không được học hành đến nơi đến chốn, để cháu cách biệt quá đáng với môi trường mới của cháu sao? Điều ấy ít ra cũng là phi lý, mà bác lại là người đầy đủ lương tri để đồng ý với những kết luận của tôi...

Bác Hecsêbom cúi đầu. Bất giác hai hàng lệ lớn ứa ra trong đôi mắt bác và chảy trên hai gò má rúm nắng của bác.

- Nhưng, như vậy là buộc chúng tôi phải mãi mãi chia ly nhau rồi, - bác nói. Chưa biết liệu thằng bé có tìm được một gia đình khác không, nhưng ngôi nhà thân yêu của mình thì nó bị mất. Ngài đòi hỏi ở chúng tôi, ở tôi và vợ tôi quá nhiều, thưa ngài bác sĩ... Bởi vì thằng bé đang sống hạnh phúc với chúng tôi kia mà. Tại sao ngài không để cháu ở lại đây, trong khi chưa đảm bảo được cho cháu một tương lai sáng sủa hơn?

- Bác nói cháu sống hạnh phúc? Thế liệu bảo đảm rằng cả sau này nữa cháu cũng sẽ được như vậy không? Và bác có tin chắc rằng khi lớn lên cháu sẽ không phải phiền trách gì về việc mình được cứu sống chứ? Là một người trí thức và có học - mà Êrik hoàn toàn có trở thành người như vậy, cháu sẽ bị mòn mỏi ở Nôrô đây, bác Hecsêbom ạ!

- Ô thôi, thưa ngài hác sĩ, cuộc sống của chúng tôi mà ngài rất coi thường ấy, nó hoàn toàn phù hợp với chúng tôi. Có gì mà không thích hợp với thằng bé nào ?

- Tôi hoàn toàn không coi thường cuộc sống ấy đâu - Nhà bác học đáp lại một cách nóng nảy. Tôi yêu và quý trọng lao động hơn ai hết! Bác Hecsêbom, lẽ nào bác lại có thể nghĩ rằng tôi khinh miệt cái môi trường mà bản thân tôi đã sinh ra ở đó? Cha tôi và ông tôi cũng đều là những người đánh cá như bác cả. Chính vì nhờ sự chu đáo của các cụ mà tôi được học, tôi có thể hiểu được cái công ơn ấy mới thật là vô giá, và tôi muốn giúp cho thằng bé được tận hưởng những gì cháu được quyền hưởng. Bác hãy tin vào tôi, tôi quan tâm chỉ vì lợi ích của cháu mà thôi.

- Ai mà biết Êrik được hưởng những lợi lộc gì khi ngài biến nó trở thành một con nhà quý tộc không phải dùng đôi tay của chính mình để mà kiếm sống? Thế nhờ ngài không tìm thấy gia đình của cháu thì sao? Điều ấy hoàn toàn có thể như vậy lắm, bởi vì đã mười hai năm trôi qua rồi còn gì! Thế thì chúng ta chuẩn bị cho cháu một tương lai như thế nào đây? Thưa ngài bác sĩ, ngài hãy tin rằng nghề biển hoàn toàn xứng đáng với một con người tốt và

không thua kém một công việc nào khác cả! Cái boong tàu chắc chắn ở ngay dưới chân mình, làn gió mát làm tung mái tóc, mẻ lưới trúng đầy cá tuyết... và người dân chài Na Uy chẳng hề sợ gì, cũng chẳng hề phụ thuộc vào ai cả! Ngài bảo rằng một cuộc sống như thế sẽ không mang lại hạnh phúc cho Êrik ư? Tôi xin phép không tán thành điều đó! Bởi vì tôi biết rõ thằng bé. Tất nhiên nó yêu sách vở, nhưng, hơn hết trên đời này, nó yêu biển! Có thể nghĩ rằng nó nhớ biển đã từng chao đưa chiếc nôi của nó như thế nào, và chẳng có viện bảo tàng nào trên thế giới có thể thay thế được biển đối với Êrik đâu.

- Ở Xtôckhôm chúng tôi cũng có biển, - bác sĩ mỉm cười nói. Ông miễn cưỡng mỉm lòng trước lời phản đối kiên quyết xuất phát từ tình yêu của người đánh cá.

- Vậy thì cuối cùng ngài muốn gì? - người đánh cá nói tiếp, hai tay khoanh trước ngực - Ngài có đề nghị gì, thưa ngài bác sĩ?

- Thế là chúng ta đã đi đến điều quan trọng nhất... Chính bác cũng thấy rằng cần làm một điều gì đó. Tôi đề nghị như sau, Êrik năm nay mười hai tuổi, sắp mười ba rồi. Những khả năng của cháu không có gì đáng nghi ngờ ngờ cả. Cháu xuất thân từ một gia đình nào, không quan trọng. Tạm thời chúng ta hãy quên nguồn gốc của cháu. Cháu xứng đáng được tạo điều kiện để đào sâu và mở rộng kiến thức của mình. Điều ấy bây giờ khiến chúng ta quan tâm hơn cả. Tôi, như bác biết đấy, là người có của mà không có con. Tôi xin nhận tạo mọi sự cần thiết cho cháu: sẽ thuê những thầy giáo giỏi nhất và tìm mọi cách để cho cháu tiến bộ. Chúng ta cần ấn định thời hạn hai năm... Trong khoảng thời gian ấy tôi sẽ cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được: Tiến hành những cuộc tìm kiếm, đăng thông báo trên các báo, cố bằng mọi cách để tìm được cha mẹ cháu. Và nếu trong vòng hai năm tôi không đạt được mục đích ấy? Bây giờ ta giả sử rằng sẽ tìm được cha mẹ cháu. Tất nhiên là chúng ta sẽ để cho họ quyết định xem sau đó cần làm gì nữa. Trường hợp ngược lại thì tôi sẽ trả Êrik cho bác. Cháu lúc đó đã mười lăm tuổi, cháu sẽ được thấy và hiểu biết nhiều và khi ấy sẽ đến lúc nói cho cháu biết sự thật về gốc tích của cháu. Dựa theo những lời khuyên bảo của chúng ta và kinh nghiệm của thầy giáo, cháu sẽ có đủ ý thức để tự chọn cho mình một con đường đời. Nếu cháu muốn ở lại làm người đánh cá thì tôi cũng sẽ không ngăn cản điều đó. Nếu cháu muốn học tiếp mà cháu chắc chắn là xứng đáng với điều ấy, tôi sẽ giúp cháu học nốt và chọn nghề thích hợp với năng khiếu của cháu. Lẽ nào bác lại không đồng ý rằng đây là một cách giải quyết hợp lý?

- Hợp lý lắm !...Thưa ngài bác sĩ, ngài đã nói lên điều rất thông thái! - Bác Hecsêbom thốt lên - Thế mới gọi là bác học được chứ. - Bác vừa lắc đầu vừa nói tiếp - Thuyết phục được một người thất học chả khó khăn gì cả. Nhưng

tôi biết nói thế nào với nhà tôi tất cả những điều ấy?... Thế ngài muốn khi nào đưa thằng bé đi theo?

- Ngày mai! Tôi phải về Xtôckhôm ngay, không thể hoãn thêm một ngày nào nữa.

Bác Hecsbom buông ra tiếng thở dài y như một tiếng nước nở bị dồn nén lại.

- Ngày mai...nhanh quá vậy! - Bác nói - Biết làm sao bây giờ, cái gì phải đến thì chẳng thể dừng được. Tôi về bàn tính với nhà tôi đã.

- Tốt lắm, bác cũng nên hỏi thêm ngài Maljarius xem. Bác hãy tin rằng ngài ấy cũng sẽ tán thành ý kiến của tôi đấy.

- Ô, tôi không nghi ngờ điều đó - người đánh cá đáp với nụ cười buồn rầu, bắt tay bác sĩ và ra về đắm mình trong suy nghĩ.

Buổi tối, bác sĩ Svariênkrôna lại đến nhà bác Hecsbom. Ông gặp cả nhà đang sum họp, nhưng không còn cảm thấy không khí hòa thuận và yên vui của ngày hôm qua nữa. Người cha lặng lẽ ngồi xa bếp lò một chút, đôi bàn tay không quen nhàn rồi thông xuống. Bà Katrina ôm chặt Êrik vào lòng, hai mắt bà đầm lệ. Chú bé hồi hộp trước sự biến đổi bất ngờ của số phận, hai má nóng ran, cái nhìn buồn rười rượi. Chú lấy làm tiếc phải chia tay với tất cả những gì mà chú yêu quý, và chú không biết là mình vui mừng hay đau xót nữa. Cô bé Vanda chui đầu vào đầu gối cha. Chỉ còn thấy hai bím tóc dài vàng óng của cô bé xoa xuống đôi vai gầy guộc mảnh dẻ. Ôtô xúc động không kém mọi người trước cuộc chia tay sắp đến với Erik: cậu không rời đũa em nuôi của mình một bước nào.

- Sao mà cả nhà buồn rười rượi thế này! - bác sĩ đứng ngoài cửa kêu lên - Thấy nét mặt các bạn đau khổ tôi cứ tưởng Erik sắp phải ra đi, tham gia một cuộc thám hiểm xa xôi và cực kì nguy hiểm nào đó không bằng. Không có gì đáng buồn rầu cả các bạn ạ! Vì Xtôckhôm đâu có phải ở một bán cầu nào khác, và chú bé đâu phải đi luôn! Chú sẽ thường xuyên viết thư về, tôi tin chắc như vậy. Bởi vì cũng đã có nhiều cậu bé xa gia đình để đi học các trường trung học đấy thôi! Sau hai năm, Êrik sẽ trở về với các bạn, lớn khôn và có học thức. Chú sẽ thay đổi về mọi mặt nhưng chỉ có tốt hơn lên mà thôi. Thật thế, đừng nên buồn bã. Các bạn hiểu cho rằng đó là điều tất nhiên thôi!

Bà Katrina đứng dậy. Trong toàn bộ phong thái của bà người ta cảm thấy toát ra cái ưu điểm bẩm sinh riêng có của người phụ nữ nông dân các nước phương Bắc.

- Thưa ngài bác sĩ, có thượng đế chứng giám cho, tôi xin đa tạ ngài về tất cả

những gì ngài làm cho Êrik của chúng tôi - bà nói - nhưng không nên trách chúng tôi buồn vì chuyện cháu ra đi. Ông Hacsêbom nhà tôi đã giảng giải cho tôi biết việc chia li là cần thiết. Tôi buộc phải nghe theo, nhưng ngài đừng yêu cầu chúng tôi coi chuyện này một cách dễ dàng và không có xót xa.

- Mẹ ơi, nếu con đi mà làm cả nhà phải buồn thì con chả đi đâu! Erik kêu lên.

- Không, không đâu con của mẹ - người đàn bà đôn hậu đáp lại, ôm chặt lấy chú bé. Học thức sẽ có lợi cho con và bố mẹ không có quyền lấy mất của con cái đó! Con trai của mẹ, con hãy cảm ơn ngài bác sĩ, ngài muốn làm cho con trở thành nhà bác học, và con hãy cố gắng lấy sự chuyên cần của mình để chứng tỏ rằng con biết quý trọng sự quan tâm của ngài bác sĩ như thế nào.

- Sao bác lại nói thế, sao bác lại nói thế! - Bác sĩ nói, cặp mực kính của ông như bị mờ đi một cách kì lạ - Các bạn muốn tôi cũng phải động lòng chẳng? Tốt hơn hết chúng ta hãy nói đến các công việc của chúng ta đã. Hai bác biết đó, sáng sớm mai chúng tôi phải ra đi rồi, liệu hai bác có kịp chuẩn bị mọi thứ không? Nói "mọi thứ", ý tôi muốn nói chỉ những thứ cần thiết nhất thôi. Chúng tôi sẽ đi xe trượt tuyết đến Berghen, còn ở đó sẽ chuyển sang tàu hỏa. Cần đưa cho Êrik mang theo ít quần áo thôi, còn lại đến Xtôckhôm cháu sẽ có...

- Đồ đạc sẽ được chuẩn bị xong xuôi. - bà Hecsêbom trả lời một cách đơn giản - Kia, Vanda, bác sĩ vẫn đang phải đứng kia- bà nói thêm với vẻ ân cần rất mực Na Uy.

Cô bé vội vàng kéo chiếc ghế bành lớn làm bằng gỗ sồi lảng bóng mời bác ngồi.

- Hai bác đừng ngại, tôi phải đi ngay đây. - bác sĩ nói - Maljarius đang đợi tôi đến dùng bữa tối. Thế nào, Flika (cách xưng hô với thiếu nữ ở Thụy Điển) - ông đặt tay lên mái tóc vàng hoe của cô gái, hỏi - Cháu không giận tôi lắm về chuyện tôi mang anh cháu đi đấy chứ?

- Không ạ, thưa ngài bác sĩ. - Vanda trả lời một cách nghiêm chỉnh - Êrik lên đó sẽ được sướng hơn. Ở làng cháu đây anh ấy chả có gì để làm cả.

- Thế vắng anh, cháu có nhớ không ?

- Nhớ nhất là những lúc vắng anh ấy trên bờ biển ạ. - cô bé nói với vẻ đắm chiêu. - Cả những con hải âu cũng nhớ, cả biển, cả căn nhà này cũng vắng vẻ... Nhưng mà Êrik sẽ vui. Anh ấy sẽ có nhiều sách, sẽ trở thành bác học.

- Thế còn cô bé gái bé bỏng dễ thương của ông anh cũng sẽ mừng cho ông anh chứ, có phải thế không, cháu ? - Bác sĩ nói và hôn lên trán cô bé. Và cô bé sẽ tự hào về ông anh, khi ông anh trở về chứ? ... Thế có nghĩa là mọi sự đã ổn thỏa rồi! Còn bây giờ tôi phải vội đi đây! Tạm biệt!

- Thưa ngài bác sĩ - Vanda vụng về nói với ông - cháu muốn xin ngài một

điều ạ.

- Cứ nói đi, flika.

- Ngài nói là ngài sẽ đi bằng xe trượt tuyết. Cháu muốn xin phép ba mẹ cháu để đưa ngài đến trạm bưu điện đầu tiên ạ.

- Thật là tiếc? Bởi vì tôi đã hứa điều đó với Regnilda, con gái viên quản lý của tôi mất rồi.

- Chị ấy đã nói cho cháu biết như thế rồi ạ. Regnilda nhường chỗ cho cháu nếu được ngài cho phép.

- Trong trường hợp như vậy thì cháu chỉ còn xin phép bố mẹ nữa thôi.

- Bố mẹ cháu đồng ý ạ.

- Thế có nghĩa là tôi cũng đồng ý. - Bác sĩ đáp và đi ra.

Sáng hôm sau, chiếc xe trượt tuyết dừng lại trước cửa nhà bác Hecsêbom.

Như đã quyết định từ tối hôm qua, Vanda ngồi chễm trệ trên ghế xà ích, cương chắc trong tay. Cô bé có nhiệm vụ đánh xe đến làng bên, còn ở đó bác sĩ sẽ đổi ngựa và tìm cô xà ích khác, rồi từ đấy đi thẳng đến tận Berghen. Dĩ nhiên là bất kỳ một khách nước ngoài nào cũng sẽ đều ngạc nhiên trước người xà ích lạ thường như thế. Nhưng đó là phong tục ở Thụy Điển và Na Uy. Đàn ông cho rằng làm những việc như vậy là mất thì giờ vô ích, nên thường giao việc điều khiển ngựa cùng những yên cương nặng nề cho trẻ em mười - mười hai tuổi được huấn luyện kỹ việc này từ khi còn nhỏ.

Bác sĩ đã nằm sâu trong xe, cuốn mình trong chiếc áo bằng lông. Êrik ngồi bên Vanda, âu yếm chia tay với bố và anh trai. Hơn bất kỳ lời lẽ nào, sự buồn rầu của họ nói lên một cách hùng hồn rằng họ đau khổ biết bao nhiêu khi phải xa chú bé. Còn nói về bà Katrina ít kèm chế được hơn thì bà dặn đi dặn lại chú qua hàng nước mắt:

- Con đi nhé, con trai bé bỏng. Đừng có bao giờ quên những điều bố mẹ đã dạy con nhé. Hãy trung thực và dũng cảm! Đừng có bao giờ giả dối! Hãy làm việc sao cho tốt hơn! Bao giờ cũng phải giúp người yếu hơn con nhé! Còn nếu con không tìm được hạnh phúc mà con xứng đáng được hưởng thì con hãy trở về với bố mẹ và con sẽ tìm thấy nó ở đây!...

Vanda giật dây cương, con ngựa phóng nước đại, nhạc ngựa rung vang. Tiết trời lạnh lẽo, chiếc xe trượt băng băng trên con đường nhẵn bóng như gương. Mặt trời nhợt nhạt vừa nhú khỏi chân trời, chảy lên mặt đất phủ đầy tuyết một màu vàng dịu dàng. Mấy phút trôi qua, và Nôrô đã khuất lại đằng xa.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu
Chương bốn
Ở XTÔCKHÔM

Bác sĩ Svarenkrôna sống ở Xtôckhôm, trong một biệt thự giàu sang trên đảo Xtedhölmen. Đây là khu cổ kính và quý phái nhất thủ đô - một trong những thủ đô có cảnh đẹp và hấp dẫn nhất châu Âu mà khách nước ngoài thường đến thăm thú.

Xtôckhôm nằm giữa hồ Mêlar và biển Bantich, trải trên hòn đảo nối liền với nhau bằng vô số những chiếc cầu. Thành phố được viền quanh bằng những bờ kè tuyệt vời; đó đây tập nập những chuyến tàu thủy qua lại liên tục thay cho những Omnibus (xe ngựa nhiều chỗ ngồi - một loại phương tiện giao thông trong thành phố đã lỗi thời), và nhộn nhịp niềm vui của người dân lao động mến khách, lịch sự và có văn hoá nhất châu Âu. Với những vườn cây lớn trong thành phố, những thư viện, viện bảo tàng, các cơ quan khoa học, Xtôckhôm còn đồng thời là một Afino (*hay còn gọi là Aten - thành phố cổ Hy Lạp. Afino nổi tiếng có nhiều nhà bác học và thợ thủ công. Ở đây tác giả dùng lối diễn đạt ngụ ý so sánh*) ở phương Bắc và một trung tâm buôn bán lớn.

Trong khi đó, Êrik đang nặng trĩu ấn tượng về cuộc chia tay với Vanda ở ga đường sắt thứ nhất. Cuộc chia tay của những đứa trẻ tỏ ra nặng nề hơn mức có thể tưởng tượng được ở lứa tuổi của chúng. Chúng đã không thể nào dấu được nhau nỗi xúc động sâu xa.

Nhưng khi chiếc xe ngựa đón bác sĩ ở sân ga về đã dừng lại trước ngôi nhà xây lớn, từ trong đó ánh đèn khí sáng rực rỡ qua những khung cửa sổ kép, Êrik lặng đi vì phấn chấn. Quả đám cửa ra vào bằng đồng chú tượng như đúc bằng vàng nguyên chất. Phòng tiền sảnh được ốp bằng những phiến cẩm thạch, trang trí nhiều bức tượng toàn thân, nhiều chùm đèn cầm nến bằng đồng thau và những bình hoa lớn của Trung Quốc đã làm cho chú thật sự sửng sốt. Trong lúc người hầu mặc đồng phục giúp bác sĩ cởi áo khoác bằng lông và hỏi thăm sức khỏe của ông một cách lễ phép, Êrik nhìn quanh với một vẻ kinh ngạc.

Những tiếng nói ồn ào thu hút sự chú ý của chú và buộc chú quay về phía cầu thang với rất nhiều lan can bằng gỗ sồi nặng nề và trái thắm. Trên cầu thang có hai “yếu nhân” đang đi xuống; những bộ áo váy của họ Êrik thấy đẹp lộng lẫy. Một trong số hai người, bà tóc bạc người tầm thước, nom rất kiêu kỳ, mặc bộ áo váy bằng dạ có nhiều nếp gấp và ngắn, đủ để mọi người nhận thấy đôi tất đỏ với những đường vân và đôi giày có khoá màu vàng. Đằng sau thắt lưng của bà ta lủng lẳng một chùm chìa khoá to đeo bằng sợi dây chuyền bằng thép. Bà ta ngẩng cao đầu một cách trịnh trọng và liếc cặp mắt sắc xảo nhìn chung quanh. Đó là fru (*Bà - cách xưng hô với phụ nữ đã có chồng ở các nước vùng Scandinav*) Greta Maria, tay cầm chìa khoá của bác sĩ, người được toàn quyền quyết định về phần ẩm thực và công việc nội trợ.

Đi sau bà là một cô bé tuổi chừng mười một - mười hai mà Êrik cảm thấy như một công chúa thực sự, đẹp tuyệt trần. Thay vì bộ đồ dân tộc, bộ đồ duy nhất mà chú thấy các cô bé cùng lứa tuổi với cô thường mặc, cô gái mặc bộ váy áo bằng nhung màu nước biển. Mái tóc vàng phủ xuống quá vai thành những búp xoắn như tơ. Cô bé đi tất đen và giày lụa, chiếc nơ to màu huyết dụ giống như một con bướm làm cho gương mặt nhợt nhạt không bình thường của cô bé với đôi mắt xanh lấp lánh như lân tinh tươi hân lên.

- Thưa bác, được gặp lại bác con mừng quá! Bác đi đường bình an chứ ạ? - Cô bé kêu lên, nhảy đến bá cổ bác sĩ.

Lúc ấy cô gái mới đoái hoài nhìn đến Êrik đang khấp nép đứng ở đằng xa. Bác sĩ âu yếm cô bé, chìa tay cho bà quản gia, rồi gọi Êrik lại.

- Kaisa và Fru Greta! Tôi yêu cầu hai người yêu thương Êrik Hecsbom mà tôi đã đưa từ Na Uy về đây - bác sĩ nói - Còn cháu, chú bé của bác, chớ có rụt rè - Ông nói thêm với vẻ độ lượng - Fru Greta không đến nỗi nghiêm khắc như thoát đầu nhìn đâu, còn cô cháu gái Kaisa của bác thì chả mấy chốc sẽ kết bạn với cháu thôi. Có phải thế không nào hả cô bé cứng của bác? Ông vừa hỏi vừa béo yêu vào má “cô tiên” con. Nhưng “cô tiên” con đã chỉ đáp lại bằng một cái nhăn mặt khinh khỉnh. Còn nói về bà quản gia thì bà dường như không tỏ ra vui mừng với cậu bé mới được giới thiệu với bà.

- Thưa ngài bác sĩ, có thể biết cậu bé này là thế nào được không ạ? - Bà ta vừa bước lên cầu thang gác, vừa hỏi với giọng không hài lòng lắm.

- Tất nhiên, tất nhiên là được chứ, fru Greta, chậm chậm rồi chị sẽ biết rõ cả thôi. - bác sĩ trả lời. - Còn tạm thời bây giờ, nếu chị không phản đối thì hãy cho chúng tôi ăn trước đã.

Trong phòng ăn, trên bàn phủ khăn trắng như tuyết, món snorgas đã được bày sẵn trong các đĩa bằng pha lê sang trọng. Êrik thậm chí không tưởng tượng nổi sự sang trọng như thế, bởi vì những người nông dân NaUy không có thói quen dùng khăn bàn. Ngay đến những chiếc đĩa ở đó cũng chỉ mới được quen dùng gần đây thôi. Phần lớn những người nông dân NaUy cho đến bây giờ vẫn ăn cá bằng bánh mì dẹt và cũng chẳng thấy như thế là bất tiện gì.

Phải để bác sĩ mời mãi chú bé mới chịu ngồi vào bàn, sự vụng về trong các động tác của chú đã thu hút cái nhìn nhạo báng của “frejken” (*cách xưng hô với các cô gái ở các nước bán đảo Scandinav*) Kaisa. Tuy nhiên, cảm giác đói đã khiến chàng du khách trẻ phải nén cái tính rụt rè của mình lại. Sau món Snorgas, bữa ăn trưa được dọn ra - một bữa ăn mà có lẽ đến người sành ăn cũng phải còn cào ruột gan và có khi đến nguyên cả tiểu đoàn bộ binh sau chặng đường dài hành quân ăn no cũng được: súp cá, bánh mì, thịt vịt nhồi hạt dẻ, thịt bò luộc độn các thứ rau, khoai tây nóng, trứng luộc, bánh pudding với nho khô. Tất cả đều đã được chú bé “tấn công” và “tiêu diệt” gọn.

Khi bữa ăn thịnh soạn diễn ra hầu như hoàn toàn yên lặng đã kết thúc, mọi người chuyển sang phòng làm việc của bác sĩ: một căn phòng rộng rãi ốp bằng những miếng gỗ sồi, có sáu cửa sổ, các ô cửa sổ đều lớn và được che bằng bức rèm dạ nặng nề. Giả sử trong tay một kiến trúc sư người Pháp giỏi giang thì với những ô cửa sổ như thế có thể biến căn phòng thành những phòng riêng biệt rồi. Bác sĩ ngồi vào chiếc ghế bành bằng da bên cạnh lò sưởi. Kaisa ngồi thoải mái trên một chiếc ghế băng bên cạnh chân ông. Còn Êrik, lúng túng và cảm thấy mình ở đây chẳng khác nào một người xa lạ, bước lại phía cửa sổ với ý định nấu mình trong cái hốc tối khuất sâu trong tường. Nhưng bác sĩ đã ngăn chú lại.

- Nào, Êrik, lại đây sưởi, cháu! - Ông kêu lên, giọng sang sảng - Cháu nói xem, cháu có thích Xtôckhôm không?
- Phố xá ở đây tối và chật hẹp lắm còn nhà thì cao - Êrik đáp.
- Ừ, có cao hơn ở Nôrô một chút - Bác sĩ nhận xét và cười.
- Nhà cao làm vướng mắt, không nhìn thấy sao trên trời - chú bé nói tiếp.
- Đây là vì nhà của chúng tôi ở trong khu giàu sang. - Kaisa nói, tỏ ra tức tối trước lời phê phán ấy - Chỉ cần bước qua cầu là đến ngay những đường phố lớn hơn thôi.
- Tôi đã trông thấy những đường phố ấy trên đường từ ga về rồi, nhưng ngay

cả đường phố lớn nhất trong số đó cũng không bằng phố xinh ngoằn ngoèo ở Nôrô - Êrik bác lại.

- Ái chà chà! - bác sĩ lắc đầu - đây là chuyện nhớ nhà rồi.

- Không ạ, thưa bác sĩ quý mến - Êrik nói về kiên quyết - cháu chịu ơn ngài nhiều lắm và không hối tiếc gì về việc lên đây cả, nhưng vì tại ngài hỏi cháu nghĩ gì về Xtôckhôm nên cháu mới trả lời như vậy ạ.

- Nôrô, chắc chắn chỉ là một nơi khỉ ho cò gáy gớm ghiếc mà thôi! - Kaisa tuyên bố.

- Nơi khỉ ho cò gáy gớm ghiếc à! - Êrik tức giận kêu lên - Những ai khẳng định như vậy là họ không có mắt, freken Kaisa ạ. Giá mà bạn được nhìn thấy vành đai núi đá hoa cương bao quanh phố vịnh của chúng tôi, thấy những cánh rừng thông của chúng tôi in hình đen sẫm trên nền trời nhợt nhạt thì bạn thích phải biết! Còn ở bên dưới đó là biển rộng bao la, lúc thì bão táp hung dữ, lúc lại hiền hòa như muốn ru hời bạn vậy. Và những chú hải âu bay biến hút về nơi xa tắp, rồi lại quay về chao cánh lượn gần như sát ngay trên đầu bạn... Ồ, tất cả những cảnh ấy thật là tuyệt diệu, chắc chắn là hơn ở thành phố nhiều.

- Tôi không nói về phong cảnh, mà chỉ nói về những ngôi nhà thôi, Kaisa đáp. Bởi vì ở đó chỉ có những túp nhà nông dân đơn sơ, có phải thế không hả bác?

- Phải, cháu của bác ạ, những túp nhà nông dân... Ở nơi ấy đã sinh ra ông và cha cháu đây, cả bác nữa cũng lớn lên ở đó đấy. Bác sĩ trả lời một cách nghiêm chỉnh.

Kaisa đỏ mặt lên và im bặt.

- Tất nhiên, nơi chúng tôi là nhà gỗ. Dù là bằng gỗ, nhưng chẳng kém gì những nhà khác đâu. - Êrik nói tiếp - Chiều chiều, chúng tôi thường quây quần cả gia đình, và trong khi bố vá lưới, còn mẹ guồng sợi thì ba anh em chúng tôi: Ôttô, Vanda và tôi ngồi vắt vẻo trên chiếc ghế băng thấp, có chú cún Klaas trung thành của tôi nằm khoanh dưới chân, chúng tôi bắt đầu cùng nhau nhắc lại những saghi (những truyện dân gian truyền miệng bằng văn xuôi. Saghi vùng Scandinav là những truyện kể dài nói về sự tích trong lịch sử dân tộc, những chiến công của các vị anh hùng hoặc thần thánh xuất hiện đầu thời kỳ Trung cổ) ngày xưa, và theo dõi những cái bóng nhảy múa trên trần nhà. Còn khi nào gió rít ngoài cửa sổ và bạn biết rằng tất cả những người đi đánh cá đều đã trở về bờ rồi thì bạn sẽ thấy dễ chịu và đầm ấm biết bao trong căn nhà ấm cúng của chúng tôi, chẳng kém gì trong căn phòng đẹp đẽ này chút nào đâu!

- Mà đây cũng chưa phải là căn phòng đẹp nhất của chúng tôi đâu nhé! -

Kaisa nói với vẻ hãnh diện - Giá tôi chỉ cho bạn xem phòng khách lớn thì bạn còn thấy đẹp hơn nữa kia!

- Nhưng ở đây có bao nhiêu là sách! Trong phòng khách chắc còn nhiều hơn nữa chứ? - Êrik hỏi.

- Hừ, sách ấy à, bạn chưa từng thấy như thế bao giờ! Ở đây còn có những chiếc ghế bành bằng nhung, những bức rèm bằng đăng ten, những chiếc đồng hồ lớn của Pháp, những bức thảm phương Đông nữa.

Việc thống kê toàn bộ sự lộng lẫy ấy hình như chẳng mấy làm Êrik quan tâm. Chú bé đưa mắt nhìn những tủ sách bằng gỗ sồi kê dọc theo căn phòng làm việc với một vẻ thèm khát.

- Cháu có thể tìm hiểu thư viện kỹ hơn và lựa chọn bất kỳ cuốn sách nào cũng được - bác sĩ nói.

Êrik chỉ mong có thể. Chú lựa một cuốn và ngồi vào một góc dưới đèn, đọc ngẫu nhiên. Chú chỉ để ý qua loa hai người đàn ông đứng tuổi, bạn thân thiết của bác sĩ lần lượt xuất hiện; gần như tối nào họ cũng đến đây chơi vist (một kiểu chơi bài).

Bằng một giọng thanh lịch, một trong hai người ấy, giáo sư Hostedt, một ông già cao, điệu bộ khoan thai, điềm tĩnh, đã nói lên sự vui mừng của mình được thấy bác sĩ trở về bình an vô sự. Giáo sư vừa kịp ngồi xuống trên chiếc ghế bành từ lâu đã được mang cái tên “ghế của giáo sư” thì lại có tiếng chuông ngân và dứt khoát vang lên.

- Brêdêzhor đấy! Cả hai người bạn cùng kêu lên. Chẳng mấy lúc cánh cửa mở toang, một người không cao lắm, gầy gò, rất hoạt bát, ào vào như một cơn lốc. Ông bắt tay bác sĩ bằng cả hai tay, hôn lên trán Kaisa, chào hỏi thân tình giáo sư và nhìn khắp căn phòng bằng đôi mắt sáng quắc, linh lợi, y như mắt một chú chuột con.

Đó là Brêdêzhor, một trong những trạng sư nổi tiếng ở Xtôckhôm.

- Ủa!... Đây là ai thế? - Bỗng ông kêu lên khi để ý thấy Êrik. Một thanh niên dân chài hay đúng hơn, một ngư phủ thiếu niên vùng Berghen phải không?... Cậu chàng đọc Hybon (Hybon Eduôđ (1737-1794) - nhà sử học người Anh. Tác giả công trình nổi tiếng: “Lịch sử suy tàn và sụp đổ của đế quốc La Mã) bằng tiếng Anh cơ à! Brêdêzhor nói tiếp sau khi liếc đôi mắt tinh đời thấy cuốn sách đang thu hút hết tâm trí cậu bé nông dân - Không lẽ cháu thích cuốn sách này ư, hả cậu bé?

- Vâng, thưa ngài, cháu từ lâu đã ước mơ về cuốn sách này. Đây là tập thứ nhất cuốn "Sự suy tàn của đế quốc La mã" - Êrik đáp một cách hồn nhiên.

- Thề có thiên lôi chứng giám! Hóa ra những ngư phủ thiếu niên vùng Berghen cũng thích đọc một cách nghiêm túc. Cháu đích thị ở Berghen à? Ông hỏi ngay.

- Không ạ, thưa ngài, cháu ở Nôrôê, nhưng cách Berghen không xa. Êrik đáp.

- Thế những chú bé ở Nôrôê cũng đều mắt đen, tóc đen như cháu cả hay

sao?

- Không ạ, thưa ngài, anh cháu, em gái cháu, và tất cả các bạn đều tóc sáng, gần giống như của tiểu thư đây. Nhưng chỗ chúng cháu người ta không mặc như thế này - Êrik nhoẻn cười nói thêm - Vậy nên các cô bé quê cháu hoàn toàn không giống tiểu thư này.

- Tôi không nghi ngờ điều ấy - Brêdêzhor nói - Tiểu thư Kaisa là một đứa con của nền văn minh. Còn ở nơi ấy thiên nhiên thật sự không có tô son điểm phấn gì, trang sức duy nhất của nó là sự giản dị. Thế cháu định làm gì ở Stôckhom, hả chú bé của tôi, nếu điều đó không phải là bí mật?

- Ngài bác sĩ rất là nhân hậu, ngài đã hứa cho cháu vào học ở trường trung học ạ.

- À ra thế - trạng sư vừa nói, vừa gõ những ngón tay lên hộp đựng thuốc lá của mình.

Rồi Brêdêzhor chăm chú nhìn bác sĩ, dường như yêu cầu giải thích vấn đề khó hiểu này đối với ông. Nhưng qua dấu hiệu của bác sĩ ông hiểu rằng ông cần phải hoãn những câu lục vấn lại đã và lái ngay câu chuyện sang hướng khác.

Mấy ông bạn chuyện trò với nhau về những tin tức trong các lâu đài và thành phố, về tất cả những gì đã xảy ra trên trái đất từ sau khi bác sĩ đi vắng. Sau đó fru Greta đã đẩy nắp bàn chơi bài ra, đặt lên bàn cỗ bài và những quân xúc xắc. Lát sau, im lặng bắt đầu; ba người bạn hoàn toàn tập trung vào những ngón bài mưu trí của mình.

Bác sĩ vốn có tính hiếu thắng và thói quen ăn thua đối với những sơ xuất của đối phương, ông không bỏ lỡ dịp hí hửng reo mừng mỗi khi những sơ xuất ấy đã giúp ông thắng bài, và to tiếng bực bội nếu bản thân ông bị thua. Có một việc ông không thể dùng được là cứ sau mỗi hội bài ông lại giảng giải cho người thua biết nước bài nào ông ta đã đi sai, con bài nào đáng lẽ phải đánh đi và con bài nào cần giữ lại.

Các đấu thủ chơi bài cứ luôn luôn bị thua như thế. Họ trở nên đặc biệt khó chịu vì tối nào cũng lại chỉ có họ trở thành "nạn nhân" của bác sĩ.

May sao bác sĩ quen những người bạn biết kịp thời xoa dịu tính nóng nảy cay cú của ông: Giáo sư xoa dịu bằng sự thản nhiên thường ngày của mình, còn trạng sư thì xoa dịu bằng thái độ hoài nghi thật lòng.

- Như mọi bận, ngài có lý - giáo sư đáp lại những lời trách cứ gay gắt bằng nét mặt nghiêm trang.

- Svariênkrôna thân mến, ngài biết rất rõ rằng ngài răn dạy chúng tôi uống công vô ích - Trạng sư mỉm cười phản ứng - Tôi suốt đời phạm những sai lầm nghiêm trọng trong khi chơi bài và điều đáng sợ nhất là không bao giờ tôi hối hận về chuyện ấy cả.

Biết làm sao được với những cô tật như thế! Và bác sĩ buộc phải tự kìm chế

những nhận xét phê bình của mình, mặc dù sự kiềm chế của ông không quá được một phần tư giờ. Trong chuyện này thì ông lại là một người chứng nào tật ấy.

Chẳng may làm sao đúng tối hôm ấy bác sĩ Svariênkrôna lại bị thua toi bời. Tâm trạng nặng trĩu của ông đã bị biểu lộ trong những nhận xét làm mất lòng nhiều nhất đối với giáo sư và trạng sư, nhưng giáo sư đã điềm tĩnh xóc những quân xúc xắc của mình, còn trạng sư thì biết lảng tránh những lời trách mắng cay độc nhất bằng những câu nói đùa.

- Tại sao ngài lại muốn tôi thay đổi lối chơi một khi tôi thắng, mặc dù tôi chơi dở, trong khi một người chơi bài tài nghệ như ngài thì lại thua?

Cứ thế tiếp tục đến mười giờ, lúc ấy Kaisa bắt đầu rót trà từ trong chiếc ấm lò bằng đồng bóng lộn ra. Cô bé ân cần trao những tách trà cho các "đấu thủ rồi lặng lẽ đi ra. Sau đó fru Grêta xuất hiện và đưa Êrik vào căn phòng nhỏ sạch sẽ sơn màu trắng dành cho chú ở tầng hai.

Còn lại ba người bạn với nhau.

- Cuối cùng thì ngài cũng cho chúng tôi biết chú bé đánh cá ở Nôrôê đọc Hybon bằng nguyên bản này là ai chứ? Brêđêzhor vừa hỏi, vừa bỏ đường vào tách trà thứ hai - Hay có thể đây là điều bí mật không được tiết lộ và câu hỏi của tôi không đúng chỗ?

- Ở đây chả có điều bí mật nào hết; tôi sẵn sàng kể cho các ngài về lai lịch của Êrik, nếu như các ngài biết giữ kín cho - bác sĩ đáp.

Trong giọng nói của ông vẫn còn lộ ra sự bức tức.

- Đó, thấy chưa, tôi biết mà, đằng sau việc này có điều gì ẩn khúc đây! - Trạng sư kêu lên sau khi ngả người ra một cách thoải mái trên chiếc ghế bành - Chúng tôi nghe bạn đây, bạn thân mến, và có thể khỏi phải nghi ngờ chúng tôi sẽ lạm dụng lòng tin của bạn. Phải công nhận là cậu bé này làm cho tôi chú ý chẳng khác nào một Kazus (một trường hợp trong thực tiễn xét xử ở tòa án) thú vị vậy.

- Đúng, đây quả thật là một Kazus thú vị - bác sĩ nói tiếp, hả hê về sự quan tâm của bạn mình - Và tôi thậm chí dám nói rằng hình như tôi đã tìm được chiếc chìa khóa để mở ra điều bí mật này. Bây giờ tôi sẽ thuật lại với các bạn tất cả những gì mà tôi biết về cháu, còn sau đó, các bạn sẽ nói xem ý kiến của các bạn có hợp với ý kiến của tôi không nhé.

Bác sĩ tựa lưng vào chiếc lò lớn lát gạch men và sau một lúc nghĩ xem nên bắt đầu từ đâu, ông đã kể chuyện thời gian ở Nôrôê ông đã ghé một trường học, đã đề ý Êrik và bắt đầu hỏi thăm về cháu như thế nào. Ông cũng đã kể lại không sót một chi tiết nào về tất cả những gì ông đã biết được qua Maljarius và bác Hecsêbom, và chiếc phao cứu hộ với chữ đề "Cintia", về bộ quần áo hài nhi mà bà Katrina đã cho ông xem, về những chữ thêu trên các đồ dùng của Êrik, về chiếc nhẫn với câu danh ngôn và cuối cùng, về về

ngoài khác thường của chú bé phân biệt hẳn với các trẻ em khác ở Nôrô.

- Bây giờ các bạn biết về câu chuyện bí ẩn này đầy đủ cũng như tôi vậy. Tôi muốn trước hết nhận xét rằng trình độ phát triển của đứa bé, cho dù cháu đặc biệt đến đâu, thì cũng chỉ có ý nghĩa thứ yếu, bởi vì cái đó có thể cắt nghĩa bởi sự ảnh hưởng lớn lao của Maljarius, và sự thật ấy không cần phải đánh giá lại nữa. Những khả năng siêu phàm của chú bé đã buộc tôi phải chú ý và quan tâm đến cháu. Nhưng điều quan trọng không phải ở những khả năng của cháu, bởi vì chúng không thể giúp giải quyết nhiệm vụ đặt ra trước mắt là: xác định chú bé này từ đâu đến và cần phải tiến hành những cuộc tìm kiếm ở đâu để phát hiện được gia đình của cháu. Chúng ta hiện mới chỉ có một ít dữ kiện để căn cứ vào đó mà giải quyết vấn đề, cụ thể là:

Thứ nhất - những đặc điểm về cơ thể nói lên rằng cháu thuộc một chủng tộc nào đấy.

Thứ hai - cái tên "Cintia" trên phao cứu hộ.

- Về điểm thứ nhất, - bác sĩ nói tiếp, - không thể còn nghi ngờ gì nữa, cháu bé thuộc chủng tộc Kelt (nhóm các dân tộc cổ xưa sống ở Tây Âu. Về sau đã bị các dân tộc khác loại trừ hoặc đồng hóa với họ. Các thứ tiếng Kelt, nền văn hóa và những đặc điểm dân tộc này ít nhiều còn giữ được về thuần túy ở một bộ phận dân cư bán đảo Brêtanh ở Pháp, Ailen và một số tỉnh của Anh, nói riêng là ở Ivernes thuộc Xcôtlen). Điều này có thể cảm thấy qua toàn bộ hình dạng của cháu.

Ta chuyển sang điểm tiếp theo, "Cintia" - không nghi ngờ gì nữa, là tên của một tàu thủy, điều này được chứng minh bởi chữ đề trên phao cứu hộ. Cái tên này có thể thuộc về một tàu Đức hoặc một tàu Anh. Nhưng, vì các mẫu tự không phải là Gôtic nên ta có thể đi đến kết luận, rằng "Cintia" là một tàu Anh, nói đúng hơn là một tàu Ănglêxăcxông (Tức là Anh hoặc Mỹ).

Mọi điều đều khẳng định giả thuyết này, bởi vì chỉ có tàu Anh đi về hướng Invernes hoặc đảo Orknây mới có thể bị tai nạn ở những nơi gần Nôrô. Các bạn cũng cần chú ý là cháu bé nạn nhân của vụ đắm tàu này không thể chịu đựng được lâu trên mặt nước, vì thế nên người ta đã phải tránh cho cháu hiểm họa ấy. Vậy thì, các bạn của tôi, khi các bạn đã biết hết mọi sự thật rồi, ý kiến của các bạn sẽ như thế nào bây giờ?

Cả giáo sư lẫn trạng sư đều không trả lời điều ấy như thế nào cả.

- Nghĩa là các bạn không thể kết luận được điều gì? Bác sĩ nói tiếp, trong giọng nói của ông cảm thấy có sự hoan hỉ ngấm ngấm - Có thể là ngay các bạn cũng thấy có chỗ nào đó mâu thuẫn chẳng? Chú bé thuộc chủng tộc Kelt, còn tàu thì lại là tàu xuất xứ Ănglêxăcxông. Nhưng mâu thuẫn sẽ trở thành chuyện hão, nếu như các bạn nhớ lại một bối cảnh quan trọng là dân tộc gốc Kelt tồn tại trên đảo Ailen kề sát với nước Anh. Tôi lúc đầu chưa nghĩ đến điều ấy, và do đó, nó đã cản trở tôi nhìn nhận vấn đề một cách đúng

đến. Đối với tôi, điều kết luận không thể bác bỏ được là: Đứa bé này là người Ailen. Ngài đồng ý với tôi không, ngài Horstedt?
Nếu trên đời này có điều gì đầy mà ngài giáo sư đáng kính thấy khó chịu nhất thì đó là sự phát biểu một kết luận có tính cách khẳng định về một vấn đề này hay vấn đề khác. Và cần phải thừa nhận rằng, điều kết luận của bác sĩ được đưa ra để xem xét một cách vô tư ít ra cũng là quá sớm. Bởi vậy, bằng một cái gật đầu không nói lên điều gì cả. Horstedt chỉ đáp:

- Không nghi ngờ gì hết, những người Ailen thuộc nhánh Kelt của chủng tộc Aria.

Những lời nói kiểu như vậy tất nhiên không thể kỳ vọng có sự độc đáo gì lắm. Nhưng, bác sĩ Svariênkrôna cũng không yêu cầu gì khác hơn. Ông thấy trong những lời ấy sự khẳng định hoàn toàn lý lẽ của ông.

- Vậy là chính ngài đã đồng ý với tôi điều đó! - Ông ta kêu lên vẻ xúc động - Bởi vì những người Ailen thuộc bộ tộc Kelt mà cháu nhỏ có tất cả những đặc tính của bộ tộc này. Còn "Cintia" là một tàu Anh, nên tôi cảm thấy như chúng ta đã có trong tay những đường lối cần thiết để có thể tìm được gia đình của chú bé tội nghiệp. Nghĩa là cần phải tìm ở ngay nước Anh. Chỉ cần vài lần thông báo trên tờ "Times" là chúng ta sẽ tìm được dấu tích ngay thôi! Bác sĩ định trình bày tỉ mỉ một kế hoạch hành động do ông vạch ra, thì lại để ý thấy trạng sư một mực im lặng, nét mặt hơi có vẻ diễu cợt: lúc theo dõi những kết luận của bác sĩ, vẻ mặt của ông ta cũng như vậy.

- Nếu ngài không đồng ý với tôi thì, ngài Brêdêzhor, xin ngài cứ nói thẳng ra. Ngài biết đó, tôi không sợ tranh luận - bác sĩ nói.

- Tôi đâu có nói gì - trạng sư lên tiếng - Có ngài Horstedt làm chứng cho, tôi đâu có nói gì...

- Nhưng tôi thấy rất rõ là ngài không đồng tình với những ý kiến của tôi, vì thế mà tôi tò mò muốn biết tại sao? - Bác sĩ hỏi và lại rơi vào trạng thái bức tức như lúc bị thua bài - Bởi vì, "Cintia" là tên tàu Anh! - ông ta nóng nảy nói thêm - Nếu đó là tàu Đức thì chữ phải là kiểu Gôtic chứ. Những người Ailen thuộc bộ tộc Kelt chứ gì? Khỏi phải tranh luận! Ngài vừa nghe một người hiểu biết như ông bạn Horstedt kính mến của chúng ta đã khẳng định như vậy rồi. Đứa trẻ có những đặc điểm của người gốc Kelt ư? Tất nhiên. Bởi vì điều này đã đập ngay vào mắt các ngài từ trước khi tôi bắt đầu nói về đề tài này kia mà. Từ tất cả những điều nói trên, tôi có thể kết luận rằng chỉ có thái độ thiếu thiện cảm một cách công khai và trắng trợn mới cản trở ai đó đồng tình với những kết luận của tôi khẳng định rằng chú bé xuất thân từ một gia đình Ailen mà thôi...

- Thái độ thiếu thiện cảm? Nói như vậy có nặng lời quá không? Brêdêzhor phản đối - Nếu điều đó liên quan đến tôi, thì tôi chưa phát biểu câu nào kia mà.

- Nhưng ngài đã chứng tỏ quá rõ ràng là ngài không đồng ý với tôi còn gì!
- Không ai có thể cấm được tôi điều đó.
- Trong trường hợp như vậy thì chẳng có ai cản trở ngài đưa ra những chứng cứ xác đáng để bảo vệ cho quan niệm của mình.
- Thế ai nói với ngài là tôi có những quan niệm ấy?
- Nếu vậy thì điều ấy xuất phát từ khuynh hướng đối lập của ngài, từ nhu cầu của ngài phản đối tôi trong mọi vấn đề, chứ không chỉ riêng trong việc chơi bài!
- Ngay cả trong ý nghĩ của tôi cũng không có điều gì như vậy đâu, xin bảo đảm với các ngài! Kết luận của ngài tôi thấy không thể bác bỏ được. Chỉ có thể thôi.
- Nhưng tại sao vậy, xin ngài làm ơn nói giùm? Tôi rất muốn biết.
- Điều này cần phải giải thích lâu, bây giờ đã mười một giờ rồi. Tôi sẵn sàng đánh cuộc với ngài! Tôi đặt cuốn Kvintilian của tôi xuất bản lần đầu tiên ở Vniz để đổi lấy cuốn Plini của ngài do Ald Manuxia xuất bản (Kvintilian và Plini - các nhà văn cổ Hy Lạp. Nội dung ở đây nói về những lần xuất bản đầu tiên thời cổ của những người thợ in nước Ý cuối thế kỷ XV - đầu thế kỷ XVI. Những cuốn sách in đầu tiên này còn giữ được mỗi thứ một bản duy nhất và là vật bảo tàng hiếm quý). Tôi cược là kết luận của ngài không đúng và đứa trẻ này không phải là người Ailen.
- Ngài biết đó, tôi không thích đánh cuộc - bác sĩ nói, bất chợt trở nên dịu dàng do sự thiện cảm của ông bạn - Nhưng tôi sẽ lấy làm vui lòng nhận lời thách thức của ngài.
- Tuyệt quá! Vậy có nghĩa là quyết định xong. Ngài cần thời gian bao lâu để tìm kiếm gia đình của chú bé?
- Tôi hy vọng vài tháng là đủ, mặc dù tôi đã hẹn với Hecsêbom là hai năm để cho thật chắc chắn.
- Được rồi, tôi đồng ý hai năm. Hostedt sẽ làm trọng tài cho chúng ta. Nhưng không được bức mình đâu đấy nhé, đồng ý không?
- Đồng ý không bức mình, nhưng tôi thấy là Kvintilian của ngài có nguy cơ bị nhập vào với Plini của tôi mất - bác sĩ nhận xét và bắt chặt tay cả hai người, tiễn họ ra tận cửa.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương năm

TRETTE JULEN DAGE

(MƯỜI BA NGÀY LỄ NÔ-EN - tiếng Thụy Điển)

Sáng ngày hôm sau, cuộc sống mới của Êrik đã đi vào nề nếp bình thường. Trước tiên, bác sĩ Svariênkrôna dẫn chú bé đến tiệm may, sắm cho chú đủ mọi thứ từ giày đến mũ cho thích hợp với người thành phố, sau đó đến gặp ông hiệu trưởng một trường tốt nhất ở Xtôckhôm. Đó là trường “Hogre Elementar Lauroverk”, một trường giống như trường Lyxê (*Lyceé - Trường trung học ở các nước Tây Âu*) của Pháp. Ở đó người ta dạy các thứ ngữ cổ và tân, các nguyên lý khoa học, tất cả những gì cần thiết để thi vào Trường Đại học Tổng hợp. Cũng giống như ở Đức và Ý, tất cả học sinh trường này đều là học sinh tự do, tức là ở ngoài nhà trường. Học sinh ở xa thì ở đậu nhà thầy giáo hoặc một người đỡ đầu. Học phí vừa phải, còn những người nghèo thì được miễn phí. Mỗi trường đều có phòng thể dục riêng: và như vậy là, cùng với nền giáo dục phổ thông, người ta còn thực hiện cả việc giáo dục về thể lực.

Êrik liền đứng đầu lớp. Chú tiếp thu các môn học đều dễ dàng một cách kỳ diệu: vậy nên chú còn nhiều thời gian rảnh rỗi. Do đó bác sĩ quyết định tạo điều kiện cho chú buổi tối đến học trường “Slojdskolán” (*trường công nghiệp ở Xtôckhôm*). Đây là trường dành riêng để thực hành môn vật lý, hóa học, hình học và hội họa - là những môn mà ở trường bình thường chỉ học lý thuyết.

Bác sĩ Svariênkrôna đã có lý khi cho rằng việc đến trường công nghiệp, một trong những trường tốt nhất ở thủ đô, sẽ tạo điều kiện cho Êrik tiến bộ nhanh hơn nữa. Nhưng ngay cả ông cũng chưa thể ngờ được là việc học song song như thế sẽ đem lại cho đứa trẻ được ông nuôi dưỡng cái lợi to lớn như thế nào trong thực tế! Nắm vững một cách dễ dàng chương trình của phổ thông, Êrik bây giờ có thể đi vào nghiên cứu sâu hơn những môn học cơ bản. Thay vì những kiến thức hời hợt, tản mạn của phần lớn học sinh, chú đã tích lũy được những kiến thức chính xác rõ ràng, sâu sắc. Việc phát triển hơn nữa những kiến thức ấy chỉ còn là vấn đề thời gian. Chú đã được đào tạo chắc chắn đến mức việc nghiên cứu những phần phức tạp nhất của giáo trình Đại học Tổng hợp bây giờ đối với chú không có gì là khó khăn.

Maljarius đã giúp đỡ Êrik rất nhiều về ngoại ngữ, lịch sử, địa lý và thực vật. “Slojdskolán”, đến lượt mình, đã tập cho chú những kỹ năng thực hành trong lĩnh vực kỹ thuật mà thiếu chúng thì bất kỳ lý thuyết tuyệt vời nào cũng chỉ

có thể là một món hàng vô dụng mà thôi.

Sự phong phú và đa dạng của các môn học không những làm cho Êrik mệt mỏi, mà ngược lại, đã làm cho chú phát triển một cách rõ rệt, tốt hơn nhiều so với việc chỉ nghiền ngẫm những giáo trình lý thuyết. Hơn nữa, các bài tập thể dục giúp chú vừa tăng cường thể lực, vừa cho óc nghỉ ngơi và phòng ngừa hiện tượng quá mệt mỏi về trí não. Êrik là một trong những người đứng đầu không phải chỉ trong lớp, mà còn cả trong phòng thể dục. Còn những giờ rảnh thì chú ra chơi trên bờ biển mà từ lúc tuổi thơ đã trở nên thân thuộc với chú. Chú bé lấy làm sung sướng được chuyện trò với những người thủy thủ, những người đánh cá và sốt sắng giúp đỡ họ trong công việc. Thỉnh thoảng chú bắt được một con cá to đem về và fru Grêta đón nhận lấy với vẻ hài lòng.

Người phụ nữ đáng mến này chẳng bao lâu đã thấy có cảm tình sâu sắc đối với thành viên mới trong gia đình. Êrik là đứa trẻ có bản tính hiền từ và lễ phép, thật thà và siêng năng đến mức không thể không yêu quý được. Không đầy một tuần sau, Brêdêzhor và Horstedl đã đối xử với chú chân thành như bác sĩ Svaviênkrôna vậy. Duy có Kaisa là cô không có cảm tình với chú. Lúc thì “cô tiên” nhỏ cho rằng chú về đây làm cho quyền bá chủ của cô trong nhà bị lung lay, lúc thì cô bực tức vì bác sĩ hay cười chế diễu những điệu bộ ợ ợ “công chúa hay hờn dỗi” của cô ngay trước mặt Êrik, mặc dù chẳng có hại gì. Bằng cách này hay cách khác, cô ta luôn cố tìm cách làm cho Êrik cảm thấy sự khinh miệt lạnh nhạt của mình mà ngay cả thái độ rất mực lịch sự của chú cũng không thể chịu được. May mà Kaisa không phải lúc nào cũng có dịp để tỏ thái độ coi thường đối với Êrik, vì lúc thì chú đi vắng, lúc thì chú ngồi học trong phòng mình.

Cuộc sống của chú trôi đi khá phẳng lặng, chẳng bị biến cố gì đặc biệt ngăn trở cả. Vậy nên tiện thể chúng ta lướt qua luôn hai năm và cùng với Êrik trở lại vùng Nôrô.

Từ sau khi Êrik ra đi, ở nhà mọi người đã hai lần ăn mừng lễ Nôn. Ở Trung Âu và Bắc Âu, lễ Nôn được coi là lễ lớn nhất trong năm, hơn nữa, ngày lễ lại trùng với "mùa nghỉ việc" hầu như trong tất cả các nghề thủ công. Ở Na Uy ngày lễ này kéo dài tới mười ba ngày - tretten julen dage - và người ta đã

dùng những ngày ấy để tổ chức tất cả những trò vui giải trí. Nôen còn là mùa của những lễ mừng trong các gia đình, của những bữa cơm khách và lễ đính hôn.

Thậm chí các nhà ít dư dật nhất vào mùa này cũng chuẩn bị đủ các món ăn, trong những ngày lễ người ta đặc biệt coi trọng các phép tắc đón khách nông hậu. "Jule of" - bia Nôen - được uống thả cửa. Mỗi vị khách được mời một cốc vại đầy để trong chiếc khay bằng vàng, bạc hoặc đồng mà các gia đình dù nghèo nhất đi nữa cũng còn lưu giữ được theo lối cha truyền con nối từ đời xưa đời xưa. Khách đứng uống cạn cốc bia một cách khoan khoái, và trao đổi với chủ nhà những lời chúc mừng năm mới tốt lành và làm ăn may mắn. Vào dịp Nôen, những người đầy tớ, coi như một món thưởng thêm vào tiền công của họ, thậm chí trong những ngày Nôen, bò, cừu, chim chóc cũng được hưởng khẩu phần tăng gấp đôi và các món khao ngoại lệ nữa.

Trong mười ba ngày lễ hội thì ngày vui nhất là đêm hôm trước Nôen. Theo phong tục, nam nữ thanh niên đi giày trượt tuyết gọi là "Schnec-shuhe" vào trong làng, dừng lại bên các nhà và đồng thanh hát những bài hát dân tộc cổ xưa. Những giọng hát trong trẻo của họ bất chợt vang lên trong màn đêm băng giá, giữa cảnh tĩnh mịch của đồng quê phủ đầy tuyết gây nên một ấn tượng lạ lùng và mê ly. Lập tức cánh cửa mở ra và những người hát trẻ được mời vào nhà. Họ được thết đãi các loại bánh, táo sấy khô, đôi khi còn được nhảy múa nữa. Sau bữa tiệc đăm bạc, cả toán người vui vẻ nhanh chóng biến đi và lại xuất hiện ở nơi khác chẳng khác nào bầy chim di cư.

Khi trượt tuyết bằng những thanh dài hai hoặc ba mét mà có dây da buộc vào chân thì đường xa họ cũng chẳng ngại. Những người nông dân Na Uy dùng gậy đẩy tuyết rất nhanh và họ cứ trượt như vậy hàng chục ki - lô - mét với tốc độ lạ kỳ.

Ở nhà bác Hecsêbom năm ấy đặc biệt tung bừng. Mọi người chờ đợi Êrik. Từ Xtôckhôm, chú đã viết thư báo tin chú sẽ về đúng đêm Nôen. Thật là dễ hiểu vì sao cả Ôttô lẫn Vanda đều đứng ngồi không yên. Cứ chốc chốc chúng lại chạy ra cửa xem vị khách bấy lâu mong ngóng đã về chưa. Bà Katrina cứ trách chúng nôn nóng, nhưng chính bà cũng thắc thỏm. Duy có bác Hecsêbom là vẫn lặng lẽ hút tẩu thuốc của mình, dường như bác chịu

ảnh hưởng của cả hai thứ tình cảm trái ngược nhau: Vui mừng sắp gặp thằng con nuôi và buồn bã vì rồi cũng phải xa nó.

Sau khi ra ngóng (có đến lần thứ một trăm), bỗng Ôtô chạy về reo lên mừng rỡ:

- Mẹ ơi, Vanda ơi! Hình như Êrik về kìa!

Mọi người lao ra ngoài cửa. Đứng xa, trên đường đi Berghen, thấy có một chấm đen rất rõ. Cái chấm ấy cứ to dần lên và chẳng mấy chốc đã biến thành hình người. Người ấy cứ thoăn thoắt trượt tuyết lại gần. Kìa, đã có thể trông rõ cái áo măng tô bằng nỉ, cái mũ lông và cái ba lô da bóng lộn khoác sau vai. Chẳng còn mây may nghi ngờ gì nữa: Khách bộ hành đã nhìn thấy những người đã đợi chú ngay bên cạnh nhà, chú bỏ mũ ra vậy.

Mấy phút sau Êrik đã ở trong vòng tay ôm áp của bà Katrina, Ôtô, Vanda, và sau đó là bác Hecsêbom. Bác đã rời chiếc ghế bành để ra đón chú bé ngoài ngưỡng cửa.

Mọi người ôm hôn Êrik, trườm mền, vỗ vập, khen chú nom khỏe mạnh. Bà Katrina biểu hiện niềm vui của mình xới nổi nhất.

Phải chăng đây là đứa con trai mà mới đây không lâu bà đã ẵm ru trên tay? Phải chăng chàng thanh niên cao lớn, vai rộng với gương mặt cởi mở và dũng cảm, chàng thanh niên cân đối, chững chạc với hàng lông măng sẫm phía trên môi này đây là Êrik của bà?

Người đàn bà phúc hậu thậm chí còn cảm thấy quý trọng đứa con nuôi của mình. Bà tự hào về chú, nhất là những giọt nước mắt sung sướng long lanh trong đôi mắt đen nhánh của chú. Bởi vì chính Êrik cũng thấy xúc động tận đáy lòng mà!

- Mẹ ơi, có phải mẹ đây, mẹ thật đây ư? - chú hỏi lại. - Thế là cuối cùng con được gặp và ôm mẹ! Sao hai năm mà con thấy dài đằng đẳng! Bố mẹ có nhớ con bằng con nhớ bố mẹ không?

- Tất nhiên là nhớ chứ. - Bác Hecsêbom trả lời một cách nghiêm chỉnh. Không có ngày nào mà bố mẹ không nhắc đến con. Lúc ban tối hay buổi sáng ngồi điểm tâm bố mẹ cũng luôn luôn nhớ đến con. Còn con, chú bạn

nhỏ, nơi đô thị lớn con không quên bố mẹ và gia đình chứ? Con có sung sướng khi thấy lại quê hương và ngôi nhà cũ của mình không?

- Con hy vọng bố mẹ không phải nghi ngờ về điều ấy! - Êrik trả lời và lần lượt ôm hôn tất cả mọi người - Bố mẹ luôn luôn ở bên con. Mỗi khi gió nổi lên và bão táp đến gần là con chỉ nghĩ đến bố thôi, bố ạ, và thầm hỏi: Bây giờ bố đang ở đâu, bố đã kịp trở về chưa, đã tìm được nơi ẩn trú chưa?... Tôi nào con cũng tìm đọc bản tin khí tượng trên báo để biết thời tiết nơi bố có giống như trên vùng duyên hải Thụy Điển không? Và con đã hiểu rõ rằng ở chỗ bố những trận bão từ Mỹ tràn đến và ập vào vùng rừng núi của ta còn dữ dội hơn ở Xtôckhôm nhiều. Ôi, sao con cứ muốn trong những giờ phút ấy con cùng bố có mặt trên thuyền để giúp bố buộc chặt cánh buồm và chèo chống qua mọi khó khăn đến thế! Còn khi bão đã tan, thời tiết bắt đầu tốt trở lại thì con cảm thấy con bị giam hãm trong thành phố lớn ấy, giữa các tòa nhà cao của nó, và chỉ muốn trả lại mọi thứ trên đời để được dù chỉ là một giờ thôi vùng vẫy giữa biển khơi và cảm thấy mình được tự do và hạnh phúc như trước đây...

Nụ cười làm rạng rỡ gương mặt xạm nắng của người đánh cá.

- Thế nghĩa là sách vở đã không làm cho nó hư hỏng - Ông nói với vẻ vô cùng mãn nguyện, - Con trai của bố, chúc con một năm hạnh phúc và mọi điều may mắn - ông nói thêm - còn bây giờ, con ngồi vào bàn đi, chỉ còn thiếu con nữa thôi!

Ngồi vào chỗ cũ của mình bên phải bà Katrina, Êrik cuối cùng cũng đã có thể quan sát và nhận xét những thay đổi trong gia đình sau hai năm. Ôtô đã mười sáu tuổi, một chàng trai to lớn, khỏe mạnh, thoát nhìn có thể đoán đến hai mươi tuổi. Vanda trong thời gian qua cũng đã lớn lên trông thấy và đẹp ra. Gương mặt xinh đẹp của cô bé càng trở nên gợi cảm hơn. Mái tóc màu tro hiện dịu trùm lên đầu cô bé như một làn sương bạc, hai bím tóc dày kết đôi buông trĩu phía sau lưng. Vẫn khiêm tốn và dịu dàng như hồi nào: cô kín đáo chăm lo sao cho mọi người ngồi vào bàn không thiếu thứ gì.

- Vanda đã trở thành cô gái lớn thật sự rồi. - bà mẹ tự hào nói - Êrik này, giá mà con biết rằng Vanda ở nhà ngoan như thế nào! Bây giờ nó được coi là học sinh giỏi nhất trường đấy! Ngài Maljarius bảo rằng sau con thì nó là người an ủi duy nhất của ngài ấy đấy.

- Thừa thầy Maljarius quý mến, con sẽ hạnh phúc biết bao nếu con được ôm thầy! - Êrik thốt lên - Thế có nghĩa là Vanda nhà ta đã trở nên người có học thức thật sự rồi đấy nhỉ? - Chú hỏi sau khi liếc nhìn một cách hóm hỉnh cô gái đang ngượng chín người vì những lời khen của mẹ.

- Em nó còn chơi cả Ogan nữa. - Bà Katrina nói thêm - và ngài Maljarius khẳng định rằng nó có giọng tốt nhất trong dàn đồng ca đấy.

- Thế mà con đâu có ngờ rằng đây là một nhân vật trẻ tài năng hết cỡ! - Êrik

nói đùa. - Yêu cầu cô nàng ngày mai trở hết tài năng của mình xem!
Và, để xua tan sự lúng túng của cô em gái, Êrik bắt đầu hỏi thăm một cách chân tình về dân cư ở Nôrô, về các tin tức vùng thôn quê, về sự tiến bộ của bạn bè, về tất cả những gì xảy ra từ sau khi chú bé đi vắng. Sau đó bản thân Êrik cũng phải thỏa mãn sự "tò mò" của mọi người thân thiết trong nhà, kể từ mĩ chuyện chú sống ở Xtôckhôm ra sao, bác sĩ, Fru Greta và Kaisa đã đối xử với chú như thế nào.

- Suýt nữa thì con quên mất, con có mang theo thư gửi cho bố đây, bố ạ. - Êrik sực nhớ và rút ở túi áo trong ra một cái phong bì. Con không biết nội dung thư, nhưng bác sĩ có nói trước là thư liên quan đến con và bảo con phải giữ gìn lá thư cẩn thận.

Bác Hecsêbom cầm lấy chiếc phong bì to đang dán kín và để lên bàn bên cạnh mình.

- Chẳng lẽ bố không đọc thư cho mẹ và chúng con nghe với sao? Êrik hỏi.

- Không - người đánh cá trả lời ngắn gọn.

- Nhưng, thư có liên quan đến con kia mà! - Anh chàng nài nỉ.

- Thư đề gửi cho bố đây chứ, - bác Hecsêbom đáp và chăm chú nhìn chiếc phong bì - Bố sẽ đọc khi nào thấy cần thiết.

Con cái biết vâng lời là nét đặc biệt của gia đình Na Uy. Êrik cúi đầu. Mọi người rời bàn đứng dậy. Ba đưa trẻ ngồi trên chiếc ghế băng thấp bên cạnh bếp lò như trước đây chúng vẫn hay ngồi, và hàn huyên đủ mọi chuyện. Chúng kể hết những gì chúng muốn biết về nhau và nhắc đi nhắc lại nhiều chuyện đã được kể rồi...

Trong khi đó bà Katrina thu dọn bàn, cứ một mực để cho Vanda hôm nay trở thành "tiểu thư thật sự", khỏi phải lo việc nội trợ. Còn bác Hecsêbom thì ngồi trên chiếc ghế bành to của mình, lặng lẽ hút tẩu thuốc; mãi đến khi làm xong việc quan trọng ấy bác mới quyết định bóc phong thư của bác sĩ gửi.

Bác im lặng đọc thư, sau đó gấp lại và cất vào túi, rồi lại nhồi thuốc vào tẩu lần thứ hai và hút như lần trước, chẳng nói chẳng rằng.

Suốt cả buổi tối, người đánh cá già không bứt ra khỏi trạng thái suy nghĩ ray rứt.

Bác Hecsêbom chưa bao giờ tỏ ra là người hay nói nhiều, vì vậy sự im lặng của bác chẳng làm cho ai ngạc nhiên cả. Bà Katrina sau khi lo xong những công việc bận rộn cũng đã ngồi xuống bên bếp lò, định gọi chồng chuyện trò

nhưng không thành công. Thấy những cố gắng của mình uống công vô ích, bà xùi mặt xuống. Chẳng mấy chốc tâm trạng buồn rầu của bố mẹ đã lan sang những đứa con lúc ấy đã nói với nhau chán chê đủ chuyện.

Bỗng thật là đúng lúc, ngoài cửa vang lên những tiếng nói riu rít khiến mọi người chú ý. Một toán nam nữ học sinh vui vẻ nẩy ra ý rất hay là đến mừng Êrik trở về.

Mọi người vội vàng mời họ vào nhà và bắt đầu tiếp đãi một cách niềm nở. Cả toán vây quanh người bạn cũ, bày tỏ niềm vui mừng gặp bạn một cách sôi nổi. Êrik xúc động trước sự đến thăm bất ngờ của bạn bè thời thơ ấu, nên đã quyết định cho dù thế nào đi nữa cũng phải tham gia vào cuộc tuần hành truyền thống nhân ngày Nôen với họ. Còn Ôttô và Vanda tất nhiên là không muốn rời chú rồi. Bà Katrina đã yêu cầu họ không nên đi lâu, bởi vì Êrik cần được nghỉ ngơi.

Cửa vừa đóng lại, bà Katrina đã nói với chồng:

- Thế nào, ông bác sĩ đã làm sáng tỏ điều gì chưa? - bà lo lắng hỏi.

Thay vào câu trả lời, bác Hecsêbom lại rút lá thư trong phong bì ra và bắt đầu đọc to lên, thỉnh thoảng lại ngắt ngứ ở những chữ mà bác chưa biết.

“Hecsêbom thân mến. - Bác sĩ viết - thế là đã sắp được hai năm kể từ ngày bác giao cháu Êrik đáng yêu cho tôi, và trong suốt thời gian ấy không có ngày nào mà những tiến bộ muôn màu muôn vẻ của cháu không làm cho tôi vui mừng cả. Trí tuệ của cháu cũng thâm thúy và nhạy cảm như trái tim độ lượng và vị tha của cháu vậy. Êrik thật sự là chú bé siêu phàm. Những người cha mẹ bị mất một đứa con trai như thế này hẳn là phải khóc than cho cháu nhiều lắm. Nhưng, bây giờ khó mà cho rằng bố mẹ cháu còn sống. Nhưng chúng ta đã thỏa thuận với nhau, tôi đã làm tất cả những gì có thể làm được để tìm ra dấu tích của họ. Tôi đã trao đổi thư từ với nhiều nhân vật ở Anh, đã ủy thác cho các hãng đặc biệt đảm nhận việc tìm kiếm, đăng tin trên ít nhất trên hai chục tờ báo Anh, Scôtlên và Ailen, nhưng vẫn chưa đem lại được điều gì sáng tỏ về cái lai lịch huyền bí ấy. Hơn thế nữa, những tin tức không nhiều lắm mà tôi đã khai thác được lại càng làm cho nó huyền bí hơn. Cái lên tàu "Cintia" rất phổ biến trong hạm đội Anh. Văn phòng hãng Lôđa đã thống kê cho tôi ít nhất là mười bảy chiếc tàu mang tên như vậy. Một số tàu đăng ký ở các cảng Anh, những tàu khác đăng ký ở cảng Scôtlên hoặc

Ailen. Do vậy mà những giả thiết của tôi về dân tộc của cháu trong chừng mực nào đó đã được khẳng định như trước rằng Êrik xuất thân từ một gia đình Ailen. Tôi không nhớ đã viết cho bác về điều phỏng đoán này chưa, nhưng sau khi ở Nôrô về, tôi đã thông báo cho hai người bạn thân thiết của tôi biết và bây giờ tôi càng tin chắc rằng mình đúng.

Gia đình Ailen ấy có bị tử nạn không hay vì những lý do đặc biệt nào đó mà đến nay vẫn còn bất tin? Dù thế này hay thế khác, gia đình ấy chưa có dấu hiệu gì là còn sống cả. Một tình huống khác không kém lạ lùng, thậm chí đáng nghi ngờ nữa, theo tôi là: cả hãng Lôida lẫn các công ty bảo hiểm khác đều không có ghi lại một tai nạn đắm tàu nào trong thời gian cháu bé trôi vào vùng biển của ta cả. Đúng là trong thế kỷ này đã có hai tàu "Cintia" bị đắm: một cái đắm ở Ấn Độ Dương, ba mươi hai năm trước đây, còn cái kia thì đắm ở gần Portxmut, mười tám năm về trước.

Từ đó đi đến kết luận rằng cháu bé không phải là nạn nhân của vụ đắm tàu. Nghĩa là có ai đó đã bỏ cháu xuống biển! Điều đó cắt nghĩa lại sao tất cả những tin đăng báo của tôi không có lời nào hỏi âm cả.

Và bây giờ, sau khi tôi đã hỏi tất cả các chủ tàu mang tên "Cintia", sau khi tôi đã tận dụng hết mọi phương tiện có thể có để thẩm tra, tôi cảm thấy tôi có quyền tuyên bố rằng đã mất hết mọi hy vọng tìm được gia đình Êrik.

Bây giờ, bác Hecsêbom thân mến, đối với chúng ta (và trước hết là đối với bác) đặt ra một vấn đề là: Thông báo cho chú bé về điều ấy như thế nào và làm sao nữa với cháu đây?

Nếu ở cương vị của bác, tôi nói điều này với tất cả tấm lòng thành thực của mình, thì tôi để cho cháu từ nay trở đi tự quyết định lấy số phận của mình và tạo cho cháu điều kiện tự chọn lấy con đường đi tiếp. Vì rằng tôi và bác đã qui ước với nhau là chúng ta sẽ làm như vậy nếu như những cuộc tìm kiếm của tôi không thành công. Đã đến lúc phải giữ lời hứa. Tôi muốn tự bác sẽ nói hết với Êrik. Khi trở về Nôrô cháu vẫn chưa biết rằng cháu không phải là con đẻ của bác, cũng như cháu có trở lại Xtôckhôm nữa hay không, hay ở lại với bác, đều là do bác quyết định.

Nhưng, có điều bác nên nhớ rằng, nếu bác không quyết định nói cho cháu biết sự thật thì sớm hay muộn cũng sẽ đến ngày chú bé tự biết, và khi đó cháu càng đau khổ hơn. Và bác cũng đừng quên rằng ngoài những khả năng siêu phàm về khoa học và văn hóa, Êrik còn có khả năng hết sức đặc biệt để tự phán định cuộc sống của mình. Hai năm trước đây cháu chưa được như thế. Còn bây giờ, sau khi cháu đạt được những thành công rực rỡ như vậy ở Xtôckhôm thì việc không nói cho cháu biết sẽ thật sự là bất công đấy!

Thế nên tôi lại nhắc lại những đề nghị của tôi. Tôi sẽ tạo điều kiện cho cháu hoàn tất học vấn và tốt nghiệp học vị bác sĩ y khoa ở trường Đại học Tổng hợp Upxal. Vẫn như trước đây, cháu sẽ được nuôi dạy như con trai của tôi

và sẽ tạo mọi sự cần thiết để có một địa vị trong xã hội và cuộc sống vật chất đầy đủ. Khi trao đổi với bác và bà mẹ rất đáng yêu của Êrik, tôi không hề nghi ngờ rằng tôi đã phó thác số phận của cháu cho những bàn tay rất đáng tin cậy. Không có sự suy tính cá nhân nào - tôi tin chắc như vậy - cản trở bác làm theo lời khuyên của tôi cả. Tôi mong bác hỏi thêm ý kiến của Maljarius nữa.

Trong khi chờ đợi trả lời, thưa bác Hecsêbom, tôi xin bắt chặt tay bác và nhờ chuyển đến phu nhân kính mến của bác và các cháu những lời chúc tốt đẹp nhất của tôi.

R.V.Svariênkrôna, bác sĩ y khoa.”

Nghe bác Hecsêbom đọc xong, bà Katrina không cầm được nước mắt, đã hỏi chồng xem bây giờ quyết định thế nào.

- Thế nào thì đã rõ ràng rồi, nói hết cho thẳng bé biết - bác trả lời.

- Tôi cũng nghĩ như thế, phải kết thúc chuyện này thôi, nếu không đằng nào mình cũng không yên tâm đâu. - Người và nói qua nước mắt.

Sau đó, sự yên lặng bao trùm trong nhà.

Đúng lúc nửa đêm, ba đưa trẻ đi chơi trở về, người nóng ran vì phải rảo bước ngoài trời giá lạnh, đưa nào đưa nấy mắt sáng lên vì sung sướng.

Chúng lại ngồi vào chỗ mọi khi của mình bên bếp lửa sau khi đã quyết định một cách vui vẻ đêm trước ngày Nôen. Cả ba đưa ngồi trước bếp lò lớn như một cái hang lửa, trong đó những thanh củi cuối cùng đang cháy nốt, và ngấu nghiến một cách ngon lành những chiếc bánh còn lại.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương sáu

QUYẾT ĐỊNH CỦA ÊRIK

Ngày hôm sau, bác Hecsêbom gọi Êrik lại, và trước mặt bà Katrina, Vanda và Ôttô, bác nói với chú:

- Êrik ạ, bức thư của bác sĩ Svariênkrôna quả thật có liên quan đến con. Bức thư khẳng định rằng các thầy giáo điều hài lòng với những tiến bộ của con và bác sĩ sẵn sàng giúp đỡ con cho đến khi con hoàn tất học vấn, tất nhiên là nếu con muốn tiếp tục học. Sau khi biết một số tình huống con sẽ tự quyết định: Hoặc thay đổi số phận của mình hoặc là ở lại Nôrôe với bố mẹ. Tất nhiên, con có thể yên tâm rằng cả nhà điều mong muốn cái điều sau ấy. Và đây, trước khi quyết định, con cần phải biết một điều bí mật mà bố mẹ thấy

nếu con giữ kín được thì vẫn hơn!

Vừa lúc ấy bà Katrina bật lên những tiếng khóc nức nở và áp chặt Êrik vào mình, như muốn phản đối điều mà bây giờ đây chú bé phải biết...

- Điều bí mật này là - bác Hécsebm nói tiếp bằng một giọng ngập ngừng vì xúc động - Êrik ạ, con là con nuôi của bố mẹ. Bố tìm thấy con trên mặt biển, con trai của bố ạ, và bố đã nhận con vào gia đình của bố khi con mới độ tám - chín tháng. Có trời làm chứng cho là chưa khi nào bố nói cho con biết điều đó, và cả bố lẫn mẹ con đều chưa bao giờ làm điều gì phân biệt dù là nhỏ giữa con với Ôttô hay Vanda, nhưng bác sĩ Svarenkrôna cứ một mực yêu cầu bố phải nói hết những điều ấy với con. Con xem đây ngài ấy viết những gì!

Êrik tái nhợt người đi, Ôttô và Vanda, bị xúc động mạnh mẽ trước cái tin bất ngờ, đã thét lên vì sững sốt và bắt đầu ôm chầm lấy Êrik. Còn Êrik thì sau khi cầm lá thư của bác sĩ đã đọc một mạch từ đầu đến cuối.

Chú gục đầu chìm đắm trong những suy nghĩ miên man, cho đến khi bà Katrina lên tiếng, buộc chú trở lại với thực tại.

- Êrik, con đã và vẫn sẽ là con trai của bố mẹ! - bà kêu lên, vô cùng xúc động trước sự im lặng kéo dài của chú bé.

Chú ngẩng đầu lên, và đôi mắt chú đã bắt gặp những nét mặt thủy chung, hiền hậu, ánh mắt đầy tình mẫu tử của người phụ nữ yêu dấu, đôi mắt chân thật của bác Hecsebm, nụ cười còn thân thiết hơn lúc bình thường của Ôttô, khuôn mặt bé nhỏ nghiêm trang và đượm buồn của Vanda. Và cũng chính lúc ấy, trái tim đau đớn của Êrik tràn ngập sự triu mến vô cùng, không giấu nổi xúc động.

Ngay sau đó bác Hecsebm đã cho biết câu chuyện mà đã có lần bác kể cho bác sĩ Svarenkrôna nghe. Bác báo cho Êrik biết rằng bác sĩ đã quyết định phải tìm bằng được gia đình của chú với bất kỳ giá nào, và bản thân bác - Hecsebm - xét đến cùng thì cũng không phải là đúng lắm, thậm chí đã không có ý định giải đáp cái điều bí ẩn chưa được giải quyết ấy. Khi nghe chồng nói đến đây, bà Katrina đã mở chiếc hòm gỗ và lần lượt lấy ra những đồ đạc của đứa bé, kể cả chiếc nhẫn đã được đeo trên cổ cháu. Đương nhiên, kịch tính của câu chuyện đã hấp dẫn ba người con đến nỗi thậm chí có lúc cũng quên luôn nỗi đau buồn của mình. Chúng nhìn những giải đăng ten và đồ bằng nhung với một vẻ căm phục và cố đọc câu danh ngôn được khắc trên mặt nhẫn vàng. Chúng cảm giác như trước mặt chúng đang diễn ra một cảnh thần tiên trong truyện thần thoại. Một khi những nhân vật này đã không giúp bác sĩ tìm được gia đình của Êrik thì có nghĩa là ở đây quả là điều bí ẩn nào đó thật!

Êrik say đắm nhìn những đồ vật ấy. Chú nghĩ đến người mẹ chưa hề biết của mình, đến những lúc mẹ cho mình những bộ quần áo này và dùng con lúc

lắc làm cho mình cười vui. Chú thấy như khi đụng những đồ vật ấy là cảm nhận được sự gần gũi của người mẹ, mặc dù bị thời gian và không gian ngăn cách. Nhưng bây giờ mẹ ở đâu? Mẹ còn sống hay đã qua đời rồi, có còn khóc thương cho đứa con trai của mình nữa không hay là chú đã vĩnh viễn mất mẹ?

Và cũng chính lúc ấy, trái tim đau đớn của Êrik cũng tràn ngập sự triu mến vô hạn. Chú hình dung một cách rõ ràng tất cả những gì mà người cha đã kể cho chú nghe: Chiếc nôi nhỏ đựng đứa trẻ trên mặt sóng và được người dũng cảm vớt lên... Ông đã mang những gì vớt được về nhà, và những người nghèo giản dị này đã không do dự nhận một đứa trẻ xa lạ vào gia đình, nuôi nấng chăm sóc chú như đứa con ruột, suốt mười bốn năm trời không nói với chú một lời, còn bây giờ chờ đợi quyết định của chú với một nỗi lo âu dường như sự sống còn của họ tùy thuộc vào điều quyết định ấy vậy.

Tất cả những điều đó đã làm cho chú bé xúc động đến mức đột nhiên oà lên khóc nức nở. Chú thấm thía tình cảm yêu thương và lòng biết ơn vô hạn. Chú muốn báo đền ơn nghĩa đối với những con người tốt bụng này, đáp lại họ cũng bằng những sự gần bó hết mình như thế, thậm chí hy sinh cả tương lai của bản thân. Ở lại Nôrô suốt đời để cùng chia sẻ số phận bình dị của họ.

- Mẹ! - chú kêu lên, ôm chầm lấy bà Katrina một cách triu mến - không lẽ bố mẹ nghĩ rằng giờ đây, sau khi đã biết tất cả rồi, con có thể tự do sao! Chúng ta biết ơn ông bác sĩ về tấm lòng nhân hậu và sẽ viết thư cho ông ấy rằng con sẽ ở lại đây với bố mẹ. Con sẽ làm một người đánh cá như bố, như anh Ôttô ấy. Một khi bố mẹ đã nhận con vào gia đình thì con không muốn rời bố mẹ đâu cả. Bởi vì bố mẹ đã làm việc để nuôi con, nên con cũng muốn đỡ đần bố mẹ lúc tuổi già, như bố mẹ đã cưu mang con lúc tuổi thơ.

- May mắn thay! - Bà Katrina sung sướng nói và hôn Êrik.

- Còn bố thì cũng tin là con yêu thích biển hơn mọi thứ sách vở ấy - bác Hecsêbom nhận xét một cách thản nhiên, không ý thức hết quyết định của Êrik thể hiện một sự hy sinh như thế nào - Thôi, đủ rồi, việc đã được giải quyết xong! Chúng ta không nói về chuyện ấy nữa mà nghĩ xem ăn mừng lễ Nôen như thế nào cho vui hơn.

Khi Êrik còn lại một mình, quả thật chú đã không nén nổi tiếng thở dài nuối tiếc những môn học và những kết quả mà bây giờ đây chú phải từ bỏ. Nhưng chính việc quyết định hy sinh tất cả vì người thân đã đem lại cho chú niềm vui hoàn thành phận sự.

"Nếu cha mẹ nuôi của mình muốn như vậy, thì mọi chuyện khác đều không quan trọng - chú tự nhủ - Mình cần phải chấp nhận, mình sẽ làm việc cho cha mẹ và đi theo con đường mà cha mẹ đã định cho mình. Nếu đôi lúc mình có mơ một địa vị cao hơn thì lẽ nào đó lại không phải để cho cha mẹ cùng

chung hưởng với mình sao? Cha mẹ sống hạnh phúc ở đây và không tìm kiếm một số phận khác. Có nghĩa là mình cũng cần phải bằng lòng như vậy và cố gắng mang hết phẩm cách và lao động của mình để đem lại cho cha mẹ chỉ có niềm vui mà thôi... Thế là vĩnh biệt sách vở, và biển muôn năm!" Chú cứ suy ngẫm như thế mãi cho đến khi những ý nghĩ của chú lại quay về với câu chuyện của bác Hecsêbom. Tổ quốc của chú là đâu và cha mẹ của chú là ai? Họ còn sống không? Chú có anh chị em ở cái nơi xa xôi nào đó không, những người mà sẽ chẳng bao giờ chú được biết ấy?

Trong lúc đó, ở Xtôckhôm, tại ngôi nhà của bác sĩ Svariênkrôna, đêm hôm trước ngày Nôen cũng được tổ chức khác thường. Hẳn bạn đọc vẫn còn nhớ, hôm nay là ngày mãn hạn đánh cuộc giữa Brêdêzhor và bác sĩ, và trách nhiệm trọng tài trong cuộc tranh chấp này do giáo sư Hostedl đảm nhận. Trong suốt hai năm chưa có lời nào được nói về cả hai bên trong ván cuộc này. Bác sĩ đã kiên nhẫn tiến hành những cuộc tìm kiếm ở Anh, viết thư cho các hãng tàu thủy, công bố nhiều thông báo trên các báo, nhưng cũng đã phải thừa nhận là những nỗ lực của mình không mang lại kết quả. Nói về Brêdêzhor thì, với sự tể nhị vốn dĩ của mình, ông ta đã tránh không dấn động đến cái mục ấy và chỉ giới hạn ở chỗ thỉnh thoảng tán dương cuốn Plini tuyệt diệu trong lần xuất bản ở Ald Manuxija đang được phô trương vẻ đẹp ở vị trí danh dự trong thư viện của ngài bác sĩ.

Và chỉ bằng dựa vào việc ngài trạng sư thỉnh thoảng lại cười vể diều cọt, ngón tay gõ gõ vào hộp thuốc lá mới có thể đoán được là ông ta đang nghĩ gì.

"Cuốn Plini này mà để vào giữa cuốn Kvintilian của mình xuất bản lần thứ nhất ở Vniz và cuốn Horanxia có lẽ rộng của mình in bằng giấy Trung Quốc do anh em Elzêvirôp xuất bản thì trông cũng hay đấy!"

Đúng là bác sĩ đã hình dung như vậy về kết quả của ván cuộc, chính điều đó đã sớm làm cho ông mất bình tĩnh. Đã có những lúc ông tỏ ra hết sức nghiêm ngặt trong khi chơi bài, nhất định không chịu tha thứ cho các đối thủ rủi ro của mình.

Nhưng thời gian cứ trôi qua và cuối cùng đã đến lúc phải trình diện trước mặt vị trọng tài công minh - giáo sư Hostedl.

Bác sĩ Svariênkrôna đã đến đây với tâm lòng cởi mở. Khi Kaisa vừa đề cho ông ngồi lại với riêng hai ông bạn, ông đã công nhận với họ y như đã công nhận trong thư viết cho bác Hecsêbom, rằng những cuộc tìm kiếm của ông chưa đạt kết quả. Bí mật về nguồn gốc của Êrik chưa được khám phá, và, với tất cả sự thành khẩn của mình, bác sĩ đã buộc phải thừa nhận mới chỉ rọi được một chút ánh nắng vào cái lai lịch huyền bí ấy mà thôi.

- Tuy vậy, - ông nói tiếp - nếu như tôi không tuyên bố công khai rằng tôi chẳng có lý do gì phải thua cuộc cả thì tôi thấy lương tâm cũng áy náy. Đúng

là tôi không tìm được gia đình của Êrik, nhưng những tin tức mà tôi thu lượm được lại khẳng định những điều phỏng đoán của tôi hơn là phủ định chúng. "Cintia" chắc chắn là một chiếc tàu Anh. Trong các bản thống kê của hãng Lôidơ có ít nhất mười bảy chiếc tàu Anh mang tên như vậy. Về những đặc điểm dân tộc của chú bé thì tôi có thể khẳng định lần nữa rằng đáng dấp người Kelt của nó là cái chắc. Giả thiết của tôi về nguồn gốc dân tộc của Êrik, tôi xác nhận và đã được kiểm tra bằng nhiều chứng cứ. Việc cháu là người Ailen thì bây giờ tôi lại càng tin chắc hơn trước. Dĩ nhiên là tôi chưa trình bày được với các ngài về gia đình của cháu, vì gia đình ấy hoặc là bị tử nạn hoặc là vì lý do nào đấy mà đến nay vẫn chưa có tin tức. Ngài Hostedt thân mến: đó là tất cả những gì mà tôi muốn nói với ngài. Bây giờ tự ngài hãy phán xử để cho cuốn Kvintilian của ông bạn Brêdêzhor của chúng ta phải chuyển sang thư viện của tôi một cách hợp pháp!

Khi nghe những lời ấy ông trạng sư cảm thấy buồn cười: ông ta ngả người trên chiếc ghế bành và chỉ biết vung tay ra hiệu phản đối. Sau đó, ý chừng muốn biết giáo sư Hostedt phán xử ra sao, ông hướng cặp mắt sáng linh lợi của mình nhìn giáo sư chăm chú.

Tuy nhiên, giáo sư Hostedt đã tỏ ra ít lúng túng hơn mức có thể tưởng. Mặt khác, một khi ngài bác sĩ đã đưa ra một kết luận không thể bác bỏ thì cũng nhất thiết phải chấp nhận mặt này hay mặt khác. Do tính dè dặt và thận trọng của mình, ông thích những kết luận chưa khẳng định hơn. Trong những trường hợp như vậy giáo sư đã biết xem xét vấn đề một cách tài tình, lần lượt theo các quan điểm khác nhau và đắm mình trong những giả thuyết mơ hồ như cá bơi trong nước. Và buổi tối hôm ấy, ông đã lâm vào tình trạng điển hình.

- Không có gì đáng nghi ngờ cả - ông bắt đầu bài thuyết lý của mình một cách trôi chảy, cái đầu hơi lúc lắc - việc mười bảy cái tàu Anh được biết dưới cái tên "Cintia" là một bằng chứng quan trọng có lợi cho ý kiến đã được ông bạn đáng kính của chúng ta phát biểu. Bằng chứng ấy so với những đặc điểm dân tộc của đối tượng thì rất có trọng lượng, và tôi không ngần ngại tuyên bố rằng tôi thấy nó đủ sức thuyết phục. Hơn nữa, thậm chí tôi có thể thừa nhận rằng, nếu như tôi cần phải nói lên ý kiến của mình về nguồn gốc dân tộc của Êrik thì ý kiến ấy sẽ như sau:

Mọi kết luận đều cho rằng cháu gốc người Ailen! Nhưng giả thiết là một chuyện, còn bằng chứng lại là chuyện khác. Và nếu tôi được bày tỏ suy nghĩ riêng của mình về vấn đề này thì tôi cho mình có quyền tuyên bố rằng để giải quyết vấn cuộc nói trên cần phải có những luận cứ xác đáng hơn. Mặc dù có nhiều tiền đề thực sự có lợi cho ý kiến của ngài Svariênkrôna nhưng bất kỳ lúc nào ngài Brêdêzhor cũng có thể bác bỏ chúng được vì thiếu những căn cứ thực tế không thể chối cãi. Vì vậy tôi không có đủ cơ sở để tuyên bố

rằng ngài bác sĩ được cuốn Kvintilian, cũng như không có và không đủ những kết luận xác đáng để thừa nhận ngài bác sĩ mất cuốn Plini. Do vấn đề vẫn còn để ngỏ nên tôi đề nghị kéo dài thời hạn đánh cuộc thêm một năm nữa, như vậy mới có thể tìm được cách phân xử tốt nhất.

Cũng giống như bất kỳ một bản phán quyết có tính chất thỏa hiệp nào, quyết định của giáo sư Hostedt không thỏa mãn cả phía bên này lẫn bên kia.

Bác sĩ giả bộ nhăn nhó, làm như cái nhăn ấy còn hùng biện hơn bất kỳ câu trả lời nào. Còn Brêđêzhor đứng phắt dậy, kêu lên :

- Tuyệt lắm, ngài Hostedt thân mến, có điều là chớ vội vã với điều kết luận ấy! Và Svariênkrôna không thể đưa ra những bằng chứng có lợi cho mình, nên ngài không thể xử cho ông ấy thắng cuộc, dù ngài cảm thấy những luận cứ của ông ta có sức thuyết phục. Thế ngài sẽ nói sao, nếu như ngay bây giờ, ngay tại đây, không cần phải đi đâu cả, tôi sẽ chứng minh rằng "Cintia" hoàn toàn không phải là tàu Anh?

- Tôi sẽ nói sao ư? - giáo sư nhắc lại, ông tỏ ra lúng túng trước sự tấn công quá bất ngờ ấy - Có trời chứng cho, tôi không biết... Tôi cứ nghĩ là tôi đã xem xét vấn đề theo các quan điểm khác nhau, tôi đã...

- Ngài cứ việc xem xét, bao lâu cũng được! - Trạng sư ngắt lời ông ta, tay trái rút từ túi áo trong ra một cái ví. Trong ví có chiếc phong bì màu hoàng yến, nhìn qua có thể biết ngay xuất xứ của nó từ Mỹ gửi sang.

- Đây là một chứng từ mà ngài không thể bác bỏ được - ông ta nói thêm và nâng phong thư để sát vào mắt bác sĩ.

Bác sĩ đọc to lá thư:

"Kính gửi ngài trạng sư Brêđêzhor. Xtôckhôm.

New York, 27 tháng mười hai.

Thưa ngài Brêđêzhor rất kính mến! Phúc đáp thư của ngài đề ngày 5 tháng mười năm nay, tôi vội thông báo để ngài biết như sau:

1. Tàu mang tên "Cintia" (thuyền trưởng Barton) thuộc "Công ty liên hiệp các chủ tàu Canada", đã bị đắm cùng tất cả người và hàng mười bốn năm trước đây cách các hòn đảo Farer không xa lắm.

2. Chiếc tàu đã được bảo hiểm bởi "General Steam Navigation Insurance Compan" (Tổng Công Ty Bảo Hiểm Tàu Thủy - tiếng Anh) với tổng số tiền ba triệu tám trăm ngàn đôla.

3. Vì "Cintia" bị mất tích và hoàn cảnh đắm tàu đến nay Công ty bảo hiểm vẫn chưa biết rõ, nên vụ kiện của những người sở hữu chiếc tàu nói trên bị thua cuộc.

4. Vụ thưa kiện này kéo theo việc bãi bỏ "Công ty liên hiệp các chủ tàu Canada"; Công ty này đã mười một năm nay không còn tồn tại nữa.

Trong khi chờ đợi được giao những nhiệm vụ mới, kính mong ngài, thưa ngài Brêdêzhor, nhận cho ở đây những lời chúc tốt đẹp nhất của chúng tôi.

*Đgiêrêmi Xmit, Uorker và Ko
Đại lý hàng hải”*

- Ngài nói sao đây về chứng từ này? - Brêdêzhor hỏi sau khi bác sĩ vừa đọc xong - Ngài có thấy rằng nó có một giá trị nào đó, đúng thế không?
- Tôi thực lòng thừa nhận như vậy. - bác sĩ trả lời - Nhưng mà, quái quỷ thật, làm sao mà ngài lại kiếm được cái chứng từ ấy?
- Bằng cách thông thường nhất. Đúng hôm mà ngài tuyên bố rằng "Cintia" chỉ có thể là tàu Anh thì tôi đã nghĩ ngay rằng, ngài có nghĩ quá hẹp không về phạm vi tìm kiếm của ngài, và, chiếc tàu ấy cũng có thể là tàu Mỹ chứ. Thấy thời gian cứ trôi đi, mà ngài thì chưa thu đạt được cái gì hết, và lại không thấy ngài thông báo gì về chuyện này, tôi đã quyết định viết thư sang Niu York và đến lá thứ ba thì đã nhận được trả lời như ngài đã biết. Ngài thấy đó, chuyện ấy đâu có phức tạp gì! Ngài có nghĩ rằng bây giờ tôi có đủ cơ sở để giành được "Plini" của ngài chứ?
- Kết luận của ngài tôi cảm thấy chưa xác đáng! - bác sĩ cãi lại rồi im lặng lật qua lật lại lá thư, như muốn tìm trong đó những bằng chứng mới xác nhận sự đúng đắn của mình.
- Thấy chưa xác đáng là làm sao! - trạng sư kêu lên - Tôi chứng minh rằng tàu ấy là tàu Mỹ, rằng nó bị đắm ở gần những hòn đảo Farer, tức là gần bờ biển Na Uy, đúng vào thời điểm tìm thấy cháu bé. Vậy ngài vẫn chưa chịu nhận là mình sai ư?
- Không thể nào sai được! Ông bạn thân mến, ngài ghi nhận cho rằng tôi tuyệt nhiên không phủ nhận ý nghĩ lớn lao của chứng từ mà ngài có. Ngài thực sự đã xác định được điều mà tôi không làm được là: Chính chiếc "Cintia" bị đắm ở gần bờ biển Na Uy đúng vào cái năm ấy. Nhưng tôi xin nói rằng điều phát hiện này chỉ thêm một lần nữa xác nhận giả thiết của tôi là đúng đắn mà thôi. Tàu Canada hay tàu Anh thì cũng thế: Mà do ở Canada có không ít người Ailen nên bây giờ tôi lại có thêm nhiều cơ sở để khẳng định rằng cháu bé thuộc gốc người Ailen.
- Ngài đã đọc được trong lá thư của tôi những điều như vậy! - Brêdêzhor kêu lên, càng tức giận hơn - Và, nghĩa là ngài vẫn khẳng khẳng không chịu mất cuốn Plini của ngài.
- Tất nhiên!

- Có nhẽ ngài còn định sở hữu luôn cả cuốn Kvintitian của tôi nữa chắc?
- Tất nhiên! Trong mọi trường hợp tôi vẫn hy vọng được khẳng định cái quyền ấy với sự hỗ trợ của cái chứng từ của ngài, nếu ngài cho thêm thời gian và không phản đối việc gia hạn vụ đánh cuộc của chúng ta.
- Được lắm, mà tôi cũng muốn vậy. Ngài cần thời gian bao lâu?
- Ta quy ước với nhau hai năm nữa? Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này sau một lễ Nôen.
- Rồi. - Brêdêzhor trả lời - Nhưng thưa ngài bác sĩ, tôi cam đoan với ngài rằng, chí lý nhất là nếu ngay bây giờ đây, để khỏi phải mất thời gian, ngài giao luôn cho tôi Plini của ngài!
- Ồ, không đâu, không bao giờ, Plini sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nhiều khi ở trong thư viện của tôi, bên cạnh Kvintilian của ngài đây!

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương bảy

Ý KIẾN CỦA VANDA

Lúc đầu, thậm chí hình như Êrik thấy vui với quyết định của mình. Chú lao vào công việc chài lưới hằng ngày, thực tâm cô quên đi những ham thích trước đây của mình. Bao giờ chú cũng dậy sớm hơn mọi người, thu xếp đồ đạc và cố gắng chuẩn bị mọi thứ để đi đánh cá, đến nỗi bác Hecsêbom chỉ còn một việc là ngồi vào thuyền và rời bến. Hôm nào không có gió thì Êrik cầm mái chèo nặng và bơi thật mạnh, dường như chú cố ý tìm công việc nặng nhọc nhất.

Đối với chú chẳng có gì là nặng nhọc cả: Từ việc ngồi suốt trên thuyền đến việc làm cá tuyết đánh bắt được (đầu tiên là bỏ lưới - được coi là một món ăn ngon, sau đó bỏ đầu và xương và chỉ khi ấy người ta mới bỏ vào trà và qua ướp muối lần thứ nhất). Dù là việc gì Êrik cũng đảm đương chẳng những tận tâm mà còn hăng say nữa. Chú làm cho Ôttô phải ngạc nhiên về thái độ chu đáo của mình đối với mọi công việc lặt vặt trong nghề cá của họ.

- Ở thành phố thì buồn nhớ đến tiêu tụy đi! Chú nhỏ chắt phác nói. Còn ở đây thì chỉ cần từ bỏ vịnh ra khơi là đã cảm thấy mình sống trong môi trường thân thuộc rồi!

Nhưng khi câu chuyện vừa mới nhắc đến đề tài ấy thì Êrik lại im bật. Vậy chứ thỉnh thoảng, không biết vì sao, bỗng chú lại bắt đầu chứng minh cho

Ôttô hay, đúng hơn là với chính bản thân mình, rằng không có gì hơn cuộc sống của người đánh cá.

- Anh cũng nghĩ như vậy - Ôttô nói với nụ cười bình thản, còn Êrik tội nghiệp thì quay mặt đi, cố nén một tiếng thở dài náo ruột.

Nói cho ngay, chú buồn dữ lắm khi phải từ bỏ những buổi học để chỉ làm mỗi một việc lao động chân tay. Mỗi lần những tư tưởng ấy xâm chiếm chú, bằng mọi cách chú cố xua đuổi chúng đi, giấu không cho mọi người chung quanh biết nỗi giằng xé trong lòng mình. Nhưng, bất chấp tất cả, nỗi cay đắng và xót xa vẫn không chịu rời bỏ chú. Chú chẳng thổ lộ nỗi buồn của mình với ai trên đời này hết. Chú giấu kín nó trong lòng và do vậy chỉ càng thấy đau khổ hơn. Một tai nạn bất ngờ xảy ra vào đầu mùa xuân lại càng làm cho những nỗi dằn vặt trong lòng chú gay gắt hơn.

Ngày hôm ấy có một việc cần làm là cất vào kho số cá tuyết muối đã trữ được. Bác Hecsêbom, sau khi giao cho Êrik và Ôttô việc ấy đã tự mình đi đánh cá. Đó là một ngày u ám và oi bức khác thường đối với mùa xuân ở Na Uy. Trong lúc cần cù làm việc, hai chú bé nhận thấy công việc lao động bình thường nhất trong buổi sáng hôm ấy sao mà nặng nhọc khác thường, ngay cả đến không khí cũng thấy như có thể cân được.

- Lạ nhỉ - Êrik nói - Em thấy ù tai, cứ như là bay trên khinh khí cầu cao bốn hay năm kilômet ấy.

Chẳng mấy chốc chú bị chảy máu mũi. Cả Ôttô cũng thấy có những cảm giác như thế, mặc dù không thể diễn tả một cách chính xác được.

- Có lẽ phong vũ biểu bây giờ tụt mạnh lắm - Êrik nói tiếp - Giá có thì giờ em chạy đến thầy Maljarius kiểm tra xem sao.

- Em có đủ thời gian đấy - Ôttô đáp - Em đi xem thử coi, vì anh em mình gần như xong việc rồi. Nếu em có bị chậm thì một mình anh làm hết cũng được.

- Vậy em đi nhé! Chính em cũng không biết tại sao, nhưng áp suất không khí thế này làm em lo lắng. Sao em cứ muốn bây giờ bố ở nhà thì hay quá!

Trên đường đi Êrik đã gặp thầy giáo Maljarius.

- Con đấy à, Êrik! - Thầy giáo nói - Gặp con và thấy con không đi biển thầy mừng. Nói thật, thầy đi chỉ cốt biết xem con ở đâu thôi. Trong nửa giờ qua phong vũ biểu hạ rất nhanh. Trong đời chưa có lần nào thầy thấy như vậy cả. Bây giờ phong vũ biểu chỉ bảy trăm mười tám milimet. Chắc chắn là thời tiết sắp thay đổi.

Thầy giáo Maljarius chưa kịp nói hết câu đã nghe tiếng ào ào từ xa vọng lại

kèm theo tiếng rú báo hiệu điềm chẳng lành. Bầu trời vừa mới đây chỉ có lớp mây màu tím giăng đầy ở phía Tây, thế mà dùng một cái đã tối sầm hết lại. Rồi sau một thoáng yên lặng, lá cây, rơm rạ, cát, đá mảnh - tất cả đều bị một cơn gió giật cuốn bốc lên trên không. Cơn bão đang đến gần.

Đó là trận bão mạnh ghê gớm, ống khói nhà, cánh cửa sổ và thậm chí ở một số nơi cả mái nhà cũng đều bị cuốn đi như những cọng cỏ. Nhiều nhà bị hư hại, nhiều kho tàng bị sụp đổ, nhưng trong vịnh, ngay khi bão biển mạnh nhất cũng vẫn bình yên, như mặt nước dưới giếng vậy.

Cơn bão đã hoành hành suốt cả giờ. Sau đó, bị các sườn núi Na Uy cản lại, nó chuyển sang hướng Nam, về phía lục địa châu Âu, quét đi tất cả mọi thứ trên đường. Trong các bản tin khí tượng, trận bão ấy được ghi nhận là một trận gió xoáy mạnh nhất có sức tàn phá lớn nhất đã tràn qua Đại Tây Dương từ trước đến nay.

Ở thời đại chúng ta (ở đây nói đến những năm sáu mươi của thế kỷ 19), những đợt di chuyển của không khí mang tính chất thảm họa như vậy được người ta thông tin bằng điện báo. Phần lớn các cảng ở châu Âu được thông báo kịp thời bằng công văn hỏa tốc đã báo tin ngay về trận bão sắp đến cho các tàu đang chuẩn bị rời bến hoặc neo yếu. Nhờ vậy, những thiệt hại về người do bão gây ra có phần nào bớt đi. Nhưng, tai nạn ở các làng chài và ngoài biển khơi do ở xa những cảng lớn thì nhiều vô kể. Tổng cục hàng hải Pháp Veritas và Tổng cục hàng hải Anh Lôiđa đã ghi lại được ít nhất bảy trăm ba mươi vụ đắm tàu do bão gây nên.

Ý nghĩ đầu tiên của gia đình Hecsêbom, cũng như hàng trăm gia đình đánh cá khác trong ngày hôm ấy tất nhiên là chú ý đến những người đi biển. Bác Hecsêbom thường hay đi về bờ biển phía Tây của một hòn đảo khá lớn cách cửa vịnh hai hải lý. Đúng nơi ấy trước đây bác đã tìm thấy Êrik. Căn cứ vào chỗ bão không ập đến ngay, nên có thể hy vọng rằng bác đã tìm được nơi trú ẩn, ngay cả khi thuyền bị hất lên bãi cát. Những, Êrik và Ôttô lo cho bác quá, đến mức không thể đợi đến chiều mới khẳng định điều phỏng đoán của mình.

Ngay khi mặt biển trong vịnh vừa lặng sóng, Êrik và Ôttô liền hỏi mượn người hàng xóm một chiếc thuyền và quyết định đi tìm bố. Thầy giáo Maljarius đã hẹn hai chú cho thầy đi cùng. Cuối cùng, họ đã rời bến. Bà Katrina và Vanda ra biển, lo lắng nhìn theo.

Gió đã yếu trong vịnh, nhưng vẫn tiếp tục thổi từ hướng tây.

Muốn đi qua lối hẹp để ra khơi chỉ có thể bơi bằng mái chèo, mất hơn một giờ.

Đến chỗ hẹp nhất họ đã đụng phải chướng ngại bất ngờ. Ngoài đại dương bão vẫn hoành hành như cũ. Sóng đập vào hòn đảo nhỏ án ngữ lối vào vịnh tạo thành hai luồng nước. Sau khi vòng qua chướng ngại họ cho thuyền theo dòng nước lao vút vào lối ra khơi như lao vào một cái phễu khổng lồ. Trong những điều kiện như vậy thì chả nên nghĩ đến chuyện ra khơi mà làm gì. Ngay đến cả tàu thủy cũng phải khó khăn lắm mới đi được, huống hồ một chiếc thuyền mỏng manh chèo ngược gió. Chẳng còn cách gì hơn là trở về Nôrô và chờ đợi.

Đã đến giờ bác Hecsêhom thường đi biển về. Nhưng, chẳng thấy bác, cũng như nhiều ngư dân khác đã ra khơi đánh cá hôm đó đâu cả. Đúng ra, nên giả thuyết rằng một trở ngại không lường trước nào đó đã ngăn cản tất cả họ trở về bờ vịnh, hơn là nghĩ đến nỗi bất hạnh mà một mình bác Hecsêbom gặp phải. Buổi tối hôm ấy, trong mỗi gia đình thiếu vắng người thân đều cảm thấy một bầu không khí nặng nề. Rồi, đêm đã qua, mà những người đi vắng vẫn chưa về, nỗi lo âu lại càng tăng lên, bao trùm khắp làng chài. Người nhà bác Hecsêbom không ai đi nằm cả. Im lặng và đau buồn, mọi người ngồi gục đầu bên bếp lò cho qua những giờ phút chờ đợi khắc khoải.

Về tháng ba, trên các vĩ độ ấy trời sáng muộn. Nhưng, đầu sao một ngày mới bắt đầu quang đăng và nắng ráo. Gió đã đổi hướng, và bây giờ đã có thể hy vọng ra khơi. Khi cả một đoàn thuyền được tập trung từ khắp vùng Nôrô đã sẵn sàng đi tìm kiếm thì ở vịnh thấy xuất hiện những chiếc thuyền chài và chẳng bao lâu chúng đã vào đến bờ. Tất cả những ngư dân đi biển trước khi có trận gió xoáy đều đã trở về, chỉ trừ có một mình bác Hecsêbom.

Không ai có thể thông báo được điều gì về bác cả. Việc bác không cùng về với mọi người lại càng làm tăng thêm nỗi lo âu, bởi vì tất cả đều đã phải vật lộn với bao nhiêu thử thách. Một số bị bão hất vào bờ, còn thuyền của họ bị chìm ngìm. Những người khác đã kịp lánh vào vùng biển tránh bão, chỉ có

mấy người may mắn lúc nguy hiểm nhất vẫn còn ở trên cạn.

Mọi người quyết định cả đoàn thuyền đi tìm bác Hecsêbom ngay. Thầy giáo Maljarius vẫn không thay đổi ý định tham gia đoàn tìm kiếm cùng với Êrik và Ôttô. Cả con chó Klaas giống Gronlan mà bác Hecsêbom có lần đi ra mũi Farvel đã mang về cũng được phép đi cùng.

Sau khi ra bến ngoài khơi, đoàn thuyền tỏa ra nhiều hướng: một số đi về bên trái, số khác thì đi về bên phải để khảo sát bờ của rất nhiều hòn đảo nhỏ nằm rải rác gần vịnh Nôrô, cũng như dọc theo suốt cả vùng duyên hải Na Uy.

Đến giữa trưa, y hẹn, các thuyền lại gặp nhau ở điểm phía Nam của vịnh: Rõ ràng vẫn chưa tìm thấy dấu vết bác Hecsêbom đâu. Vì ý kiến chung cho rằng tìm kiếm đã kỹ mà không có kết quả, nên mọi người đi đến kết luận đáng buồn là không còn cách nào khác đành phải trở về vậy.

Nhưng, Êrik không muốn chịu thua và từ bỏ bất kỳ niềm hy vọng nào một cách nhanh chóng như thế. Chú tuyên bố rằng các đảo Nam đã được xem xét rồi, bây giờ chú muốn khảo sát các đảo Bắc. Do thầy giáo Maljarius và Ôttô ủng hộ đề nghị của chú, nên các ngư dân đồng ý cho họ dùng chiếc thuyền nhẹ nhất và rất tiện lợi cho việc luồn lách để đi tìm bác Hecsêbom một lần cuối cùng. Sau khi chúc cả ba người thành công, các ngư dân quay về Nôrô.

Tính ngoan cường của Êrik thật đáng khen. Khoảng hai giờ chiều, khi chiếc thuyền trôi đi qua một hòn đảo nhỏ cách bờ không xa lắm, con Klaas bỗng sủa ầm ĩ lên. Chưa kịp giữ lại, nó nhảy ào xuống nước và bơi thẳng vào những dải đá ngầm. Êrik và Ôttô vung mạnh mái chèo, lao thuyền theo hướng ấy. Chẳng mấy chốc, hai chú bé thấy con chó sau khi bơi vào đảo đã nhảy chồm và rít lên quanh một vật đen đen nào đó trông như một xác người nằm sóng soài trên tảng đá xám.

Hai chú bé nhanh chóng cho thuyền cập bờ.

Quả nhiên, trên đó có một người đang nằm thật, và đó là bác Hecsêbom!

Toàn thân bác máu me, nhợt nhạt, cứng đờ, lạnh lẽo, không thấy thở nữa, có thể là đã chết! Con Klaas khê rít lên và liếm tay bác.

Động tác đầu tiên của Êrik là quỳ xuống trước cái xác cứng đờ và áp tai vào ngực bố:

- Bố còn sống! Em nghe thấy tiếng tim còn đập! - chú bé kêu lên.

Thầy Maljarius cầm tay bác Hecsêbom định bắt mạch, nhưng đã lắc đầu với vẻ nghi ngại. Tuy nhiên, thầy đã quyết định áp dụng mọi cách cấp cứu mà người ta thường hay làm đối với những trường hợp tương tự như thế này.

Thấy cỡi chiếc thắt lưng len to ra, xé làm ba mảnh, và cả ba người cùng chà mạnh vào ngực, chân và tay người đánh cá.

Chẳng mấy chốc đã thấy rõ ràng cái cách đơn giản ấy có tác dụng làm cho máu lưu thông trở lại. Tim bác Hecsêbom đập mạnh hơn, ngực bác đã phập

phòng và hơi thở yếu xuất hiện. Cuối cùng, bác Hecsêbom đã tỉnh lại và rên một cách tội nghiệp.

Thầy giáo Maljarius và cả hai chú bé cẩn thận nâng bác Hecsêbom dậy, vội vàng đưa lên thuyền. Khi họ đặt bác nằm lên lớp đệm làm bằng vải buồm, bác mở mắt ra.

- Nước! - bác thều thào.

Êrik kê bình rượu vào môi bác. Bác tập một ngụm nhỏ. Qua cái nhìn thân thiết và biết ơn của bác có thể đoán rằng đến bây giờ bác mới nhận rõ mình lâm nạn. Nhưng, bị đuối sức quá, bác thiếp đi mê man.

Những người cứu bác thấy tốt nhất là nhanh chóng đưa bác về nhà, nên đã cùng nhau mạnh tay chèo. Họ nhanh chóng đến cửa vịnh và nhờ thuận gió, nên chả mấy chốc đã về đến Nôrô.

Bác Hecsêbom được đặt lên giường, băng bằng các gác lá thuốc của miền núi, uống nước thịt hầm đặc, và đến lúc ấy bác mới thực sự tỉnh lại. Bác không bị chấn thương gì nặng, nếu không kể chỗ bắp tay bị gãy xương và toàn thân bị những vết tím bầm, sâu sát. Thầy giáo Maljarius yêu cầu mọi người không hỏi chuyện để bệnh nhân được yên và khỏi mệt. Bác Hecsêbom bắt đầu ngủ ngon giấc.

Mãi đến ngày hôm sau bác mới nói được và kể đôi điều về sự việc đã xảy ra với bác:

Bác đã bị gió xoáy cuốn đi vào đúng lúc bác căng buồm để trở về Nôrô. Bão hất bác vào dãy đá ngầm, thuyền bị vỡ tung ra từng mảnh và bị gió cuốn vèo ngay đi. Chính bác định tránh cú đòn này, nên đã kịp lao xuống biển ngay trước lúc xảy ra tai nạn trong tích tắc mà thôi. Chỉ nhờ một sự kỳ lạ mà bác Hecsêbom đã không bị va vào đá. Khó khăn lắm bác mới vào được bờ và thoát khỏi những con sóng. Người mệt nhoài ra, một tay bị gãy, toàn thân bị tím bầm và sâu sát, bác Hecsêbom ngã lăn ra đất và bây giờ thậm chí không thể nhớ lại hai mươi giờ đồng hồ ấy đã trôi qua như thế nào và chính xác lúc nào thì cơn rét run dữ dội đã làm cho bác ngất đi.

Bây giờ, khi tính mạng của bác không còn bị đe dọa nữa, bác nuối tiếc chiếc thuyền đã mất và than phiền về cánh tay bị bó nẹp cứng đờ. Rồi sẽ ra sao đây, nếu như, giả dụ sau tám hoặc mười tuần ngồi không, bác sẽ lại có một cánh tay khỏe mạnh? Chiếc thuyền là tài sản duy nhất của gia đình thì đã bị gió cuốn mất tiêu rồi còn đâu? Đi làm thuê cho ai ở cái tuổi của bác cũng không phải dễ gì. Ừ, mà tìm việc ở đâu kia chứ? Bởi vì những người đánh cá ở Nôrô không cần người giúp việc, còn nhà máy dầu cá thì đã giảm bớt số công nhân.

Bác Hecsêbom sau khi khỏe lại, tay còn băng bó, ngồi trên chiếc ghế bành lớn và đắm mình trong những suy nghĩ buồn bã như vậy.

Trong khi chờ đợi ông chủ gia đình bình phục hoàn toàn, cả nhà đã ăn hết

những thứ dự trữ. Họ đã ăn đến chỗ cá tuyết muối còn lại được một ít trong kho, nhưng tương lai thì u ám, không biết rồi đây mọi chuyện sẽ ra sao. Những điều băn khoăn và những nỗi lo âu chẳng bao lâu đã làm cho những ý nghĩ của Êrik có một hướng khác. Trong hai ba ngày đầu, tình cảm tràn ngập lòng chú mạnh mẽ hơn cả niềm vui. Bởi vì nhờ lòng thủy chung vô hạn của chú mà bác Hecsêbom đã được cứu sống, và chú, không thể không tự hào mỗi khi bà Katrina hay Vanda thỉnh thoảng lại nhìn chú với cái nhìn biết ơn như muốn nói với chú rằng:

"Êrik yêu mến, trước đây, bố đã cứu con trên biển, còn bây giờ thì đến lượt mình, con đã giành lại được bố khỏi nanh vuốt của tử thần".

Tất nhiên, đó là phần thưởng cao nhất, mà chú chỉ có thể ước mơ, khi chú quyết định bước vào cuộc đời khổ cực của người đánh cá. Và thực ra chú có quyền nhủ mình rằng trong chừng mực nào đấy chú phải báo đền công ơn đối với gia đình đã nuôi nấng chú, về tất cả ân huệ mà gia đình đã dành cho chú. Còn gì có thể an ủi chú và củng cố sức mạnh tinh thần của chú hơn thế nữa?

Nhưng, gia đình ấy sau những ngày chia sẻ một cuộc sống không lấy gì làm sung túc, bây giờ đây đang bị cảnh đói nghèo đe dọa. Chú có quyền gì làm cho gia đình thêm vất vả nữa? Chẳng lẽ chú lại không có trách nhiệm làm mọi cách để giúp đỡ gia đình hay sao? Êrik hiểu rất rõ đó là trách nhiệm của chú. Chú chỉ còn thấy lúng túng trong việc chọn cách thể hiện trách nhiệm ấy nữa thôi. Liệu chú đi Berghen xin làm thủy thủ thiếu niên trên một chiếc tàu nào đấy có được không? Hay là giúp đỡ gia đình bằng cách nào khác nữa?

Một hôm, chú đã tâm sự những điều băn khoăn của mình với thầy giáo Maljarius. Sau khi lắng nghe hết mọi nhẽ của chú, thầy đồng ý nhưng kiên quyết bác bỏ kế hoạch của Êrik định đi biển làm thủy thủ thiếu niên.

- Thầy có thể hiểu, mặc dù rất tiếc về điều đó - thầy nói - Thầy hiểu em quyết định ở lại đây để chia sẻ số phận với bố mẹ nuôi. Nhưng thầy sẽ không bao giờ tán thành ý định của em xa gia đình để đi làm một nghề mà không thấy mở ra trước mắt em triển vọng gì cả, trong khi bác sĩ Svariênkrôna tạo cho em điều kiện để học rộng và có địa vị thích đáng trong xã hội!

Nhưng, thầy Maljarius đã giấu không nói cho chú biết rằng, thầy đã gửi cho bác sĩ Svariênkrôna một lá thư, quyết định nói cho bác sĩ biết gia đình Êrik đã bị những thiệt hại nặng nề như thế nào do trận xoáy ngày ba tháng ba gây ra. Bởi vậy thầy giáo không lấy gì làm ngạc nhiên khi sang ngày thứ tư thầy đã nhận được trả lời của bác sĩ. Nội dung bức thư ấy thầy đã cho bác

Hecsêbom biết ngay.
Đây là những gì đã viết trong thư:

“Xtôckhôm, ngày 17 tháng Ba
MALJARIUS thân mến của tôi!

Tôi xin tỏ lòng biết ơn chân thành đối với anh về việc anh đã báo cho tôi biết những thử thách khắc nghiệt mà bác Hecsêbom đáng kính của chúng ta đã phải vượt qua do cơn gió xoáy ngày 3 tháng này gây nên. Tôi lấy làm sung sướng và tự hào biết rằng trong cơn thiên tai ấy, Êrik đã tỏ ra là một thanh niên dũng cảm và một đứa con trung hiếu đúng như bản chất của cháu. Anh sẽ nhận được trong thư này một tờ ngân phiếu 500 curon mà tôi muốn nhờ anh thay mặt tôi trao cho Êrik. Anh nói với cháu rằng nếu số tiền này không đủ để mua ở Berghen một cái thuyền chài tốt nhất, thì cháu báo ngay cho tôi biết. Tôi muốn cháu đặt tên cho cái thuyền ấy là "Cintia" và tặng nó cho bác Hecsêbom để tỏ tấm lòng của đứa con đối với bố. Còn sau đó, khi việc ấy đã thực hiện xong, thì Êrik, nếu như cháu muốn nghe lời tôi, cần phải trở về Xtôckhôm và tiếp tục việc học hành. Chỗ dành cho cháu trước đây trong ngôi nhà của tôi vẫn để nguyên đó. Và nếu cần phải có thêm lý lẽ gì để thuyết phục cháu trở lại đây thì tôi xin nói thêm là hiện giờ tôi đã có một số tin tức cho phép hy vọng khám phá điều bí mật về nguồn gốc của cháu. Maljarius thân mến, tôi vẫn là người bạn trung thành và chân thực của anh.
R.v. Svartiênkrôna - bác sĩ y khoa”

Ta có thể đoán một cách dễ dàng bức thư ấy đã được đón nhận với niềm vui như thế nào. Khi chuyển món quà của mình cho Êrik, bác sĩ muốn qua việc đó chứng tỏ rằng ông rất hiểu tính của người đánh cá già. Để gì bác Hecsêbom đã đồng ý nhận chiếc thuyền do bác sĩ trực tiếp gửi tặng. Nhưng làm sao bác lại có thể từ chối một chiếc thuyền mang tên "Cintia" để ghi nhớ sự xuất hiện của Êrik trong gia đình của bác? Nhưng, ngược lại, việc Êrik sắp ra đi làm cho cả nhà rầu rĩ. Dù không nói ra, nhưng ai cũng chỉ nghĩ đến điều đó thôi.

Êrik trong trạng thái buồn vui lẫn lộn: đương nhiên, chú muốn làm theo ý của bác sĩ và như vậy là chú thực hiện được nguyện vọng thiết tha của mình, nhưng đồng thời chú lại không muốn làm cho bố mẹ nuôi đau khổ.

Vanda đã giúp chú phá tan sự im lặng nặng nề.

- Anh Êrik - cô bé nói, giọng âu yếm và nghiêm trang - anh không thể trả lời từ chối bác sĩ, vì như thế là chẳng những tỏ ra vô ơn, mà lại còn tự bó mình! Vị trí của anh là đứng giữa các nhà bác học, chứ không phải là giữa những người dân chài! Em đã nghĩ đến những điều đó từ lâu. Nhưng nếu chưa ai dám nói ra thì em nói!

- Vanda nói đúng! thầy giáo Maljarius mỉm cười nói.
- Đúng, Vanda nói đúng! - bà Katrina nhắc lại, nước mắt sụt sùi. Và thế là Êrik lại ra đi lần nữa.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương tám

PATRIC Ô ĐÔNÔGAN

Những tin tức mà bác sĩ Svariênknôna khai thác được, mặc dù bản thân chúng chưa có ý nghĩa gì lớn lắm, nhưng có thể là hướng để lần ra dấu vết. Ông đã biết được tên viên giám đốc trước đây của Công ty các chủ tàu Canada là Đgiôsui Socsin. Tiếc rằng ông không biết những gì đã xảy ra với con người ấy từ khi giải tán công ty. Dĩ nhiên là những cuộc tìm kiếm sau này đã được giải quyết theo hướng đó. Nếu như tìm ra Đgiôsui Socsin thì có thể qua ông ta biết được danh sách hành khách của tàu "Cintia". Trong đó, chắc có nhắc đến cháu bé cùng những người trong gia đình của cháu hoặc những người mà cháu được gửi theo. Từ nay trở đi, phạm vi tìm kiếm cần phải hạn chế lại, ít nhất đó cũng là lời khuyên của một luật sư, người đã nắm trong tay cuốn sổ hành khách trong thời gian giải thể các hoạt động của công ty. Nhưng đã mười năm nay ông ta không nghe nói gì về Đgiôsui Socsin cả. Lúc đầu, bác sĩ đã tỏ ra mừng quá sớm khi biết rằng các tờ báo Mỹ thường xuyên đăng danh sách hành khách đi châu Âu. Ông nghĩ chỉ việc giở các tập báo cũ ra là sẽ thấy danh sách hành khách của tàu "Cintia". Nhưng sau khi kiểm tra lại thì thấy dự tính ấy không thực hiện được: việc công bố những danh sách hóa ra chỉ mới được bắt đầu trong thời gian mấy năm gần đây thôi. Tuy vậy, những tờ báo cũ cũng đã đem lại cái lợi là giúp xác định được chính xác ngày "Cintia" rời bến. Nó đã rời bến ngày 3 tháng mười một, nhưng không phải từ một cảng Canada như đã dự đoán, mà là từ Niu-York đi Hamburg.

Khi ấy, bác sĩ đã có ý định tìm hiểu những sự việc cần thiết, đầu tiên là ở Hamburg, sau đó ở Mỹ.

Ở Hamburg, những cuộc tìm kiếm đã không đưa lại những kết quả cần thiết. Các thương gia đã từng có thời gian làm trong công ty Canada không biết gì về hành khách của "Cintia" cả và chỉ có thể cho biết những thứ hàng gì đã được chuyên chở trên chiếc tàu ấy. Nhưng, chẳng cần đến họ cũng có thể biết được điều đó.

Sau khi Êrik trở lại Xtôckhôm được nửa năm thì rốt cuộc cũng đã có tin từ

Niu-York cho biết Đgiôsui Socsin, nguyên giám đốc công ty đã mất từ bảy năm trước tại một bệnh viện ở khu thứ chín, không để lại người thừa kế hợp pháp nào và cũng không để lại của thừa tự gì cả. Còn về những cuốn sổ ghi tên hành khách của công ty thì có lẽ từ lâu đã bị biến thành giấy lộn để cho những người bán tạp hóa dùng vào việc cuốn thuốc lá.

Thế là dấu vết lại bị mất...

Cuộc điều tra kéo dài và không có kết quả này chỉ càng làm cho Brêdêzhor có thêm lý do giễu cợt, xúc phạm lòng tự ái của bác sĩ, mặc dù thực ra những chuyện giễu cợt ấy chẳng có hại gì.

Ở nhà bác sĩ, chuyện của Êrik bây giờ mọi người đều biết cả. Ai nấy đều nói công khai, chẳng e ngại gì hết. Tất cả các đợt điều tra đều được bàn bạc sôi nổi sau bữa ăn hoặc trong phòng làm việc của bác sĩ. Có lẽ ông xử sự như trong hai năm đầu tiên có lý hơn, vì lúc ấy ông còn giữ bí mật mọi chuyện. Bây giờ bí mật về nguồn gốc của Êrik lại là đề tài cho những câu chuyện vô tận của Fru Grêta và Kaisa, và làm cho bản thân Êrik suy tư buồn bã.

“Không biết bố mẹ mình có còn sống không, có lẽ chẳng bao giờ được biết sự thật về gia đình nữa, tất cả những điều đó tự chúng cũng đã đủ buồn rồi. Nhưng còn nặng nề hơn nữa là không biết Tổ quốc của mình là đâu...”

"Đến một thằng bé lêu lổng đáng thương nhất, một người nông dân nghèo nhất cũng có thể ít ra là xưng danh Tổ quốc mình và dân tộc mình được nữa là! - Êrik lập luận, chú không lúc nào ngưng nghĩ đến những vấn đề ấy - Thế mà mình không biết gì về mình cả, mình là một hạt cát nhỏ bé chẳng biết phong tục tập quán của đất nước mình, mình không có một tác đất quê hương, không có quá khứ! Mảnh đất nơi mình đã sinh ra hoặc nơi mẹ mình đang yên nghỉ dưới mộ có thể đang bị bọn nước ngoài xâm chiếm và làm nhục, còn mình thì lại không được quyền bảo vệ Tổ quốc và đổ máu vì Tổ quốc!"

Những ý nghĩ ấy đè nặng lên Êrik tội nghiệp. Những lúc như thế, chú luôn an ủi mình bằng cách coi bà Katrina là người mẹ ruột, coi nhà bác Hecsêbom là ngôi nhà thân yêu, còn Nôrôê là quê hương xứ sở. Chú cứ hứa mãi với mình sẽ đền bù thật hậu cho họ về tất cả những gì tốt đẹp mà họ đã dành cho chú, và sẽ trở thành một người con trung thành nhất của Na Uy. Dù sao chú cũng không thể không cảm thấy vị trí không bình thường của chú.

Ngay đến vẻ bề ngoài của chú - sắc da, màu mắt và tóc - tất cả những gì làm cho chú khác biệt những người xung quanh - đều gợi cho chú sự đau khổ mỗi khi nghĩ đến điều đó. Mỗi khi nhìn thấy hình ảnh của mình trong gương hay từ kính các cửa hàng là chàng thanh niên lại nghĩ ngay đến điều ấy. Đôi lúc Êrik tự hỏi mình thích Tổ quốc nào hơn, nếu như chú được quyền lựa chọn.

Những ý nghĩ ấy chi phối Êrik trong suốt các buổi học và làm nảy ra một hướng khác, ngoài ý muốn của chú. Chú bắt đầu nghiên cứu một cách cần mẫn môn vũ trụ học (Vũ trụ học - những kiến thức chung về thiên văn và địa lý. Đây là môn học có ý nghĩ thực tế đối với ngành hàng hải và điều khiển tàu thủy. Hiện nay môn vũ trụ học đã được thay thế bằng môn thiên văn hàng hải), địa lý, giao thông đường thủy, nghĩa là tất cả những gì nằm trong chương trình của các trường hàng hải. Tưởng như mọi việc đã được quyết định xong xuôi từ trước và chú sẽ đi du hành đó đây.

"Sẽ đến ngày mình thi tốt nghiệp thuyền trưởng viên dương - chú thâm nghĩ - và mình sẽ tự lập tổ chức đi Niu-York để tiếp tục việc điều tra những sự việc liên quan đến tàu "Cintia".

Tất nhiên là Êrik không thể kìm chế những câu chuyện về đề tài này. Vốn là người rất chân thành, chú không thể không thông báo cho những người chung quanh về các kế hoạch tương lai của mình.

Bác sĩ Svanêrikrona, trạng sư Brêdêzhor và giáo sư Hostedt tâm đắc với ý định ấy đến mức coi đây như là ý chính của mình. Nếu lúc đầu bí mật về nguồn gốc của chú bé đối với họ chỉ là một vấn đề đáng quan tâm thì bây giờ nó đã chi phối mọi suy nghĩ của họ. Thấy Êrik lo lắng dần vật nhiều quá, hơn nữa, thật tình họ yêu quý chú và hiểu rằng điều đó có nghĩa như thế nào đối với chú, họ quyết định làm tất cả những gì có thể làm được để xác minh chân lý.

Và thế là trong một buổi tối đẹp trời họ đã nảy ra ý định cùng nhau tổ chức chuyến đi nghỉ ở Niu-York và thử phát hiện tại chỗ những sự việc thực tế mới mẻ nào đấy.

Ai là người đầu tiên nảy ra ý định này? Vấn đề vẫn chưa ngã ngũ và suốt thời gian dài đã là đối tượng tranh cãi giữa bác sĩ và Brêdêzhor. Ai cũng cho mình là prioritet (người đầu tiên sáng chế, phát minh ra một cái gì đó). Nói đúng hơn là ý đồ đi du lịch đã cùng lúc nảy ra ở cả hai người. Nó cứ như giấc mơ tiên vậy, vì lúc nào Êrik cũng nói đến những dự định tương lai của mình. Dầu sao, ước mơ của chú cũng đã biến thành hiện thực. Và tháng chín năm sau đó, ba người bạn đã cùng Êrik đến thành phố Crixiania và đáp tàu thủy đi Mỹ.

Sau mười ngày, họ đến Niu-York và bắt đầu ngay những cuộc hội đàm với văn phòng của ông Đgiorem Xmit, Uoker và Ko, là nơi đã thu được những tin tức đầu tiên.

Từ giờ phút ấy một nhân tố mới mà ý nghĩa của nó trước đây không ai ngờ tới đã bắt đầu phát huy tác dụng - đó là nguồn nghị lực vô tận của chính bản thân Êrik. Ở Niu-York và Mỹ, trong hoàn cảnh mới mẻ và khác lạ ấy, chú đã cố gắng nhận xét tất cả những gì có thể giúp chú tiếp cận với đối tượng tìm kiếm. Từ sáng sớm chú đã ra cảng, đi dạo trên bờ, nhìn những con tàu đỗ ở

bến và không biết mệt mỏi tìm kiếm và thu lượm những tin tức mà thoát đầu tưởng như chẳng đáng kể gì.

- Ngài có biết gì về Công ty các chủ tàu Canada không ạ? Ngài có thể chỉ giúp cho cháu một sĩ quan, một hành khách hay một thủy thủ nào đó đã đi trên tàu "Cintia" được không ạ? - chú hỏi khắp nơi như thế.

Nhờ kiến thức tiếng Anh tuyệt vời, chàng thanh niên đứng đắn và niềm nở ấy, một người am hiểu tường tận mọi công việc của nghề biển, đến đâu cũng được đón tiếp nồng hậu. Chú luôn luôn được người ta chỉ cho gặp những sĩ quan, thủy thủ và nhân viên trước đây của Công ty các chủ tàu Canada. Đôi khi chú đã tìm gặp được họ, có lúc dấu vết đã bị mất. Không một ai báo được cho chú điều gì về chuyến đi biển cuối cùng của "Cintia" cả. Đã qua gần hai tuần liên tục đi lại và kiên trì tìm kiếm, cuối cùng Êrik vẫn không thu lượm được tin tức nào đáng tin cậy trong số hàng mớ tin tức không rõ ràng, thường là mâu thuẫn nhau, mà bấy lâu nay chú bé từng đặt nhiều hy vọng. Thật vậy, khó có thể định giá được ý nghĩa của những bằng chứng ấy. Điều được xác định rõ là: Có một thủy thủ nào đó tên là Patric Ô Đônôgan còn sống sót trong vụ đắm tàu "Cintia" và từ đó đến nay đã nhiều lần ông ta đến Niu-York. Người ta khẳng định rằng Patric Ô Đônôgan trong chuyến đi biển lần cuối cùng của "Cintia" đã có mặt trên boong với tư cách là thủy thủ tập sự. Anh ta phục vụ thuyền trưởng và, căn cứ trên tất cả các mặt, thì anh ta phải biết những hành khách hạng nhất thường ăn cơm ở phòng chung của tàu. Bởi vì chú bé được buộc vào phao cứu hộ chắc chắn phải thuộc số những hành khách hạng nhất. Điều ấy đã được tất cả các đồ dùng đẹp đẽ và sang trọng của chú khẳng định. Chính vì thế mà việc quan trọng nhất và không thể trì hoãn được bây giờ là tìm bằng được Patric Ô Đônôgan!

Bác sĩ và Brêdêzhor đã đi đến quyết định ấy khi Êrik trao đổi với họ về những tin tức của mình sau khi trở về khách sạn ở khu số năm để ăn trưa. Tuy nhiên, cuộc nói chuyện đã tức khắc bị gạt sang một bên, bởi vì bác sĩ đã cố gắng khai thác được từ trong thông tin của Êrik một sự khẳng định mới cho cái lập luận ưa thích nhất của mình.

- Nếu có thể coi một cái tên nào đó là tên của người Ailen, thì, không còn nghi ngờ gì nữa, đó là cái tên của Patric Ô Đônôgan! Bởi vì đâu phải vô cơ mà tôi nói rằng số phận của Êrik gắn bó với nước Ailen!

- Tạm thời tôi vẫn chưa thấy ra điều ấy - Brêdêzhor bác lại, mỉm cười - Một thủy thủ Ailen ở trên boong tàu!? Thế thì có sao! Tôi cảm thấy tìm được một chiếc tàu Mỹ mà trên đó không có ai trong đoàn thủy thủ là gốc người Áyrơ Xanh (Ailen dịch ra có nghĩa là "Đất nước xanh". Quốc danh chính thức là Áyrơ) còn khó hơn nhiều.

Bây giờ, trong hai - ba giờ tới đã có chuyện để mà tranh luận với nhau và tất nhiên ba người bạn không bỏ lỡ dịp ấy. Còn nói về Êrik thì từ giờ phút đó

chú tập trung mọi cố gắng của mình để đạt đến một mục đích: tìm bằng được Patric Ô Đônôgan.

Mặc dù cả điều ấy nữa chú cũng không đạt được, nhưng, những cuộc tìm kiếm và hỏi thăm kiên trì đã giúp chú cuối cùng gặp được trên bờ biển Gudžôn một thủy thủ không những biết rõ Ô Đônôgan, mà còn kể được một số điều cụ thể nào đấy về anh ta.

Patric Ô Đônôgan quả đúng là người Ailen, sinh ở Innisgornơ, tỉnh Kork.

Căn cứ theo sự miêu tả thì đó là người trạc ba mươi ba - ba mươi năm tuổi, tầm thước, tóc hung, mắt đen, mũi bị tẹt sau một tai nạn không may nào đó.

- Cái anh chàng cừ khôi ấy có thể dễ dàng nhận ra trong số hàng trăm người khác, - người thủy thủ nói - Tôi còn nhớ mặt anh ta lắm, mặc dù đã bảy hoặc tám năm nay rồi không gặp lại.

- Ông thường gặp ông ấy ở Niu-York à?

- Ở cả Niu-York lẫn những nơi khác. Lần cuối cùng có nhẽ ở Niu-York.

- Ông có thể mách giùm một người nào đó biết ông ta bây giờ ở đâu không ạ?

- Úi trời, không đâu. À, mà không biết ông chủ tửu quán "Mỏ neo đỏ" ở Bruclen có biết gì về anh ta không? Patric Ô Đônôgan mỗi lần đến Niu-York đều ghé lại chỗ ông ta mà. Đó là ông Boul nào đó, trước là thủy thủ. Nếu ông ấy mà cũng không biết nữa thì chắc gì đã có ai chỉ được cho cháu nơi tìm Patric Ô Đônôgan?

Êrik vội vàng ra canô đi Ist-river, và hai mươi phút sau chú đã có mặt ở Bruclen.

Bên ngưỡng cửa "Mỏ neo đỏ" chú gặp một người đàn bà đã có tuổi đang chăm chú gọt khoai tây.

- Thưa bà, ông Boul có ở nhà không ạ? - Êrik hơi cúi mình chào với vẻ lịch sự thường thấy ở chú.

- Ông ấy có nhà, có điều là ông ấy đang nghỉ trưa - bà chủ trả lời một cách nhã nhặn, sau khi đưa mắt tò mò nhìn khách - Nếu cậu muốn nhắn gì cho ông ấy thì cứ nói với tôi, tôi là bà Boul.

- Nếu vậy thì thưa bà, tất nhiên là bà có thể thay ông nhà để giúp cháu. Cháu muốn hỏi bà có biết người thủy thủ tên là Patric Ô Đônôgan không ạ? Ông ta hiện giờ có ở chỗ bà đây không? Bà chỉ giùm cháu có thể tìm ông ấy ở đâu được không ạ?

- Patric Ô Đônôgan ư? Phải, tôi biết ông ta. Nhưng đã năm sáu năm nay không thấy ông ta đến đây nữa. Và nói thật, tôi khó mà nói được bây giờ ông ta ở đâu.

Nét mặt Êrik biểu hiện nỗi thất vọng sâu xa, đến mức thấy vậy, bà già đã phải xúc động thật sự.

- Thế có nghĩa là cậu rất cần gặp Patric Ô Đônôgan, vì thấy không gặp ông

ta ở đây cậu có vẻ buồn rầu, có phải thế không?

- Rất cần, thưa bà - chàng thanh niên trả lời vẻ buồn buồn - Chỉ có một mình ông ấy mới có thể rọi ánh sáng vào màn bí mật mà suốt đời mình cháu có định khám phá cũng chỉ uống công vô ích mà thôi.

Trong suốt ba tuần lễ thu lượm tin tức ở khắp nơi, Êrik đã học được ở chừng mực nào đây cách phân biệt tính khí con người. Cảm thấy sự việc khêu gợi mạnh mẽ sự tò mò của bà Boul, Êrik cho rằng mình có lý do để hỏi bà ấy vài điều. Chú đã hỏi xem bà ấy có thể cho chú một ly nước gaz không, và sau khi được chấp thuận, chú đã bước vào phòng.

Căn phòng trần thấp, kê mấy chiếc bàn gỗ đánh bóng và vài chiếc ghế bện bằng rơm, không có ai hết.

Điều đó làm cho Êrik thêm quyết tâm tiếp tục cuộc nói chuyện với bà chủ, và khi bà vừa quay trở lại với cái bình bằng đất sét nung trong tay, chú liền bắt chuyện.

- Thưa bà, chắc hẳn bà nghĩ rằng cháu cần Patric Ô Đônôgan để làm gì phải không ạ? - chú hỏi, hạ thấp giọng - Thưa, thế này: như người ta cho biết, Patric Ô Đônôgan là người đã chứng kiến vụ chiếc tàu Mỹ "Cintia" bị đắm cách đây đã gần mười bảy năm ở gần bờ biển Na Uy. Cháu thấy cần nói ngay với bà rằng sự việc ấy có liên quan trực tiếp đến cháu, vì ngay sau khi tàu "Cintia" bị đắm thì cháu được một người đánh cá Na Uy vớt trên mặt biển. Ông ấy đã vớt được cháu lúc đó còn bé tí tẹo, mới được chín tháng, đang nằm trong nôi buộc vào một cái phao cứu hộ của tàu "Cintia". Cháu tìm Ô Đônôgan để hỏi xem ông ấy có biết gì về gia đình cháu, hoặc là Tổ quốc cháu không?

Một tiếng reo ngạc nhiên bật ra nơi bà Boul đã cắt ngang những lời giải thích của Êrik.

- Cậu nói là trên phao cứu hộ á? Cậu đã bị buộc vào phao cứu hộ à?

Và không đợi trả lời, bà quảy quả lại chỗ cầu thang.

- Boul! Boul! Xuống đây mau lên! - bà ta gọi chồng - Trên phao cứu hộ!

Vậy, cậu là đứa bé bị buộc vào phao cứu hộ? Ai mà có thể tưởng tượng như vậy được? - bà nhắc lại, bước gần đến Êrik đang tái nhợt đi vì hồi hộp và hy vọng.

Phải chăng cuối cùng Êrik sẽ biết được điều bí mật mà chú đã kiên quyết giải đoán?

Trên cầu thang vang lên những bước chân nặng nề. Một ông già nhỏ con, béo phệ, xuất hiện. Mặt ông hồng hào, râu quai nón rậm rạp và bạc phơ, hai

tai lủng lẳng những chiếc vòng vàng. Ông ta vận bộ len thô màu nước biển.

- Gì thế?...Có chuyện gì xảy ra thế? - ông già vừa hỏi vừa dụi mắt.

- Gì à, chúng tôi cần ông - Bà Boul đáp với vẻ quyết đoán - Ông ngồi xuống và nghe cậu thanh niên này sẽ nói lại tất cả những gì cậu ấy đã kể với tôi.

Ông Boul "ngoan ngoãn" phục tùng. Êrik đã kể lại hầu như đầy đủ mọi chi tiết.

Và khi ấy khuôn mặt ông Boul trở nên tròn trĩnh y như đêm trăng rằm, miệng ông ta ngoác ra cười toe toét, ông dán mắt nhìn vợ, xoa tay hí hửng.

Bà Boul cũng tỏ ra khoái chí lắm.

- Vậy cháu có thể dự đoán được là ông đã rõ lai lịch của cháu?

Êrik hỏi, nghẹn ngào vì hồi hộp.

Ông Boul gật đầu khẳng định, gãi gãi tai và cuối cùng đáp:

- Rõ và cũng chưa rõ, cũng như nhà tôi thôi. Chúng tôi thường nói về chuyện này, nhưng có điều là không hiểu gì cả.

Êrik tái người đi, hai hàm răng cắn chặt, háo hức bắt lấy từng lời với hi vọng được giải thích tỏ tường mọi chuyện. Nhưng, lời giải thích lại vòng vo. Ông Boul không có tài hùng biện, cũng không có khả năng diễn đạt những ý nghĩ của mình. Chẳng những thế, những ý nghĩ của ông ta vẫn còn lơ mơ vì ảnh hưởng của giấc ngủ. Để xua tan cơn ngái ngủ giấc trưa, thường Boul phải dùng đến hai ly nước "thức tỉnh" nhãn hiệu "Pick me up (Hãy nâng tôi lên - tiếng Mỹ) giống hệt như loại Đzhin (*Loại rượu Anh nấu bằng một thứ gỗ tùng*)).

Bà vợ vừa đặt trước mặt đức ông chồng đáng kính một chai rượu với hai cái ly, ông ta liền trở tài nói ngay.

Qua lời kể tràng giang đại hải của Boul, từ trong mớ chi tiết vụn vặt không cần thiết, chỉ có thể lượm ra được vài sự việc. Câu chuyện của ông Boul kéo dài không dưới hai tiếng đồng hồ. Êrik tội nghiệp đã phải hết sức chú ý lắng nghe để rút ra được một cái gì đó từ trong những lời thao thao bất tuyệt ấy. Nhờ có những câu hỏi gợi ý, tính kiên nhẫn, cũng như sự tác động của bà Boul, chú cũng đã đạt được đôi điều gì đấy.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương chín

NĂM TRĂM ĐỒNG BẰNG ANH TIỀN THUỞNG

Mặc dù câu chuyện có rối rắm, và ông Boul có những chỗ kể sai, nhưng Êrik đã hiểu được rằng Patric Ô Đônôgan hoàn toàn không phải là một người đạo đức gì. Ông chủ tửu quán "Mỏ neo đỏ" biết anh ta từ lúc anh ta còn là một thủy thủ thiếu niên, một thủy thủ tập sự và một thủy thủ trước và sau khi tàu "Cintia" bị đắm. Trước khi xảy ra tai nạn này, Patric Ô Đônôgan là một thủy thủ nghèo như phần lớn các thủy thủ khác, nhưng sau vụ đắm tàu anh ta đã từ châu Âu trở về với một bọc tiền đầy cộm; anh ta khẳng định rằng anh ta đã nhận được của thừa tự ở Ailen; nhưng đó là điều hình như không đúng sự thật.

Ông Boul chẳng bao giờ tin vào cái của thừa tự ấy. Thậm chí ông ta đã nghi ngay rằng việc phát giàu bất ngờ như thế là một việc làm bất chính nào đấy liên quan đến vụ đắm tàu "Cintia". Mặc dù rõ ràng là Patric Ô Đônôgan lúc ấy đã có mặt trên boong tàu, nhưng trái với lẽ thông thường, các thủy thủ chỉ thích kể lại những thử thách gay go đã qua, thì hẳn tuyệt nhiên không bao giờ nhắc đến "Cintia" cả, và mỗi lần câu chuyện vừa mới bắt đầu nói đến một cái là hẳn lại cố lái ngay sang hướng khác. Ngay khi công ty bảo hiểm phát đơn kiện các chủ tàu "Cintia", hẳn cũng lại vội vàng đi biển một chuyến dài ngày để khỏi bị kéo vào vụ này, dù chỉ với tư cách người làm chứng thôi. Thái độ như vậy càng làm cho người ta nghĩ rằng Patric Ô Đônôgan là thủy thủ duy nhất còn sống sót trong vụ đó. Ông Boul không biết rõ thực chất sự việc nhưng hai vợ chồng ông luôn luôn cho rằng chuyện này quái lạ như thế nào ấy.

Lối sống của Patric lại còn làm cho họ nghi ngờ hơn. Ở Niu-York chẳng bao giờ hẳn túng tiền cả, dù cho sau mỗi chuyến đi thường kỳ hẳn không có tiền mang về cũng vậy. Hễ trở về được vài ngày thôi là không biết ở đâu ra hẳn lại đã có vàng và ngân phiếu. Còn khi nào hẳn say rượu, chuyện này xảy ra đối với hẳn là thường, thì hẳn lại khoe khoang rằng hẳn nắm được điều bí mật nào đó đáng giá một cơ nghiệp. Mỗi lần như vậy là bao giờ hẳn cũng ba hoa nhắc đến một đứa bé để trên phao cứu hộ.

- Đứa bé để trên chiếc phao cứu hộ, ông Boul ạ - hẳn lải nhải, nắm nắm tay xuống bàn - đứa bé ấy quý như vàng đấy!

Rồi hẳn cười hi hí, tỏ vẻ mãn nguyện lắm, tuy nhiên, chưa bao giờ ông Boul được hẳn giải thích về những lời khó hiểu ấy. Từ nhiều năm nay đối với vợ chồng ông, đó vẫn là nguồn gốc của những giả thuyết đầy tính viễn tưởng. Đây là lý do tại sao khi nghe Êrik nói rằng chú chính là "đứa bé nằm trên

phao cứu hộ" lưng danh ấy, thì bà Boul lại xúc động đến thế.

Trong suốt mười lăm năm qua, mỗi khi đến Niu-York, Patric Ô Đônôgan bao giờ cũng nghĩ tại tử quán "Mỏ neo đỏ". Nhưng, đã hơn năm năm nay, không thấy hấn đến đây nữa, và theo lời ông Boul thì "trong chuyện này có điều bí ẩn gì đấy". Một hôm, vào buổi tối, có một người nào đó đã đến gặp tên Ailen ấy và nói chuyện kín với hấn ta gần một tiếng đồng hồ. Sau đó Patric Ô Đônôgan tỏ ra hoang mang và hoảng hốt, lập tức thanh toán tiền, thu dọn đồ đạc và biến đi đâu không biết.

Dĩ nhiên là ông Boul không biết lý do tại sao Patric cuốn gói ra đi đột ngột thế, nhưng họ luôn luôn nghĩ việc ấy có liên quan đến vụ đắm tàu "Cintia" và chuyện "đưa bé trên phao cứu hộ". Theo ý kiến họ thì người lạ mặt đã báo cho Patric biết rằng hấn đang bị một mối hiểm họa nghiêm trọng đe dọa, vì vậy tên Ailen quyết định tức tốc rời khỏi Niu-York. Vợ chồng ông Boul không bỏ qua khả năng là sau đó hấn còn quay trở lại đây. Tất nhiên, họ có thể biết điều đó qua việc hỏi thăm những người khác đến ở tại "Mỏ neo đỏ". Chắc chắn những người này sẽ không khỏi ngạc nhiên, nếu Patric đã đến nghỉ ở một nơi khác.

Đây là những điều chung nhất mà Êrik biết được, Đương nhiên, chú muốn báo ngay cho những người bạn của mình biết chuyện ấy, và chú đã đề nghị vợ chồng ông Boul cho phép chú cùng với họ trở lại đây.

Khỏi phải nói câu chuyện này đã được đón nghe một cách thú vị như thế nào ở Khu số năm... Lần đầu tiên sau những cuộc tìm kiếm kéo dài, họ đã lần ra được dấu vết của người đã từng nhiều lần nhắc đến "đưa bé nằm trên phao cứu hộ". Mặc dù chỗ ở của Patric Ô Đônôgan còn chưa rõ, nhưng đã có thể hy vọng tìm được hấn ta trong một tương lai không xa nữa. Từ trước đến giờ chưa khi nào họ đụng độ với một sự thật có ý nghĩa như thế. Họ coi đây là việc quan trọng lắm, đến mức đã đánh điện cho bà Boul yêu cầu chuẩn bị một bữa ăn trưa cho sáu người. Ý kiến ấy do Brêdêzhor đưa ra; ông cho rằng bằng cách ấy sẽ dễ dàng khai thác được ở những con người đáng quý này mọi chi tiết cần thiết. Thế là họ đã quyết định mời vợ chồng ông Boul vào bàn và chuyện trò với họ.

Êrik hoàn toàn không hy vọng thu lượm được thêm những tin tức nào đó qua

đôi vợ chồng này. Sau khi đã nghiên cứu khá kỹ vợ chồng Boul, chàng trai tin rằng họ đã kể hết cho chàng nghe những gì mà bản thân họ biết. Nhưng, đồng thời chàng cũng lại trông chờ vào Brêdêzhor, một người có nhiều kinh nghiệm, chẳng những biết lấy chứng cứ tại tòa mà còn biết khai thác ở các nhân chứng những điều mà chính họ cũng không nghĩ đến.

Bà Boul phấn khởi ra mặt. Bà ta đã bày bàn trong một căn phòng đẹp nhất ở tầng hai, chưa đầy một giờ sau đã lo xong bữa ăn trưa tuyệt vời. Hả hê với việc được mời cùng chồng tham dự bữa ăn trưa, bà đã vui vẻ thậm chí rất sẵn lòng để cho ông trạng sư nổi tiếng lục vắn mình. Nhờ vậy mà đã thu lượm được thêm ít nhiều sự thật có ý nghĩa.

Trước hết, đã xác minh được rằng Patric Ô Đônôgan, sau khi được biết vụ kiện của công ty bảo hiểm, đã đề đạt nguyện vọng rời nơi đây để khỏi bị gọi ra tòa làm nhân chứng. Nghĩa là Patric Ô Đônôgan không muốn dính dáng vào những chuyện liên quan đến vụ đắm tàu "Cintia", và nói chung, toàn bộ thái độ của hắn đã khẳng định điều đó.

Mặt khác ở ngay New-York hoặc vùng ngoại ô Niu-York, Patric có nguồn thu nhập đáng nghi ngờ, liên quan đến điều bí mật nào đó mà hắn được ủy quyền khai thác. Bởi vì, đã xác định được rằng, sau mỗi chuyến đi biển thường kỳ về, không khi nào hắn có tiền cả, nhưng rồi buổi chiều, sau bữa ăn trưa, hắn đi đâu đó vài tiếng, lúc về là các túi hắn đã lại đầy vàng rồi.

Hơn nữa, khó có thể nghĩ rằng điều bí mật của hắn lại không liên quan gì đến số phận của "đứa bé nằm trên phao cứu hộ" mà hắn vẫn thường hay nhắc đến.

Có lẽ Patric Ô Đônôgan định âm mưu "hái" ngay một món tiền kếp xù, nhưng ở đây hắn đã không thành công. Thật vậy, trước hôm hắn đột ngột rời New-York, hắn đã nói rằng mình không muốn đi biển nữa, vì hắn đã chán ngấy cái việc ấy rồi và bây giờ hắn sẽ sống bằng cách cho vay lãi thôi.

Và, cuối cùng, người đã đến gặp Patric Ô Đônôgan tỏ ra rất quan tâm đến việc ra đi của hắn. Ngay ngày hôm sau, anh ta lại ghé đến "Mỏ neo đỏ" hỏi tin tức tên thủy thủ nọ và tỏ ra mừng rỡ vì không gặp hắn ở đây. Ông Boul

tin chắc rằng ông đã nhận ra ngay con người ấy, vì điệu bộ, kiểu cách của anh ta y như một thám tử hoặc một cảnh sát thường gặp ở những thành phố lớn.

Tình hình ấy đã khiến Brêđêzhor đi đến kết luận rằng chính kẻ cung cấp tiền cho Patric khi hắn ở Niu-York đã đặt hắn luôn luôn phải ở thế sợ hãi, và không còn nghi ngờ gì nữa, chính kẻ ấy đã phái thám tử đến dọa dẫm hắn sẽ bị truy tố hình sự. Chỉ có điều đó mới có thể cắt nghĩa được vì sao tên Ailen kia đã phải chuồn ngay sau khi nói chuyện với gã lạ mặt, từ đấy đến nay không thấy trở lại nữa.

Điều quan trọng bây giờ là xác định chính xác những đặc điểm nhận dạng của cả tên thám tử lẫn của Patric Ô Đônôgan. Về việc này vợ chồng ông Boul đã cho biết rất cặn kẽ.

Sau khi giở lại cuốn sổ trợ, họ đã phát hiện ra rằng tên Ailen nọ đã đi khỏi đó không phải năm hay sáu năm như trước đây họ tưởng, mà mới chỉ ba năm chín tháng thôi.

Bác sĩ Svaviênkrôna ngay lúc đó đã ngạc nhiên nhận xét rằng, ngày giờ hắn chuồn, cũng có nghĩa là ngày giờ tên thám tử đến gặp hắn; trùng khớp với thời gian ở Anh người ta đăng những thông báo đầu tiên về việc tìm những người sống sót trong vụ đắm tàu “Cintia”. Sự trùng hợp này đã quá hiển nhiên, đến nỗi không thể không chú ý đến mối liên hệ giữa hai sự việc đó với nhau.

Màn sương mù bao phủ lên câu chuyện huyền bí ấy dường như đã bắt đầu tan. Sự xuất hiện của một hải nhi trên biển chỉ có thể giải thích bằng một tội ác, và, chắc chắn là tên thủy thủ tập sự Ô Đônôgan là một nhân chứng hoặc một tông phạm. Tất nhiên, hắn biết rõ nguồn gốc kẻ gây ra tai họa này: kẻ ấy sống ở Niu-York hoặc vùng ngoại ô và bấy lâu nay đã trả công cho hắn về việc giữ kín điều bí mật kia. Nhưng sau đó, không còn chịu đựng nổi trước những sách nhiễu ngày càng tăng của tên Ailen và lo sợ trước những thông báo trên các báo, hắn đã hù dọa Patric, khiến tên này phải vội vàng trốn biệt.

Thậm chí nếu cho rằng những kết luận ấy không có đầy đủ chứng cứ thì ít nhất chúng cũng là tư liệu cho một cuộc thẩm vấn quan trọng trước tòa. Khi rời "Mỏ neo đỏ", Êrik và những người đi cùng đều tin tưởng rằng chẳng bao lâu nữa, họ sẽ đạt được những kết quả mong muốn.

Ngay hôm sau, đại sứ Thụy Điển đã giới thiệu Brêdêzhor với viên cảnh sát trưởng Niu-York, ông ta đã được thông báo đầy đủ về những sự việc mọi người biết. Đồng thời, Brêdêzhor cũng đã đặt quan hệ với các trạng sư của các công ty bảo hiểm đã tham gia vào vụ kiện các chủ tàu "Cintia" và đã mượn được những cặp hồ sơ vụ án để trong kho lưu trữ từ nhiều năm nay, bụi bặm bám đầy. Tuy nhiên, sau khi đọc kỹ những hồ sơ này, ông không phát hiện được một tài liệu có giá trị nào cả. Không bên nào có thể đưa người đã chứng kiến vụ đắm tàu ra tòa được. Vì tổng số tiền bảo hiểm còn cao hơn giá trị thực của chiếc tàu và hàng hóa chở trên đó, nên toàn bộ vụ tranh chấp đã dẫn đến vấn đề bồi thường những thiệt hại. Các chủ tàu "Cintia" không đủ sức biện giải cho những yêu sách của mình đối với Công ty bảo hiểm, và giải thích nguyên nhân của tai nạn. Những kết luận của họ đã bị coi là vô căn cứ và tòa án đã tuyên đọc lời phán quyết có lợi cho đối phương. Tuy thế, Công ty bảo hiểm cũng đã phải trả một khoản tiền lớn cho những người thừa kế của các hành khách đã bị thiệt mạng. Nhưng không có tài liệu nào được sử dụng trong vụ kiện tụng nhắc đến hải nhi chín tháng tuổi cả.

Khi việc nghiên cứu các tài liệu vụ án đã kết thúc, mất khá nhiều ngày, viên cảnh sát trưởng đã mời Brêdêzhor đến và thông báo rằng, rất tiếc, ông không phát hiện được gì.

Không ai ở Niu-York biết một nhân viên trong cơ quan nhà nước hoặc tư nhân nào có đặc điểm bề ngoài giống như miêu tả của ông Boul. Không có ai có thể cung cấp tin tức gì về thám tử quan tâm đến sự biến mất của Patric Ô Đônôgan. Còn nói về tên này thì ít ra cũng bốn năm nay hắn không xuất hiện trên lãnh thổ nước Mỹ nữa. Những đặc điểm nhận dạng của hắn đã được ghi nhận để phòng khi phát hiện được hắn. Đồng thời, viên cảnh sát trưởng cũng không giấu giếm Brêdêzhor rằng hồ sơ về hắn có vẻ không chắc chắn lắm: Mọi chứng cứ về hoạt động tội ác điều liên quan đến quá khứ lâu năm, đến mức người ta có thể dễ dàng áp dụng luật miễn truy tố trước tòa

những tội thuộc về hai mươi năm về trước, thậm chí trong trường hợp Patric Ô Đônôgan trở về cũng vậy.

Thế là đã tiêu tan và có lẽ là vĩnh viễn tiêu tan niềm hy vọng khám phá điều bí mật mà chìa khóa đường như đã nằm trong tay Êrik...

Chỉ còn cách trở về Thụy Điển, trên đường ghé qua Ailen, xem Patric Ô Đônôgan có về quê lập nghiệp và tìm nơi trốn tránh chắc chắn ở đó không. Bác sĩ Svaviênkrôna và những người bạn của ông đã quyết định như vậy ngay sau khi từ biệt ông bà Boul.

Những tàu đi lại giữa hai thành phố Niu-York và Liverpool bao giờ cũng ghé vào Kork. Các nhà du hành của chúng ta chỉ còn chọn sao cho tuyến đường đi cách Innis Sgorn vài hải lý thôi. Đến đây họ mới vỡ lẽ là Patric Ô Đônôgan đã rời quê hương từ khi mười hai tuổi và từ đó đến nay không có tin tức gì về hắn.

- Tìm hắn ta ở đâu được bây giờ? - Bác sĩ Svaviênkrôna hỏi khi trên đường đi Luân Đôn để chuyển tàu đi Xtôckhôm.

- Ở tất cả các cảng trên thế giới, nhưng trừ Mỹ - Brêđêzhơ trả lời - Các bạn tự xét mà xem, một thủy thủ ba mươi tuổi, từng là thủy thủ thiếu niên, không thích hợp với công việc nào khác, làm sao hắn có thể từ bỏ nghề của mình được? Nghĩa là Patric vẫn tiếp tục đi trên biển. Một khi tàu thủy đi từ cảng này đến cảng khác, thì thế nào cũng hy vọng tìm được hắn ở một cảng nào đó. Ngài thấy thế nào, ngài Hosted?

- Tôi thấy sự biện luận khá hợp lý, có thể còn quá ư chặt chẽ nữa kìa - giáo sư đáp với vẻ thận trọng vốn dĩ của mình.

- Cứ cho lập luận như vậy là đúng - Brêđêzhơ nói tiếp - Tên Patric Ô Đônôgan hoảng sợ đã lần trốn khỏi nguy cơ truy tố hình sự. Điều ấy đã được khẳng định. Do đó hắn phải đề phòng để khỏi bị tố cáo là kẻ tội phạm trước chính phủ Mỹ. Bởi vậy hắn có đủ mọi cơ sở để cố giữ mình khỏi bị phát hiện và tránh những cuộc gặp gỡ bạn bè cũ. Một khi đã như vậy thì hắn sẽ càng muốn đến những cảng thường không có người Mỹ ghé vào. Tôi thấy rằng chúng ta phải bắt đầu ngay từ chỗ này đây, cho gửi đến những cảng ấy một số điều cần hỏi xem ở đó người ta có biết gì về người có những đặc điểm nhận dạng giống Patric Ô Đônôgan không.

- Nếu ta đăng trên báo thì có phải đơn giản hơn không? - Bác sĩ Svaviênkrôna hỏi.

- Patric Ô Đônôgan đang lẩn trốn và chẳng nghĩ đến việc hỏi âm đầu cho dù những điều cần hỏi có đến được với hắn cũng thế thôi.
- Thế tại sao ta lại không nói với tên thủy thủ ấy rằng, trong mọi trường hợp, hắn sẽ được bảo vệ theo đạo luật về việc đình cứu đối với những tội xảy ra nếu hắn thông báo cho chúng ta biết hết mọi chuyện?
- Đó là một ý hay, nhưng tôi vẫn cứ tự cho phép mình trở lại với những điều phản đối của tôi. Tôi nghĩ rằng những điều thông báo chẳng đến được với người thủy thủ thường đâu.
- Thì ít ra ta cũng cứ thử xem! Chúng tôi dự tính thưởng cho Patric Ô Đônôgan hoặc ai chỉ được chỗ ở của hắn. Còn con nghĩ sao, hả Êrik?
- Con nghĩ rằng những điều công bố như vậy sẽ mau chóng đạt tới mục đích hơn, nếu như ta đăng trên nhiều tờ báo. Nhưng, như vậy rất tốn kém và, ngoài ra, việc đăng báo có thể càng đánh động Patric Ô Đônôgan có lẽ đang mong muốn không ai biết đến mình, cho dù hắn được hứa hẹn lợi lộc như thế nào. Sẽ tốt hơn chẳng, nếu chúng ta cho ai đó theo dõi ở những thành phố cảng lớn, nơi gã thủy thủ này dự tính có thể tìm đến?
- Tuyệt, nhưng tìm đâu được người để có thể giao những việc tìm kiếm như thế?
- Thừa thầy quý mến, nếu thầy thấy được thì người đó đang ở trước mặt thầy. Đó là con! - Êrik trả lời ngay tức thì.
- Con ư, hả chú bé của ta? Còn việc học của con thì sao?
- Việc học của con không vì chuyện này mà bị ảnh hưởng. Không gì có thể cản trở con tiếp tục học trong thời gian các chuyến đi. Và lại, thưa bác sĩ con phải thú nhận với bác sĩ rằng con đã bảo đảm được cho mình cái quyền đi tàu miễn phí.
- Bằng cách nào? - Svariênkrôna, Brêdêzhor và Hostedt đồng thanh kêu lên.
- Rất đơn giản ạ - Con đã chuẩn bị thi lấy bằng thuyền trưởng tàu viễn dương. Nếu cần, ngày mai con thi cũng được, còn khi nào nhận bằng thì chẳng có điều gì ngăn trở được con xin làm sĩ quan trên bất kỳ tàu nào.
- Sao con đã làm như vậy mà không xin phép ta? - bác sĩ hỏi với vẻ hơi bức, trong khi đó trạng sư và giáo sư lại mỉm cười độ lượng.
- Nói thật là con không thấy mình có lỗi gì lớn - Êrik trả lời - Bởi vì con mới chuẩn bị thi thôi, chứ làm sao con đã thi được nếu chưa được phép của bác sĩ mà bây giờ đây con mới xin ạ?
- Cộn cứ coi rằng con đã được phép, “nhóc con hư đốn” ạ, - bác sĩ nói sau khi thấy yên tâm về những lý do như vậy. Nhưng cho phép con ra đi bây giờ và đi một mình thì đó lại là chuyện hoàn toàn khác. Phải đợi đến tuổi con trưởng thành đã.
- Chính con cũng nghĩ như vậy! Êrik trả lời, trong giọng nói của chú cảm thấy chẳng những có lòng biết ơn chân thành mà còn có sự mong muốn vâng

lời thầy.

Và bác sĩ vẫn không muốn từ bỏ kế hoạch của mình, ông cho rằng những cuộc tìm kiếm riêng lẻ ở các cảng sẽ hạn chế phạm vi tác động, trong khi thông báo trên báo sẽ tạo điều kiện cùng lúc bao quát được ở nhiều nơi. Nếu Patric Ô Đônôgan không lần trốn - mà có khả năng như thế lắm - thì bằng cách ấy sẽ dễ dàng đạt mục đích hơn. Nhưng, nếu như hắn lần tránh thì những thông báo rò rỉ cuộc cũng giúp phát hiện ra hắn.

Sau khi bàn luận vấn đề một cách toàn diện, một bản thông báo như đã thảo và đã được dịch ra bảy hoặc tám thứ tiếng, chắc chắn sẽ được loan đi khắp năm châu trên các trang của một trăm tờ báo phổ biến nhất:

“Cần tìm thủy thủ Patric Ô Đônôgan đã bốn năm nay nhưng không thấy xuất hiện ở Niu-York. Thưởng năm trăm đồng sterling cho ai giúp tìm được ông ta. Thưởng năm trăm đồng sterling cho bản thân ông ta, nếu ông ta cho người ký tên dưới đây biết tin về mình. Ông Patric Ô Đônôgan được bảo đảm an toàn tuyệt đối theo điều luật về việc đình cứu vì hết thời hiệu. Bác sĩ Svaviênkrôna. Xtôckhôm”

Ngày 20 tháng mười, bác sĩ cùng với những người bạn du hành đã trở về với những mái nhà thân yêu. Hôm sau, bản thông báo đã chuyển đến văn phòng quảng cáo Xtôckhôm, và ba ngày sau, đã được đăng trên nhiều tờ báo. Khi đọc thông báo, Êrik không kìm nổi một tiếng thở dài nặng nề, như cảm thấy trước một sự thất bại cuối cùng.

Còn nói về Brêđezhor thì ông ta tuyên bố thẳng thừng rằng bác sĩ đã làm một điều ngu ngốc chưa từng thấy và từ hôm nay đã có thể coi như công việc bị thất bại hoàn toàn.

Nhưng, qua sự kiện diễn biến tiếp theo lại thấy rằng cả Êrik lẫn Brêđezhor đều sai lầm cả.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười

ÔNG TUYĐOR BRAUN

Một hôm, vào buổi sáng, khi bác sĩ theo lệ thường đang làm việc trong phòng của mình, người hầu đã đưa cho ông một tấm danh thiếp tinh xảo và

kiểu diêm theo lệ thường ở Anh. Trên danh thiếp ghi: M. TUYĐOR BRAUN, còn bên dưới viết thêm bằng những chữ nhỏ: "on board the Albatros", nghĩa là: Ông Tuyđor Braun, tàu Albatros.

- Ông Tuyđor Braun? - Bác sĩ nghĩ ngợi, cố nhớ lại người có cái tên như thế.

- Ngài ấy muốn gặp ngài bác sĩ. - người hầu nói.

- Thế có để ông ta đến vào giờ tiếp khách của tôi được hay không?

- Ngài ấy nói rằng ngài ấy đến đây có việc riêng.

- Thôi được, thế thì mời ông ấy vào. - Bác sĩ thở dài đáp.

Sau khi nghe tiếng cửa mở, ông ngẩng đầu lên và hơi ngạc nhiên nhìn người khách lạ có cái tên quý tộc Tuyđor kết hợp Braun của một dân thường.

Độc giả hãy tưởng tượng đó là một người đàn ông tuổi trạc năm mươi, những mớ tóc xoắn nhỏ màu cà rốt xõa trên trán nom giống như những búp len hơn là tóc; cái mũi khoằm, trên đó chằm chệ một chiếc kính râm gọng vàng nặng nề; răng dài như răng ngựa; đôi má cao nhẵn thín được chôn đờ bằng chiếc cổ áo hồ cứng đờ; chùm râu cằm hung hung đỏ, nom như cây bút lông từ dưới cổ áo thọc lên; cái đầu kì quái được chụp lên bằng chiếc mũ hình trụ, chiếc mũ như thể bị xoáy chặt vào đầu bởi vì chủ nhân thậm chí chẳng nhắc nó lên một chút. Và toàn bộ cái "công trình" ấy được yên vị trên một thân hình gầy gò, xương xẩu dường như được lắp ghép lại một cách vội vàng và khoác ra ngoài bằng một bộ đồ len hình ca rô, màu xanh xám. Chiếc kim găm trên cà vạt đầu đính kim cương to bằng hạt hồ đào, sợi dây xích đồng hồ uốn khúc theo các nếp áo gilê với hàng khuy bằng thạch anh tím, không dưới mười chiếc nhẫn được đeo trên những ngón tay bị xoắn chặt lại như ngón tay con hắc linh tinh - tất cả những thứ đó làm cho người lạ mặt có vẻ kiêu ngạo, lộ bịch, nực cười đến mức khó hình dung nổi.

Kẻ ấy bước vào phòng làm việc của bác sĩ như người ta vào nhà ga - thậm chí không chào hỏi. Gã dừng lại giữa phòng và bắt đầu nói bằng một giọng mũi the thé của anh hề.

- Chính ngài là bác sĩ Svaviênkrôna?

- Vâng, tôi đây. - Bác sĩ trả lời, lấy làm bất bình trước thái độ suồng sã của gã.

Bác sĩ định gọi người hầu và yêu cầu đưa tên xác xược ra khỏi nhà thì vừa lúc đó những lời tiếp theo của kẻ lạ mặt đã lập tức buộc ông phải từ bỏ ngay ý định ấy.

- Tôi đã đọc thông báo của ngài về Patric Ô Đônôgan - người lạ mặt nói - và đã quyết định báo cho ngài biết những gì tôi biết về anh ta.

- Xin mời ngài ngồi! - bác sĩ sốt sắng trả lời.

Và ngay lúc đó bác sĩ nhận thấy vị khách không đợi mời đã tự chọn một cái ghế bành mà ông ta thấy tiện nhất, đẩy lại gần bàn và ngồi xuống, hai tay đút túi, nhắc chân lên, tì gối vào bậu cửa sổ, nhìn người cùng nói chuyện với vẻ

tự tin.

- Tôi nghĩ - người lạ mặt nói - ngài muốn biết một số điều cụ thể, một khi ngài đã bỏ ra năm trăm đồng sterling tiền thưởng. Chính vì vậy mà tôi đến đây để báo cho ngài biết những điều ấy.

Bác sĩ im lặng.

- Chắc chắn là - vị khách nói tiếp bằng giọng mũi - trước hết, ngài muốn biết tôi là ai. Tôi có thể nói với ngài điều ấy. Có lẽ tự bản thân ngài đã đọc trên tấm danh thiếp của tôi, tôi là Tuyđor Braun, công dân Anh.

- Thế ngài không phải người gốc Ailen à? - bác sĩ tò mò muốn biết.

Người lạ mặt tỏ ra rất lúng túng trước câu hỏi ấy, lưỡng lự hồi lâu mới trả lời:

- Không, người Xcôtlen... Ô, tôi biết là tôi không giống người Xcôtlen và người ta thường nhầm tôi là người Mỹ. Nhưng, biết làm sao được. Tuy nhiên, tôi là người Xcôtlen.

Và sau khi tuyên bố như vậy, ông ta chăm chăm nhìn bác sĩ, như muốn nói: "dù ngài có nghĩ về tôi như thế nào đi nữa thì tôi cũng cóc cần!"

- Có thể là ngài sinh ở Invernes chẳng? - bác sĩ vẫn chưa thôi, vì không muốn dứt khỏi đề tài thích thú nhất của mình.

Người tiếp chuyện nán nã một chút.

- Không, tôi ở Êđinbua, nhưng chuyện ấy chẳng dính gì đến việc này. Tôi có một gia tài lớn, và tôi chẳng bị lệ thuộc vào ai cả, nếu tôi xưng danh với ngài tôi là ai thì có nghĩa là tôi muốn như thế, chứ không ai có thể bắt buộc tôi cả!

- Nhưng, xin ngài cho phép tôi nhận xét là tôi hoàn toàn không hỏi về điều đó. - Bác sĩ mỉm cười đối đáp lại.

- Không hỏi ư? Càng tốt. Đừng cắt ngang tôi, kéo chúng ta chẳng bao giờ kết thúc được câu chuyện. Ngài cho đăng thông báo, mong muốn nhận được những tin tức về Patric Ô Đônôgan, có đúng thế không? Nghĩa là ngài tìm những ai biết anh ta, thế thì, tôi biết anh ta đó!

- Ngài biết anh ta? - Bác sĩ hỏi lại, đẩy sát chiếc ghế bành lại gần Tuyđor Braun.

- Phải, tôi biết anh ta! Nhưng, trước khi kể về anh ta, tôi muốn hỏi, ngài cần anh ta để làm gì?

- Ngài có quyền đặt câu hỏi ấy - bác sĩ trả lời.

Và ông đã kể qua lai lịch của Êrik cho người lạ mặt nghe, ông ta đã lắng nghe một cách chăm chú.

- Nghĩa là thằng bé vẫn còn sống? - Người lạ mặt hỏi.

- Sống và khỏe mạnh, nó đang học để chuẩn bị tháng mười này sẽ thi vào trường y khoa Đại học Tổng hợp Upxal.

- Vậy, thế là... - Vị khách nói về đêm chiêu - Xin ngài cho biết, chẳng lẽ ngài không thể khám phá được điều bí mật về nguồn gốc chú bé mà không cần

qua Patric Ô Đônôgan được sao?

- Không, tôi không thấy có khả năng nào khác - bác sĩ trả lời. Sau khi tìm kiếm rất lâu, tôi đã xác định được rằng chỉ có một mình Patric Ô Đônôgan mới có thể giải thích nỗi điều bí ẩn đó mà thôi. Chính vì thế tôi đã đăng thông báo trên các báo, nhưng thật ra hầu như không hy vọng kết quả.

- Thế tại sao ngài không hy vọng đạt kết quả?

- Tôi có đủ mọi cơ sở cho rằng Patric Ô Đônôgan muốn lẩn tránh hơn, chứ đại gì anh ta lại lên tiếng đáp lại những điều thông báo của tôi. Tuy nhiên, tôi đang định sắp tới đây sẽ áp dụng những biện pháp khác. Tôi định cho nhận dạng tỉ mỉ của anh ta, và tôi còn biết anh ta thường hay lui tới những cảng nào hơn cả. Tôi hy vọng phát hiện được anh ta ở đó với sự giúp đỡ của những thám tử đặc biệt.

Bác sĩ Svariênkrôna đã thông báo tất cả những điều đó không phải do nông nổi, mà hoàn toàn có ý thức. Ông định kiểm tra những điều ông nói gây ấn tượng như thế nào đối với người lạ mặt. Và ông đã thấy rõ hai mí mắt của vị khách thoảng động đập và hai khóe mép trên khuôn mặt cạo nhẵn nhụi của Tuyđor Braun hơi co giật, mặt dù ông ta cố làm ra vẻ thờ ơ. Nhưng, ngay tức khắc ông khách lạ đã lấy được vẻ điềm tĩnh.

- Đành vậy chứ sao, thưa bác sĩ - ông ta nói - nếu ngài không thể khám phá bí mật qua Ô Đônôgan thì có nghĩa là ngài sẽ không bao giờ khám phá được đâu!... Patric Ô Đônôgan đã chết rồi.

Cái tin ấy đối với bác sĩ như sét đánh ngang tai, ông không thốt nên lời, mà chỉ chăm chú nhìn người đối thoại với mình.

- Anh ta đã chết và đã được chôn cất - người lạ mặt nói - nói đúng hơn là đã được bỏ xuống độ sâu ba trăm xagiên (một Xagiêng bằng 2,134m) dưới biển!

Tình cờ con người ấy - con người mà quá khứ cũng làm cho tôi thấy bí ẩn, và vì vậy tôi đã chú ý đến anh ta - ba năm trước đây đã được thuê vào làm thủy thủ quan sát trên chiếc tàu buồm "Albatros" của tôi. Cần nhận xét rằng tàu buồm của tôi là một chiếc tàu đã được thử thách. Đôi khi tôi làm việc trên chiếc tàu này bảy - tám tháng liền. Đôi ba năm trước đây, khi chúng tôi cho tàu chạy thẳng đến đảo Madâyra, Patric Ô Đônôgan đang quan sát đã bị ngã xuống biển. Tôi lập tức cho tàu dừng lại và hạ xà lan. Sau những cuộc tìm kiếm kỹ lưỡng, đã tìm thấy anh ta. Anh ta đã được cấp cứu kịp thời trên boong, nhưng cố gắng đem lại sự sống cho anh ta đều không thành công: Patric Ô Đônôgan đã chết. Đành phải trả lại cho biển miếng mồi mà chúng ta đã định cướp đi của nó. Tất nhiên, trường hợp rủi ro này đã ghi nhận trong nhật ký của tàu theo đúng mọi quy định. Nghĩ rằng chúng từ nay có thể ngài sẽ cần đến, nên tôi đã cho đưa đến phòng công chứng sao lại và mang đến cho ngài.

Nói xong, Tuydor Braun rút ví lấy ra một tờ giấy có dán những con tem thuế và đưa cho bác sĩ.

Bác sĩ nhanh chóng làm quen với chứng từ. Quả thật, đây là một bản trích sao trong nhật ký của tàu "Albatros" thuộc quyền sở hữu của Tuydor Braun. Bản chứng từ đã xác nhận cái chết của Patric Ô Đônôgan trên đường thẳng tới đảo Mađâyra. Bản trích đã được nhân viên phòng công chứng thị thực theo đúng qui định và đã được đăng ký ở Luân Đôn, tại Sommerset House (*tòa nhà ở Luân Đôn, nơi đóng trụ sở của các cơ quan chính phủ.*).

Tính xác thực của tờ chứng không có gì đáng ngờ vực. Nhưng bản thân sự xuất hiện đột ngột của ông khách làm cho bác sĩ thấy lạ lùng đến mức không thể kìm chế để khỏi nói to lên điều ngạc nhiên của mình. Hơn nữa, bác sĩ đã làm điều ấy theo bản tính lịch sự của ông.

- Thưa ngài, ngài cho phép tôi hỏi một câu thôi, được chứ? - bác sĩ hỏi.

- Bác sĩ cứ hỏi.

- Bằng cách nào mà ngài lại có trong túi một tài liệu được chuẩn bị sẵn từ trước và hợp pháp hóa như vậy?... Ngài mang nó đến cho tôi để làm gì?

- Nếu tôi chưa quên đếm, thì đây không phải một mà hai câu hỏi - Tuydor Braun đáp - Tôi sẽ trả lời thứ tự. Tài liệu này tôi có được trong túi là vì hai tháng trước đây, sau khi đọc thông báo, muốn có điều kiện trao cho ngài những tin tức mà ngài quan tâm, tôi đã cố làm sao cho những tin tức ấy càng đầy đủ và càng chắc chắn càng tốt... Còn tôi đã mang tài liệu đến đây là vì tôi đang thực hiện một chuyến du ngoạn trên chiếc tàu buồm dọc theo bờ biển Thụy Điển, tiện thể mang luôn tờ giấy này đến cho ngài, như vậy sẽ thỏa mãn sự tò mò của bản thân tôi cũng như của ngài.

Với những lý do như thế thì chả còn phản đối vào đâu được, và bác sĩ đã phải chấp nhận giải đáp duy nhất có thể.

- Thế nghĩa là ngài đã đi tàu "Albatros" đến đây? - bác sĩ mau mắn hỏi.

- Đúng rồi.

- Thế trên tàu Ngài còn có những thủy thủ biết Patric Ô Đônôgan chứ?

- Tất nhiên là có, và không ít đâu.

- Ngài cho phép tôi gặp họ được chứ?

- Tùy ngài muốn thế nào cũng được. Có thể bây giờ ngài đi cùng tôi lên tàu được không?

- Nếu ngài không phản đối.

- Không mấy may - Người Anh đáp và đứng dậy.

Bác sĩ gọi người hầu, sai anh ta mang đến cho mình chiếc áo khoác bằng lông, mũ và cây cần, rồi cùng Tuydor Braun đi ra. Năm phút sau họ có mặt ngoài bến, nơi tàu "Albatros" thả neo.

Đón gặp họ là một thủy thủ lão luyện mặt đỏ như gấc, râu tóc bạc phơ. Bác sĩ cảm thấy ông ta là một con người hăn phải rất cởi mở và thành tâm.

- Ông Uôrd, - Tuyđor Braun nói với người thủy thủ - Quý ông muốn hỏi thăm về Patric Ô Đônôgan.

- Về Patric Ô Đônôgan? - Người thủy thủ già hỏi lại - Xin thương để hãy xóa cho vong linh của ông ta! Anh ta đã đem lại cho chúng tôi bao nhiêu là điều bận rộn tuy chúng tôi với anh ta cùng trên đường đi Mađâyra! Tôi hỏi các ngài tất cả những chuyện bận bịu, phiền toái ấy cần để làm quái gì? Bởi vì đằng nào thì cũng đành thí mạng anh ta làm mồi cho cá kia mà!

- Ông quen anh ta có lâu không? - bác sĩ hỏi.

- Cái tên xỏ lá ấy à? May quá, không lâu, một hoặc hai năm thôi, không hơn. Hình như chúng tôi đã thay hấn ở Dandibar, có phải thế không hả Tomi Đaf?

- Ai gọi tôi đây? - Một thủy thủ trẻ đang miệt mài dùng phấn đánh bóng những tay vịn cầu thang bằng đồng lên tiếng.

- Tôi - ông già đáp - Chúng ta đã nhận Patric Ô Đônôgan lên tàu ở Dandibar phải không nhỉ?

- Patric Ô Đônôgan ấy à? - Người thủy thủ nói chậm rãi, dường như nhớ lại một cách lơ mờ cái tên ấy - À, phải rồi, tất nhiên là chính cái anh chàng thủy thủ quan sát bị ngã xuống biển trên đường đi Mađâyra đây chứ gì? Thế thì đúng rồi, ông Uôrd, anh ta vào làm với chúng tôi ở Dandibar.

Bác sĩ Svariênkrôna đã yêu cầu miêu tả hình dạng bên ngoài của Patric Ô Đônôgan và tin chắc rằng sự miêu tả ấy hoàn toàn khớp với những đặc điểm nhận dạng mà ông đã biết. Ông cảm thấy những người thủy thủ đây đều là những người trung thực thật thà. Điều ấy được thể hiện qua nét mặt cởi mở chân tình của họ. Quả thật, những câu trả lời rập khuôn của họ có thể gợi cho người ta nghĩ rằng đây là một sự chuẩn bị từ trước, nhưng biết đâu sự thật hiển nhiên nó lại đúng như vậy bởi vì những người thủy thủ biết Patric mới chỉ một năm hoặc hơn một chút, nên những tin tức họ cung cấp còn nghèo nàn: nêu những đặc điểm nhận dạng và nhắc lại câu chuyện về cái chết bi thảm của anh ta.

"Albatros" được trang bị tốt, nếu có thêm vài khẩu súng nữa thì nó có thể biến thành một tàu quân sự. Trên tàu rất vệ sinh sạch sẽ, đoàn thủy thủ coi bộ rất phấn khởi, sung sức, ai nấy đều mặc tốt và tỏ ra có kỷ luật cao, mặc dù tàu đậu ngay sát bờ biển nhưng mọi người vẫn có mặt ở những vị trí của mình. Nhìn chung, tất cả những điều ấy đã gây cho bác sĩ ấn tượng tốt đẹp. Ông tuyên bố hoàn toàn hài lòng về những tin tức thu thập được và, vốn là người mến khách, thậm chí ông đã miễn cưỡng mời Tuyđor Braun lúc ấy đang lảng xảng đi tới đi lui trên tầng hai, miệng huýt sáo hoài một điệu mà ông ta biết - đến nhà mình dùng bữa trưa. Nhưng, ông Tuyđor Braun, thấy không thể nhận lời được và đã lựa lời từ chối:

- Không, tôi không thể, tôi không bao giờ ăn trưa trong thành phố cả!

Bác sĩ không còn biết làm gì nữa, bèn ra về. Tuyđor Braun thậm chí không

thêm gật đầu chào tạm biệt ông.

Trước hết, bác sĩ vội vàng kể cho Brêdêzhor biết sự bất ngờ của mình. Trạng sư chăm chú lắng nghe không sót một lời, nhưng lại thầm quyết định bắt tay vào điều tra tỉ mỉ.

Giữa trưa, khi Êrik đi học về, Brêdêzhor đã cùng với chàng đi thăm dò, nhưng đã vấp phải khó khăn không lường trước được: "Albatros" đã rời Xtôckhôm, không cho biết hướng đi lẫn địa chỉ của chủ tàu.

Bằng chứng duy nhất của chuyến đến thăm lạ lòng này là tờ xác nhận về cái chết của Patric Ô Đônôgan còn để lại nơi bác sĩ.

Vấn bản ấy có đáng tin cậy không? Đó là điều mà Brêdêzhor cho phép mình nghi ngờ, mặc dù đã có sự xác nhận của viên tổng lãnh sự Anh ở Xtôckhôm về tính chân thực của con dấu và các chữ ký có trên tờ khai tử đã xuất trình. Ông trạng sư còn nghi ngờ một sự việc nữa là theo các tin tức thăm dò được thì không có ai ở Êđinbua biết về Tuyđor Braun cả.

Nhưng, dần dà những điều nghi ngờ càng tiêu tan do sự tác động của một bằng chứng không thể chối cãi được là: từ đó đến nay, không có thêm tin tức gì về gã thủy thủ ấy, và tất cả thông báo trên báo chí đều vẫn không thấy có sự hồi âm nào.

Thế là Patric Ô Đônôgan mất hút, còn nguồn hy vọng cuối cùng về sự khám phá ra bí mật về nguồn gốc của Êrik thì cũng mất theo hần luôn. Bản thân Êrik hiểu rất rõ và đã buộc phải thừa nhận là những cuộc tìm kiếm tiếp theo trở nên vô ích. Bởi vậy, chú đã cam chịu mùa thu này sẽ vào học khoa y trường Đại học Upxal theo ý của bác sĩ. Nhưng, chú vẫn muốn dự thi lại bằng thuyền trưởng viên dương, và ý định ấy đã chứng tỏ một cách hùng hồn rằng Êrik vẫn không từ bỏ niềm hy vọng tha thiết là hiến dâng đời mình cho những cuộc du hành đến nhiều nước.

Và lại lòng chàng thanh niên bây giờ đang ngồn ngộn nhiều mối lo âu nặng nề đến nỗi chàng cảm thấy như chỉ có thay đổi hoàn cảnh thì mới có thể thoát được. Bác sĩ thậm chí không ngờ rằng Êrik muốn trong một tương lai không xa nữa sẽ tìm được cái lý do chính đáng để rời khỏi ngôi nhà của ông. Cái lý do ấy là đi biển một chuyến lâu ngày. Nguyên nhân thúc đẩy Êrik đi đến quyết định đó là thái độ hằn học mỗi ngày một thêm tăng của cô cháu gái bác sĩ Svariênkrôna, Freken Kaisa, đối với chàng. Ở bất kỳ chỗ nào cô ta cũng thế. Chàng thanh niên cứ muốn nhất định giấu, không cho người đỡ

đầu nhân hậu biết nỗi phiền lòng của mình.

Mối quan hệ của Êrik và cô gái trẻ lúc nào cũng rất căng thẳng. Nhưng sau bảy năm quen biết, chàng vẫn thấy “cô tiên nhỏ” là một sự điển hình về sự kiêu diễm và phong thái quý tộc, y như hồi chàng mới đến Xtóckhôm vậy. Chàng thấy vô cùng khâm phục cô gái và cố hết sức để được thân thiện với cô. Nhưng Kaisa không muốn chấp nhận cái điều là “anh chàng cầu bơ cầu bất” này đã đến trong nhà của bác sĩ, được đối xử như là con nuôi, và lại nhanh chóng trở thành “chú bé cưng” của cả ba người bạn. Những kết quả học tập của Êrik, lòng nhân hậu và tính dịu hiền của chàng chẳng những đã không làm cô gái bớt giận làm lạnh, mà ngược lại còn là một nguồn gốc nảy sinh tính ghen ghét và ganh tỵ của cô. Trong thâm tâm, Kaisa không tha thứ cho Erik về chuyện chàng xuất thân từ gia đình đánh cá và nông dân. Cô cảm thấy điều ấy làm mất vẻ trang nghiêm của ngôi nhà bác sĩ Svaviênkrôna và cô ta - Kaisa, do vậy sẽ bị truất quyền chiếm địa vị cao trên chiếc thang xã hội mà cô ta cho rằng bấy lâu nay cô ta vẫn giữ.

Và cô ta đã phần nộ biết bao khi biết Êrik thậm chí không phải là một đứa con trai nông dân nữa, mà chỉ là một đứa con nuôi! Cô ta chẳng xa lạ gì với ý nghĩ cho rằng trong xã hội Iêrakhia (“Chiếc thang” chúc tước và danh vọng từ thấp tới cao xác định vị trí của con người xã hội tư sản) thì địa vị của đứa con rơi chẳng khác gì như mèo hay như chó. Thái độ của cô ta được thể hiện bằng cái nhìn khinh bỉ, bằng lời làm thinh hết sức xúc phạm và bằng lời lăng mạ thô bạo. Nếu Êrik được mời cùng cô đến nhà bạn bè của bác sĩ để ăn mừng một ngày vui của con cái trong gia đình thì cô nhất mực không chịu nhảy múa với Êrik. Ngồi trên bàn, Kaisa đã tỏ thái độ không thèm trả lời hoặc tuyệt nhiên không để ý đến những điều Erik nói. Hễ có dịp là cô ta cố ý hạ thấp Erik.

Đúng là từ lâu Êrik đã đoán được lý do của thái độ đối xử nhẫn tâm như thế, nhưng chàng không thể hiểu nổi tại sao một nỗi bất hạnh đáng sợ như mất gia đình và Tổ quốc lại là lời buộc tội đối với chàng và gây cho Kaisa lòng căm ghét thực sự. Một lần nọ, khi chàng quyết định giảng hòa với cô gái và buộc cô phải thừa nhận thái độ định kiến bất công và tàn nhẫn của mình, thì cô ta thậm chí không thèm nghe. Ở tuổi mười tám, Kaisa bắt đầu giao du rộng rãi. Nhiều người săn đón cô và tìm mọi cách chiều chuộng cô, một người thừa kế giàu có, và điều đó lại càng khẳng định hơn trong ý nghĩ của

cô ta rằng cô ta thuộc loại người khác hẳn, chứ đâu phải như những người trần mắt thịt.

Lúc đầu thái độ phân biệt đối xử như thế có làm cho Êrik buồn phiền, nhưng cuối cùng, chàng đã phần nộ và thề phục thù. Cảm giác bị làm nhục quá đáng mà bấy lâu nay chàng phải chịu đựng đã càng thôi thúc chàng hăng hái học tập. Chàng ước mơ bằng lao động quên mình chàng sẽ giành được một vị trí xứng đáng trong xã hội, khiến mọi người phải tôn trọng chàng. Vì vậy, Êrik đã quyết định hễ có cơ hội là rời bỏ ngay ngôi nhà mà cứ mỗi ngày chàng lại phải chịu đựng thêm một nỗi bức mình mới. Chỉ có điều phải thu xếp ra sao cho bác sĩ không đoán ra được điều gì cả. Hay, để cho bác sĩ nghĩ rằng việc chia tay với Êrik là do chàng ham thú du lịch, không kìm chế nổi!

Sau khi đã quyết định chuẩn bị cơ sở, lý lẽ cho việc ra đi, chàng trai thường nhắc đến ý định sau khi học xong sẽ tham gia vào một đoàn thám hiểm nào đấy. Trong khi tiếp tục ở trường Đại học Tổng hợp Upxal, chàng đã tập nhiều bài thể dục khác nhau, luyện rèn thân thể một cách nghiêm khắc, dần dần chuẩn bị cho cuộc sống gian nguy và thiếu thốn là số phận của nhà du hành vĩ đại.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười một

BÀI BÁO VIẾT CHO CHÚNG TA TỪ TÀU "VÊGA"

Đã là tháng 12 năm 1878, Êrik vừa tròn 20 tuổi và chàng đã thi đậu bác sĩ y khoa. Hồi ấy, tất cả các nhà bác học Thụy Điển, mà cũng có thể nói là các nhà bác học toàn thế giới, đều quan tâm đến cuộc thám hiểm Bắc cực vĩ đại của nhà hàng hải nổi tiếng Nordensheld. Sau khi hoàn thành vài chuyến du hành sơ bộ để chuẩn bị tốt hơn cho cuộc thám hiểm tương lai của mình vào vùng băng vĩnh cửu, đồng thời nghiên cứu một cách sâu sắc và cẩn thận tất cả những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết những nhiệm vụ đặt ra. Nordensheld đã thực hiện một ý đồ mới: Mở con đường Đông Bắc từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương, đó chính là con đường mà suốt ba thế kỷ nay tất cả các nhà hàng hải đều tìm kiếm một cách công phu.

Kế hoạch của các cuộc thám hiểm này đã được nhà hàng hải Thụy Điển trình bày trong một báo cáo chi tiết. Ông đã chứng minh cho dự án của mình bằng con đường Đông Bắc có thể đi được về mùa hè và đã đưa ra các phương thức khác nhau để hy vọng dựa vào đó thực hiện được desideratum (*khát vọng - tiếng La tinh*) địa lý này. Sự tài trợ hậu hĩnh của hai chủ tàu người Thụy Điển và sự giúp đỡ của chính phủ đã cho phép Nordenshield tổ chức một cuộc thám hiểm có thể nắm chắc thành công.

Ngày hai mươi một tháng bảy năm 1878, Nordenshield rời cảng Tromxiô trên chiếc tàu "Vêga" dự định đi vòng từ phía bắc nước Nga phần Châu Âu và vùng duyên hải Xibir để đến eo biển Bêrinh. Trung úy Barlander của hạm đội Thụy Điển điều khiển con tàu, trên đó, cùng đi với trưởng đoàn thám hiểm và những người cố vũ của đoàn, có đủ các tinh hoa khoa học: các nhà thực vật, địa lý, sinh lý và thiên văn. "Vêga" được trang bị đặc biệt để phục vụ cho cuộc thám hiểm Bắc cực theo sự chỉ dẫn của chính Nordenshield, trọng tải năm trăm tấn mới được đóng tại Brêmen và được lắp chân vịt sáu mươi mã lực. Ba chiếc tàu chạy bằng hơi nước chất đầy than có nhiệm vụ hộ tống "Vêga" đến những mỏm xa nhất vùng đã được định trước trên vùng duyên hải Xibir. Tất cả đều được trừ tính cho hai mươi năm trên biển, cả trường hợp phải trú đông dọc đường. Nhưng Nordenshield không giấu niềm hy vọng của mình là sẽ đến được eo biển Bêrinh trước mùa thu tới, trên cơ sở tính toán hiệu quả của những biện pháp được áp dụng, và cả nước Thụy Điển cùng chia sẻ niềm hy vọng với ông.

Sau khi rời cảng ở vùng Bắc cực của Na Uy, ngày 29 tháng Bảy "Vêga" đã đến vùng Đất Mới. Ngày 1 tháng Tám, đã đi vào vùng biển Karxk. Ngày 6 tháng tám, đã đến sông Ênixây. Ngày 9 tháng Tám đi vòng qua mũi Tshêluskin, điểm cuối cùng của Đất Cũ mà sau đó không có một tàu nào đi xa hơn được nữa. Ngày 7 tháng Chín, "Vêga" bỏ neo tại cửa sông Lêna và tại đây đã từ biệt chiếc tàu hộ tống chở than cuối cùng. Ngày 16 tháng Mười, tàu này truyền về Irkutxk bức điện báo tin cho toàn thế giới biết giai đoạn thứ nhất của đoàn thám hiểm đã hoàn toàn thắng lợi.

Ta có thể tưởng tượng rằng rất nhiều bạn bè của nhà hàng hải Thụy Điển đã nóng lòng chờ đợi như thế nào những tin tức tương tự như vậy về cuộc du hành của ông. Nhưng, những tin tức cụ thể mong ngóng ấy mãi đầu tháng

mười hai mới đến. Bởi vì nếu điện tín với tốc độ suy nghĩ của con người, thì không thể nói như vậy đối với bưu điện ở Xibir. Những lá thư từ tàu "Vega" gửi đi Irkutsk đồng thời với điện tín phải mất hơn sáu tuần mới về đến Xitôckhôm. Nhưng cuối cùng, những lá thư cũng đã đến nơi, và từ ngày 5 tháng Mười hai, một trong số những tờ báo lớn ở Thụy Điển đã bắt đầu đăng những trang phóng sự của bác sĩ trẻ tham gia cuộc thám hiểm nói về chặng đường đầu tiên họ đã vượt qua.

Đúng vào ngày hôm ấy, sau bữa điểm tâm, Brêđêzhor hết sức hào hứng đọc lướt qua bài báo dài bốn cột miêu tả cuộc hành trình trên biển. Bỗng ông dừng lại ở dòng chữ đã khiến ngài trạng sư đáng kính nhảy chồm lên vì ngạc nhiên, ông chăm chú đọc, rồi đọc lại lần nữa rồi đứng phắt dậy, nhanh chóng mặc áo khoác ngoài bằng lông, đội mũ lông, phóng thẳng đến nhà bác sĩ Svariênkrôna.

- Ngài đã đọc bài phóng sự viết từ tàu "Vêga" chưa? - ông ta kêu to lên và như một cơn lốc, ào vào "maatxal" (phòng ăn - tiếng Thụy Điển) nơi người bạn của ông đang dùng điểm tâm với Kaisa.

- Tôi mới chỉ bắt đầu đọc thôi. - bác sĩ trả lời - tôi định hút xong tẩu thuốc thì đọc hết.

- Thế là ngài vẫn chưa biết. - Brêđêzhor nói tiếp, không kịp lấy hơi - ngài vẫn chưa đọc, chưa biết bài phóng sự nói gì à?

- Chưa, chưa đọc. Bác sĩ thản nhiên trả lời.

- Nếu vậy thì hãy nghe đây! - Brêđêzhor kêu lên, bước lại gần cửa sổ - Đó là nhật ký của một trong những đồng nghiệp của ngài trên boong tàu "Vêga". Đây là những gì anh ta viết:

"Ngày 30 và 31 tháng Bảy. Chúng tôi đi vào vịnh Jugorxk và thả neo ở gần làng Khabarôvô của người Nhenhét. Chúng tôi lên bờ nghiên cứu một số người dân để kiểm tra theo phương pháp Holmgrêm khả năng cảm giác của họ đối với các màu sắc khác nhau. Đã khẳng định được rằng cảm giác màu sắc của họ phát triển bình thường. Chúng tôi mua của một ngư dân Nhenhét hai con cá hồi tuyệt diệu..."

- Xin lỗi ngài - bác sĩ mỉm cười cắt ngang lời trạng sư - đây là trò đồ chữ chẳng? Phải thừa nhận là tôi không thấy sự hứng thú gì đặc biệt trong tất cả những tình tiết ấy...

- Ô, ngài không thấy có gì hay à? - Brêđêzhor hỏi lại, vẻ châm chọc - Được rồi, ngài đợi cho một chút, rồi ngài sẽ thấy ngay bây giờ thôi!...

"Chúng tôi mua của một ngư dân Nhenhét hai con cá hồi tuyệt diệu, hình thù chúng chưa được ai mô tả cả. Mặc dù bị người nấu bếp của chúng tôi phản đối dữ dội, tôi vẫn bỏ chúng vào dung dịch còn. Có một chuyện bất thường

đã xảy ra: Khi rời tàu người ngư dân ấy ngã xuống nước vào đúng lúc chúng tôi nhổ neo. Ông ta được vớt lên bị nghẹn thở, người lạnh cóng đến nỗi nom nạn nhân như một khúc sắt vậy. Khi ông ta ở tình trạng ngất lịm, được đưa vào trạm y tế của tàu “Vêga”, cởi quần áo ra và đặt lên giường thì hóa ra ngư dân Nhenhet này là một người châu Âu. Ông ta tóc màu hung, mũi bị tẹt sau khi bị một tai nạn nào đó, còn ở ngực bên trái, sát ngay tim thì xăm những từ như sau với nét chữ cầu kỳ: "Patric Ô Đônôgan. Cintia".

Đến đây, bác sĩ Svaviênkrôna không thể kìm nổi tiếng reo kinh ngạc.

- Xin ngài hãy đợi cho, đó chưa phải là hết đâu - Brêđêzhor nói. Và ông ta đọc tiếp.

“Nhờ tác dụng của việc xoa bóp mạnh mẽ, người dân chài đã tỉnh lại. Nhưng không thể đưa ông ta lên bờ trong tình trạng đang bị sốt cao và mê sảng. Và thế là tất cả nghiên cứu của chúng tôi về cảm quan màu sắc ở người Nhenhet bắt ngờ bị tiêu tan hết.

Ngày 3 tháng tám. Ngư dân ở Khabarôvô đã hoàn toàn bình phục. Ông ta rất ngạc nhiên khi tỉnh lại trên tàu "Vêga" lúc ấy đang trên đường đi đến mũi Tsheluskin. Bởi vì kiến thức tiếng Nhenhet của ông ta có thể có lợi cho chúng tôi, nên chúng tôi thuyết phục ông ta đi cùng chúng tôi dọc theo vùng duyên hải Xibir. Ông ta nói bằng tiếng Anh giọng mũi như người Mỹ, nhưng lại khẳng định rằng hình như ông ta lại là người Xcôtlen và tên Zhôni Boul. Ông ta đến vùng đất mới hình như là cùng với ngư dân người Nga và sinh sống ở đây đã mười năm, cái tên xăm trên ngực ông ta - như ông ta quả quyết - đó là cái tên của một người bạn thời niên thiếu đã chết từ lâu.

- Đây chính là người mà chúng ta đang tìm! - bác sĩ kêu lên với một sự hồi hộp không thể tả được.

- Ở đây có điều gì phải nghi ngờ đâu nhỉ? - trạng sư trả lời - Tên tàu, hình dạng - tất cả đều trùng hợp. Ngay cả hoàn cảnh ông ta đã chọn cái bí danh Zhôni Boul, thậm chí ông đã cố khêu gợi rằng Patric Ô Đônôgan đã chết... Chẳng nhẽ đó là bằng chứng không thể chối cãi được hay sao?

Cả hai người bạn cùng im lặng suy nghĩ về hậu quả có thể xảy ra của cái tin bất ngờ ấy.

- Nhưng làm sao tìm được ông ta ở nơi xa như thế? - cuối cùng, bác sĩ lên tiếng.

- Dĩ nhiên không phải dễ. - Brêđêzhor đáp - Nhưng tự bản thân sự việc ông ta đang tồn tại ở một nơi nào đó trên trái đất cũng làm đơn giản vấn đề hơn rất nhiều rồi. Hơn nữa, có thể trông vào một dịp may thuận lợi. Có thể là ông ta sẽ ở lại trên tàu “Vêga” cho đến khi kết thúc cuộc thám hiểm và, chính ông ta, khi trở về Xtóckhôm sẽ kể cho chúng ta nghe hết những gì đang làm cho chúng ta hết sức hồi hộp. Nhưng, ngược lại, cũng không loại trừ khả năng là chẳng sớm thì muộn chúng ta cũng có dịp gặp ông ta. Nhờ đoàn

thám hiểm của Nordensheld mà các tàu đi lên vùng Đất Mới sẽ trở nên thường xuyên hơn, các chủ tàu cũng đã nói việc hàng năm sẽ phái những con tàu đến vùng cửa sông Ênixây.

Những câu chuyện về đề tài này không bao giờ thấy kết thúc được cả. Hai ông bạn tiếp tục bàn cãi nhau nữa. Khi Êrik ở trường Đại học về lúc hai giờ chiều, chàng cũng đã đọc được điều thông tin quan trọng ấy và vội vàng từ Upxal đáp tàu hỏa về ngay, không chậm trễ một phút nào. Nhưng thật lạ, chàng trai lại cảm thấy lo lắng hơn là phấn khởi.

- Hai thầy có biết con đang e ngại điều gì không ạ? - chàng hỏi bác sĩ Brêdêzhor - Con sợ tàu "Vêga" gặp điều chẳng lành rồi chẳng?... Các thầy thử tính xem, hôm nay là mùng 5 tháng mười hai, mà các nhà thám hiểm dự tính đến eo biển Bêrinh từ trước tháng mười hai kia! Nếu như ý đồ ấy đã được thực hiện thì chắc chắn chúng ta đã được biết tin rồi, bởi vì "Vêga" đã đến Nhật Bản hoặc ít nhất là cảng Pêtrôpavlovsk ở quần đảo Alêutsk - một cảng trên Thái Bình Dương - từ lâu lắm rồi, từ đó nó có thể thông báo tin tức về bản thân nó chứ!... Nhưng điện tín và thư từ gửi qua Irkutsk đều đề ngày bảy tháng chín, điều đó có nghĩa là ba tháng nay chúng ta không biết chuyện gì đã xảy ra trên tàu "Vêga" cả. Do đó, nó đã không đến eo biển Bêrinh đúng hạn và, như vậy là, nó đã gặp số phận của tất cả các cuộc thám hiểm mưu tìm ra con đường Đông Bắc trong suốt ba thế kỷ. Đây, con đã đi đến điều kết luận đáng buồn như thế đó!

- Thế nhờ "Vêga" phải trú đông trên vùng băng giá thì sao? Bởi vì có khả năng như thế lắm - bác sĩ tỏ ý không tán thành.

- Tất nhiên, đây là một giải thích có tính chất an ủi. Trú đông trong những điều kiện như thế, lại gặp những nguy hiểm như thế, thì có khác gì một vụ đắm tàu. Dù sao cũng đã rõ một điều là: Nếu có khi nào đó chúng ta nhận được tin tức của tàu "Vêga" thì sớm nhất cũng phải sang năm.

- Tại sao con nghĩ như vậy?

- Tại vì, nếu "Vêga" không bị đắm, thì hiện giờ nó đang bị kẹt băng và may ra tháng Sáu hay tháng Bảy sang năm mới thoát được.

- Đúng, điều ấy có lý. - Brêdêzhor trả lời.

- Vậy tất cả những điều tiên quyết đó dẫn đến con một kết luận như thế nào?

- Bác sĩ hỏi, ông không yên tâm vì nỗi lo lắng không bình thường của Erik.

- Kết luận duy nhất của con là không thể chờ đợi lâu như thế mới xác minh những sự thật có ý nghĩa quyết định đối với con!

- Như vậy con định làm gì? Phải tính đến những khó khăn không thể khắc phục nổi!

- Nhưng, có thể là những khó khăn ấy thoát nhìn ta tưởng như không khắc phục được đó thôi? - Êrik đáp lại - Bởi những gì lá thư nọ gửi qua biển Bắc cực, qua Irkutsk mới đến ta. Vậy tại sao con không thể ra đi theo chính con

đường đó được? Con có thể đi dọc theo duyên hải Xibir được lắm!... Con có thể hỏi thăm những người thổ dân xem họ có nghe một vụ đắm tàu hoặc một vụ tàu bị kẹt trong băng không. Biết đâu sẽ tìm được Nordensheld và Ô Đônôgan. Vì một mục đích như thế cũng đáng mạo hiểm lắm.

- Đi vào giữa lúc mùa đông ư?

- Thế tại sao lại không được ạ? Đây là mùa thuận lợi nhất cho việc du hành bằng xe trượt tuyết ở các nước vùng Cực.

- Phải, nhưng con quên mất rằng con chưa đến được các nước Vùng Cực thì trời đã sang xuân rồi.

- Đúng thế - Êrik thốt lên, buộc phải thừa nhận lời phản đối ấy có lý .

- Hơn nữa - chàng trai bỗng kêu to lên - cần phải tìm bằng được

Nordensheld, và cùng ông ta là Patric Ô Đônôgan! Và họ sẽ được tìm thấy nếu như điều ấy chỉ phụ thuộc vào con mà thôi!

Kế hoạch của Êrik, tự bản thân nó rất đơn giản, bao gồm việc đăng ký một bài báo không ký tên trên một trong những tờ báo ở Xtôckhôm, trình bày rõ những quan điểm của chàng đối với số phận của "Vêga": hoặc là đã bị đắm, hoặc là bị kẹt trong băng giá. Và trong trường hợp nhất định nào thì cũng nhất định phải nói cho bằng được điều kết luận về sự cần thiết tổ chức một đoàn thám hiểm đi cứu.

Những tin tức về "Vêga" vẫn hết sức ít ỏi, còn sự quan tâm tới sự nghiệp của Nordensheld thì lại lớn đến nỗi Êrik đã nhìn thấy trước một cách chính xác rằng bài báo của chàng sẽ gây nên một cuộc tranh luận sôi nổi như thế nào trong các nhà bác học. Nhưng trong thực tế, thành công còn vượt quá sự chờ đợi. Bài báo đã được các tờ báo với những khuynh hướng khác nhau ủng hộ và được sự hưởng ứng tích cực chẳng những trong giới bác học, mà còn trong rộng rãi các tầng lớp nhân dân. Dư luận xã hội đã nhất trí lên tiếng giúp đỡ cho việc trang bị cho đoàn thám hiểm đi cứu trợ. Các ủy Hội được thành lập. Người ta bắt đầu quyên góp tiền để chuẩn bị cho đoàn. Các công thương gia, sinh viên, công chức, mọi tầng lớp xã hội đều bày tỏ nguyện vọng tham gia vào công việc này. Một chủ tàu giàu thậm chí đã đề nghị được chi tiền riêng để sắm một chiếc tàu mang tên "Nordensheld" và lên đường lần theo dấu vết của "Vêga".

Nhiệt tình xã hội vẫn mỗi ngày một tăng lên trong khi ngày tháng trôi đi mà từ nơi Nordensheld vẫn chưa thấy có tin tức đáng kể nào cả. Đến cuối tháng Mười hai, tiền quyên góp được đã lên đến con số đáng kể. Bác sĩ Svariênkrôna và trạng sư Brêdêzhor đều là những người có tên đầu tiên trong danh sách đóng góp. Mỗi người góp mười ngàn curon. Họ đều là thành viên của ủy ban sáng lập mà Êrik được bầu làm thư ký.

Trong thực tế, chàng đã trở thành linh hồn của công việc này. Sự hăng hái, cần mẫn và am hiểu của chàng trong mọi việc chuẩn bị của đoàn thám hiểm đã giúp chàng nhanh chóng có uy tín trong mọi người. Ngay từ những ngày đầu tiên, chàng thanh niên đã không che giấu sự quan tâm của cá nhân mình đối với kết quả công việc và nguyện vọng được tham gia đoàn thám hiểm, dù chỉ với tư cách thủy thủ thôi. Tất cả những điều đó càng làm tăng thêm tính thuyết phục cho nhiều kiến nghị mà chàng gửi lên ủy ban sáng lập xem xét. Mặc dù rất bận bịu, Êrik vẫn kịp lo chuẩn bị hết mọi công việc nhỏ nhất.

Ủy ban đã quyết định sáp nhập thêm một chiếc tàu thứ hai vào "Nordensheld" để cho phạm vi tìm kiếm được mở rộng ra với mức tối đa. Theo gương của "Vêga", chiếc tàu này cũng được dự kiến trang bị máy hơi nước. Chính Nordensheld đã chứng minh một cách đầy thuyết phục rằng nguyên nhân chủ yếu của những chuyến thám hiểm Bắc cực bị thất bại là do sử dụng tàu buồm. Các nhà hàng hải thám hiểm Bắc cực, nhất là những đoàn thám hiểm khoa học, hết sức quan tâm đến việc làm sao bảo đảm cho tàu có tốc độ trung bình, không lệ thuộc vào hướng gió thay đổi bất thường, khi cần thiết có thể tăng tốc độ vượt qua những nơi nguy hiểm, mà chủ yếu là có điều kiện cơ động để tìm cách thoát ra khỏi vùng băng dù tàu đang ở hướng nào, nghĩa là tạo cho tàu có những ưu điểm mà các tàu buồm khác không có được.

Khi những vấn đề chủ yếu đã được nhất trí bàn bạc, mọi người quyết định bao bọc cho tàu bằng một lớp gỗ sồi dày sáu Inch (đơn vị đo chiều dài Anh, bằng 2,54 cm), ngăn các phòng bên trong bằng những bức vách không thấm nước để bảo vệ cho tàu khỏi bị hư hại khi va chạm băng.

Trong số các kiến nghị khác nhau gửi lên ủy ban sáng lập, mọi người đã lựa chọn chiếc tàu trọng tải năm trăm bốn mươi tấn vừa mới đóng ở Bremen. Tàu dự tính có một thủy thủ đoàn mười tám người, cũng có động cơ chạy bằng máy hơi nước tám mươi mã lực và một cái chân vịt được bố trí với tính toán có thể dễ dàng nâng lên boong tàu trong trường hợp bị sức ép của băng. Người ta đã thiết kế chiếc nồi hơi có thể dùng mỡ động vật rất dễ kiếm ở vùng Bắc cực để thay nhiên liệu trong trường hợp không có than. Thân tàu

có lớp sồi bảo vệ, ngoài ra còn được gia cố bằng những chiếc đà ngang nhằm tăng thêm sức chịu ép của băng. Mũi tàu bọc đồng và trang bị búa thép để mở đường đi qua các vùng băng nếu chiều dày của băng không cao quá mức mớm nước của tàu.

Chiếc tàu mới mua được đặt tên "Aljaska" là nơi nó phải tới. Theo tuyến đường đã định, "Nordensheld" sẽ phải lập lại đường mà "Vêga" đã đi, còn chiếc tàu thứ hai thì đi vòng quanh thế giới theo hướng ngược lại: vòng qua bán đảo Aljaska và đi qua eo biển Bêrinh, đến biển đông Xibir. Nhờ vậy, có thể tăng thêm gấp đôi cơ hội tìm thấy đoàn thám hiểm Thụy Điển, nếu nó bị lâm nạn hoặc phát hiện được dấu vết của nó, nếu nó bị đắm. Trong lúc một tàu đi theo dấu vết của đoàn thám hiểm Nordensheld thì chiếc kia sẽ đi theo hướng khác để gặp nhau.

Êrik, người vạch kế hoạch này, thường tự hỏi mình: Thích tuyến nào trong hai tuyến hơn, và cuối cùng chàng đã dừng lại ở tuyến thứ hai... Chàng nghĩ: nhiệm vụ chủ yếu là làm sao sớm gặp được "Vêga" và qua đó tìm được Patric Ô Đônôgan.

Trong khi đó, các công việc trang bị cho "Aljaska" được tiến hành tới mức khẩn trương nhất: Dự trữ lương thực thực phẩm đã chuẩn bị xong, quần áo ấm theo những chỉ dẫn đặc biệt, trên cơ sở kinh nghiệm sẵn có đã may xong, đoàn thủy thủ gồm những người ưu tú nhất, quen chịu lạnh, đã từng nhiều lần đi đánh bắt cá ở bờ biển Aixolen hoặc Grolen, đã được tuyển lựa. Và, cuối cùng, trung úy Marsilas, sĩ quan của hạm đội Thụy Điển đã từng phục vụ ở trong những công ty hàng hải, lại thường xuyên có những chuyến đi trên các vùng Bắc cực, đã được ủy ban sáng lập mời làm thuyền trưởng. Êrik được cử làm phó thuyền trưởng thứ nhất của ông, với cấp bậc sĩ quan trưởng. Chàng được cử giữ chức vụ này vì ủy ban sáng lập đánh giá thấy chàng đã tỏ rõ nghị lực của mình trong việc chuẩn bị cho cuộc thám hiểm và lưu ý tới việc chàng đã có bằng tốt nghiệp thuyền trưởng tàu viễn dương. Các thủy thủ từng trải Bôzevit và Kelkist được quyết định làm các hạ sĩ quan.

Ngoài ra "Aljaska" còn dự trữ chất nổ để trong trường hợp cần thiết thì phá băng mở đường đi, và dự trữ một số lượng lớn thuốc chống bệnh hoại huyết phổ biến ở vùng Bắc cực. Chiếc lò sưởi trên tàu phải giữ nhiệt độ điều hòa trong các phòng ở trên suốt chặng đường đi, còn đài khí tượng sách tay với tên gọi "tổ quạ" được kéo lên đỉnh cột buồm cái, dùng để báo hiệu cho sự xuất hiện của những tảng băng trôi. Theo đề nghị của Êrik, người ta đã trang bị cho đài khí tượng một đèn pha mạnh lấy điện từ động cơ chạy bằng hơi nước. Đèn pha này dùng để rọi đèn cho "Aljaska" về ban đêm. Trên mạn tàu

để bảy chiếc thuyền, trong đó có hai thuyền săn cá voi và một ca nô chạy bằng máy hơi nước, sáu xe tuyết, thanh trượt tuyết cho riêng từng người trong đoàn thám hiểm, cũng như bốn khẩu đại liên kiểu Gatling, ba mươi khẩu súng trường và đạn dược.

Mọi công việc chuẩn bị ấy đến hồi kết thúc thì từ Nôrôê, bác Hecsbom và con trai ông là Ôttô, cùng với con chó Klaas to lớn đã lên yêu cầu cho họ được hân hạnh làm thủy thủ trên tàu "Aljaska". Qua thư Êrik, họ được biết chàng quan tâm sâu sắc đến cuộc du hành này thế nào, và họ muốn chia sẻ với chàng mọi sự nguy hiểm. Bác Hecsbom tuyên bố rằng bác có thể giúp ích được điều gì đó, vì bác am hiểu dải bờ biển Gronlen, còn con chó Klaas của bác sẽ dẫn đường khi cần phải dùng xe trượt tuyết để di chuyển. Còn nói về Ôttô thì chàng trai chỉ biết trông cậy vào sức vóc lực lưỡng và lòng trung thành vô hạn của mình. Nhờ sự giúp đỡ của bác sĩ và Brêđêzhor, cả ba đều được nhận lên tàu.

Đến đầu tháng Hai năm 1879, công việc chuẩn bị đã xong xuôi, "Aljaska" có những năm tháng trời để đi sao cho cuối tháng Sáu tới được eo biển Bêrinh vào đúng mùa thuận lợi nhất cho việc đi lại của tàu. Tàu phải bơi qua eo biển bằng con đường ngắn nhất, nghĩa là đi qua Địa Trung Hải, kênh Xuyê, Ấn Độ Dương và các bờ biển Trung Hoa (biển Nam Trung Hoa và biển Đông Trung Hoa), thứ tự ghé vào ăn than ở các cảng Ghibraltar, Aten, Kôlômbô, Xingapor, Hồng Kông, Iôkôhama và Pêtrôpavlôvsk trên Kamtsshatca.

Từ tất cả các trạm dừng ấy "Aljaska" phải đánh điện về Xtôckhôm. Người ta đã qui ước với nhau rằng: trong thời gian tàu di chuyển, nếu có tin tức gì của "Vêga" thì phải báo ngay đến trạm mà tàu "Aljaska" sắp tới.

Trước khi "Aljaska" vào vùng nước Bắc cực, nó phải bơi trên các biển vùng nhiệt đới và dọc theo các lục địa tràn đầy ánh nắng mặt trời ấm áp. Tuyến đường ấy được lựa chọn không phải để làm vừa lòng các hành khách mà là vì hết sức cần thiết phải như vậy: Nó bảo đảm đi đến eo biển Bêrinh bằng con đường ngắn nhất và giữ được liên lạc bằng điện tín với Xtôckhôm đến phút cuối cùng.

Nhưng, một việc rắc rối không lường trước đã xảy ra, có thể làm chậm trễ ngày xuất phát của tàu - vốn đã được chuẩn bị tốt và chu đáo cho chuyến đi đến mức gần như toàn bộ - thì số tiền quyên góp được đã cạn hết và có thể không đủ tiền cho chính đoàn thám hiểm. Bởi vì cần có những khoản chi phí đáng kể để mua than và những chi phí cần thiết khác nữa. Đoàn phải tiến hành thêm một cuộc quyên góp cho số tiền thiếu hụt ấy. Đợt quyên góp được thực hiện ngày 2 tháng Hai, mà mấy ngày sau đó ủy ban sáng lập đã xúc động nhận được hai lá thư bảo đảm đến cùng lúc.

Lá thư thứ nhất của ngài Maljarius, một thầy giáo dạy học ở Nôrôê, người

được giải thưởng của Hội thực vật. Trong phong bì có tám ngàn phiếu một trăm curon và lời yêu cầu của ông được nhận lên tàu “Aljaska” làm một nhà nghiên cứu thiên nhiên.

Trong lá thư thứ hai có tám séc hai mươi lăm ngàn curon và dòng chữ ngắn gọn:

“Tuyđor Braun gửi tàu “Aljaska” với điều kiện ông ta sẽ là thành viên của tàu”.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười hai

NHỮNG HÀNH KHÁCH BẤT NGỜ

Yêu cầu của Maljarius, một lời yêu cầu đầy thuyết phục và khiêm tốn, không thể không được ủy ban sáng lập chấp nhận với thiện cảm. Mọi người đã nhất trí tán thành, và nhà sư phạm xứng đáng ấy, người mà danh tiếng khoa học còn lớn hơn cả chính bản thân ông ta tưởng, đã được nhận chức vị nhà nghiên cứu tự nhiên trong thành phần của đoàn thám hiểm.

Còn nói về điều kiện do Tuyđor Braun đưa ra khi đóng góp hai mươi lăm nghìn curon thì ngay từ phút đầu bác sĩ Svariênkrôna và Brêdêzhor đều muốn gạt đi, nhưng khi tìm lý do để từ chối thì họ cảm thấy rằng điều đó không đơn giản tí nào. Và thực tế họ có thể viện lý do gì xác đáng trước ủy ban sáng lập để yêu cầu từ chối một món tiền đóng góp to như vậy? Một lý do như thế khó mà tìm được. Phải, Tuyđor Braun đã mang đến cho bác sĩ một bằng chứng về cái chết của Patric Ô Đônôgan, thế mà bây giờ hóa ra Patric Ô Đônôgan vẫn còn sống. Nhưng ở đây lấy đâu bằng chứng về sự độc ác của Tuyđor Braun? Đó là điều chính đáng mà ủy ban đặt ra trước khi định từ chối một món có thể giúp cho đoàn thám hiểm vượt qua nhiều khó khăn. Tuyđor Braun chứng minh sự thành khẩn của mình chẳng khó gì. Chẳng phải hành vi cuối cùng ông ta đã khẳng định điều đó sao? Có thể ông ta muốn kiểm tra xem Patric Ô Đônôgan đã bị chết thật trên tuyến đường Madâyra chưa, hay anh vẫn còn nguyên vẹn ở vùng duyên hải Xibir! Thậm chí nếu nghi ngờ Tuyđor Braun có âm mưu độc ác gì đó thì theo dõi, trông chừng sát sao hẳn sẽ không tốt hơn ư? Và, cuối cùng sẽ xảy ra một trong hai điều: Hoặc là hẳn không làm cái gì mới rắc rối cho việc điều tra và những người bạn đỡ đầu của Êrik bấy lâu nay vẫn tiến hành, và như vậy sẽ không có cơ

sở để xem hắn như một kẻ chống đối, hoặc ngược lại, có những lợi ích cá nhân nào đó lôi kéo tên chủ tàu "Albatros" này vào việc đen tối ấy thì bấy giờ tất nhiên, sẽ phải tập trung thực lực để theo dõi hành động của hắn và kịp thời ngăn chặn.

Đó là lý do tại sao bác sĩ và Brêdêzhor đã quyết định không cản trở việc đi cho Tuyđor Braun có mặt trên tàu "Aljaska". Sau đó, dần dần họ đã cố ý muốn sáp tới gần đối tượng lạ lùng ấy hơn để tìm hiểu xem hắn ta cần nhập vào đoàn thám hiểm để làm gì. Còn biết làm sao khác được, nếu không nhận hắn lên tàu với tư cách là một hành khách.

Hành trình của "Aljaska" ít ra trong giai đoạn đầu cũng rất hấp dẫn. Bởi vậy, bác sĩ Svariênkrôna, một người rất hâm mộ du ngoạn, đã yêu cầu được tháp tùng đoàn thám hiểm đến biển Đông Trung Hoa thời cũng được, mọi phí tổn đi đường ông sẽ hoàn lại cho ủy ban sáng lập.

Việc làm ấy của ông hóa ra đã lan sang cả Brêdêzhor, một người đã lâu lâu ước mơ được đi đến vùng mặt trời không bao giờ khuất bóng. Và, đến lượt mình, ông đã yêu cầu dành cho ông một phòng cũng với điều kiện như vậy.

Mọi người ở Xtóckhôm tin rằng cả giáo sư Hostedt nữa cũng không chịu "tụt lại" sau những người bạn của mình, vì lý do ông am hiểu khoa học và không muốn xa họ lâu. Nhưng, những hy vọng của Xtóckhôm đều không đúng cả. Bị những viễn cảnh của cuộc du lịch quyến rũ, giáo sư phải cân nhắc mọi chuyện "nên" hay "không nên" rất kỹ lưỡng, đến nỗi là ông không thể đi đến một quyết định dứt khoát nào. Cuối cùng, ông phải trông vào việc tung đồng tiền, và số phận đã xui khiến ông phải ở lại.

Cuộc xuất phát ấn định dứt khoát vào ngày 10 tháng Hai. Ngày 9, Êrik chờ đón ngài Maljarius. Sung sướng biết bao nhiêu khi chàng gặp ở nhà ga không những chỉ có thầy giáo, mà còn cả bà Katrina cùng với Vanda nữa. Họ đáp xe lửa đến đây để tiễn chân chàng đi xa! Họ đã khiêm tốn nghỉ chân ở khách sạn, nhưng bác sĩ quyết định yêu cầu họ chuyển ngay về ở trong nhà mình. Kaisa coi những người khách như thế kém thanh lịch, nên tỏ ra rất không vừa lòng.

Vanda sau mấy năm qua đã trở thành cô gái cao ráo, thanh tú, đẹp không ngờ. Cô vừa hoàn thành tốt đẹp kỳ thi khá khó khăn ở Berghen và do đó có thể hy vọng được nhận một chân giáo viên dạy học. Nhưng cô vẫn muốn ở lại Nôrô với mẹ và chuẩn bị thay ngài Maliarius trong lúc ông đi vắng. Tuy trau dồi được những kiến thức nghiêm chỉnh, nhưng Vanda không để mất đi đức tính giản dị và khiêm tốn, tính điềm tĩnh và mềm mỏng thường ngày, và tất cả những đức tính ấy gộp chung lại đã tạo cho cô một vẻ duyên dáng đặc biệt nào đấy. Cô gái đẹp trong bộ trang phục Na Uy rực rỡ đã gây nên ấn tượng lạ thường biết bao nhiêu, khi cô biện luận những đề tài khoa học nghiêm túc một cách bình tĩnh và khoan thai hoặc khi chơi dương cầm bản Xônát của Bêtôven với một tài nghệ kiệt xuất! Những, cái đáng yêu nhất ở cô là sự trang nhã bẩm sinh và không chút nào kiêu cách. Cô không tìm cách thu hút sự chú ý đối với bản thân cô và quan tâm đến những ưu điểm của mình chẳng hơn sự quan tâm đối với đôi guốc mà cô đi dưới chân. Vẻ đẹp của Vanda như thể vẻ đẹp của bông hoa đại được người thầy giáo già đưa từ vịnh về trồng và lớn lên trong mảnh vườn nhỏ phía sau trường.

Buổi tối, cả gia đình nuôi của Êrik đã sum vầy ở phòng khách của bác sĩ. Trong bầu không khí thân tình thấm thiết, Brêđêzhor và bác sĩ cùng giáo sư Hostedt đã chơi xong ván bài cuối cùng. Và họ đã bất ngờ phát hiện ra rằng cả ngài Maljarius cũng rất lão luyện trong lối chơi bài thanh tao này. Tài nghệ được phát hiện đột ngột ấy của ông hứa hẹn khóa lấp những thời gian rảnh rỗi trên tàu "Aljaska". Nhưng, thật không may hóa ra thầy giáo đáng kính, lại bị bệnh say sóng, lên tàu là buộc phải nằm gần như suốt ngày trong buồng. Chỉ có sự gắn bó với Êrik kết hợp với ước mơ ôm ấp lâu muốn bổ sung vào các tiêu bản thực vật của một số loài thảo mộc trước nay chưa biết, mới có thể thôi thúc ông tham gia cuộc du hành trên biển.

Sau khi chơi bài, họ quyết định nghe nhạc. Kaisa đã hạ cố chơi một điệu valse thịnh hành với vẻ vênh váo thường ngày của cô ta. Vanda đã diễn tấu một bản dân ca cổ vùng Scandinav. Sau đó, khi trà được bưng ra, tất cả những người họp mặt đều uống cạn một cốc to rượu phách (punch - loại rượu pha đường, chanh hoặc trái cây khác) để chúc mừng cho đoàn thám hiểm thành công. Êrik nhận thấy Kaisa thậm chí đã không đụng đến cốc rượu.

- Thế chẳng nhẽ Freken Kaisa không muốn chúc mừng chúng tôi thượng lộ

bình an à? - Êrik khẽ hỏi cô ta.

- Chúc cái điều mà mình không tin thì chúc làm gì. - cô ta trả lời.

Sáng sớm hôm sau, tất cả những người ra đi đều đã có mặt trên tàu trừ có mình Tuyđo Braun thôi. Từ sau bức thư bảo đảm ấy, chẳng thấy tăm hơi ông ta đâu nữa.

Mười giờ tàu phải rời bến. Đúng giờ qui định thuyền trưởng Marsilas ra lệnh nhổ neo và gõ công để cho những người tiễn lên bờ.

- Tạm biệt, Êrik! Vandan kêu to và âu yếm hôn chàng.

- Tạm biệt, con trai bé bỏng! - Bà Katrina nói thắm, ghì chặt chàng trung úy vào lòng.

- Còn cô Kaisa, chẳng lẽ cô không nói với tôi điều gì trước lúc chia tay sao? Êrik hỏi, định bụng cũng sẽ hôn cô ta.

- Tôi chúc anh không bị cái lạnh làm hư mũi và mong được biết rằng anh là hoàng tử cải trang. - cô ta đáp với vẻ nhạo báng.

- Thế nhờ sự việc hóa ra lại đúng như thế thì khi ấy tôi xứng đáng được cô có thiện cảm chứ? - chàng nói, cố nén dưới cái vui giả tạo một nỗi đau đớn do câu nói đùa tàn nhẫn kia gây nên cho chàng.

- Không nhẽ anh lại nghi ngờ điều đó sao? - Kaisa đáp sau khi quay mặt về phía người bác của mình, ra điều muốn cuộc chia tay thế là xong.

Phút cuối cùng đã đến. Những tiếng công mỗi lúc một trở nên quyết liệt hơn. Những người đi tiễn ủa xuống cầu tàu để xuống các xuồng đã chờ sẵn.

Trong cảnh nhốn nháo chung, hầu như không ai để ý đến một hành khách đến trễ đang đi trên boong tàu, tay xách vali.

Một phút nữa trôi qua, sau hai-ba hồi còi lạnh lạnh kéo dài, chân vịt của tàu bắt đầu làm việc, sau đuôi tàu, bọt nước sục sôi trắng xóa, và "Aljaska" uy nghi rẽ làn nước xanh của biển Bantich rời Xtóckhôm. Còn những người ra xem tụ họp trên bờ thì tiễn đưa tàu bằng những tiếng hô reo vang dậy, vỗ khăn, vỗ mũ náo nhiệt.

Êrik đứng trên cầu chỉ huy ra mệnh lệnh. Brêđêzhor và bác sĩ chống khủy tay trên lan can mạn tàu bên trái chào Kaisa và Vanda đang đứng trên đập chắn sóng. Maljarius cảm thấy trong người nôn nao khó chịu đã vội vàng trở về buồng của mình.

Hoàn toàn bị chi phối về ý nghĩ cuộc chia ly diễn ra, cả hành khách lẫn những người ra tiễn không để ý đến sự xuất hiện của Tuyđo Braun. Bởi vậy

bác sĩ không khỏi ngạc nhiên khi quay lại bỗng thấy ông ta đang đi lên boong trên. Ông ta đi tới, tay rút túi quần, vẫn mặc bộ quần áo kỳ quái ấy, vẫn đội chiếc mũ hình trụ như bị xoáy chặt cứng lấy đầu.

- Thời tiết tốt quá. - Tuyđor Braun lẩm bẩm thay cho lời chào. Thái độ suồng sã ấy làm cho bác sĩ phân vân. Ông im lặng hồi lâu, hy vọng cái gã kỳ cục này ít nhất cũng phải xin lỗi và thanh minh về cách xử sự của mình. Nhưng, sau khi chắc chắn sự chờ đợi của ông bằng thừa, bác sĩ chuyển sang thái độ tấn công.

- Như vậy đó, thưa ngài, té ra là Patric Ô Đônôgan đâu đã chết như ngài quả quyết! - bác sĩ kêu lên với tính nóng nảy vốn dĩ của ông.

- Chuyện ấy còn phải xem cho kỹ đã - người nước ngoài đáp với thái độ bình chân như vại. - Vì thế tôi mới nhập vào đoàn thám hiểm để xác minh điều đó.

Rồi Tuyđor Braun xoay lưng lại và cho rằng có lẽ giải thích như vậy là đủ lắm rồi, hắt đi tới đi lui trên boong, vừa đi vừa huýt sáo một điệu hắt ư thích nhất.

Êrik và Brêđêzhor hào hứng theo dõi liên tục cảnh tượng ấy. Lần đầu tiên bây giờ mới thấy Tuyđor Braun, họ nhìn hắn rất chăm chú, chăm chú hơn bác sĩ nhiều. Họ nhận thấy người nước ngoài ấy hình như cố ý nhấn mạnh về lãnh đạm của mình, nên chốc chốc lại đưa mắt nhìn họ như muốn kiểm tra xem hắn đã gây ấn tượng như thế nào. Chẳng hẹn mà cả Êrik và Brêđêzhor đều làm bộ như không để ý gì đến hắn. Nhưng sau đó họ gặp nhau trong phòng khách, nơi các cửa buồng đều quay về đó có, và bắt đầu họp bàn.

Tuyđor Braun báo tin Patric Ô Đônôgan chết để làm gì? Và bây giờ hắn tham gia cuộc du hành trên con tàu "Aljaska" nhằm mục đích gì? Nhưng dù thế nào cũng không thoát một điều là: Sự tái xuất hiện của hắn liên quan đến chuyện tàu "Cintia" và "chú bé trên phao cứu hộ". Bởi vì Êrik và những người bạn đỡ đầu của chú quan tâm đến số phận của Patric Ô Đônôgan là do họ phỏng đoán gã phù thủy ấy biết rõ nguyên nhân của tai nạn đắm tàu. Chính vì vậy dẫu sao cũng phải tìm bằng được gã. Còn bây giờ họ đang nhìn thấy trước mặt mình, lúc đầu đã tự đến thông báo cho biết Patric Ô Đônôgan đã chết, rồi sau đó, lại năn nỉ xin tham gia đoàn thám hiểm đi cứu hộ, khi những tin tức của hắn ta không ngờ bị bác bỏ! Từ đó có thể kết luận rằng hắn ta đang đeo đuổi lợi ích cá nhân gì đấy, và tự bản thân hắn đến gặp

bác sĩ Svaviênkrôna lần trước đã chỉ ra mối liên quan giữa mưu đồ của hắn với những cuộc tìm kiếm mà bác sĩ đang tiến hành.

Tất cả những điều đó dẫn đến một điều là trong việc khám phá bí mật về nguồn gốc của Êrik, tên Tuyđor Braun có thể đóng vai trò không kém gì Patric Ô Đônôgan. Làm sao biết được có phải bây giờ hắn đã nắm được chiếc chìa khóa của điều bí ẩn mà bấy lâu nay họ đã công phu tìm kiếm? Nếu quả thật như vậy thì thái độ đối với sự có mặt của hắn trên tàu nên như thế nào - vui mừng hay cảnh giác?

Brêđêzhor nghiêng về phía thứ hai: Vì cả cách xử sự lẫn phong thái của gã kỳ cục này đều gợi cho ông ta sự nghi ngại.

Bác sĩ thì trái lại, cho những hành vi của Tuyđor là thực thà, hắn ta, với tất cả sự ngông cuồng của mình, có thể theo đuổi những ý đồ lương thiện.

- Nếu đích thực hắn đã biết được điều gì rồi - bác sĩ lý giải - thì sự gần gũi với nhau trên chặng đường cùng đi sớm muộn cũng buộc hắn phải nói ra thôi. Nếu vậy thậm chí việc hắn ở đây lại là điều may cho ta! Mà ít nhất thì ta cũng xác minh được điều gì gắn bó với tên người Ailen nếu như ta tìm thấy gã ấy.

Còn nói về Êrik thì thậm chí đã không dám biểu thị tình cảm của mình khi nhìn thấy gã. Điều đó không phải là sự kinh tởm, mà là sự căm thù, là ý muốn bản năng nhảy xổ vào hắn và quăng hắn ra mạn tàu. Chàng trai tin rằng con người này có sự liên quan nào đó rất nguy hại đối với tấn kịch đời của chàng. Nhưng Êrik phải ngượng đến đỏ mặt lên, nếu mình sa vào định kiến và nói rõ ra những ý nghĩ của mình. Chàng chỉ giới hạn ở lời nhận xét rằng, về phần mình, chẳng bao giờ nhận Tuyđor Braun lên tàu cả, nếu như chàng được quyền biểu quyết trong vấn đề này.

Vậy phải cư xử sao đây với một hành khách như thế? Về việc này ý kiến cũng rất khác nhau. Bác sĩ cho rằng nên đối xử với Tuyđor Braun tế nhị và thân tình hơn, để buộc hắn tự thổ lộ. Brêđêzhor cũng như Êrik, cảm thấy không chịu được với trò hề như thế, hơn nữa lại cảm thấy khó bảo đảm được rằng chính bản thân bác sĩ đủ khả năng chịu đựng tấn trò hề đến cùng. Bởi vậy quyết định để mặc cho Tuyđor Braun tự do hành động theo ý hướng của hắn.

Họ đã không phải chờ đợi lâu. Đúng giữa trưa, tiếng công báo giờ ăn vang lên. Brêdêzhor và bác sĩ đi đến căn phòng chung. Tuyđor Braun đã ngồi sau bàn rồi, vẫn đội nguyên mũ trên đầu, không hề tỏ ý muốn tham gia trò chuyện với những người bên cạnh. Sự thô bạo của con người này đã vượt qua giới hạn và gây nên sự phẫn nộ cho mọi người. Hình như hắn ta chẳng có chút khái niệm con con nào về phép lịch sự sơ đẳng cả: Hắn gấp thức ăn bỏ vào đĩa cho mình trước, lựa lấy những miếng ngon, tham ăn tục uống như một kẻ ăn thịt người.

Hai, ba lần thuyền trưởng và bác sĩ đã quay sang hỏi chuyện hắn, nhưng hắn hoặc tuyet nhiên không thèm trả lời, hoặc chỉ miễn cưỡng gật gật đầu.

Sau bữa ăn, hắn nằm soài trên ghế bành một cách suồng sã, vừa xỉa răng bằng một cây tăm to tướng, vừa quay sang hỏi thuyền trưởng Marsilas:

- Hôm nào thì ta sẽ đến Gibraltar?

- Hy vọng ngày mười chín hoặc hai mươi - thuyền trưởng đáp.

Tuyđor Braun rút trong túi ra một cuốn sổ ghi và xem lịch.

- Có nghĩa là ngày hai mươi hai sẽ đến Malt, hai mươi lăm - đến Alêchsandria và cuối tháng thì đến Ađen - hắn ta lẩm bẩm.

Rồi gã người nước ngoài rời khỏi bàn, trèo lên boong và đi đi lại lại trên tầng lái.

- Ủy ban đã tuyển chọn được một người đồng hành hết biết nói hay sao! - thuyền trưởng Marsilas không kiềm nổi, nhận xét.

Brêdêzhor đã định đáp lời thuyền trưởng thì tiếng ồn ào khủng khiếp phát ra ở trên phía cầu thang đã ngắt quãng lời ông. Tiếng kêu la, tiếng chó sủa, tiếng người nói vang lên hỗn độn. Mọi người vội vã leo lên boong.

Thủ phạm gây nên sự náo loạn ấy hóa ra lại là Klaas, chú chó to giống Gronlan của bác Hecsêbom. Chắc hẳn là tướng mạo của Tuyđor Braun không làm cho Klaas có cảm tình. Khi nhìn thấy người lạ mặt dạo bước trên tầng lái, con chó thoát đầu gầm gừ khó chịu, sau đây đã định tấp vào chân hắn ta. Tuyđor Braun đã lập tức rút trong túi ra khẩu súng lục, định bắn con chó, Ôtô đã chạy đến ngăn hắn và đuổi Klaas vào cũi. Một cuộc tranh cãi quyết liệt đã nổ ra. Tuyđor Braun người tái nhợt không biết vì tức giận hay vì sợ hãi, hắn muốn đầu thế nào cũng phải giết con chó. Bác Hecsêbom đến cứu giúp, nhất định phản đối cách trừng trị như thế. Thuyền trưởng đã chấm dứt cuộc tranh cãi, sau khi đòi Tuyđor Braun phải cất súng và từ nay phải

xích con chó lại.

Những ngày đầu tiên cuộc hành trình trên biển đã được đánh dấu bằng chuyện bất thường ngộ nghĩnh ấy. Dần dần mọi người quen với cái vẻ lảm lì và những trò rởm của Tuyđor Braun. Khi ngồi bên bàn chung, người ta thân nhiên chẳng để ý đến hắn, coi như hoàn toàn không có hắn ở đó.

Mỗi người tìm cho mình một việc làm và cách giải trí theo sở thích.

Maljarius nằm trên giường đôi ngày và bắt đầu ăn được một chút và chẳng bao lâu đã có thể tham gia những ván bài liên miên với bác sĩ và Brêdezhor.

Êrik bận việc túi bụi, lúc rảnh lại đọc sách.

"Aljaska" chạy theo đúng hành trình đã định, không hề bị chậm trễ.

Ngày 11, những hòn đảo Aland đã lùi lại phía sau. Ngày 12, đi qua Zund.

Ngày 13, đến Skaghêrak. Ngày 14, đến Gelgôland. Ngày 15, vượt Padokalo và ngày 16, vòng qua mũi Agor.

Đêm hôm sau Êrik đang ngủ trong buồng của mình, bỗng thức dậy vì sự im ắng khác thường và để ý thấy chân vịt không phát ra tiếng kêu hàng ngày nữa. Chàng không có gì phải lo ngại cả, bởi vì đã có trung úy Kiêlkist trực phiên. Nhưng vì tò mò, chàng đã trèo lên trên để biết điều gì đã xảy ra.

Qua báo cáo của thợ máy chính, chàng được biết thân máy bơm tăng áp bị hỏng và buộc phải tắt nồi hơi. "Aljaska" bây giờ đang chạy bằng buồm theo hướng gió tây - nam thổi yếu ớt.

Việc xem xét kỹ lưỡng không giúp tìm ra nguyên nhân sự cố. Thợ máy đề nghị cho tàu ghé vào một cảng gần nhất để chữa máy bơm.

Thuyền trưởng Marsilas, sau khi đích thân xem xét chiếc máy bơm bị hỏng, đã chấp nhận ý kiến ấy. "Aljaska" đang ở cách Brest ba mươi hải lý. Tàu đã được lệnh thẳng hướng tới cảng lớn này của nước Pháp.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười ba

THĂNG HƯỚNG TÂY - NAM

Sáng ngày hôm sau "Aljaska" đã vào đến cảng Brest. May mà chỗ hỏng không đáng kể. Một viên kỹ sư đã lên ngay tàu bảo đảm rằng tất cả sẽ được sửa chữa xong trong ba ngày, sự chậm trễ không bao nhiêu này có thể bù lại bằng cách cho tàu ăn than ngay ở Brest để khỏi phải đậu lại ở Ghibraltar nữa. Sau đó tàu sẽ dừng thẳng Malt; lợi được nguyên ngày và như vậy sẽ giảm bớt sự chậm trễ tới hai ngày. Và lại, trong khi tính toán thời gian cần thiết cho "Aljaska" vượt biển cũng đã chú ý đến khả năng bị chậm trễ đột

xuất không lường trước. Trường hợp cần lắm thì đoàn thám hiểm có thể bị chậm trễ đến ba mươi ngày. Chính vì không có gì đáng lo ngại lắm, nên các nhà du hành đã coi trở ngại mới phát sinh là chuyện bình thường.

Chẳng mấy chốc hóa ra việc đổ tàu đột xuất này lại là cái có thuận tiện cho việc chúc mừng các thủy thủ Thụy Điển. Sau vài giờ thôi, tin tàu "Aljaska" cập bến đã lan truyền khắp thành phố! Vì qua báo chí mọi người đã biết chuyến đi của nó cho nên đoàn thủy thủ của Thụy Điển chẳng bao lâu đã trở thành đối tượng chú ý của dư luận.

Quận trưởng hàng hải và thị trưởng Brest, giám đốc cảng và thuyền trưởng các tàu đậu tại cảng đều đã đến thăm chính thức thuyền trưởng Marsilas. Một bữa tiệc và một đêm vũ hội đã được tổ chức để chào mừng các nhà nghiên cứu dũng cảm đi tìm Nordensheld. Dù cho bác sĩ và Marsilas không ưa thích những cuộc tiệc tùng cao sang, nhưng họ vẫn buộc phải hiện diện trong các cuộc chiêu đãi chào mừng ấy. Còn nói về Brêdêzhor thì ông ta cảm thấy mình đến đó y như cá sống trong nước vậy.

Trong số quan khách được quận trưởng hàng hải mời đến dự cuộc gặp gỡ sĩ quan của tàu "Aljaska" có một ông già người cao, nét mặt thanh cao và buồn. Êrik chợt nhận ra trong ánh mắt buồn rầu của ông chăm chú nhìn mình có một vẻ thiện cảm mà chàng không thể nhầm được. Đó là ngài Duyren, tổng lãnh sự đã về hưu, một trong những hội viên tích cực của hội địa lý Pháp, nổi tiếng rộng rãi với những công trình nghiên cứu của mình về Trung Á và Xuđăng. Êrik bao giờ cũng đọc một cách rất hào hứng những bài viết về cuộc du hành của ông ta. Vì vậy khi được giới thiệu với ngài Duyren, chàng đã có thể nói chuyện với nhà bác học Pháp với một cách rất am hiểu. Sự ham hiểu biết đáng quý của chàng trung úy trẻ đã làm cho ngài địa lý đáng kính xúc động một cách chân thành, và đôi môi nhợt nhạt của ông đã nở một nụ cười.

- Công lao to lớn trong khám phá ấy không phải thuộc về tôi - ông trả lời câu hỏi của Êrik về những cuộc khai quật thành công mới được ông tiến hành tại các vùng ngoại ô thành phố Axuan - Tôi đã làm một cách hủ hua, như một người mong muốn dập tắt những ký ức nặng nề và cống hiến hết mình cho công việc yêu thích, mà ít quan tâm đến kết quả lao động của mình. Thế đó,

tất cả những gì còn lại đều trở thành ngẫu nhiên mà thôi.

Ngài đô đốc thấy Êrik và ngài Duyren có cảm tình với nhau đã cố gắng thu xếp cho họ ngồi cạnh nhau cùng một bàn, và hai người tiếp tục chuyện trò sôi nổi với nhau trong cả lúc ăn trưa.

Đến khi cà phê được bung ra thì chàng trung úy trẻ đã bị "một cuộc tấn công bất ngờ" của một người nhỏ con, hơi trán, đó chính là bác sĩ Kergaridêch, chưa biết đầu cua tai nheo thế nào đã hỏi chàng gốc người ở đâu. Lúc đầu, hơi bị ngạc nhiên trước câu hỏi ấy, Êrik đã trả lời rằng chàng là người Thụy Điển, hay nói đúng hơn, là người Na Uy, rằng gia đình chàng ở cách Berghen không xa lắm. Sau đó, Êrik hỏi lý do của sự tò mò ấy.

- Lý do rất đơn giản - người tiếp chuyện trả lời. Suốt một giờ qua tôi đã ngồi sau bàn quan sát chăm chú. Tôi chưa bao giờ được nhìn thấy nét cổ điển của một mẫu người Kelt. Cần phải nói với chú rằng tôi rất hâm mộ nền văn hóa Kelt. Và thế là lần đầu trong đời, tôi đã có dịp tiếp xúc với tất cả những dấu hiệu của một người Kelt ở vùng Scandinav. Có thể là nơi đây đang ẩn dấu một điều vô cùng quý báu đối với khoa học chẳng? Có thể là cần phải liệt Na Uy vào số những vùng mà tổ tiên người Gôloa chúng tôi chưa khi nào đặt chân tới chẳng?

Êrik vừa mới định giải thích cho nhà bác học ở Brest những căn do làm giảm giá trị giả thuyết của ông thì bác sĩ Kergaridêch đã quay lưng lại để chào một phụ nữ đứng lúc ấy bước vào phòng khách của quận trưởng hàng hải, và câu chuyện vừa mới bắt đầu bị đứt quãng. Chàng trung úy trẻ có nhẽ đã không nhớ câu chuyện này, nếu như hôm sau, khi đi qua một đường phố kế ngay chợ, bác sĩ Svariêkrôna không đột nhiên nói với chú lúc trông thấy một người chăn bò ở Morbian đến:

- Cháu bé thân mến của tôi, nếu còn chút nghi ngờ nào về nguồn gốc Kelt của cháu, thì đến đây nó đã tiêu tan sạch rồi! Cháu cứ nhìn mà xem, tất cả những người Brest đều giống cháu biết chừng nào! Vì ở họ màu da mặt không bóng, xương sọ cũng dài dài, mắt cũng nâu, tóc đen, thậm chí cả phong thái cũng giống hệt như cháu vậy!... Không, dù Brêđêzhor nói gì đi nữa thì cháu vẫn là người Brest chính thống. Cháu có thể vững tin ở điều đó.

Lúc ấy Êrik mới kể những gì mà hôm qua Kergaridêch đã nói, và, bác sĩ Svanêkrôna đã tỏ ra phản khởi không thể tả được, đến nỗi suốt ngày hôm ấy ông ta không nói thêm điều gì khác cả.

Tyudor Braun, cũng như tất cả các hành khách "Aljaska" đã nhận lời của quận trưởng hàng hải. Thậm chí ta còn có thể dự đoán được rằng hắn đã định vận bộ quần áo hàng ngày của mình để dự tiệc, vì lúc ngồi xuống thuyền đi hắn còn mặc nguyên bộ đồ ấy kia mà. Nhưng, có lẽ cần phải bỏ lại chiếc mũ hình trụ bất ly thân làm cho Tuydor Braun thấy khó khăn quá, nên đến phút chót, khi hắn định bước qua ngưỡng cửa quận trưởng thì hắn đã quay ngoắt trở lại. Tối hôm ấy không ai thấy hắn đâu nữa.

Êrik sau khi dự vũ hội về (tại đây chàng nhảy nhiều và rất vui vẻ) được Hecsêbom cho biết Tuydor Braun đã trở về tàu lúc gần bảy giờ tối và đã ăn cơm một mình. Sau khi ăn hắn đã sang buồng của thuyền trưởng để xem bản đồ hàng hải, sau đó, khoảng gần tám giờ tối hắn rời tàu bằng canô đã chờ hắn từ bờ ra. Đó là những tin cuối cùng nhận được về con người ấy.

Hôm sau, lúc năm giờ, Tyudor Braun không có mặt, mặc dù hắn biết máy bơm đã sửa chữa xong, lửa trong lò đã nhóm và "Aljaska" phải rời bến, không thể chậm trễ. Thuyền trưởng đã đích thân báo cho mọi người biết trước như vậy. Do đó, ông đã ra lệnh nhổ neo.

Trên tàu mọi người đã cuộn dây neo xong, lúc ấy một chiếc thuyền lao nhanh về phía "Aljaska". Tất cả mọi người trên tàu đều nghĩ rằng trên thuyền có Tuydor Braun, nhưng lát sau mới biết chắc chắn là thuyền chỉ mang đến một phong thư. Ai nấy đều ngạc nhiên: Thư ấy đề gửi cho Êrik.

Bóc phong bì ra, Êrik thấy trong đó có một danh thiếp của Duyren, tổng lãnh sự đã về hưu, hội viên Hội địa lý Pháp. Danh thiếp được viết bằng bút chì: "Chúc thượng lộ bình an! Mau chóng trở về!"

Làm sao có thể diễn đạt được hết tâm trạng của Êrik bây giờ? Sự quan tâm và thiện cảm của nhà bác học trứ danh đã làm cho chàng xúc động sâu sắc. Khi chàng thanh niên rời mảnh đất mến khách, mà chàng đã sống không quá ba ngày này, chàng cảm thấy như từ già quê hương. Êrik cẩn thận cất tấm danh thiếp của ngài Duyren vào ví, nghĩ rằng lời chào tiễn biệt của bề trên thanh cao sẽ đem lại cho chàng hạnh phúc.

Hai phút trôi qua "Aljaska" rời bến, hướng ra cửa biển. Lúc sáu giờ chia tay

với viên hoa tiêu. Anh ta đã cầu chúc cho tàu một chuyến đi may mắn. Đã sang ngày 20 tháng Hai. Trời quang đãng. Mặt trời khuất sau đường chân trời cũng đột ngột như trong những ngày mùa hạ. Đêm đến dần dần, và chẳng bao lâu trời đã tối sập vì mười giờ trăng đã lên rồi. Êrik gác phiên đầu tiên, bước đi nhẹ nhàng trên boong từ cột buồm giữa đến cột buồm sau. Chẳng cảm thấy như mọi thế lực tàn ác đe dọa đoàn thám hiểm đều đã biến đi hết cùng với Tuyđor Braun.

“Chỉ mong sao cho hấn đừng có ý định chờ ta ở Malta hay Xuyê”, Êrik nghĩ. Bởi vì điều đó không những có thể, mà còn hoàn toàn có lý, một khi Tuyđor muốn tránh đoạn đường vòng mất nhiều ngày mà "Aljaska" phải qua để đến Ai Cập. Trong khi tàu còn vòng qua Pháp và Tây Ban Nha thì, nếu hấn thấy cần hấn có thể dừng lại một tuần ở Paris hay một thành phố nào khác nằm trên đường đi, để sau đó gặp "Aljaska" ở một trong ba cảng, nơi tàu phải đến nhận bưu vụ. Ở Alêchxanđê hoặc Xuyê, Ađen hoặc Kôlômbô, ở Xâylan, Xingapo hoặc thậm chí Iôkôhama.

Nhưng, tạm thời tất cả những điều ấy chỉ mới là dự đoán. Hiện Tuyđor Braun không có đây, và điều đó hoàn toàn đủ làm cho tất cả mọi người thấy nhẹ hấn đi.

Bởi vậy, bữa ăn thường lệ lúc sáu giờ rưỡi tối đã diễn ra trong bầu không khí thân mật và thoải mái nhất. Sau món tráng miệng, mọi người đã nâng cốc chúc mừng đoàn thám hiểm thành công, ai nấy đều mừng thầm trước việc Tuyđor Braun biến mất. Sau đó mọi người đã trèo lên boong để hút xì gà. Trời tối như bưng. Đàng xa về phía bắc, sáng rõ ánh đèn hải đăng trên các mũi Xanh - Machior, Pier - Nuar và Uêsan. Nơi phía nam, ngọn đèn pha rực sáng Bek-đuy-ra và dãy đèn nhấp nháy Têvênek đã lui lại đàng sau. Ánh đèn bất động trên vách núi Bek-đuy-ra chỉ dẫn cho biết tàu đang đi đúng đường. Ở phía mạn trái tàu, ánh đèn trên đảo Sen cứ bốn giây bùng lên rồi tắt ngay. Gió đông bắc trong lành, làm cho tàu tăng thêm tốc độ và hơi ngả về bên trái. Nói chung, tàu lác lư không đáng kể, mặc dù biển không êm.

Đúng lúc hành khách bước lên boong, thủy thủ phía mạn trái càng treo xong chiếc "lag" (dụng cụ đo tốc độ tàu thủy và quãng đường tàu đã đi).

- Mười phẩy hai mươi lăm hải lý - anh ta trả lời thuyền trưởng đến hỏi đo tốc độ tàu.

- Tốc độ tuyệt vời! Nếu cứ giữ tốc độ này suốt năm mươi - sáu mươi ngày thì tốt lắm! - bác sĩ mỉm cười nói.

- Ngài nói đúng - thuyền trưởng tán thành. Như vậy, để đến eo biển Bêrinh, ta không phải tốn mất nhiều than.

Thuyền trưởng nói như vậy rồi rời chỗ bác sĩ, đi xuống buồng tàu của mình. Tại đây ông lấy trong ngăn kéo to ra một tấm bản đồ dán trên vải gai để bên dưới các phong vũ biểu và đồng hồ hàng hải, và trải trên chiếc bàn làm việc

được rọi sáng bằng một chiếc đèn Karsel (*Đèn Karsel - loại đèn thấp bằng dầu mỡ có bộ phận cơ khí để bơm mỡ vào miệng đèn. Loại đèn này rất sáng, ngọn lửa ổn định, nên rất thông dụng*). Bản đồ này do bộ lư lệnh hải quân Anh vẽ, chỉ dẫn đặc điểm nhỏ nhất của vùng biển duyên hải giữa các vĩ độ bắc 47 và 49 và kinh độ tây 4 và 5 so với kinh tuyến gốc Grinuych, chính là những nơi mà hiện "Aljaska" đang ở đó. Bản đồ rộng chừng một mét vuông. Hình dạng vùng duyên hải, các đảo, các ngọn hải đăng cố định và quay, các bãi cát, các độ sâu, tất cả kể cả đường đi của tàu, đều được thể hiện đầy đủ nhất trên bản đồ này. Với một tấm bản đồ như thế và một cái địa bàn nữa thì tưởng như một đứa bé cũng có thể lái một con tàu lớn nhất vượt qua vùng tai ác mà mới đây thôi trung úy Mazh, một sĩ quan dày kinh nghiệm của hạm đội Pháp, một nghiên cứu viên vùng biển Nigie, đã bị nạn cùng với người bạn đồng hành của mình trên chiếc tàu "Marisiêng" sau khi tàu "Sane" và nhiều tàu khác bị đắm tại đó.

Thuyền trưởng Marsilas chưa bao giờ có dịp đi qua vùng biển này. Đúng ra, chỉ cần ghé vào Brest nên ông mới tới đây, nếu không ông đã đi ngoài biển khơi. Bởi vậy, thuyền trưởng chỉ có việc trông vào việc nghiên cứu bản đồ và cố gắng không đi chệch đường qui định. Những tuyến đường rất đơn giản. Sau khi bỏ qua ở phía trên các đảo Pua-đuy-van, Bek-đuy-ra và đảo Sen, một hòn đảo hầu như lúc nào cũng mù mịt bụi nước do sóng ngầm gây nên, "Aljaska" phải đi về phía tây để sau đó quay về hướng nam, khi đó ra đến ngoài khơi. Ngọn lửa bất động trên đảo chỉ dẫn một cách chính xác vị trí của tàu, và căn cứ theo bản đồ, thì, cách ngọn hải đăng ấy ít nhất một phần tư hải lý về phía tây, đảo sẽ kết thúc bằng một dãy vách núi dựng đứng nhô ra biển khơi, độ sâu ở chỗ này tới một trăm mét. Bởi vì mốc định hướng đặc biệt quan trọng đối với lúc đêm tối như thế này, nên thuyền trưởng sau khi nghiên cứu bản đồ đã quyết định cho tàu đi gần vật chuẩn hơn so với lúc qua đây ban ngày. Ông trèo lên boong tàu, nhìn bao quát mặt biển và ra lệnh cho Êrik quay hai mươi nhăm độ về phía tây nam.

Lệnh ấy làm cho chàng trung úy hơi phân vân.

- Ngài nói về phía tây-nam? - chàng lịch sự hỏi lại, tưởng mình nghe nhầm.
- Phải, rẽ về phía tây-nam - thuyền trưởng nhắc lại mệnh lệnh của mình - Sao, con đường này anh không thuộc à?
- Thừa thuyền trưởng nếu ngài cho phép trả lời, thì tôi phải thừa nhận đúng như thế. Êrik thành tâm nói - Tôi vẫn muốn tiếp tục đi về hướng tây.
- Để làm gì? Để mất thêm một đêm nữa à?

Giọng thuyền trưởng không cho phép bàn luận gì thêm nữa. Êrik thi hành đúng mệnh lệnh đã ban. Vì chỉ huy của chàng là một thủy thủ từng trải có thể hoàn toàn tin cậy được.

Dù tàu chỉ thay đổi hướng không đáng kể, nhưng tốc độ của tàu bị ảnh

hưởng ngay lập tức. "Aljaska" bị tròn tránh tợn, cứ mỗi lần "cua" gắt là mũi tàu ngập chìm trong sóng. Biển quanh tàu réo sôi sục. "Lag" chỉ mười bốn hải lý và do đó gió đã mạnh hơn, Êrik ra lệnh cuốn hai mép buồm.

Bác sĩ và Brêdezhor, bất chợt cảm thấy khó chịu trong người, trở xuống buồng của mình. Thuyền trưởng còn đứng lại hồi lâu trên boong, lát sau cũng đi theo họ. Nhưng ông ta vừa kịp đến buồng của mình thì Êrik đã đến gặp ông.

- Thừa thuyền trưởng - chàng nói - tôi vừa nghe phía mạn tàu trái có tiếng động khả nghi, không chừng như tiếng sóng đập vào trong vách núi. Tôi thấy phải có trách nhiệm nói với ngài rằng theo ý tôi thì chúng ta đang đi vào con đường nguy hiểm.

- Quả là, thưa ngài, sự lo lắng của ngài biến thành sự ngoan cố! - thuyền trưởng kêu lên - Sao lại nguy hiểm, một khi chúng ta còn cách hải đăng ít nhất ba bốn hải lý?

Và, với vẻ bức tức, ông ta chỉ vào tấm bản đồ vẫn trải sẵn trên bàn cho Êrik thấy đảo Sen sừng sững như một người đứng gác ở ngay cuối bãi bồi Brêton. Êrik dõi theo tay ông ta. Chàng đã nhìn thấy chẳng có thảm họa nào được ký hiệu trên đường đi tới hòn đảo này - một hòn đảo cheo leo giữa biển và chung quanh toàn vùng nước sâu. Chàng thủy thủ tận mắt nhìn thấy không còn gì có thể tin tưởng và an tâm hơn thế nữa. Nhưng, dù sao, đây cũng không phải là ảo giác: vì tiếng sóng đập vào vách đá dội lại lờ phía mạn tàu bên trái, tức là từ hướng khuất gió, và do đó, cách tàu không xa lắm kia mà!

Một cảm giác lạ lùng mà Êrik không đủ quyết tâm thừa nhận ngay cả với bản thân mình là chàng thấy hình như hình dạng bờ biển trên bản đồ chẳng giống chút nào với hình dạng của những vùng tai ác này, mà chàng đã được biết qua các nguồn địa lý khác nhau. Nhưng làm sao chàng có thể đối chiếu những ấn tượng ngắn ngủi và thoáng qua, những ký ức lơ mờ với sự thực rành rành và không có gì bác bỏ nổi như tấm bản đồ của tư lệnh hải quân Anh này? Êrik không dám làm như vậy, rõ ràng những tấm bản đồ được vẽ ra chính là để đề phòng cho các nhà hàng hải khỏi bị những thiếu sót và những lỗ hổng về trí nhớ có thể xảy ra. Chàng cúi chào cấp trên của mình và đi lên boong.

Chàng chưa kịp bước lên cầu chỉ huy đã nghe thấy vang lên những tiếng kêu:

- Đá ngầm phía mạn tàu bên phải!

Và mấy giây sau lại có tiếng hô :

- Đá ngầm phía mạn tàu bên trái!

Ngay sau hồi còi lanh lảnh, mọi người rồi rít chạy trên boong - "Aljaska" rung mình, hãm bớt tốc độ chạy lùi. Thuyền trưởng Marsilas chạy bổ đến cầu thang đi trên boong. Đúng lúc ấy ông nghe một tiếng ầm, giống như tiếng trượt ràn rạt trên cát. Bất thành linh thuyền trưởng bị xô ngã. Tàu bị rung từ sống tàu đến đỉnh cột buồm. Sau đó, ắng lặng đi, "Aljaska" nằm chết gí. Nó kẹt giữa hai dải đá ngầm.

Thuyền trưởng Marsilas đầu bị va tóe máu, khó khăn lắm mới đứng dậy được và lên đến boong tàu. Mọi người ở đây đang cuống quýt cả lên. Các thủy thủ hốt hoảng nhào đến mấy chiếc xuống. Sóng hung dữ chồm lên vật cản bất ngờ do con tàu nạn gây nên. Hai con mắt sáng loáng của hai ngọn hải đăng trên đảo Têvênek và đảo Sen nhìn "Aljaska" với vẻ lãnh đạm nhẫn tâm, dường như trách cứ nó đi vào chỗ chết mà chúng đã phòng ngừa trước cho rồi. Êrik đứng trên cầu tàu thuyền trưởng và cúi xuống mạn tàu bên phải, cố qua màn đêm dày đặc xác định phạm vi tai nạn.

- Chuyện gì xảy ra thế, trung úy? - Thuyền trưởng còn chưa hoàn hồn sau cái ngã, sốt ruột hỏi chàng.

- Thừa thuyền trưởng, theo mệnh lệnh của ngài, sau khi ngoặt về phía tây-nam, ta đã va phải đá ngầm. - Êrik đáp.

Thuyền trưởng Marsilas không nói một lời. Mà ông ta có thể chối được điều gì kia chứ? Ông ta đã quay phắt lại, rời boong đi xuống.

Cho dù điều ấy rất lạ lùng, nhưng với toàn bộ tình hình bí ẩn hiện thời.

"Aljaska" chưa bị đe dọa chìm ngay. Tàu nằm bất động, có hai hải đăng, gần đất liền - điều này xác định bởi chính những dải đá ngầm mà "Aljaska" đang kẹt ở đó - tất cả những điều ấy làm cho tai nạn có vẻ đen tối hơn là nguy hại. Về phía mình, Êrik chỉ thấy một điều, cuộc thám hiểm bị gián đoạn, khả năng tìm được Patric Ô Đônôgan đã tiêu tan!

Tuy nhiên ngay lúc ấy chàng đã ân hận về những lời lẽ gay gắt mà chàng đã nói do ảnh hưởng của nỗi cay đắng xâm chiếm cõi lòng chàng. Bởi vậy, chàng đã rời cầu thuyền trưởng, đi hết chỗ nọ chỗ kia tìm người chỉ huy của mình với một ý đồ rất độ lượng là: nếu có thể được, thì động viên ông ta. Nhưng thuyền trưởng đã biến mất, và chưa đầy ba phút sau, trong buồng ông vang lên một phát súng.

Êrik chạy đến đó, nhưng cửa đã bị khóa trái. Chàng co chân đạp tung cửa ra. Thuyền trưởng nằm trên thảm, đầu bị bắn xuyên, tay phải nắm khẩu súng lục.

Khi thấy tàu bị nạn do lỗi của mình, ông đã rút súng tự bắn vào trán và chết ngay tức khắc. Bác sĩ và Brêđêzhor đã chạy vào ngay sau khi Êrik tới cũng chỉ có thể khẳng định được như vậy.

Nhưng chẳng còn thời gian đâu để mà đau buồn. Sau khi giao cho hai người

bạn nâng thi thể thuyền trưởng đặt lên ghế đi vắng, Êrik phải quay lên boong và nghĩ cách cứu cả đoàn.

Khi chàng đi ngang qua buồng Maljarius, con người hiền hậu vừa bị cảnh tàu mắc nạn và tiếng súng đánh thức ấy đã mở cửa và lộ mái đầu bạc lúc nào cũng đội chiếc mũ lụa ra. Từ sau khi ở Brest đi đến giờ ông chưa thức giấc lần nào và không để ý gì hết.

- Cái gì thế? Chuyện gì xảy ra thế? - ông bình tĩnh hỏi.

- Chuyện gì xảy ra ấy ạ? - Êrik trả lời - Kính thưa thầy, đã xảy ra chuyện "Aljaska" bị mắc đá ngầm, còn thuyền trưởng Marsilas thì tự sát.

- Trời đất ơi! - Maljarius sững sốt kêu lên - Nhưng trò thân mến của ta, vậy có nghĩa đoàn thám hiểm của chúng ta thất bại rồi sao?

- Không đâu, thưa thầy kính mến, đấy lại là chuyện hoàn toàn khác - Êrik phản đối - Con vẫn còn chưa chết kia mà! Chừng nào ngực con tim còn đập, chừng ấy con sẽ còn nói: Tiến lên!

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười bốn

BAS - FRUAD

"Aljaska" đã va vào đá ngầm mạnh đến nỗi nó nằm chết cứng và không cảm thấy gì là dị vật giữa những dải đá ngầm ấy cả. Mặc dù tình hình tàu đen tối thật, nhưng nó chưa đến nỗi đe dọa trực tiếp đối với đoàn du hành. Khi vấp phải vật chướng ngại bất thường này, sóng biển đã trùn lên nó, tràn qua boong, các tia sóng đã bắn lên tận đỉnh buồm. Nhưng biển vẫn chưa động đến mức báo hiệu tàu bị đắm ngay tức khắc. Nếu thời tiết không xấu đi thì nó hy vọng có thể cầm cự đến sáng sớm mai mà không có gì rắc rối thêm nữa.

Êrik hiểu ngay điều đó. Với cương vị sĩ quan trưởng, chàng đảm nhận ngay trách nhiệm chỉ huy. Sau khi ra lệnh bịt kín hết cửa để vũ khí và các cửa để lỗ sáng, đồng thời che kín tất cả các lỗ bằng vải bạt tấm nhựa đề phòng bão, chàng cùng thợ mộc cả đi xuống hầm tàu. Chàng rất mừng là ở đây không có chỗ nào bị dò. Lớp bọc ngoài của tàu "Aljaska" đã bảo vệ được thân tàu, còn những biện pháp được áp dụng để chống sự va chạm của băng giá ở Bắc cực thì hóa ra lại có tác dụng đối với cả đá ngầm. Đúng là sau khi bị va mạnh, máy hơi nước có bị hư. Nhưng, vì không xảy ra tiếng nổ, nên cả những hư

hại ấy cũng không đáng kể lắm. Bởi vậy, Êrik quyết định trì hoãn việc đưa người lên bờ trong khi chưa thật cần thiết phải như vậy.

Kế đó, chàng ra lệnh bắn đại bác để báo cho đảo Sen biết, và quyết định cho hạ ca nô để đi Lôrian.

“Không thể hy vọng một nơi nào khác - chàng an ủi mình - có thể trợ giúp nhanh chóng và hiệu quả hơn xưởng hải quân lớn nhất miền tây nước Pháp này đâu”.

Và đúng cái giờ phút bi đát ấy, khi mỗi người trên tàu "Aljaska" cho rằng thôi thế là hết, thì Êrik lại bắt đầu hy vọng vào tương lai, bởi vì chàng thuộc hạng người có trái tim bất tử, không bao giờ ngã lòng và chịu khuất phục.

"Chỉ mong sao giải nguy được cho "Aljaska" - chàng nghĩ - và khi ấy ta hãy xem ai là người chiến thắng".

Nhưng, chàng không định chia sẻ với ai về niềm hy vọng của mình, những niềm hy vọng mà trong hoàn cảnh này có thể bị coi là viễn vông. Sau khi ở hầm tàu lên, chàng đã tuyên bố tạm thời chưa có điều gì đáng lo ngại, bởi vì vẫn còn có thời gian để cứu trợ. Rồi chàng ra lệnh cả đoàn uống trà với rượu rum. Cũng chẳng còn gì hơn để ổn định tinh thần cho anh em thủy thủ.

Chiếc canô chạy bằng hơi nước được hạ xuống biển rất khẩn trương.

Đúng lúc ấy những pháo hiệu từ hải đăng trên đảo Sen được bắn lên, báo tin có tàu bị nạn và tàu sẽ được cứu trợ. Chẳng mấy chốc, trong đêm tối đã xuất hiện hai ánh lửa đỏ từ hướng khuất gió tiến dần về phía “Aljaska”. Từ cả hai bên vang lên những tiếng hô, và thế là đã rõ, tai nạn xảy ra gần Bas-Fruad, cạnh lạch cảng Sen. Nhưng, hơn một giờ sau, trước khi thuyền cập bến, một đợt sóng mạnh làm cho việc áp tàu trở nên rất nguy hiểm. Cuối cùng, sáu tay chèo đã bám được dây cáp thả xuống biển và leo lên boong "Aljaska".

Đó là những ngư dân mạnh khỏe, dũng cảm ở đảo Sen, những con người không biết sợ hãi và đã được tôi luyện, không phải lần đầu tiên đến giúp những nạn nhân bị đắm tàu. Họ hoàn toàn tán thành ý định của Erik nhờ chi viện từ Lorian, vì cảng nhỏ ở đảo Sen không có những phương tiện cần thiết cho việc cứu hộ. Mọi người quyết định hai trong số sáu người ấy sẽ đi lên là cùng bác Hecsêbom và Ôttô lên canô đi Lorian. Còn bây giờ họ thông báo vài điều về nơi nguy hiểm đã xảy ra tai nạn.

Bãi bồi Sen có hình lưỡi búa kéo dài từ đảo Sen về hướng đông chín hải lý. Nó được phân thành hai phần: Pông đơ Sen và Bas-Fruađ (cầu Sen và Doi đất Lạnh).

Pông đơ Sen dài bốn hải lý, còn ngang một hải lý rưỡi.

Nó gồm những vách núi đá khá cao kéo thành một dải trên mặt biển. Bas-Fruađ, tựa hồ như nối tiếp Pông đơ Sen, trải dài thêm năm hải lý nữa và ngang bình quân hai phần ba hải lý. Bas-Fruađ còn là một đồng đá ngầm không nhìn thấy khi thủy triều lên. Chỉ có vài chỗ khi thủy triều rút mới nhô lên mặt nước. Những vách đá ngầm quan trọng mang tên: Kornênghen, Shomer, Kornok-ar-Gulo, Bas-Ven, Mêđju và Armen. Những vách đá nói trên lại ít nguy hiểm nhất, bởi vì chúng nhô cao lên mặt nước, hơn nữa lại là những dải đá ngầm chưa được nghiên cứu đầy đủ, sức mạnh của sóng biển trên doi cát này, những dòng nước ngầm chảy xiết quanh doi làm cho nó trở nên nguy hiểm đối với việc đi lại của tàu bè và dường như nó được cố ý tạo nên để gây những vụ đắm tàu. Đây là lý do tại sao đèn pha của những cột hải đăng trên đảo Sen và Bekđuy-ra đã được đặt với dụng ý rọi hình dáng của dải đá ngầm. Nhờ đó mà tàu bè đi hướng tây đến có thể dễ dàng nhận ra nó và đi vòng để tránh. Nhưng, dải đá ngầm này lại rất nguy hại đối với tàu bè từ hướng nam tới, đến nỗi người ta phải báo trước để đề phòng nguy hiểm bằng những tín hiệu đèn đặc biệt. Tức biết vậy, ở đầu phía nam của bãi bồi Sen lại không có lấy một hòn đảo bé tí tẹo, hay một mỏm đá nào để xây dựng một cột hải đăng, mà sức sóng ở đây lại quá lớn, không cho phép dùng phao tiêu. Bởi vậy, người ta quyết định xây dựng một hải đăng trên vách núi Armen cách cuối dải đá ngầm ba hải lý. Công việc đã gặp những khó khăn rất lớn. Hải đăng được khởi công xây dựng năm 1867, mười hai năm sau, năm 1879 mới chỉ đạt một nửa chiều cao của nó, tức mười ba mét so với mặt biển. Người ta kể rằng đã có năm tính chung lại chỉ làm việc được có tám

giờ đồng hồ, mặc dù những người xây dựng rình đón từng phút thuận lợi một. Đó là lý do tại sao cho đến lúc "Aljsaka" bị nạn: hải đăng vẫn chưa được xây dựng xong.

Và lại, chừng ấy cũng chưa đủ để giải thích tất cả những gì đã xảy ra khi rời cảng Brest. Êrik đã hứa với mình khi nào chiếc ca nô chạy bằng hơi nước rời bến, chàng sẽ lo việc tìm hiểu và giải thích nguyên nhân tai nạn?

Khi trăng đã lên và chiếc canô đã lên đường, chàng thuyền trưởng trẻ, theo thường lệ, chỉ cất mấy người gác trên boong, còn lại bao nhiêu chàng cho đi nghỉ hết. Còn chàng đi xuống phòng sĩ quan.

Brêđêzhor, Maljarius và bác sĩ vẫn trực suốt bên thi thể của thuyền trưởng "Aljaska". Thấy Êrik, mọi người đứng dậy.

- Cháu tội nghiệp của ta, cái gì đã gây nên tấn thảm kịch này? Rốt cuộc thì chuyện gì đã xảy ra thế? Bác sĩ hỏi.

- Không hiểu nổi nữa - chàng thanh niên đáp, cúi mình trên tấm bản đồ trải trên bàn của thuyền trưởng quá cố - Theo bản năng, con đã cảm thấy và nói rằng chúng ta đi sai hướng mất rồi. Con tin chắc - và tất cả mọi việc đều khẳng định điều đó - rằng chúng ta đang ở cách hải đăng ít nhất ba hải lý về phía tây - gần chỗ này đây - chàng nói thêm, chỉ vào một cái chấm trên bản đồ - và, các thầy thấy không, ở đây đâu có ký hiệu nguy hiểm nào - bãi bồi không có, đá ngầm cũng không. Không có gì ngoài một màu xám đen của những nơi có độ sâu lớn. Điều này thật không hiểu nổi! Không thể tin được rằng bản đồ của tư lệnh hải quân Anh có sai sót, bởi vì đây là nơi quen biết và đã được nghiên cứu kỹ lưỡng hàng mấy thế kỷ nay rồi kia mà. Tất cả những điều ấy vô lý hết sức, chẳng khác nào một giấc mơ khủng khiếp.

- Liệu có sai sót trong việc xác định tọa độ của ta không và liệu có nhận nhầm hải đăng không? - Brêđêzhor hỏi.

- Việc đi lạc đường trên một chặng đường ngắn như thế này là không thể được, - Êrik nói - Các thầy nhớ lại mà xem! Chúng ta chưa có một phút nào mất hút bờ cả và bao giờ cũng đi từ một mốc định hướng này đến mốc định hướng khác. Đúng là có thể giả thuyết rằng một trong hai ngọn lửa tín hiệu vẽ trên bản đồ không được thấp sáng, hoặc ngược lại, mới có thêm một ngọn đèn pha nào đấy. Nhưng như vậy thì đằng nào ta cũng chưa giải thích được việc gì cả, vì hướng ta đi vẫn bình thường, còn chiếc "Lag" của ta thì rất bảo đảm, không thể sai được! Chúng ta có thể vạch trên bản đồ tuyến đi của

chúng ta với độ chính xác tới năm trăm mét. Điểm cuối cùng của tuyến hầu như khít với ký hiệu ngọn hải đăng Sen trên bản đồ. Tuy nhiên, sự thật vẫn là sự thật: chúng ta đang mắc trên đá ngầm, trong khi đó, nếu đối chiếu với bản đồ thì bên dưới chúng ta phải là độ sâu ba trăm mét!

- Nhưng tất cả điều đó do đâu? Làm sao có thể biết điều ấy? Bác sĩ kêu lên.

- Chúng ta sẽ biết mau thôi - Êrik trả lời - nếu các nhà hàng hải đang cố thúc đẩy việc ứng cứu. Còn bây giờ chúng ta kiên trì chịu đựng và tốt nhất là nằm ngủ coi như ta đang thả neo ở một vịnh biển an toàn nhất.

Chàng thuyền trưởng trẻ im lặng, tự cho mình quyền thức trong khi để cho các bạn của mình được ngủ. Suốt đêm, Êrik cứ đi đi lại lại trên boong, quan sát xem những người gác hoàn thành công vụ có tốt không, hoặc đi xuống phòng sĩ quan vài phút.

Lúc hùng đông chàng hải lòng tin chắc rằng gió đã lặng và sóng vỗ nhẹ đi. Chàng nhận xét thấy thủy triều gần như rút hết mức của nó và “Aljaska” chẳng bao lâu sẽ lộ ra trên cạn. Điều đó cho phép hy vọng chỉ một thời gian ngắn nữa thôi đã có thể xác định được mức độ hư hại của tàu. Và thật vậy, khoảng bảy giờ sáng đã có thể bắt đầu tiến hành việc xem xét tàu.

Tàu đã đâm vào những mũi đá nhọn từ dưới đáy cát nhô lên. Ba mũi đá xuyên thủng lớp vỏ bọc ngoài của “Aljaska” lúc bị tai nạn và bây giờ đây đang đỡ cho tàu nằm yên. Cả ba mũi đều hướng về phía bắc, là hướng ngược chiều tàu chạy khi bị nạn, điều đó cho thấy vị trí của tàu không bình thường, phần mũi bị kẹt ngay rìa bãi bồi. Nếu không có những mũi đá ấy thì

“Aljaska” đã bị va ngay vào vách đá rồi. Việc Êrik khéo léo điều chỉnh sự di chuyển của tàu cũng có tác dụng giảm bớt sức va chạm. Trước khi trườn lên bãi bồi vài giây, tàu đã được điều chỉnh chạy lùi, thành ra nó chỉ đâm vào đá ngầm theo quán tính và lực của dòng chảy, nếu không như vậy thì chắc chắn “Aljaska” đã bị vỡ tan tành. Hơn nữa, hôm qua gió và dòng chảy không mạnh lên. Và nhờ vậy “Aljaska” mới có thể giữ nguyên vị trí, không bị xô vào vách đá, mà khi đổi gió thường không tránh khỏi. Nói chung không thể hình dung đến một sự ngẫu nhiên nhiều may mắn hơn nữa đối với một tai nạn như thế này. Nhiệm vụ bây giờ là làm sao sớm giải phóng con tàu khỏi bị kẹt trong khi gió chưa đổi hướng và những điều kiện thuận lợi chưa bị mất đi.

Êrik quyết định hành động ngay, không để lỡ một phút nào. Sau bữa điểm tâm, chàng ra lệnh cho toàn đoàn bắt tay ngay vào việc - dùng rìu mở to ba lỗ thủng chính ra. Nếu tàu kéo từ Lôrian đến không bị chậm trễ thì khi thủy triều lên có thể giải phóng được “Aljaska” mà không khó khăn gì lắm. Ta dễ dàng đoán được chàng thuyền trưởng trẻ đã cố mong nhìn thấy nơi chân trời một làn khói mỏng như thế nào.

Mọi việc đã diễn ra đúng như chàng mong muốn. Thời tiết êm dịu như hôm

nay chỉ có thể ước mơ mà thôi! Đến giữa trưa, một chiếc tàu đi hộ tống và tàu kéo đã đến gần "Aljaska". Trung úy chỉ huy tàu hộ tống tự giới thiệu nhận nhiệm vụ đến cứu giúp những người bị nạn. Êrik cùng với các sĩ quan ân cần đón tiếp ông ta. Sau đó, cả hai thuyền trưởng đã đi vào phòng sĩ quan.

- Nhưng, xin ngài hãy cho biết - viên trung úy hỏi - làm sao các ngài đảm được vào bãi bồi Sen trên đường từ Brest tới nhỉ?

- Tấm bản đồ này giải thích cho ngài tất cả mọi điều - Êrik trả lời - trong đó không có ký hiệu nguy hiểm nào cả.

Viên sĩ quan Pháp tìm hiểu tuyến đường vẽ trên bản đồ thoát đầu với sự tò mò, nhưng sau đó hết sức kinh ngạc.

- Quả như vậy, ở đây không vẽ cả Bas-Fruad lẫn Pông dờ Sen! - ông ta kêu lên - Thật là một sự cầu thả chưa từng thấy! Màu xanh của những vùng biển sâu lại vẽ sát ngay đảo! Cả hình dạng của dãy đá ngầm, thậm chí vị trí của hải đăng cũng đều bị chỉ dẫn không đúng! Tôi tuyệt nhiên không hiểu gì cả... Nhưng, đây là bản đồ của bộ tư lệnh hải quân Anh kia mà! Dẫu sao thì đây cũng là bản đồ không xác thực! Có thể tin rằng nó đã cố ý bị làm sai, làm giả và gian trá! Thời xưa cũng có những thủy thủ bày trò xảo nguyệt như thế này với các đối thủ của mình. Nhưng tôi không bao giờ tin rằng ở nước Anh vẫn còn có thể tồn lưu những hủ tục như vậy!

- Xin ngài cho phép tôi nói - Brêđêzhơ xen vào một cách lịch sự - Chúng ta có căn cứ gì để buộc tội nước Anh trong chuyện này? Tôi mới nảy ra một điều nghi ngờ khác có lẽ xác đáng hơn. Tấm bản đồ này là tấm bản đồ giả. Tên đề tiên nào đấy đã tráo tấm bản đồ thật bằng tấm bản đồ giả này và để nó vào ngăn kéo lẫn với tất cả bản đồ khác.

- Điều đó chỉ có Tuyđơ Braun mới có thể làm được! - Êrik phản nộ kêu lên - Lúc chúng ta dùng tiệc trưa ở Brest với ngài quận trưởng, hắn đã đi xuống phòng chung để xem bản đồ! Bây giờ thì đã rõ cả rồi. Ôi, quân khốn nạn! Hắn không trở lên tàu nữa là vì thế.

- Điều đó có lẽ hoàn toàn đúng như vậy - bác sĩ Svariênkrôna nói - Nhưng hành động ác độc ấy chứng tỏ một sự hèn hạ vô cùng. Hắn làm như thế để làm gì?

- Thế hắn đi Xtôckhôm để làm gì? Không nhẽ chỉ báo cho chúng ta biết tin Patric Ô Đônôgan đã chết thôi sao? - Brêđêzhơ phản đối - Thế hắn đóng góp hai mươi lăm ngàn curon khi "Aljaska" đã quyết định lên đường rồi, để làm gì? Thế hắn lên tàu để làm gì - lẽ nào chỉ để cùng ta đến Brest thôi sao?... Và quả thật người mù thì mới không thấy trong tất cả các sự việc ấy có một mối liên hệ nhất định và sự sắp xếp rất logic, vừa thật ghê người! Tuyđơ Braun muốn hưởng lợi gì cho bản thân? Tôi không biết. Nhưng sự quan tâm của hắn là nghiêm chỉnh và lớn lao, hắn không chịu rút lui trước số tiền lớn như vậy đâu, hắn chỉ cốt không cho chúng ta đạt được mục đích

thôi! Bây giờ tôi tin rằng chính vì thế mà hẳn buộc chúng ta phải dừng lại ở Brest để sau đó đẩy chúng ta tới những vách đá có tử thần rình đón sẵn đây!
- Nhưng, khó có thể cho rằng hẳn đã biết trước thuyền trưởng "Aljaska" định chọn đường nào? - Maljarius phản đối.

- Tại sao vậy? Không nhẽ những thay đổi đã được đưa vào bản đồ đã không ảnh hưởng gì đến sự lựa chọn tuyến đường đi hay sao? Chẳng nhẽ không phải rõ ràng là để bù lại thời gian bị mất sau ba ngày chậm trễ, thuyền trưởng Marsilas đã tính chọn một con đường ngắn hơn sao? Và, bởi vì thuyền trưởng Marsilas đã dựa vào bản đồ dự đoán rằng biển ở đảo Sen sẽ an toàn, nên mới trù tính cho tàu quay sang hướng nam và mới bị mắc kẹt ở nơi này chứ!

- Mọi việc đúng như thế - Êrik nói - Nhưng, những lời con khuyên thuyền trưởng tiếp tục đi theo hướng tây chứng tỏ lúc đó tuyến đường còn chưa được xác định chính xác.

- Vậy thì ai có thể bảo đảm được rằng những bản đồ khác không bị đánh tráo? Giả dụ chúng ta đi qua Bas-Fruad trót lọt - Brêdêzhor kêu lên - thì liệu có thể không bị kẹt ở nơi nào khác không?

- Điều đó thì có thể dễ dàng kiểm tra hơn cả - Êrik nói và lôi trong ngăn kéo tất cả các bản đồ hành trình có trong đó.

Tám đầu tiên chàng mở ra đó là bản đồ vùng Côronia, và viên sĩ quan đã phát hiện ra ngay hai - ba sai sót nghiêm trọng. Tám thứ hai là bản đồ mũi Sanvisitja, trong đó cũng có những sai sót như thế. Tám bản đồ thứ ba là eo biển Ghibraltar, cả ở đây nữa cũng thấy đập vào mắt những ký hiệu không đúng. Tiếp tục nghiên cứu các bản đồ xét ra hoàn toàn không cần thiết nữa. Mọi thắc mắc nghi ngờ đều được giải tỏa. Nếu như "Aljaska" không gặp nạn ở Bas-Fruad, thì tai nạn nhất định sẽ xảy ra đối với nó ở một nơi khác nào đó trên đường đi Malta mà thôi.

Nói về thủ đoạn tội ác này được thực hiện như thế nào, thì có thể xác định một cách dễ dàng. Đúng là những tám bản đồ này đều là của bộ tư lệnh hải quân Anh, nhưng ở từng chỗ riêng biệt chúng đã bị tẩy xóa bằng hóa chất và vẽ lại với những ký hiệu thật giả lẫn lộn với nhau. Cho dù tất cả những chỗ sửa chữa ấy rất khéo léo, nhưng màu sắc vẫn thấy khác, nhất là khi ngón đánh tráo đã bị phát hiện. Cuối cùng, thêm một điều chứng tỏ âm mưu tội ác này là: những bản đồ có trên tàu "Aljaska" đều có đóng nhãn hiệu của Tổng cục hàng hải Thụy Điển. Trên các bản đồ bị sửa chữa không thấy có nhãn hiệu như thế. Rõ ràng là kẻ gian phi tưởng rằng ai nghĩ tới chuyện nghi ngờ và kiểm tra lại những tám bản đồ ấy.

Những phát hiện đã khiến cho tất cả thành viên của đoàn thám hiểm hoảng hồn. Êrik là người đầu tiên phá tan sự im lặng nặng nề.

- Tội nghiệp cho thuyền trưởng Marsilas - chàng buồn rầu nói - Ngài đã phải

trả giá cho tất cả chúng ta! Nhưng, nếu chúng ta đã tránh được số phận đen tối đó thì tới đây chúng ta hãy cố gắng hành động thận trọng hơn... Thủy triều đang nhanh và sắp đạt đến mức độ cao để có thể giải phóng “Aljaska”. Nếu không có ai phản đối chúng ta sẽ bắt tay ngay vào việc.

Êrik nói bình tĩnh và cương quyết. Ý thức trách nhiệm đã làm cho lời nói chàng thêm vững tin. Trở thành thuyền trưởng một tàu ở lứa tuổi như vậy, lại trong những hoàn cảnh như vậy, tự bản thân chàng cũng thấy điều đó không bình thường. Nhưng từ ngày hôm qua, khi chàng đảm nhận trách nhiệm chỉ huy, chàng đã vững tin là chàng sẽ hoàn thành nhiệm vụ của mình đến cùng. Êrik ý thức được rằng không chỉ dựa vào bản thân, mà cần dựa vào cả đoàn của mình. Và, khi ý thức như thế, chàng đã thay đổi rõ rệt. Hôm qua còn là một chàng trai, hôm nay chàng đã trở thành một người đàn ông. Lòng dũng cảm và chí quyết tâm đã được phản ánh trong cái nhìn của chàng. Uy tín của chàng thuyền trưởng trẻ đã không ngừng tác động đến tất cả mọi người chung quanh.

Công việc định làm buổi sáng hóa ra dễ dàng hơn dự tính nhiều. Không đòi hỏi mất nhiều công sức lắm mới gỡ tàu ra được khỏi bãi đá ngầm lúc ấy đã được thủy triều nâng lên. Chỉ cần cho tàu kéo chạy và kéo căng những sợi cáp buộc vào tàu là con tàu phát ra những tiếng kêu răng rắc ở chỗ bị thủng và bật khỏi thế kẹt thật khủng khiếp, đột nhiên trở lại thế tự do. Đúng là tàu nặng thêm vì nước thấm vào các vách ngăn, bị mất chân vịt vì kẹt trong đá và mất động cơ. Nhưng tàu vẫn lái được nếu cần, và có thể bơi được thậm chí bằng hai cánh buồm tam giác và một cánh buồm hình thang.

Toàn đoàn thám hiểm tụ tập trên boong hồi hộp theo dõi công việc có tính chất quyết định này và đã chào mừng “Aljaska” thoát nạn bằng những tiếng hoan hô vang dậy. Các thủy thủ lên tàu hộ tống và tàu cứu hộ đã đáp lại những tiếng reo hò phấn khởi ấy bằng những lời hô chào mừng...

Tối hôm đó “Aljaska” đã được đưa đến vùng Lôrian an toàn tuyệt đối. Ngay ngày hôm sau các nhà chức trách hàng hải Pháp đã cho phép đưa tàu vào một trong những ụ trên cạn. Những chỗ hư hại ở thân tàu không nghiêm trọng. Phức tạp hơn nhưng không đến nỗi mất hy vọng lại là những hư hỏng về máy móc. Có lẽ ở những cảng khác những công việc sửa chữa này đã đòi hỏi phải kéo dài lâu ngày, nhưng, đúng như Êrik đã phán đoán, không ở đâu có thể sửa chữa tàu nhanh chóng như ở các xưởng của Lôrian. Nhà máy sửa

chữa tàu Gamara Nori và Koda đảm bảo hoàn tất tàu trong ba tuần lễ. Hôm ấy là 23 tháng Hai, 16 tháng Ba sẽ tiếp tục lên đường, nhưng bây giờ là với tấm bản đồ đã được kiểm tra.

Như vậy, ba tháng rưỡi nữa, vào cuối tháng sáu mới có thể hy vọng đến được eo biển Bêrinh. Việc ấy không có gì quá đáng, mặc dù thời hạn rất căng, Êrik không hề có ý từ chối đi tiếp. Chàng chỉ ngại người ta cản trở chàng thôi. Chính vì vậy chàng thuyền trưởng trẻ tàu "Aljaska" đã quyết định không báo về tai nạn vừa qua cho Xtôckhôm biết. Chàng cho rằng người ta có thể triệu chàng về để khởi tố vụ án truy tội kẻ gây ra tai nạn, và khi đó chàng có thể bị giữ lại để điều tra.

Nhưng, nếu Tuyđor Braun chưa bị trừng trị thì hẳn có dám gây ra những trở ngại mới trên đường đi của "Aljaska" không? Brêđêzhor và bác sĩ đã nêu ra câu hỏi ấy trong khi chơi bài với Maljarius trong phòng khách ấm cúng của một khách sạn mà họ đang trú chân khi đến Lôrian.

Đối với Brêđêzhor vấn đề đã rõ. Một tên Tuyđor Braun thì sau khi biết kế hoạch của mình bị thất bại - khó có thể cho rằng hẳn không biết điều ấy - hẳn sẽ không ngại gì mà không tái diễn hành vi tội ác của mình. Hy vọng đến được eo biển Bêrinh trong những hoàn cảnh như thế thậm chí không phải là ảo tưởng, mà đơn giản là sự điên rồ! Quả thật, Brêđêzhor không biết Tuyđor Braun có thể bày mưu đặt kế mới như thế nào, nhưng chắc chắn là hẳn sẽ tìm được cách này hay cách khác để làm việc đó. Bác sĩ Svariênkrôna hoàn toàn đồng tình với ý kiến của ông và Maljarius cũng rất tán thành. Họ chơi bài một cách buồn chán, và thậm chí những cuộc dạo chơi của ba người bạn ở vùng ngoại ô Lôrian cũng không làm cho tâm trạng nặng nề của họ khuây khoả hơn. Điều họ quan tâm nhất bây giờ là dựng bia kỷ niệm thuyền trưởng Marsilas mà khi mai táng ông cả Lôrian đã có mặt...

Nhưng chỉ cần gặp Êrik là niềm hy vọng trở lại ngay với họ. Lòng quyết tâm của chàng thật kiên định, hoạt động của chàng có chí hướng rõ rệt, chàng tỏ rõ ý chí cứng rắn khắc phục mọi khó khăn, đến nỗi trước mặt chàng chẳng những họ không dám bộc lộ, mà thậm chí không thể giấu kín trong lòng những tình cảm mạnh mẽ.

Đồng thời, lại có thêm một tình huống nữa đã khẳng định Tuyđor Braun vẫn chưa chịu từ bỏ những âm mưu của mình. Ngày 14 tháng Ba, Êrik khẳng định rằng các công việc trong buồng máy đang dần dần kết thúc, chỉ cần

kiểm tra một trong số các máy bơm nữa thôi, và việc này ngày mai sẽ được làm xong. Thế là đêm 14 rạng ngày 15 chiếc máy bơm đã bị biến mất khỏi xưởng Gamara Nori và Koda và không sao tìm thấy nữa. Việc ăn trộm ấy đã diễn ra như thế nào? Ai là thủ phạm? Việc điều tra kỹ lưỡng nhất cũng đã không thể xác định được.

Lại phải mất mười ngày nữa để làm lại công việc ấy, và thế là ngày rời bến của "Aljaska" đã bị lui lại đến 25 tháng Ba.

Một sự thật lạ lùng, những điều xảy ra cuối cùng đã gây cho Êrik ấn tượng còn lớn hơn chính tai nạn tàu mắc kẹt đá ngầm. Chàng coi đây là dấu hiệu ngoan cố và bằng mọi cách cản trở tàu "Aljaska" hoàn thành cuộc hành trình của nó. Và niềm tin này đã tăng lên gấp đôi nguyện vọng khao khát của chàng muốn hoàn thành nhiệm vụ đến cùng một cách tốt đẹp, nếu điều ấy có thể làm được.

Mười ngày hoãn bắt buộc đã được sử dụng hầu như hoàn toàn vào việc suy luận và suy nghĩ một cách toàn diện cho kế hoạch trong thời gian tới. Êrik càng cố gắng phân tích mọi vấn đề thì chàng càng khẳng định ý nghĩ phải đạt được mục đích của mình đến eo biển Bêrinh thời hạn ba tháng theo hành trình mà Tyudor Braun đã biết, trong khi sau 40 ngày rời Xtockhôm, "Aljaska" chỉ mới đang ở Lorian - nghĩa là định trước cho mình không những sự thất bại, mà cả những điều bất hạnh không thể tránh khỏi.

Tuy nhiên, cái kết luận buồn rầu ấy không những không làm nản lòng, mà còn bắt buộc chàng đi đến quyết định thay đổi tuyến đường đã định. Tất nhiên Êrik không nói với ai ý định của mình, chàng nghĩ có lý rằng: Giữ bí mật trong những trường hợp này là đảm bảo đầu tiên cho thắng lợi. Chàng còn chăm chú trông nom việc sửa chữa tàu hơn trước.

Những người cùng đi với Êrik nhận thấy bây giờ chàng không hỏi thúc việc rời bến nữa. Từ đó họ kết luận rằng có lẽ trong thâm tâm chàng đã thừa nhận cuộc hành trình không thể thực hiện được, như chính bản thân họ giờ đây cũng cho là như thế.

Giữa trưa ngày 25 tháng Ba, "Aljaska" đã rời khỏi ụ, bơi qua vũng Lôrian và ra khơi.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười năm

BẰNG CON ĐƯỜNG NGẮN NHẤT

Khi bờ biển nước Pháp đã khuất sau chân trời, Êrik mời ba người bạn lớn và cố vấn của mình tới phòng sĩ quan dự cuộc nói chuyện quan trọng.

- Con đã suy nghĩ nhiều về những tình huống đã diễn ra trong cuộc hành trình của chúng ta từ ngày rời Xtôckhôm đến giờ - chàng nói với họ - Tự bản thân con đã rút ra điều kết luận: Chúng ta còn phải gặp nhiều vướng mắc và trở ngại mới nữa trên đường đi. Kẻ đã cả gan đưa chúng ta tới chỗ chết ở gần Bas-Fruad sẽ không muốn thừa nhận sự thất bại đâu... Có thể lắm, hấn đang phục kích chúng ta ở Ghibraltar. Ở Malta hoặc ở nơi nào khác nào đó... Nếu hấn không đạt được ý định giết chúng ta thì con tin chắc rằng hấn sẽ làm tất cả những gì có thể được để cạm chân chúng ta và không cho chúng ta đến được eo biển Bêrinh trong mùa hè, khi tàu bè có thể qua lại Bắc Băng Dương.

- Tôi cũng đi đến kết luận như vậy đó - Brêdêzhor tuyên bố - nhưng tôi để bụng thôi, vì chúng tôi không muốn làm cho cháu mất niềm hy vọng cuối cùng, cháu thân mến của tôi ạ. Tôi tin chắc rằng từ nay chúng ta phải từ bỏ ý nghĩ có thể vượt qua quãng đường từ đây đến eo biển Bêrinh trong ba tháng trời.

- Ý kiến tôi cũng như vậy - bác sĩ nói.

Về phía mình, Maljarius cũng gật đầu tỏ ý tán thành điều đó.

- Như thế là - Êrik nói - kết luận của tất cả chúng ta đều giống nhau. Vậy bây giờ chúng ta phải làm gì?

- Chỉ có một cách phù hợp với hoàn cảnh là - Brêdêzhor trả lời - từ bỏ cái sự nghiệp mà chính chúng ta thừa nhận là không thể hoàn thành được và quay về Xtôckhôm. Cháu tự hiểu điều đó, cháu ạ, và cả ba chúng ta đều ủng hộ cháu về chỗ biết nhìn thẳng vào sự thật.

- Một lời khen như thế con đâu dám nhận ạ! - Êrik mỉm cười, kêu lên - Con hoàn toàn chưa xứng đáng với lời khen ấy! Thậm chí con không nghĩ đến

việc từ bỏ mục đích của chúng ta và càng không cho rằng mục đích ấy không đạt được... Con tin chắc chúng ta sẽ đạt được mục đích ấy, miễn sao phá được những âm mưu bỉ ổi của tên dê tiện đang rình đón chúng ta trên đường, và cách duy nhất là thay đổi hoàn toàn tuyến đường đi.

- Mọi sự thay đổi tuyến đường đi chỉ tăng thêm sự khó khăn mà thôi - bác sĩ phản đối. Vì chúng ta đã chọn con đường ngắn nhất rồi còn gì. Nếu không dễ dàng đến eo biển Bêrinh trong ba tháng bằng đường đi qua Địa Trung Hải và kênh Xuyê thì càng không thể nào đi qua mũi Hảo Vọng hoặc mũi Horn được. Mỗi tuyến đường ấy mất ít nhất năm hoặc sáu tháng.

- Nhưng còn có một tuyến nữa không những không kéo dài, mà ngược lại, rút ngắn thời hạn bơi của chúng ta. Đi theo đó, chúng ta đảm bảo tránh được việc gặp Tuyđor Braun - Êrik nói, bình tĩnh chờ đợi ý kiến phản đối.

- Còn một tuyến đường nữa ư? - bác sĩ kêu lên - Trời ơi tôi đâu biết đường ấy, phải chăng con muốn nói kênh đào Panama. Nhưng, theo như tôi được biết, thì con đường ấy chưa được khai thông cho tàu bè qua lại và công việc xây dựng kênh ít nhất vài năm nữa mới hoàn thành kia (Kênh đào Panama khai thông cho tàu bè qua lại năm 1914).

- Con cũng chưa nghĩ đến kênh đào Panama, cũng như mũi Horn hay mũi Hảo Vọng - chàng thuyền trưởng trẻ nói tiếp - Con muốn nói đến một con đường hoàn toàn khác, con đường duy nhất mà theo con sau ba tháng chúng ta có thể đến được eo biển Bêrinh... Đó là Bắc Băng Dương: đó là con đường Tây Bắc!

Thấy đề nghị bất ngờ ấy của mình làm cho những người cùng đi sững sốt, Êrik thấy cần thiết nói đầy đủ lý do.

- Con đường Tây Bắc - chàng nói - bây giờ đây không đáng sợ và giày vò các nhà hàng hải như trước đây nữa. Tất nhiên, đây không phải là tuyến đường bình thường. Bởi vì trong một năm chỉ vón vện có tám đến mười tuần lễ nó không bị đóng băng mà thôi. Nhưng đổi lại con đường này đã được nghiên cứu kỹ, được vẽ chính xác nhất trên bản đồ và hiện đang được hàng trăm tàu săn cá voi sử dụng. Đúng thật, tàu từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương rất ít khi đi theo đường này. Tàu bắt đầu đi vào đường này, bắt đầu từ phía này hay phía kia hầu như không bao giờ đi suốt nó từ đầu đến cuối. Và tất nhiên, có thể xảy ra tình hình là những điều kiện tạo cho chúng ta không thuận lợi và chúng ta sẽ không thể vượt qua con đường đó. Không loại trừ khả năng là đúng lúc chúng ta cần thì con đường bị băng đóng kín và sau đó, đến khi được khai thông thì muộn mất rồi. Do đó chúng ta cứ đánh liều đi. Nhưng cũng có nhiều cơ hội để thành công, trong khi những tuyến khác lại định trước cho chúng ta một sự thất bại chắc chắn. Và bởi vậy, ý thức trách nhiệm, quyền hạn và sự tài trợ của mọi người cho chúng ta buộc chúng ta phải chấp nhận quyết định này, một quyết định duy nhất tạo điều

kiện để đến eo biển Bêrinh kịp thời. Một chiếc tàu bình thường chỉ thích hợp trên biển nước ấm hẳn là không dám chấp nhận một quyết định như thế.

Nhưng với một tàu như "Aljaska" được trang bị đặc biệt để chạy trên vùng Bắc Cực thì không có gì phải do dự cả. Và, cuối cùng con cần phải tuyên bố rằng, có thể con trở về Xtôckhôm mà không tìm thấy Nordensheld, nhưng điều ấy sẽ không xảy ra trước khi con sử dụng tất cả những biện pháp để giúp ông.

Những kết luận của Êrik rất thuyết phục, đến nỗi không một ai có ý định bác bỏ cả. Bác sĩ, Brêđezhor và Maljarius có thể phản đối được điều gì không?

Họ đã hình dung rõ ràng những khó khăn của kế hoạch mới. Những, ít ra những khó khăn ấy có thể khắc phục được, trong khi đó bất kỳ tuyến đường nào khác đều không có hy vọng gì. Ngoài ra, họ không thể không thừa nhận theo Êrik rằng, trong mọi hoàn cảnh đeo đuổi sự nghiệp đến cùng và trở về Xtôckhôm một cách vẻ vang còn hơn là bỏ dở chuyến đi giữa chừng.

- Tôi chỉ có một điều không đồng ý quan trọng - bác sĩ Sviriênkôna nói sau mấy phút suy nghĩ sâu sắc - Làm sao ta có thể dự trữ thêm than trên vùng Bắc cực? Rõ ràng là thiếu nhiên liệu thì chả có gì mà nghĩ đến việc vượt qua con đường Tây - Bắc trong thời gian ngắn.

- Con đã thấy được điều khó khăn duy nhất thực sự nghiêm trọng ấy - Êrik đáp - và con cho rằng khó khăn ấy là không thể khắc phục được. Thay vì đi hướng Gibarlar và Malta, nơi chắc chắn có những quỹ kế mới của Tuydor Braun đang rình rập sẵn, thì chúng ta đi Luân Đôn. Từ đó sẽ đánh điện theo đường dây cáp xuyên Đại Tây Dương cho một trong số các nhà buôn của Môn-rêal; yêu cầu phái ngay đến vịnh Bafinôv một chiếc tàu chở than và đợi chúng ta ở đó. Đồng thời con sẽ gửi một bức điện như thế đến SanFransiscô để chiếc tàu thứ hai cũng sẽ gặp "Aljaska" ở eo biển Bêrinh. Hiện thời chúng ta vẫn còn khá nhiều nguyên liệu, thậm chí còn dư chút ít. Bởi vì tuyến đường mới không đòi hỏi nhiều nhiên liệu như tuyến đường trước đây, khi ta định bơi qua các bờ biển châu Á. Con đường chúng ta bây giờ sẽ ngắn hơn nhiều! Chúng ta chẳng cần gì phải mong đến eo biển Bafinôv trước cuối tháng năm, và vì thế, may ra thì những ngày cuối tháng Sáu chúng ta đã đến eo biển Bêrinh rồi. Những người cung cấp hàng cho chúng ta ở Môn-rêal và SanFransiscô cũng sẽ có đủ thời gian thực hiện đơn đặt hàng của chúng ta. Còn việc thanh toán thì do nhà băng Luân Đôn đảm nhận. Như vậy là đối với chúng ta con đường Tây - Bắc có thật sự sẽ không bị đóng băng không? Tất nhiên điều ấy không tùy thuộc vào chúng ta. Nhưng nếu thậm chí nó không đi được thì ít nhất chúng ta cũng có thể tự an ủi mình rằng chúng ta đã thử mọi cách để đạt được mục đích!

- Hoan hô, hoan hô, chú bé của tôi! - Maljarius kêu lên - Những chứng cứ của con không thể bác bỏ được.

- Bình tĩnh đã, bình tĩnh đã, thưa ngài - Brêdêzhor nói - Ta đừng vội say mê. Tôi có một ý kiến không tán thành khác khá xác đáng đây Êrik yêu quý. Không lẽ con không nghĩ rằng "Aljaska" lặn lẽ bơi trên sông Temzơ chẳng? Tất nhiên là không rồi. Có đúng vậy không nào? Báo chí sẽ nói việc nó đến đây. Các hãng thông tấn sẽ đưa tin về nó. Việc nó đến Luân Đôn thì cả Tuyđơ cũng sẽ biết. Hẳn sẽ biết kế hoạch của chúng ta thay đổi, còn hẳn, thì có cái gì cản trở hẳn cũng thay đổi kế hoạch của mình chứ? Cháu có cho rằng, chẳng hạn, hẳn sẽ cản trở những tàu chở than mà nếu thiếu than thì cháu cũng chẳng đạt đến cái gì không?

- Đúng quá - Êrik trả lời - và đây lại là một lần nữa khẳng định rằng chúng ta cần phải dự kiến hết mọi điều một cách cẩn thận. Nghĩa là chúng ta không bơi đến Luân Đôn nữa! Vậy thì chúng ta dừng ở Lisabon, vẫn trên đường cũ đi Ghibraltar và kênh Xuyê, sau đó cử một người đầu tiên đến Madrit, liên hệ bằng điện báo với Môn-rê-an và San-Fransisco để bảo đảm có tàu chở than. Nhiệm vụ của các tàu này không ai được biết cả, và chúng sẽ đậu ở một địa điểm nào đó theo lệnh của thuyền trưởng các tàu ấy, họ sẽ được thông báo khẩu lệnh qui ước.

- Đây lại là chuyện khác! Với điều kiện như vậy thì hầu như Tuyđơ Braun không thể nào bám theo dấu vết của ta được!

- Bác sĩ muốn nói lần theo dấu vết của con, bởi vì con hy vọng rằng bác sĩ sẽ không định đi với con đến biển Bắc cực, có phải thế không ạ? Êrik hỏi.

- Quái lạ vậy! Tôi muốn nhìn thẳng vào mọi người với lương tâm trong sạch để không kẻ nào dám nói rằng có một tên xỏ lá nào đó đại loại như Tuyđơ Braun đã khiến tôi phải rút lui! Bác sĩ tuyên bố.

- Cả tôi cũng thế! - Brêdêzhor và Maljarius đồng thanh kêu lên.

Chàng thuyền trưởng đã quyết định thuyết phục những người bạn lớn của mình, giải thích rằng một quyết định như thế liên quan đến nhiều chuyện nguy hiểm, rằng du lịch trong đêm Bắc cực sẽ đơn điệu và tẻ nhạt, nặng nề. Nhưng, những lý luận của chàng không tác dụng gì cả. Những người bạn lớn của chàng nói rằng sau khi họ vượt qua ngàn ấy thử thách, bây giờ điều vinh dự là hoàn thành cuộc du hành đến cùng. Cùng nhau ở lại, họ có thể giúp nhau giảm bớt những khó khăn trong cuộc hành trình trên biển sắp tới. Chẳng lẽ không biện pháp gì đề phòng cho hành khách của "Aljaska" khỏi bị lạnh quá sao? Ai chứ những người Thụy Điển và Na Uy thì băng giá chẳng làm họ sồn lòng!

Tóm lại là Êrik đã chịu nhượng bộ và đồng ý thay đổi tuyến đường, nhưng không kéo theo sự thay đổi nào của thành phần thám hiểm.

Đã đến lúc cần phải làm sao vượt qua phần đường thứ nhất nhanh hơn nữa.

Ngày 2 tháng Tư. "Aljaska" thả neo ở Lisabon. Trước khi báo chí Bồ Đào Nha kịp báo tin về việc tàu tới đây, Brêdêzhor đã có mặt ở Madrit, với sự

giúp đỡ của nhà băng, ông đã dùng đường cáp điện báo xuyên qua Đại Tây Dương liên lạc với hai hãng buôn lớn ở Môn-rêal và San-Franci-scô, ông đã thỏa thuận về việc phái hai tàu chở than đến những nơi qui định và thông báo khẩu lệnh để sau này họ nhận biết Ê-ri-k. Khẩu lệnh ấy chẳng phải gì khác, đó chính là câu danh ngôn “Semper idem” đã được thêu trên vài thứ đồ dùng của hải nhi nằm trong nôi để trên chiếc phao cứu hộ năm nào. Cuối cùng, ngày 9 tháng Tư, sau khi ký kết và làm xong các thủ tục cần thiết cho những bản hợp đồng với các hãng nước ngoài, Brê-đê-zhơ trở lại Lisabon, và “Aljaska” ra khơi ngay tức khắc.

Ngày 25 cùng tháng, sau khi thuận buồm xuôi gió vượt qua Đại Tây Dương, tàu đã đến Môn-rêan để dự trữ thêm than. Mọi điều khoản do Brê-đê-zhơ đưa ra trước đây đã được thực hiện một cách chính xác. Ngày 29, “Aljaska” đã rời sóng nước vịnh Tavrêntia thiêng liêng để ngày hôm sau đi qua biển Bel-Ail gần cách Labrador với Niu-Faun-len-đ. Ngày 10 tháng Năm, tại Gô-tha-vn, trên bờ biển Grôn-lan họ gặp tàu than thứ hai đã đến thậm chí trước thời hạn qui định.

Ê-ri-k biết rất rõ rằng về mùa này trong năm nếu định băng qua vòng cực và bơi quanh các eo biển theo con đường Tây - Bắc hầu như bị đóng băng thì quá sớm. Nhưng bù lại chàng có mọi cơ sở để hy vọng thu nhận được ở vùng biển thường xuyên có tàu đi đánh cá voi qua lại những tư liệu chính xác hơn cả những tấm bản đồ tốt nhất. Tại đây, chàng cũng có dự tính mua mười con chó tốt với giá khá cao. Với Klaas làm đầu, những con chó này trong trường hợp cần thiết sẽ kéo xe trượt tuyết.

Gô-tha-vn, cũng như tất cả các làng Đan Mạch khác trên bờ biển Grôn-lan, là một làng nghèo, được các thương nhân dùng làm trạm kho chứa mỡ và lông. Về mùa xuân thời tiết ở đây không lạnh hơn mấy so với Xtô-ck-hô-m và Nô-rô-e. Nhưng Ê-ri-k và những người cùng đi ngạc nhiên khi thấy hai nước cùng ở cách Bắc cực một khoảng cách như nhau mà lại rất khác nhau.

Gô-tha-vn cùng vĩ độ với Berghen. Nhưng trong khi ở phía nam Na Uy rừng và cây ăn trái, thậm chí những giàn nho trồng trên đất được chăm bón đầy đủ xanh tươi, thì ở Grôn-lan, tháng Năm rồi mà vẫn còn băng tuyết, cây cỏ ử rũ thê lương. Hình thể vùng duyên hải Na Uy có nhiều eo, vịnh và có dãy đảo che chắn bên ngoài tạo điều kiện nâng nhiệt độ trung bình hàng năm trong nước lên gần như ngang nhiệt độ của Golf-strin. Ở Grôn-lan thì bờ biển lại bằng phẳng, thấp, nên phải hứng chịu trước tiên những luồng không khí lạnh gọi về. Hơn nữa, bờ biển Grôn-lan, cũng như toàn bộ bề mặt của đảo, bị phủ một lớp băng dày đến vài “fut” (Foot - đơn vị đo chiều dài của Anh, mỗi foot bằng 30,48cm).

“Aljaska” dừng ở Gô-tha-vn mất mười lăm ngày, sau đó đã bơi trên biển De-vis dọc theo bờ biển Grôn-lan và băng qua vòng cực.

Ngày 28 tháng Năm, lần đầu tiên họ gặp những tảng băng trôi ở kinh tuyến Bắc 70015, dưới nhiệt độ âm hai. Quả thực những khối băng đầu tiên này là một khối băng bị vỡ vụn hoặc trôi thành những cụm nhỏ tách rời nhau. Nhưng sau đó những tảng băng trở nên rắn chắc hơn và nhiều lúc đã phải dùng búa để mở đường đi tiếp. Cho đến nay hành trình chưa gặp nguy hiểm nghiêm trọng nào, khó khăn lớn nào. Tuy nhiên, căn cứ vào những triệu chứng thì đã có thể xác nhận rằng đoàn thám hiểm đang ở một thế giới hoàn toàn khác. Mọi vật thể ở xa một chút đều trở nên vô sắc và hình như không còn liên kết với nhau. Cái nhìn không dừng lại ở một cái gì cả, vì đường chân trời luôn luôn thay đổi và di động dưới ảnh hưởng của sóng và những tia nắng bị khúc xạ trong những khối không khí chuyển động. Nhưng, đặc biệt về ban đêm, dưới ánh đèn pha trên tổ quạ của tàu "Aljaska", vịnh Bafivôv có một vẻ thật thần tiên.

“Ai mà có thể tưởng tượng nổi cái cảnh buồn hiu ắt - một người đã chứng kiến viết - tiếng sóng vỗ rì rào dưới những tảng băng trôi, tiếng lạo xạo lạt tai của những lớp tuyết bất thành linh bị trượt xuống nước và tan ra xèo xèo như thể hòn than nóng bị nhúng nước vậy. Ai mà có thể hình dung được những mảnh băng sáng lóa từ trên núi đóng băng lá tả rơi xuống như thác chảy, làm bọt nước biển bắn tung toé lên khiến những chú chim biển đang ngủ trên đỉnh một hòn đảo băng nào đấy hoảng hốt vỗ cánh, nháo nhác một hồi lâu trên không rồi mới đậu xuống một tảng băng nào đấy trông thật tức cười... Còn quang cảnh sáng sủa, khi mặt trời trên quãng mây quyền đột nhiên chọc thủng màn sương mù, thoát đầu mới chỉ hé ra một khoảng trời xanh, sau lan rộng dần ra, những đám mây nhẹ bị xua chạy tán loạn về phía chân trời, trông mới kỳ diệu làm sao.”

Êrik và những người bạn của chàng lúc rảnh rỗi có thể ngắm những bức tranh tương tự thường xảy ra trên các biển Bắc cực.

Họ tiếp tục bơi dọc theo bờ biển Gronlan lên đến vĩ tuyến Upernivik, để sau đó quay về phía tây và băng ngang hết vịnh Bafinôv. Tại đây, những khó khăn trở nên rõ rệt hơn nhiều, bởi vì vịnh Bafinôv là tuyến đường chính của những tảng băng Bắc cực bị vô số dòng nước ngầm cuốn ra khỏi vịnh.

"Aljaska" đã buộc phải liên tục dùng búa phá băng để mở đường tiến. Đôi lúc nó phải dừng lại ở những tảng băng lớn không thể vượt qua được, đành phải đi vòng. Có khi nó bị những trận bão tuyết tấn công, boong tàu, cột buồm và toàn bộ dây dợ đều bị tuyết phủ một lớp dày. Còn có những chuyện thể này nữa, dưới tác động của những cơn gió buốt thấu xương, "Aljaska" bị phủ đầy băng, suýt bị chìm vì sức nặng của lớp "áo giáp" ấy. Đã xảy ra trường hợp "Aljaska" bị sa xuống cả những hố tựa như những hồ nước, bị những tảng băng ùn lại bao bọc kín chung quanh. Những trường hợp như vậy, con tàu như bị dìm vào bước đường cùng, không biết có thoát nổi ra

biển khơi không. Những lúc ấy cần phải đặc biệt cảnh giác để cho thân sau không bị đụng vào một núi băng lớn nào từ phía bắc lao đến với tốc độ nhanh có thể đè bẹp tàu như đè một vỏ hạt bồ đào vậy! Nhưng còn nguy hiểm hơn nữa là những tảng băng ngầm bắt đầu chuyển dịch khi tiếp xúc với sóng tàu - và bất ngờ xảy ra hiện tượng thủy động học thực sự - lúc nào chúng cũng có thể thay đổi trọng tâm và trôi lên mặt nước với một sức mạnh không thể tưởng tượng nổi, quét sạch mọi thứ trên đường đi. "Aljaska" đã bị mất hai chiếc xuồng vì trường hợp như vậy và đã phải nhiều lần kéo chân vớt lên mạn tàu để nắn lại những chiếc bánh bị cong. Phải trực tiếp trải qua mọi thử thách và nguy hiểm xảy ra liên tục trong cuộc hành trình trên các biển Bắc cực mới có thể hình dung được những điều ấy, dù chỉ ánh chùng thôi. Trong những điều kiện như vậy chỉ cần một đến hai tuần cũng đủ làm cho cả đoàn thám hiểm có sức chịu đựng bền bỉ nhất phải kiệt sức: mỗi người đã đến lúc cần được nghỉ ngơi.

Nhưng, mọi thử thách và lo âu của các nhà thám hiểm đã được đền bù ít nhất bằng tốc độ thể hiện qua các độ kinh tuyến được ghi lại trong nhật ký hành trình. Có những ngày thậm chí họ ghi được từ mười tới mười hai độ. Nhưng cũng có những ngày họ không đánh dấu qua được một độ nào cả. Và đây, cuối cùng ngày mười một tháng Sáu, mọi người trên tàu "Aljaska" đã trông thấy đất liền và chẳng bao lâu, con tàu đã neo ở cửa vịnh Lankaster. Êrik dự tính phải dừng tại đây vài ngày rồi mới có thể tiến sâu vào chặng đường dài này. Nhưng, chàng ngạc nhiên và sung sướng biết bao, hóa ra vịnh biển đang vắng, ít nhất là lúc đầu. Không chút do dự, Êrik cho tàu vào vịnh. Song, ngay ngày hôm sau "Aljaska" đã bị băng bao kín chung quanh mất ba ngày liền. May mà nhờ có những dòng chảy mạnh ở vịnh bắc cực này mà con tàu - đúng như các tàu cá voi ở Gôthav đã nói trước - mới tiếp tục cuộc hành trình mặc dù bị nguy hiểm.

Ngày 17 tháng Sáu, "Aljaska" đã đến vịnh Baron và mở hết tốc độ chạy qua đây. Nhưng ngày 19, khi nó đã ra khỏi vịnh Melvil, đang chạy trên kinh tuyến của mũi Uôlk thì lại bị băng cản đường.

Thoạt đầu, đối với chuyện bực mình này Êrik tỏ ra bình tĩnh, chờ băng trôi. Nhưng, ngày nọ qua ngày kia, mãi mà bãi băng vẫn không thấy nhúc nhích.

Nói cho đúng thì các nhà du hành đâu có thiếu trò chơi giải trí. Sau khi bị kẹt lại ở cách bờ biển không xa lắm, vốn đã trang bị đầy đủ mọi thứ để khỏi bị lệ thuộc vào hoàn cảnh, nên bây giờ họ đi chơi bằng xe trượt tuyết, đi săn hươu và từ xa xem cá voi đùa giỡn. Ngày hạ chí (ngày 21 tháng 6 dương

lich, ngày dài nhất trong năm) đã tới gần. Sau ngày 15, mọi người trên tàu “Aljaska” chứng kiến một cảnh tượng kỳ diệu, thậm chí những người Na Uy và thổ dân ở phía nam Thụy Điển cũng chưa từng biết: đó là cảnh mặt trời lúc nửa đêm đã đi vòng hết vòm trời mà lại không lặn sau đường chân trời.

Sau khi trèo lên một đỉnh núi không tên nhô cao trên vùng đất hoang vắng này, các nhà du hành đã quan sát cảnh mặt trời đi hết đường cùng trong một ngày. Tối tối, khi tất cả đều tràn ngập ánh nắng thì ở đằng xa kia, phía nam chân trời lại chìm trong bóng đêm. Toàn bộ thiên nhiên mới huyền ảo làm sao. Tại đây bạn không thể không cảm thấy mình đang ở một nơi xa lắc, nhưng lại gần cực biết bao!... Thế nhưng lại không giá lạnh lắm. Nhiệt độ chỉ khoảng 4-5 độ. Không khí đôi lúc ẩm áp đến nỗi có thể tưởng tượng rằng đây chính là trái tim của Bắc cực.

Ngay cả những hiện tượng thiên nhiên kỳ diệu cũng không thể lôi cuốn Êrik đến nỗi quên mục đích chủ yếu của cuộc hành trình của mình, dù chỉ một phút thôi. Chàng đến đây không phải yêu thực vật như Maljarius, ông phấn khởi thực hiện những chuyến đi tham quan xa, thu thập những loài thực vật chưa biết để bổ xung cho những mẫu thực vật của mình. Cũng không phải chàng đến đây để cùng với bác sĩ Svariênkrôna và Brêdêzhor thưởng thức những phong cảnh chưa từng thấy mà thiên nhiên vùng Bắc cực đã mở ra trước mắt họ. Mục đích của Êrik là tìm được Nordensheld và Patric Ô Đônôgan, là thực hiện nghĩa vụ thiêng liêng của mình. Và, có thể khám phá ra nguồn gốc của mình! Chính vì vậy mà chàng không nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, kiên quyết tìm cách thoát khỏi vòng băng đang bao chặt quanh tàu “Aljaska”. Những chuyến đi xe trượt tuyết, thanh trượt tuyết đến đường chân trời xa xôi, đi canô chạy bằng hơi nước để tìm đường thoát... Suốt mười ngày chàng đã thử tìm mọi cách có thể được để khai thông đường. Nhưng ở phía tây cũng như ở phía bắc và phía đông điều chông chênh chất những đám băng không thể vượt qua nổi.

Đã sang ngày 26 tháng Sáu rồi, mà họ vẫn còn ở cách biển Xibir quá xa! Không lẽ lại thú nhận thất bại của mình sao? Không, Êrik không thể thỏa hiệp với điều ấy! Những lần đo lại độ sâu đều phát hiện dưới băng có dòng chảy ngầm về hướng eo biển Franklin, tức là về phía nam. Khi ấy, Êrik đã đi đến kết luận là chỉ cần một lực không mạnh lắm cũng đủ để làm cho những tảng băng chuyển động. Và, chàng đã quyết định làm thử trên suốt chiều dài bãi băng bảy hải lý. Chàng cho khoan một loạt lỗ, cái nọ cách cái kia hai - ba mét, rồi đặt vào mỗi lỗ một kilôgam chất nổ đinamit. Các lỗ trên băng được nối liền với nhau bằng một sợi dây đồng có lớp cách điện bằng nhựa.

Tám giờ sáng ngày 30 tháng Sáu, Êrik từ trên boong tàu “Aljaska” ấn nút

điện châm ngòi nổ.

Lập tức, tiếng nổ khủng khiếp vang lên. Hàng trăm “ngọn núi lửa” phun bụi băng mù trời. Bãi băng rung mình và nứt toác ra y như một trận động đất ngầm. Trong không trung, những đàn chim biển như những đám mây, hoảng hốt bay lượn, kêu la inh ỏi. Khi tất cả đã yên lặng, trên mặt băng mở ra một con đường đen ngòm khúc khuỷu do những khe nứt tạo nên. Một tảng băng khổng lồ đã bị tiếng nổ hất tung lên trời và vỡ tan dưới sức mạnh dữ dội của chất đinamit. Sau một lúc chờ đợi, coi bộ còn do dự, băng như đã chịu tuân theo hiệu lệnh và bắt đầu chuyển động. Khối băng bị tan ra từng mảnh và cuối cùng trôi theo dòng chảy, phát ra những tiếng ầm ầm rào rào. Đó đây vẫn còn nguyên những bãi và những đảo băng, tựa hồ như muốn chống lại sức mạnh của con người. Nhưng, đến hôm sau đường đã thông. Bây giờ “Aljaska” đã có thể đốt lò. Với sự hỗ trợ của chất nổ đinamit, Êrik đã làm được điều mà mặt trời bắc cực yếu ớt có lẽ phải mất nguyên cả tháng.

Ngày hai tháng Bảy, "Aljaska" đã đến eo biển Banks. Ngày 4, nó đã đi vào nơi đúng với nghĩa đen của từ ấy - Bắc Băng Dương. Bây giờ, đường không bị cản trở nữa, mặc dù vẫn còn những đảo băng trôi, sương mù và tuyết. Ngày 12, tàu đã vòng qua mũi Gljasơ. Ngày 13, vòng qua mũi Lesborn. Ngày 14, lúc mười giờ sáng, nó đã vào vịnh Kôcêbu ở phía bắc eo biển Bêrinh. Tại đây, theo kế hoạch dự định, "Aljaska" đã gặp tàu than từ SanFransiscô đến. Thế là chương trình hành động vạch ra ở vịnh Biskaisk đã được thực hiện trong hai tháng và mười sáu ngày.

“Aljaska” chưa kịp thả neo, Êrik đã nhảy xuống xuống và bơi cặp mạn chiếc tàu hàng:

- Semperidem! - chàng nói sau khi gặp thuyền trưởng.
- Lisabon - người Mỹ đáp.
- Ngài đợi tôi ở đây lâu chưa?
- Năm tuần! Chúng tôi đã rời San-Fransiscô sau khi nhận được điện của ngài một tháng.
- Về Nordensheld vẫn như cũ, không có tin gì nữa sao?
- Ở San-Fransiscô không có tin gì cả. Nhưng ở đây tôi có nói chuyện với nhiều người đánh cá voi, họ khẳng định rằng họ có nghe thổ dân các vùng gần mũi Trái tim - Đá nói hình như có một tàu châu Âu đã 9- 10 tháng nay bị kẹt băng ở phía tây mũi này. Họ cho rằng đây chính là tàu "Vega".
- Đúng nó rồi! - Êrik kêu lên, hết sức mừng rỡ - Thế còn ngài cũng nghĩ rằng nó vẫn chưa qua được eo biển à?
- Tôi tin chắc là như vậy, năm tuần lễ gần đây không có tàu nào qua nơi này. Vậy nên tôi đâu có trao đổi được điều gì với thuyền trưởng.
- May quá! Tất cả những thử thách của chúng tôi sẽ được đền bù lại, nếu chúng tôi tìm được Nordensheld.

- Nhưng ngài sẽ không phải là người đầu tiên đâu - người Mỹ nói, mỉm cười về nhạo báng - Một tàu buồm Mỹ đã vượt lên trước ngài rồi. Nó đã qua đây từ ba hôm trước, và cũng hỏi thăm tin tức về Nordensheld như ngài.
- Tàu buồm Mỹ à? - Êrik ngạc nhiên hỏi lại.
- Phải, "Albatros", thuyền trưởng Tuyđor Braun, từ Vankuver tới, tôi đã thông báo với ông ta tất cả những gì tôi biết, và ông ta lập tức quay ngay về mũi Trái tim - Đá.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười sáu

TỪ MŨI TRÁI TIM - ĐÁ ĐẾN QUẦN ĐẢO LJAKHÔV

Thế là dẫn sao Tuyđor Braun cũng vẫn biết được tuyến đường đi của "Aljaska"! Thế là hẳn đã đuổi kịp "Aliaska" ở eo biển Bêrinh!... Nhưng bằng cách nào và con đường nào? Điều ấy có vẻ gần như viễn tưởng, nhưng, tuy vậy, sự thật vẫn là sự thật.

Cái tin ấy làm cho Êrik rất xúc động, nhưng chàng không để lộ cho ai thấy. Thuyền trưởng tàu "Aljaska" đã hướng toàn bộ nghị lực của mình để mau chóng kết thúc việc bốc nhiên liệu, và sau khi đã chất đầy các hố than, chàng đã tranh thủ cho tàu đi ngay vào vùng biển Xibir, không chậm trễ một phút.

Trái tim - Đá là mũi biển dài thuộc châu Á cách eo biển Bêrinh về phía tây một trăm hải lý, nơi hàng năm thường có các tàu đánh cá voi từ Thái Bình Dương lui tới. Ngay ngày hôm sau "Aljaska" đã tới đây. Chẳng bao lâu mọi người đã trông thấy ở vũng sâu Koljuchin những cột buồm mỏng manh của tàu "Vêga" cao vút lên giữa những tảng băng chông chênh cản đường nó đã suốt chín tháng nay.

Bãi băng cản đường Nordensheld rộng đến gần mười kilômét. Khi đi hết bãi băng này, "Aljaska" đã quật về hướng Nam để thả neo ở một vịnh nhỏ không đóng băng và khuất gió bắc. Sau đó, Êrik đã lên bờ cùng với ba người bạn lớn của mình và đi đến một căn trại có thể dễ dàng nhận ra qua những làn khói bốc lên từ trong bầu không khí trong lành. Đoàn thám hiểm của tàu

"Vêga" trong khi trú đông dài ngày đã dựng trại trên bờ biển Xibir.

Phần bờ biển của vũng Koljuchin này là một vùng đất thấp, hơi lượn sóng và bị ngăn xẻ bởi những khe rãnh không lớn lắm do bị xâm thực. Không có một khu rừng nào, chỉ có vài đám liễu thấp lè tè và những bãi cỏ rậm rì lác đác, trên vài mô đất có những thân cỏ vùng Xibir hoang vắng. Nhờ mùa hè đã đến, Maljarius dễ dàng phát hiện trong đám thực vật cần cỗi ấy có những loài thảo mộc rất phổ biến ở Na Uy, mà cụ thể là nham lê (tên khoa học: *Oxycoccus palustris*), bồ công anh (tên khoa học: *Taraxacum*).

Phần lớn đất ở khu trại tàu "Vêga" là kho lương thực, thực phẩm được xây dựng theo lệnh của Nordensheld để phòng khi tàu bị sức ép đột ngột của băng phá hủy, như vẫn thường xảy ra đối với tàu trú đông những nơi nguy hiểm thế này. Thật là một chi tiết cảm động! Các thổ dân trên vùng bờ biển Xibir luôn luôn nghèo đói: đối với họ kho lương thực này quý giá vô ngần, vậy mà họ không hề nghĩ đến việc xâm phạm nó mặc dầu, hầu như nó không được bảo vệ gì. Những túp liều độc đáo làm bằng da thú, trong đó có người Chukchi sinh sống, cứ tiến gần về phía trại. Trong trại, công trình nổi bật nhất là một căn nhà bằng băng được xây dựng để đặt trạm khí tượng. Tất cả các thiết bị máy móc đem từ tàu "Vêga" lên đều đặt ở đây. Căn nhà được đắp bằng những phiến băng màu xanh dịu, cắt thành hình hộp và gắn lại với nhau bằng tuyết thay vì bằng xi măng. Mái bằng ván được phủ bạt.

Các nhà du hành của tàu "Aljaska" được một bác học trẻ lúc ấy đang có mặt trong căn nhà băng cùng người canh gác đón gặp với tình cảm thân thiết nhất. Nhà bác học, người cộng sự của Nordensheld đã hết sức vui lòng đề nghị được dẫn các vị khách lên tàu "Vêga", đi theo một lối nhỏ nối liền tàu với bờ biển. Dọc lối đi có hàng cọc được đóng để căng một sợi dây giúp cho việc định hướng lúc ban đêm. Trên đường đến tàu "Vêga", nhà bác học đã kể cho các đồng bào của mình nghe về tất cả những chuyện phiêu lưu, rắc rối của đoàn thám hiểm Nordensheld từ giờ phút nó mất liên lạc với thế giới bên ngoài.

Từ cửa sông Lêna, Nordensheld đã đi về phía các đảo Nôvôxibir với ý đồ nghiên cứu các đảo này. Nhưng, sau khi biết chắc không thể cho tàu đậu vào đây được vì gặp nhiều tảng băng và vì nước cạn trên suốt nhiều hải lý, ông

đã quyết định tiếp tục đi về hướng đông. Cho tới ngày 10 tháng Chín, "Vêga" đã tiến gần tới mũi Trái tim - Đá. Tàu neo vào một khối băng hy vọng ngày hôm sau vượt nốt mấy hải lý nữa là đến eo biển Bêrin, tức là đến vùng biển Thái Bình Dương không bị đóng băng. Nhưng, về đêm gió bắc đã nổi lên đẩy khối băng đến sát tàu. Khối băng ấy qua mấy ngày sau đã lớn dần lên, trở thành vật cản bao quanh "Vêga". Thế là tàu bị kẹt cứng trong băng, buộc phải trú đông đúng vào lúc nó đã tiến gần sát mục tiêu!

- Tất nhiên, các ngài hiểu chúng tôi đã thất vọng như thế nào! - nhà bác học trẻ nói - nhưng chúng tôi đã ngay lập tức quyết định sử dụng thời gian chờ đợi bắt buộc này để phục vụ cho lợi ích khoa học. Chúng tôi đã gần gũi các thổ dân Chukchi sống gần đây, sinh hoạt và tập quán của họ từ trước đến nay chưa được nhà du hành nào chú ý nghiên cứu cả. Chúng tôi không bỏ lỡ dịp lập cuốn tự điển tiếng Chukchi, thu thập các loại vũ khí, công cụ và đồ dùng trong nhà. Những quan sát địa từ của chúng tôi cũng tỏ ra không phải là vô ích. Các nhà tự nhiên học của "Vêga" bổ sung được không ít tư liệu mới vào hệ động vật và thực vật của vùng Bắc cực. Và cuối cùng, nhiệm vụ chủ yếu trong cuộc du hành của chúng tôi đã hoàn thành, bởi vì chúng tôi đã vòng qua được mũi Chêljuskin và là những người đầu tiên vượt qua chặng đường từ cửa sông Enixây đến cửa sông Lêna. Từ nay, con đường Đông Bắc đã được tìm ra và nghiên cứu. Dĩ nhiên, giá thực hiện được cuộc hành trình này trong hai tháng thì vẫn hay hơn - vì thật ra đoạn đường còn lại chúng tôi đã có thể vượt qua trong vòng vài giờ rồi. Nhưng xét đến tất cả những gì chúng tôi đã làm được, nếu sắp tới chúng tôi mau chóng thoát khỏi cảnh đóng băng này - mà hiện nay dấu hiệu cho phép hy vọng như vậy - thì chúng tôi không phải hối tiếc vì thời gian đã bị mất và chúng tôi sẽ trở về với niềm tin là mình đã làm được một việc có ích.

Hào hứng nghe chuyện, các vị khách đã đi đến gần "Vêga". Bây giờ, con tàu còn cách họ không bao xa nữa, đã có thể phân biệt mũi tàu được phủ bằng một tấm bạt dài đến tận cầu chỉ huy, các mạn tàu đã được bảo vệ bằng những đồng tuyết lớn, các trang bị dây nhợ, và ống khói được bao bọc bằng một lớp đệm để giữ cho nó khỏi băng giá.

Càng đến gần tàu thì lại càng thấy rõ hơn cảnh tượng không bình thường. Không thể ngờ được rằng con tàu hoàn toàn không bị kẹt vào bãi băng liền, nhưng vì lý do gì đó không biết dường như nó bị "treo" trên một địa hình thật rắc rối, bao gồm những hồ, những đảo nhỏ và kênh được nối với nhau bằng những cầu gỗ.

- Sự kỳ lạ này có thể dễ dàng giải thích được - nhà bác học trả lời một câu hỏi của Êrik - Bất kỳ một tàu nào bị nằm lại giữa những đám băng dày đặc đều bị một lớp cặn bã đủ loại bao quanh, trong số những cặn bã ấy chủ yếu là tro than. Chất này đen hơn tuyết nên hấp thụ nhiệt nhiều hơn, do đó, hoặc là nó làm cho tuyết tan nhanh, hoặc ngược lại, như một lớp cách nhiệt, nó giữ nguyên tuyết, tùy theo mật độ và độ dày của lớp than ấy. Do đó, khi trời trở ấm thì các tảng băng ở sát tàu mới có hình thù kỳ dị khiến ta ngạc nhiên như vậy, và những băng này dần dần biến thành những hố, những lòng chảo lớn nhỏ, những hòn đảo con.

- Đó chỉ là cái lạ cảm tính thôi - một viên sĩ quan trả lời - Chúng tôi đã tận dụng ở phía bắc châu Á, cũng như các ngài đã tận dụng phía lục địa châu Mỹ, kinh nghiệm của các bậc tiền bối. Kinh nghiệm ấy không ít trường hợp đã được đúc kết bằng giá trị của cả một đời người. Nhưng ngoài ra kinh nghiệm lớn lao của người lãnh đạo đoàn chúng tôi cũng giúp ích rất quý báu cho chúng tôi. Trước khi thực hiện triệt để ý đồ này, giáo sư Nordensheldt trong suốt hơn hai mươi năm đã lãnh đạo tám đoàn thám hiểm lớn lên Bắc cực, kiên trì cốp nhặt tất cả những số liệu cần thiết. Bởi vậy có thể nói rằng giáo sư đã chuẩn bị kỹ càng để giải quyết nhiệm vụ chủ yếu của mình. Cuối cùng cũng cần chú ý đến yếu tố này, là: đoàn chúng tôi được trang bị tất cả những gì mà trước đây các bậc tiền bối của chúng ta không có được, kể từ tàu chạy bằng hơi nước được trang bị đặc biệt cho một hành trình đi biển như thế này. Điều đó đã tạo điều kiện cho chúng tôi trong hai tháng đã vượt qua được chặng đường mà tàu buồm phải mất ít nhất hai năm. Chúng tôi đã có điều kiện không những lựa chọn, mà còn tìm được đường đi của mình, bằng cách vượt lên những tảng băng trôi, đạt đến tốc độ của dòng chảy, có khi đạt đến tốc độ của gió nữa! Ấy thế mà chúng tôi vẫn không tránh được việc phải nghỉ đông! Bất giác nhớ lại ngày xưa các nhà hàng hải đã gặp biết bao là trở ngại nặng nề trên đường đi, buộc phải dừng lại lâu để chờ xuôi gió hoặc cứ đi một cách hú họa. Cả tôi nữa cũng đã phải hàng chục lần không những tìm vùng biển không bị đóng băng mà thậm chí còn tìm cả những hòn đảo và lục địa ở ngay những nơi trên bản đồ được ký hiệu là vùng băng vĩnh cửu đấy chứ?... Nhưng chúng tôi hoàn toàn không sợ đi chệch khỏi tuyến đường để mà tiến hành những nghiên cứu cần thiết, rồi sau đó, nếu cần thì lại cho tàu chạy lui về đường cũ. Chứ như trước đây, trong những trường hợp như vậy, các nhà hàng hải đành phải bằng lòng với những điều phỏng đoán mà thôi!

Cứ như thế hai bên cùng nhau nói chuyện thoải mái và tranh luận một cách thân thiện mấy giờ liền. Các vị khách từ tàu "Aljaska" đến, sau khi dùng bữa trưa đã mời tất cả các sĩ quan không phải trực của tàu "Vêga" sang tàu mình dự bữa tối. Các thủy thủ cũng đã sẵn lòng chia sẻ với nhau những gì đã quan

sát được và những số liệu khai thác được trên đường đi. Êrik tìm hiểu kỹ tuyến hành trình của "Vêga" đã qua và tất cả các biện pháp phòng ngừa cần áp dụng để trở về theo đúng con đường ấy. Họ đã nâng cốc để chúc mừng thắng lợi chung của cả hai bên, đã trao cho nhau những lời chúc chân thành "trở về Tổ quốc bình an" và đã chia tay với vẻ hài lòng về cuộc gặp gỡ vừa qua.

Lúc một giờ đêm, "Aljaska" đã phải lên đường đi đảo Ljakhôv, còn "Vêga" phải chờ băng tan mới mở đường ra Thái Bình Dương được.

Thế là, phần thứ nhất trong nhiệm vụ đặt ra cho Êrik đã được hoàn thành. Chàng đã tìm được Nordensheld! Bây giờ chỉ giải quyết phần chót là tìm gặp Patric Ô Đônôgan và tìm cách khai thác ở hắn điều bí mật về bản thân chàng nữa thôi. Chắc chắn đây là điều bí mật đáng sợ, bây giờ mọi người đều nghĩ như vậy. Không phải vô cớ mà Tuyđor Braun lại tỏ ra quyết tâm tìm bằng được Ô Đônôgan xấu số này.

Liệu "Aljaska" có đến được đảo Ljakhôv lớn trước "Albatros" không? Ít hy vọng lắm. Bởi vì Tuyđor Braun đã đi trước Êrik những ba ngày kia mà.

Nhưng, cứ thử coi, đâu có mất mát gì! "Albatros" có thể bị lạc đường, gặp những trở ngại không lường trước. Biết đâu, bỗng nhiên ta đuổi kịp hoặc thậm chí vượt trước nó thì sao? Cho dù hy vọng mỏng manh cũng cần phải mạo hiểm!

Cần phải nói rằng thời tiết đã tạo thuận lợi cho chúng ta, không khí ẩm áp, hơi ẩm ướt một chút, làn sương thoáng gợn nơi chân trời chứng tỏ bốn bề biển đều đã tan băng, chỉ vùng duyên hải Xibir, băng vẫn chồng chất giam chân "Vêga". Hễ vào mùa hạ là "Aljaska" nắm chắc trong tay mười tuần lễ thời tiết tốt. Kinh nghiệm bơi giữa vùng băng gần bờ biển lục địa châu Mỹ đối với Êrik rất quý giá và cho phép hy vọng rằng chuyến vượt biển mới sẽ không gặp những khó khăn lớn. Hơn nữa, khi trở về Thụy Điển, con đường Đông - Bắc sẽ là con đường ngắn nhất, và, ngoài lợi ích của bản thân Êrik, thì điều quan trọng là còn vì lợi ích của khoa học mà sử dụng tuyến đường của Nordensheld để làm đường về. Nếu thực hiện thành công hành trình này - mà điều đó hoàn toàn có thể được - thì qua đó có thể chứng minh và khẳng định dứt khoát ý nghĩa thực tế của việc khám phá này của nhà nghiên cứu vĩ đại.

Hình như cả gió nữa cũng đứng về phía "Aljaska" và che chở cho nó. Suốt mười ngày trời gió hầu như thổi về hướng Tây - Nam, nhờ thế mà tàu có thể chạy bình quân chín - mười hải lý mà không cần phải đốt lò. Điều đó tạo cho nhà du hành của chúng ta những ưu thế lớn, đó là chưa kể gió đã xua những tảng băng lớn trôi về phía bắc, làm cho hành trình tàu đỡ vất vả hơn. Trong

mười ngày, "Aljaska" chỉ có vài lần gặp băng trôi hoặc "băng rữa" - như các nhà thám hiểm gọi những tảng băng đang tan dở.

Sang ngày thứ mười một, một trận bão tuyết đã nổi lên, kết hợp với sương mù dày đặc, nên tốc độ tàu bị chậm lại nhiều. Nhưng, ngày 29 tháng bảy, mặt trời đã lại tỏa chiếu rực rỡ và ngày 29 tháng tám, đã trông thấy phía đông đảo Jakhôv lớn.

Êrik lập tức ra lệnh cho tàu chạy vòng quanh đảo để kiểm tra xem "Albatros" có ẩn náu trong một vịnh nào đó không, đồng thời tránh cho "Aljaska" khỏi bị ngược gió. Sau khi kiểm tra, chàng ra lệnh thả neo xuống bãi cát cách bờ nam ba hải lý, rồi xuống xuống cùng với ba người bạn và sáu thủy thủ. Nửa giờ sau tàu đã cập vào một bờ vịnh khá sâu.

Không phải ngẫu nhiên mà Êrik đã cho thả neo xuống bờ nam. Nếu quả thực Patric Ô Đônôgan có ý đồ bán ngà voi mamut cho dân buôn Xibir và chưa rời hòn đảo mà chính hắn muốn lên đó thì hắn phải lựa chỗ thích hợp để từ đó có thể dễ dàng quan sát biển khơi. Ngoài ra, hầu như có thể dự đoán chắc chắn rằng chỗ ấy sẽ phải ở một nơi cao, gần vùng duyên hải Xibir hơn. Cuối cùng phải tìm nơi khuất gió bắc cũng khiến hắn định cư ở phía nam của đảo. Tất nhiên, Êrik không hoàn toàn tin chắc rằng những dự đoán của chàng hoàn toàn đúng cả, nhưng dẫu sao cũng cho như vậy là hoàn toàn hợp lý hơn để lấy đó làm cơ sở tiến hành các cuộc tìm kiếm theo kế hoạch.

Chẳng bao lâu sau, những dự đoán của Êrik đã được khẳng định là đúng. Các nhà du hành của chúng ta đi dọc bờ cát chưa đầy hai giờ đã thấy trên gò đất cao, có một căn nhà được che chắn gió bằng cả một dãy đồi, cửa quay về hướng nam. Họ hết sức ngạc nhiên thấy căn nhà được xây dựng khéo léo theo hình hộp vuông cân đối, màu trắng và dường như được quét vôi. Căn nhà chỉ còn thiếu những cánh cửa màu xanh nữa là giống ngôi nhà ở nông thôn vùng Macxây hoặc một vila nhỏ ở Mỹ.

Sau khi trèo lên ngọn đồi nhỏ và đến gần căn nhà họ đã hiểu vì sao nó lại có cái màu trắng khác thường ấy. Hóa ra, căn nhà chẳng được quét vôi gì cả, mà được ghép bằng những cái ngà lớn khéo léo lắp ráp và gắn kết lại với nhau. Vì thế trông xa nó trắng thật, nhưng bản thân ý nghĩa sử dụng nó trong điều kiện cụ thể này là hoàn toàn hợp lẽ tự nhiên. Đây là chưa kể cây cối trên đảo rất nghèo nàn, không có thứ vật liệu xây dựng nào hết, tất cả các đồi và gò đều đầy những mảnh xương cốt. Bác sĩ Svariêkrôna chỉ cần nhìn những mảnh xương đã phát hiện ra ngay những hài cốt của mamut và bò rừng.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu
Chương mười bảy
CHẠY HẾT TỐC LỰC

Cửa ra vào căn nhà mở toang. Bước vào nhà, bốn nhà du hành đều tin chắc rằng căn phòng duy nhất trong nhà vừa mới đây thôi vẫn có người ở. Trong bếp lò làm bằng ba hòn đá, những que củi đang cháy âm ỉ được phủ lên một lớp tro nhẹ như bông, khế thổi một cái là bay tung. Giường là một cái khung bằng gỗ trên đó có mắc chiếc võng lính thủy còn in dấu thân người.

Êrik nhận ra ngay dấu hiệu của tàu "Vêga" trên chiếc võng ấy.

Một chiếc xương bẹt to - xương vai của một con thú đã hoá thạch được đặt trên bốn cái xương chày làm thành tựa hồ như một cái bàn, trên đó thấy có những vụn bánh mì khô cho người đi biển, một cái chén thiếc và một cái muỗng gỗ của Thụy Điển.

Không còn gì nghi ngờ nữa, họ đang ở trong nhà Patric Ô Đônôgan, và căn cứ vào mọi điều thực tế, thì hẳn vừa mới đi khỏi đây thôi. Hẳn rời đảo rồi chẳng? Hay là trái lại, hẳn đi khảo sát đảo? Điều đó chỉ có thể xác định bằng cách đi quan sát địa hình một cách chăm chú.

Đất được đào xới và các rãnh chung quanh căn nhà chứng tỏ công việc lao động ở đây khá cần cù. Khoảng hai mươi chiếc ngà voi mamut xếp thành hàng trên đỉnh gò bằng phẳng đã chỉ rõ mục đích của công việc này là thế nào rồi. Rõ ràng là các công việc đào bới đã được thực hiện bằng cách khai quật hài cốt các giống vật đã bị biến mất từ lâu. Các nhà du hành đã thật sự tin chắc như vậy khi họ để ý thấy hầu như tất cả các bộ xương voi và mamut, vút lẫn lóc ở đây đều thiếu ngà. Vậy là dân vùng duyên hải Xibir đã kịp thu nhặt hết ngà. Không cần phải đợi Patric Ô Đônôgan đến. Bởi vậy tên người Ailen mới phải làm công việc đào bới. Tuy nhiên, những chiếc ngà hẳn tìm được dưới lớp đất chất lượng không cao gì.

Nhưng, không phải vô cớ mà viên bác sĩ trẻ ở tàu "Vêga" cũng như ông chủ

tửu quán "Mỏ neo đỏ" ở Niu-York đều đã khẳng định rằng lười biếng là đặc điểm của Patric Ô Đônôgan! Vị tất hẳn đã có thể đủ kiên nhẫn để bắt mình phải làm lâu dài cái công việc lao động chẳng bỏ công và ít lợi lộc này. Chắc chắn, hẳn có dịp một cái là hẳn chuồn luôn khỏi đảo Ljakhôv lớn mà thôi. Hy vọng duy nhất có thể bắt gặp tên người Ailen ở đây chỉ là những dấu vết của hẳn vừa mới còn ở trong nhà.

Thoải theo sườn đồi bên kia có một con đường mòn dẫn xuống bờ biển. Các nhà du hành đi theo đó và lúc sau đã đến bên một cái hồ tuyết tan làm thành một cái hồ nước ngọt nhỏ ngăn cách với biển bằng một dãy núi. Con đường mòn còn kéo dài nữa, đi men theo bờ hồ nước ấy và lượn quanh các vách đá trên bờ, rồi dứt đoạn ngay chỗ bến cảng tự nhiên.

Trên bãi cát bồi thấy ngổn ngang chiếc xe trượt tuyết và tro bếp vừa tàn. Êrik quan sát kỹ bờ biển, nhưng không thấy có dấu vết nào do thuyền đã rời bến để lại cả.

Chàng quay lại những người cùng đi, thấy dưới một bụi cây, cách chỗ đông lửa không xa lắm, có vật gì đó có màu sắc sặc sỡ. Đó là một cái vỏ hộp đựng thịt bằng sắt tây người ta thường gọi là "thịt hộp", mà hiện nay các kho thực phẩm trên tất cả các tàu đều chật đầy. Thoạt nhìn thì việc ấy chẳng có gì đặc biệt cả, vì Patric Ô Đônôgan được cung cấp lương thực thực phẩm của tàu "Vêga" kia mà. Nhưng cái nhãn hiệu in tên nhà máy sản xuất: "Martines Domingo, Valparaiso" dán trên hộp đã khiến Êrik chú ý.

- Thế nghĩa là Tuyđor Braun đã đến đây - Êrik bật kêu lên ngay.

- Bởi vì, trên tàu "Vêga" người ta đã nói với chúng ta là tàu của hẳn đã đậu ở Vankuver mà... Những đồ hộp sili này đâu phải từ tàu "Vêga" mang đến, hơn nữa, hộp hoàn toàn còn mới! Từ lúc cái hộp sắt tây này được mở đến nay chưa đầy ba ngày, mà cũng có thể mới như một ngày.

Bác sĩ Svariênkrôna và Brêđêzhor đã tính phản đối điều khẳng định rất mực kiên quyết ấy, thì bỗng Êrik, từ nãy đến giờ vẫn tiếp tục xem xét kỹ cái hộp nhất được, đã phát hiện một chi tiết có thể bác bỏ hoàn toàn bất kỳ điều nghi ngờ nào. Trên nắp hộp có mấy chữ viết nguệch ngoạc, có lẽ là chữ của người giao hàng: "Albatros".

- Tuyđor Braun đã đến đây! - Êrik nhắc lại - Hẳn đến đây để làm gì, nếu không phải để gặp Patric Ô Đônôgan? Bây giờ thì đã rõ cả rồi! Hẳn đã lên bờ vịnh này, còn các thủy thủ đợi ở đây và ăn sáng bên đông lửa. Tuyđor Braun đã đi lên đồi gặp người Ailen và đưa hẳn đi khỏi đây - có tự nguyện không hay là bị cưỡng bức - thì cũng vậy thôi! Con tin chắc điều đó đến mức như chính mắt mình trông thấy vậy.

Nhưng, mặc dù tin chắc như thế, Êrik vẫn quyết định xem xét kỹ trên đảo để khẳng định dứt khoát không có Patric Ô Đônôgan ở đây. Không đầy một giờ sau, mọi người đã biết rõ phần còn lại của đảo hoàn toàn hoang vắng. Ở đó

không có một con đường mòn nào, không có dấu vết của loại thú rừng nào. Từ phía, nhìn đâu cũng thấy mùt tầm mắt toàn những cồn cát và bãi cát, không có cây cối, chim muông, côn trùng, không có một thứ gì gọi là có thể phá vỡ được sự tĩnh mịch ngự trị nơi đây. Chỉ thấy khắp nơi trên mặt đảo ngổn ngang những đồng xương lớn, chắc là từ thời xa xưa, đã từng có những bầy voi mamut và bò rừng kéo về đây để lánh một tai nạn khủng khiếp nào đấy và đã bỏ xác trên mảnh đất heo hút này. Còn ở xa kia, sau những cồn cát, những quả đồi, là dãy núi băng tuyết phủ quanh năm, chạy dài như một bức thành khổng lồ.

- Ta trở về thôi! - bác sĩ Svariênkrôna nói - tìm kiếm thêm càng vô ích.

Chừng ấy cũng đủ kết luận Patric Ô Đônôgan chuồn rồi.

Chuyên lên đảo chiếm mất bốn tiếng đồng hồ, chiếc xuồng vừa về đến nơi, “Aljaska” rời bến ngay.

Êrik giờ đã không còn hy vọng gì nữa. Chàng không dấu diếm điều đó.

Tuyđor Braun, có lợi thế về thời gian, đã đến đảo Ljakhôv lớn trước và, không còn nghi ngờ gì nữa, đã đưa Patric Ô Đônôgan đi rồi. Thế là từ nay, vị tất có khi nào tìm được hãn nữa! Kẻ đã có gan làm mọi chuyện để chống lại “Aljaska”, điên cuồng tìm mọi cách đưa tên Ailen đi khỏi một nơi như thế này, tất nhiên cũng tính chuyện xóa hết dấu vết của hãn. Thế giới mệnh mông quá, va hết thủy biến khơi bao la lại mở ra trước mặt “Albatros”! Làm sao biết được hãn đã đưa Ô Đônôgan và điều bí mật của chàng đi về hướng nào.

Đó là điều mà thuyền trưởng tàu “Aljaska” vừa đi đi lại lại trên tầng lại vừa suy nghĩ sau khi ra lệnh cho tàu nhắm hướng tây, tới mũi Chêljuskin. Và thêm vào những suy tư buồn bã ấy là sự cắn rứt lương tâm nữa. Làm sao chàng lại có thể để cho những người bạn của mình phải chia sẻ với mình tất cả những nỗi nguy hiểm và khó khăn trên cuộc hành trình vô ích gấp đôi này? Vì Tuyđor Braun chẳng những đã tìm được Nordensheld trước “Aljaska”, mà lại còn đến quần đảo Ljakhôv trước nó nữa! Và họ sẽ trở về Xtôckhôm nữa kia chứ! Nhưng không hoàn thành được một nhiệm vụ nào đặt ra cho đoàn thám hiểm cả? Thật tình mà nói thì như thế có phải vận đen lớn quá không?... Thôi đành để cho việc an toàn trở về Xtôckhôm của “Aljaska” đóng vai trò khẳng định thêm giá trị của hành trình tàu “Veag” vậy! Đành làm thêm một cuộc thực nghiệm để khẳng định khả năng có thể sử dụng con đường đông bắc vậy! Bằng giá nào cũng cần phải đến được mũi Chêljuskin và đi vòng quanh đó từ phía đông sang phía tây! Bằng giá nào cũng phải trở về Thụy Điển qua biển Karsk!

Và thế là cái mũi Chêljuskin nguy hiểm mà mới đây đã coi là không thể vượt qua được, bây giờ đây “Aljaska” lại phải mở hết tốc lực để chạy đến đấy. Đường đi của nó không hoàn toàn lặp lại đúng y như hành trình của

“Vêga” xuất phát từ cửa sông Lêna là nơi nó đã đến trước khi đến quần đảo Ljakhôv. Êrik thấy không cần thiết phải tiếp cận bờ biển Xibir. Sau khi bỏ qua ở mạn tàu bên phải các đảo Slôlbôvô và Sêmênôvski được ghi trong nhật ký của tàu ngày 4 tháng Tám. “Aljaska” đã thẳng về phía tây, gần như bám sát theo vĩ tuyến 76, và hành trình trên biển của nó đã diễn ra tốt đẹp, nên sau tám ngày nó sẽ vượt qua khoảng cách ba mươi lăm độ, tư kinh độ đông 1400 tới 1500 so với kinh tuyến gốc. Tất nhiên, như vậy phải tốn không ít nhiên liệu, bởi vì “Aljaska” hầu như luôn luôn phải đi ngược gió. Nhưng Êrik đã có lý khi cho rằng chàng phải đánh bài liều để làm sao thoát ra khỏi những nơi nguy hiểm này càng sớm càng tốt. Chỉ cốt đến được cửa sông Enixây, còn ở đó thì dự trữ than dễ dàng hơn.

Ngày 14 tháng Tám, giữa trưa, cả bầu trời và chân trời đều bị sương mù bao phủ dày đặc, khiến không sao có thể tiến hành những quan sát theo mặt trời được. Nhưng dẫu sao cũng xác định được rằng “Aljaska” đã tiến gần đến mũi lớn thuộc châu Á! Êrik ra lệnh thi hành mọi biện pháp phòng ngừa và giảm bớt tốc độ, còn đến tối thì ra lệnh đi chậm hẳn lại.

Việc thận trọng như vậy là cần thiết. Sang ngày hôm sau, dây dò nước cho biết độ sâu của biển chỉ có ba mươi “fút”. Một giờ sau đã nhận ra đất liền, “Aljaska” vừa đi vừa lựa chiều cho đến khi tới vịnh và thả neo ở đó.

Êrik quyết định không lên bờ trước khi sương mù tan. Nhưng đã qua hai ngày 15 và 16 tháng Tám, mà sương mù vẫn chưa chịu biến đi. Đến lúc ấy chàng đành phải quyết định cùng Brêđêzhor, Maljarius và bác sĩ lên bờ.

Sau khi quan sát lướt qua họ tin chắc rằng vịnh biển nơi “Aljaska” thả neo, nằm trên điểm cực Bắc của mũi Chêljuskin, giữa hai bãi cát. Bờ biển ở cả hai bên vịnh đều thoải và nhô dần lên về hướng nam, tạo thành một dải đồi cao và nhập vào với dải núi cao ba trăm - bốn trăm mét thỉnh thoảng vẫn có thể nhận ra qua các luồng ánh sáng trong màn sương mù. Ở đây cũng như ở các nơi khác của Bắc cực, không thấy đâu có tuyết và băng cả, trừ ở vùng duyên hải. Đất pha sét được phủ lớp sương mù dày đặc - rêu, địa y. Bờ biển hoang nhận nhạo những đàn ngỗng và vịt trời, lại thêm hàng chục chú hải mã từ dưới nước ngoi lên. Trên một mô đá có chú gấu trắng nằm phủ phục. Giá như không bị sương mù bao quanh thành một hàng dày đặc thì quang cảnh chung của mũi Chêljuskin nổi tiếng này, hay như người ta còn gọi bằng cái tên khác là “Miền Bắc” cũng chẳng đến nổi gì đặc biệt lắm, mặc dù đã hàng trăm năm nay nó vẫn bị mang tiếng buồn bã.

Khi đi về hướng đông của vịnh, các nhà du hành đã nhận thấy trên đỉnh một quả đồi có cái gì đó giống như một bia kỷ niệm và, tất nhiên họ đã vội vã tới đó xem. Hóa ra đó là một Carin (tiếng Anh - *ụ đá hình tháp được dựng để kỷ niệm trên các núi hoặc trên các mộ bia*) - đồng đá xếp quanh một thân cột gỗ dày.

Trên bia có hai hàng chữ đề. Hàng chữ thứ nhất viết:

“Ngày 19 tháng 8 năm 1878, tàu “Vêga” đi từ Đại Tây Dương đã vòng qua mũi Cheljuskin trên đường tới eo biển Bêrinh.”

Và hàng chữ thứ hai ghi.

“Ngày 12 tháng tám năm 1879, tàu “Albatros” xuất phát từ eo biển Bêrinh đã đi vòng quanh mũi Chêjuskin trên đường tới Đại Tây Dương.”

Lại một lần nữa Tuyđor Braun đã vượt lên trước “Aljaska”! Hôm nay là ngày 16 tháng Tám rồi. Nghĩa là hắn viết dòng chữ này mới bốn ngày nay thôi!

Êrik cho rằng dòng chữ ấy có ý độc ác và mỉa mai, tựa hồ như nó muốn nói: “Mi sẽ thua cuộc đến cùng thôi! Mọi cố gắng của mi đều vô ích!...”

Nordensheld đã khám phá, còn Tuyđor Braun thì khẳng định. Mi chỉ còn việc trở về nhà như một kẻ nhục nhã và xấu hổ, chẳng khám phá được gì, chẳng tìm thấy gì, và chẳng học được gì!”

Chàng đã định bỏ đi, không thèm ghi vào những dòng đã được khắc trên cột gỗ, nhưng bác sĩ Svariênkrôna có ý muốn trả đũa. Ông rút trong túi ra một con dao và khắc những chữ sau đây:

“Ngày 16 tháng 8 năm 1879, “Aljaska” đi từ Xtôckhôm qua Đại Tây Dương, vịnh Bafinôf, các eo biển Mỹ ở vùng Bắc cực, các vùng biển Xibir, đã vòng qua mũi Chêljuskin, lần đầu tiên trên thế giới hoàn thành hải trình vòng quanh trái đất trên vùng biển Bắc cực.”

Ôi, sức mạnh diệu kỳ của ngôn từ! Cái câu đơn giản ấy nhắc Êrik biết rằng: chàng hầu như đã hoàn thành một chiến công địa lý mà thậm chí đã không nghĩ đến. Nội điều đó thôi cũng đã làm cho chàng phấn chấn trở lại. Mà đúng như thế thật! Trái với tất cả, “Aljaska” đang kết thúc hải trình lần đầu tiên trên thế giới đi vòng quanh trái đất qua Bắc cực, những người trước Êrik đã vượt qua các eo biển bắc Mỹ, tìm ra con đường Tây Bắc. Nordensheld và Tuyđor Braun đã vòng qua mũi Cheljuskin và đi theo con đường đông-bắc! Nhưng trước Êrik chưa có ai chạy vòng quanh cực đúng 3600 trên các biển Bắc cực để đi từ con đường này tới con đường kia cả! Đúng ra là “Aljaska” chỉ còn phải vượt thêm 800 nữa để khép kín vòng tròn ấy thôi. Để qua một đoạn đường cuối cùng này cùng lắm chỉ mất mười ngày.

Viễn cảnh ấy đã khích lệ bốn người bạn đến nỗi bây giờ họ chỉ còn nghĩ đến việc rời khỏi đây ngay. Tuy nhiên, Êrik muốn đợi đến ngày mai, hy vọng đến lúc ấy sương mù sẽ tan. Nhưng sương mù hình như là bệnh kinh niên của mũi Chêljuskin, vì thế, sáng hôm sau, thấy chẳng hy vọng có mặt trời lên, “Aljaska” đã được lệnh nhổ neo.

Sau khi bỏ lại vịnh Taimursk ở phía nam, “Aljaska” đã đi về phía Tây và chạy suốt ngày suốt đêm không nghỉ. Cuối cùng, sáng 18, nó ra khỏi vùng sương mù và đến vùng nắng có mây quang. Lúc giữa trưa tàu được lệnh đỗ

lại. Nhưng đúng lúc ấy thủy thủ trực gác báo cáo: ở phía tây nam có cánh buồm xuất hiện.

Sự xuất hiện của một cánh buồm ở vùng biển heo hút này là sự kiện khác thường, không thể không thu hút sự chú ý đặc biệt của mọi người. Êrik lập tức leo lên "tổ quạ" và dùng ống nhòm bắt đầu quan sát chiếc tàu vừa được phát hiện. Chiếc tàu có phần chìm khá sâu, dây nhợ như của thuyền buồm, có ống khói, nhưng hiện không thấy có khói lên, bởi vì tàu không chạy bằng hơi nước.

Chàng thuyền trưởng trẻ tái nhợt đi vì hồi hộp, tụt vội xuống boong.

- Hình như đó là "Albatros" thì phải - Chàng nói với bác sĩ.

Đoạn Êrik ra lệnh cho đốt lò ngay lập tức.

Mười lăm phút sau đã bắt đầu thấy rõ "Aljaska" sẽ đuổi kịp chiếc tàu kia vì thân của nó mất thường cũng đã nhìn thấy được. Nó chạy bằng buồm trong khi gió rất yếu và làm thành một góc nhọn so với hướng của "Aljaska".

Nhưng bỗng nó thay đổi tốc độ, khói đặc từ ống khói đã cuộn cuộn bốc lên để lại phía sau một vệt đen dài. Bây giờ nó chạy hết tốc lực về cùng một hướng với "Aljaska".

- Không còn nghi ngờ gì nữa! Đó là "Albatros"! - Êrik lầm bầm.

Và chàng ra lệnh cho thợ máy chính tăng thêm hơi, "Aljaska" đã chạy với tốc độ mười bốn hải lý. Một phần tư giờ sau, nó lên mười sáu hải lý giờ.

Chắc chắn là chiếc tàu đang bị truy đuổi không thể tăng được tốc độ như vậy, vì "Aljaska" đã bắt đầu đuổi kịp nó. Sau nửa giờ, "Aljaska" đã tiến gần "Albatros" đến mức đã có thể phân biệt được vị trí các cột buồm, đuôi nước rẽ sau tàu, người đi lại tấp bật trên boong, và kể đến là hoa văn trang trí trên đuôi tàu, thậm chí có những chữ tạo nên từ "Albatros" nữa.

Êrik ra lệnh kéo cờ Thụy Điển lên. Lập tức bên "Albatros" cũng treo ngay lá cờ sao của liên bang Mỹ.

Mấy phút sau, khoảng cách hai tàu đã rút xuống còn ba trăm - bốn trăm mét, khi ấy, thuyền trưởng tàu "Aljaska" bước lên cầu chỉ huy và kêu vào loa bằng tiếng Anh:

- Nghe đây, "Albatros", tôi muốn nói chuyện với thuyền trưởng!

Có ai đó bước lên cầu thuyền trưởng tàu "Albalros". Đó là Tuyđor Braun.

- Tôi là chủ và thuyền trưởng của chiếc tàu buồm này - hấn nói - ông cần gì ở tôi?

- Tôi muốn biết Patric Ô Đônôgan có ở trên tàu của ông không?

- Patric Ô Đônôgan trên tàu của tôi và bây giờ sẽ nói chuyện với ông -

Tuyđor Braum trả lời.

Theo hiệu của hắn, một người nào đó đã đứng bên cạnh hắn trên cầu.

- Patric Ô Đônôgan đây - tên chủ tàu "Albatros" nói tiếp - ông cần gì ở anh ta?

Êrik bấy lâu nay những chỉ ước mong có cuộc gặp gỡ này và đã phải đi xa đến như thế để tìm kiếm nó. Thế mà bây giờ, khi đứng trước cái con người tóc màu hung, mũi tẹt, đang nhìn chàng với ánh mắt nghi hoặc này, chàng lại cảm thấy mình lúng túng, thậm chí lúc đầu không biết hỏi hắn điều gì nữa.

Cuối cùng, chàng đã tập trung tư tưởng và bắt mình phải lên tiếng:

- Tôi muốn nói chuyện riêng với ông ta một cách cặn kẽ. Tôi tìm ông từ suốt nhiều năm nay và đã bơi đến vùng biển này đây để tìm ông. Ông có thể sang bên tàu tôi được không ?

- Tôi đâu biết ông và cũng không muốn biết nữa! Tôi ở bên này tốt lắm rồi - Ô Đônôgan đáp.

- Còn tôi thì lại biết ông đấy! Tôi được ngài Boul ở Niu-York cho biết ông đã có mặt trên tàu "Cintia" khi nó bị nạn và đã kể với ngài ấy về đứa bé bị buộc vào cái phao cứu hộ. Chính tôi là đứa bé ấy đây và tôi muốn được biết hết mọi chi tiết mà ông đã biết.

- Ai đó đã kể cho ông những điều ấy thì kệ họ. Tôi không muốn nói gì với ông hết!

- Chẳng lẽ ông không cho đây là một việc của lương tâm ông hay sao?

- Ông muốn nghĩ thế nào tùy ông, còn tôi thì tôi nhô toẹt vào cái ấy. - Tên thủy thủ trả lời

Êrik quyết định không để lộ nỗi lo âu của mình.

- Tốt hơn hết là ông hãy tự nguyện kể lại những điều tôi muốn biết, đừng để phải đưa chuyện ấy ra tòa.

- Ra tòa ư? Thì ông hãy cứ thử đưa tôi ra tòa trước đi đã nào!

Patric Ô Đônôgan mỉm cười đáp.

Đến đây, Tuyđor Braun xen vào.

- Ông thấy đó. Đâu phải lỗi tại tôi mà ông không thể thu nhập được những điều ông quan tâm. Như vậy, tốt hơn chẳng ta chấm dứt cuộc nói chuyện thú vị này và đường ai nấy đi?

- Tại sao đường ai nấy đi? Tạm thời ta hãy cùng đi với nhau đến những nơi vắng mình để giải quyết những công việc chung của chúng ta đã. Như vậy có phải hay hơn không? - Thuyền trưởng "Aljaska" đáp.

- Tôi với ông không có những công việc chung nào hết, còn bạn đồng hành thì tôi không cần - Tuyđor Braun phản đối, định rời khỏi cầu.

Êrik ra hiệu ngăn hắn lại.

- Hãy nghe đây, ông chủ tàu "Albatros"! - Chàng kêu to lên - Tôi được chính phủ nước tôi cho quyền và nhân danh sĩ quan cảnh sát hàng hải, tôi yêu cầu

ông xuất trình ngay giấy tờ tùy thân của ông!

Tuyđor Braun thậm chí chẳng thèm đáp lại: hấn rời khỏi cầu đi xuống cùng Patric Ô Đônôgan.

Sau khi đợi một phút Êrik lại kêu to:

- Chủ tàu "Albatros", tôi tố cáo ông đã âm mưu đánh đắm tàu của tôi ở Bas-Fruad, trên bãi bồi Sen, và tôi sẽ buộc ông phải trả lời về tội ác này trước toà án hàng hải! Nếu ông không tuân theo yêu cầu của tôi, tôi sẽ phải dùng sức mạnh!

- Ông cứ thử đi. nếu ông thấy có lợi! - Tuyđor Braun kêu lên, và tức khắc ra lệnh tiếp tục lên đường.

Trong thời gian thương thuyết ấy, tàu của hấn đã chuyển hướng lúc nào không biết và bây giờ đường chạy của nó so với mũi tàu "Aljaska" làm thành một góc vuông. Bất thình lình chân vịt của "Albatros" bắt đầu làm việc, khoả tung bọt nước. Một hồi còi lanh lảnh vang lên xé tan bầu không khí, và con tàu lao đi hết tốc lực về phía cực Bắc.

Hai phút sau, "Aljaska" phóng đuổi theo nó.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười tám

NHỮNG PHÁT SÚNG ĐẠI BÁC

Trong lúc tiếp tục cuộc truy đuổi "Albatros", Êrik đã ra lệnh chuẩn bị khẩu đại bác đặt trên mũi "Aljaska" sẵn sàng chiến đấu. Việc này choán mất không ít thời gian. Khi các thủy thủ gỡ tấm áo phủ bằng vải tằm nhựa ra khỏi khẩu súng, nạp đạn và nhắm mục tiêu thì kẻ địch đã ra ngoài tầm súng. Tất nhiên, nó không quên lợi dụng sự trắc trở của đối phương để tăng tốc độ giới hạn và bứt khỏi tàu đang truy đuổi nó ba - bốn hải lý. Quả thật, khoảng cách ấy đối với súng đại bác không phải là không khắc phục nổi, nhưng sự tròng trành, tốc độ chạy nhanh của cả hai tàu và sự hạn hẹp của mục tiêu di động đã làm cho viên đại bác không trúng đích, mà rơi xuống nước. Tốt hơn là đợi đã, nhất là bây giờ đây khoảng cách giữa cả hai tàu tuy chưa rút ngắn lại nhưng không tăng lên nữa. Kinh nghiệm cho thấy khi cả hai tàu cùng chạy hết tốc lực thì tốc độ chạy sẽ như nhau. Cự ly của chúng sẽ không thay đổi trong suốt nhiều giờ.

Nhưng, muốn vậy thì phải chịu hao phí nhiều than, mà số lượng than dự trữ

trên tàu "Aljaska" đã bị tiêu hao rất nhanh. Cũng cần phải đề phòng: hao phí than quá mức như vậy sẽ không có lợi nếu không đuổi kịp "Albatros" trước khi đêm xuống. Êrik không cho phép mình được mạo hiểm quả như thế nếu không trao đổi trước với cả đoàn. Chàng cho kêu mọi người lên boong và thẳng thắn thông báo hết tình hình sự việc.

- Thừa các bạn của tôi - chàng nói - các bạn biết tình huống đặt ra rồi đó: hoặc là chúng ta sẽ bắt được và giao cho toà án hàng hải tên dê tiện đã âm mưu giết hại chúng ta ở Bas-Fruad, hoặc là chúng ta sẽ hấn trốn mất. Than của chúng ta đủ cho nhiều nhất là sáu ngày đêm. Bất kỳ một đoạn đường đi chệch hướng nào cũng đều bắt chúng ta sau đó phải chạy bằng buồm mà như vậy thì có thể cản trở việc hoàn thành thắng lợi cuộc hành trình. Mặt khác, "Albatros" chỉ đợi đêm xuống là đánh lạc hướng chúng ta. Bởi vậy chúng ta phải luôn luôn bám sát nó qua ánh sáng đèn pha, không được chậm trễ một phút nào. Tuy nhiên, tôi tin chắc rằng chẳng bao lâu nữa sẽ phải chấm dứt cuộc truy đuổi thôi, bởi vì ngày mai hoặc ngày một chúng ta sẽ đến vĩ tuyến 78-79, là vùng có băng vĩnh cửu sẽ chặn mọi con đường đi đến cực. Nhưng tôi không muốn tiếp tục cuộc truy đuổi nếu không được sự đồng ý của các bạn và không thông báo cho các bạn biết tất cả những khó khăn mà chúng ta có thể sẽ gặp phải.

Các thủy thủ hội ý nhỏ với nhau và giao cho bác Hecsbom phát biểu thay mặt cho cả đoàn.

- Chúng tôi cho rằng, trách nhiệm của "Aljaska" là phải hy sinh tất cả để tóm được tên dê hèn ấy - Ông già bình tĩnh nói.

- Thế thì tuyệt! Chúng ta sẽ làm tất cả để đạt bằng được điều ấy - Êrik đáp. Sau khi đã nhận rõ là các thủy thủ đều đứng về phía mình, Êrik không tiếc nhiên liệu, và không để cho Tuyđơ Braun có thể bứt xa khỏi "Aljaska", mặc dù những cố gắng tuyệt vọng của hắn. Mặt trời vừa lặn, trên đỉnh cột buồm "Aljaska" ánh đèn pha đỏ rực sáng rọi thẳng vào "Albatros" để đến lúc rạng đông không cho nó biến khỏi tầm mắt dõi theo. Suốt đêm, cự ly giữa hai tàu không thu ngắn lại. Sáng ra, cả hai vẫn lao nhanh về vùng cực như cũ. Đến trưa, tọa độ của "Aljaska" đã được xác định theo mặt trời là: 78° 21' 14" vĩ Bắc và 98° 0' kinh Đông.

Những tảng băng trôi mà suốt hai tuần lễ vừa qua không hề gặp thì bây giờ thấy mỗi lúc một thường xuyên hơn. Không ít trường hợp đã phải dùng búa để đập phá băng như đã có lần làm ở vịnh Barfiôv. Êrik tin chắc rằng chẳng bao lâu nữa sẽ xảy ra hiện tượng băng ùn lại, nên chàng cho "Aljaska" quay chệch về phía trên phải "Albatros" một chút để cản đường nó về hướng Đông, nếu nó định đổi hướng, khi đường lên phía Bắc bị nghẽn.

Sự phòng xa ấy đã tỏ ra hoàn toàn đúng, bởi vì đến hai giờ chiều, nơi chân trời đã thấy xuất hiện một lớp băng cản đường khá dài. Chiếc tàu Mỹ quay ngay về hướng Tây, bỏ lại phía mạn tàu bên phải những đám băng chồng chất, kéo dài bốn năm hải lý. "Aljaska" liền chỉnh hướng theo, nhưng lần này chệch sang bên trái "Albalros" để cắt đường nó có thể tháo lui về hướng Nam.

Cuộc truy đuổi mỗi lúc một trở nên căng thẳng hơn. Dựa theo hướng đi bắt buộc của "Albatros", "Aljaska" định đuổi kịp nó ở phía sườn, vì vậy đã ép nó mỗi lúc một sát hơn vào mép bãi băng. Chiếc tàu Mỹ sau khi bị mất hướng đi cũ, chốc chốc lại bị vướng băng trôi, nên đã buộc phải thường xuyên chạy nương theo gió, lúc phóng thẳng về phía Bắc, lúc lại cua gấp về phía Tây.

Từ trên "tổ quạ", Êrik đang tập trung theo dõi sự di động của kẻ địch, sẵn sàng đối phó với mọi cách đi của nó, thì bỗng "Albatros" dừng lại đột ngột và quay mũi về phía "Aljaska". Vùng băng trắng kéo dài về phía Tây đã giải thích lý do của sự chỉnh hướng này: "Albalros" bị sa vào một cái vịnh thực sự được hình thành giữa ngay các đường khúc khuỷu của bãi băng, và như một con thú dữ bị dồn đến đường cùng, nó quay mặt lại phía địch thủ.

Chàng thủy thủ trẻ của "Aljaska" chưa kịp tụt xuống boong thì một viên đại bác đã vút qua đầu anh với tiếng rít hung dữ.

Thế nghĩa là "Albatros" cũng được trang bị súng và quyết định tự vệ.

- Nếu hắn đã nổ súng trước thì như thế càng hay! - Êrik nói thăm và ra lệnh phát hỏa.

Nhưng phát đạn đại bác của chàng cũng không may mắn hơn phát đạn của Tuyđor Braun. Đạn rơi cách đích hai trăm mét.

Cuộc chiến đấu trở nên quyết liệt, súng bắn mỗi lúc một trúng đích hơn. Đạn đại bác Mỹ cưa đứt trục buồm lớn của "Aljaska", nổ tung trên boong giết chết hai người, trong khi đó đại bác Thụy Điển rơi trúng ngay vào mũi tàu "Albatros" và có lẽ đã gây thiệt hại lớn. Những phát đạn bắn liên tục từ phía bên này và bên kia đã làm hỏng nặng phần mũi và trang bị dây buồm của hai tàu.

Dần dần hai tàu đã xích lại gần nhau và mỗi khi bắn trả đại bác vào nhau lại phải quay đi thật nhanh. Nhưng kìa, có tiếng ầm ầm nào đó từ xa vọng lại đã bắt đầu át tiếng gầm của đại bác. Mọi người ngẩng đầu lên, thấy bầu trời ở hướng Tây trở nên đen kịt.

Chẳng lẽ cuồng phong, sương mù hay bão tuyết sẽ giúp Tuyđor Braun chạy trốn chăng? Tất cả đều có thể, nhưng Êrik không thể để như thế được! Và chàng đã quyết định xông thẳng vào chiếc tàu Mỹ. Sau khi chuẩn bị cho mọi người kiếm, rìu và dao găm, Êrik cho tàu chạy với tốc độ tối đa, đâm thẳng vào "Albatros".

Nhưng Tuyđor Braun không chịu để bị tấn công. Hắn kịp thời cho tàu lui lại và chạy dọc theo bờ băng, cứ năm phút lại nã một phát đạn đại bác sang "Aljaska". Song phạm vi của hắn bây giờ đã bị thu hẹp. Bị kẹp trong gọng kìm giữa một bên là bãi băng và một bên là "Aljaska", hắn quyết định thực hiện một hành động tuyệt vọng để thoát ra biển khơi. Để đạt được ý đồ ấy hắn đã làm một vài động tác giả, hy vọng che mắt đối phương.

Êrik không cản đường hắn. Nhưng đúng lúc "Albatros" đang chạy hết tốc lực và vào đúng tầm, "Aljaska" đã bổ búa thép vào nó.

Cú bổ ấy như trời giáng. Thân chiếc tàu buồm hoác ra vết thương to tướng. Sau giây lát uể oải, "Albatros" nằm bất động, hầu như mất hết mọi khả năng cơ động. Trong khi ấy, "Aljaska" vội lui trở lại và chuẩn bị một cuộc tấn công mới. Không nên chậm trễ nữa, bởi vì biển đã bắt đầu đe dọa mỗi lúc một nguy hiểm hơn.

Bão đã bắt đầu. Trận gió giạt cuốn theo tuyết từ hướng Đông Nam ập đến. Gió chẳng những tạo nên những con sóng quái đản, mà còn xua những tảng băng vào trong vịnh, nơi cả hai chiếc tàu như bị kẹt vào trong miệng phễu. Những tảng băng trôi tưởng chừng như từ khắp nơi trên trái đất đổ dồn về đây, Êrik hiểu rằng bây giờ không thể để phí một phút nào hết, mà phải tìm mọi cách thoát khỏi các cạm bẫy này, nếu không "Aljaska" có thể bị kẹt trong đó và sẽ bị kẹt mãi. Sau khi cho tàu quay về hướng Đông, bây giờ chàng chỉ còn nghĩ cách đối phó với gió, tuyết và "đạo quân" băng đang ầm ầm kéo đến.

Nhưng, chẳng bao lâu chàng đã biết chắc rằng không thể nào thoát ra biển khơi được nữa. Bão đã điên cuồng nổi lên với mức độ hung dữ, đến cả máy móc của "Aljaska" lẫn búa thép của nó cũng đều không sao chống cự nổi. Con tàu chuyển dịch hết sức khó khăn, có lúc buộc phải lui lại nhiều mét. Các cột buồm bật lên tiếng rên thảm hại dưới sức ép của gió. Tuyết dày đặc che tối bầu trời và làm lóa mắt mọi người đã phủ một lớp dày lên boong và dây buồm. Băng ùn lại mỗi lúc một nhiều trong cái vịnh hẹp, mỗi khi cơn gió giạt ào tới, lại tạo thành những vật cản mới không thể nào vượt qua. "Aljaska" buộc phải tránh vào bờ bãi băng và gần như cố tìm lấy một cái vũng nào đó để trú đợi bão tan.

Trong khi ấy, chiếc tàu buồm Mỹ bị mất hút trong bão tuyết, tình trạng thảm thương của nó sau khi bị ăn búa của "Aljaska" khiến mọi người tin rằng nó chẳng thể nào chống chọi nổi với bão. Càng khó dự đoán rằng nó đã kịp thoát ra ngoài khơi.

Và lại, tình hình trở nên hết sức nguy kịch bắt buộc Êrik bây giờ không phải quan tâm đến việc truy lùng kẻ địch nữa, mà phải lo cứu "Aljaska". Mỗi nguy hiểm mỗi lúc một tăng thêm.

Không có gì đáng sợ hơn những trận bão Bắc cực này, khi những sức mạnh

thiên tai hình như chỉ cốt thức tỉnh lại để cho các nhà hàng hải cảm thấy được rằng thời kỳ băng hà xưa kia khủng khiếp như thế nào. Trời tối như bung, mặc dù đồng hồ mới chỉ năm giờ chiều. Vì máy hơi nước đã ngưng chạy nên chẳng nghĩ đến việc bật đèn pha làm gì. Hòa với tiếng bão hú ù ù, với tiếng sấm rền vang, với tiếng băng trôi va đập vào nhau chan chát là tiếng băng vỡ rầm rầm vang lên từ phía từ lúc chập tối. Mỗi khi hình thành một vết nứt mới thì tiếng bão hú lại bị tiếng băng nổ rầm rầm, chẳng khác gì tiếng đại bác gầm lên, át hẳn đi. Tần số của những tiếng nổ ấy đã chứng tỏ rằng vô số kẽ nứt đã được tạo nên.

Chẳng mấy chốc đến lượt chính "Aljaska" lại bị hứng đòn. Vùng biển nơi nó trú bão, chẳng lớn gì cũng đầy ắp băng trôi y như tất cả các eo khác. Phía trước mũi tàu mọc lên bức tường băng đường như được tuyết rơi xuống liên tục gắn kết lại thành dày đặc. "Aljaska" đã sa vào cảnh bị giam hãm. Tiếng thân tàu kêu cọt két hòa lẫn với tiếng băng vỡ ầm ầm ép vào nó từ khắp phía. Tưởng chừng sườn tàu sắp bị bẹp dúm tới nơi, như một cái vỏ trứng vậy. Và, điều ấy chắc chắn đã có thể xảy ra, nếu như người ta không gia cố trước cho nó để đề phòng trường hợp bị sức ép kinh khủng như thế này.

Êrik đã quyết định chiến đấu chứ không chịu bó tay đầu hàng. Chàng tập trung tất cả mọi người để xây dựng quanh tàu một hàng rào bằng những súc gỗ nặng đóng thẳng xuống nhằm tùy theo khả năng mà có thể giảm nhẹ bớt lực ép của băng và phân tán đều nó trên một bề mặt rộng hơn. Nhưng những cọc chống này, thực chất là những trụ bảo vệ thân tàu, chẳng mấy chốc đã gây nên một hiểm họa khác không lường trước, có thể gây ra chết người.

Con tàu đáng lý bị đè bẹp thì bây giờ, mỗi khi bãi băng bị chấn động dù nhỏ mấy nó cũng bị tung lên khỏi mặt nước, rồi giáng xuống băng như búa hổ. Cứ mỗi lần bị đập kinh khủng như vậy lại thấy con tàu như sắp có thể vỡ toác, bị dò, chìm đến nơi. Để chống lại hiểm họa này chỉ có một cách, nếu được thì gia cố, liên tục gia cố hàng rào che chắn bằng băng và tuyết, tốt xấu thế nào chưa rõ, nhưng dầu sao thì nó cũng bảo vệ cho thân tàu, gắn với tàu thành một khối gần như thống nhất.

Tất cả mọi người đều làm việc hết sức hăng hái. Thật đúng là một cảnh cảm động! Một dúm người "chim chích" với sự giúp sức của những chiếc mố neo, cọc gỗ và dây cáp định chống chọi với thiên tai bão táp hoành hành!

Con người đã kịp thời bịt kín các lỗ thủng, đã lèn tuyết vào những khoảng trống giữa mạn tàu và bức tường che chắn bằng băng... Sau bốn hoặc năm giờ lao động vượt quá sức người, tất cả đều đã kiệt sức, nhưng hiểm họa vẫn không giảm đi chút nào, bởi vì bão vẫn hoành hành dữ dội hơn.

Sau khi trao đổi với các sĩ quan, Êrik đã ra lệnh cho dỡ lương thực và đạn dược, dụng cụ xuống bãi băng, đề phòng trường hợp "Aljaska" không chịu nổi những cú đập khủng khiếp ấy. Tuy nhiên ngay từ lúc bão bắt đầu, mỗi

thành viên của đoàn đều đã được phát tài liệu hướng dẫn cần phải làm gì nếu xảy ra tai nạn, và được cấp tận tay khẩu phần ăn cho một tuần. Ngoài ra, mọi người đã được lệnh đeo vũ khí ngang vai mà ngay lúc làm việc cũng không định bỏ ra.

Dỡ xuống băng hai mươi thùng phuy lớn đầu phải dễ dàng gì, nhưng cuối cùng họ cũng đã làm được! Các thứ lương thực, dụng cụ đã được xếp cách tàu 200 mét, che bằng vải bạt trắng nhựa. Chẳng mấy chốc tám vải dày cũng đã được phủ lên một lớp thảm tuyết xốp.

Các biện pháp đề phòng do Êrik đưa ra đã làm cho mọi người yên tâm phần nào. Nếu xảy ra tai nạn đắm tàu thì họ cũng không bị đe dọa chết ngay. Các thủy thủ ngồi vào bàn, bồi dưỡng sức khỏe bằng một bữa ăn thêm buổi tối và uống trà với rượu rum.

Đang lúc ăn tối thì một cú chấn động bất ngờ còn mạnh hơn tất cả những lần trước đã làm rung chuyển các bãi băng đến mức lớp băng và tuyết mà "Aljaska" đang nằm trên đó đã bị vỡ ra vì sức ép quá tải ấy. Bị ép ở phía đuôi, con tàu vồng lên kêu răng rắc, rồi đập mũi chúi sâu dưới nước, tưởng như chìm luôn xuống đáy biển. Mọi người bắt đầu hốt hoảng lao lên boong. Có mấy người cho rằng tạm thời thì cách thoát thân ở trên băng còn chưa muộn, nên đã nhảy ra khỏi mạn tàu mà không đợi có lệnh của thuyền trưởng. Bốn hay năm người trong số những người không may ấy đã được cứu thoát bởi vì họ ngã xuống tuyết, còn hai người khác thì lại mắc vào khe giữa vỉa băng và lớp ván bọc mạn tàu bên phải đúng lúc con tàu rít lên ken két và nằm thẳng ra trở lại trạng thái cân bằng.

Những tiếng la hét tuyệt vọng và tiếng xương người gãy kêu răng rắc đều bị át đi bởi tiếng hú âm âm của bão tố...

Im lặng đã trở lại, con tàu nằm bất động.

Bài học bi thảm như thế đó, Êrik một lần nữa đề nghị với toàn đoàn giữ bình tĩnh và trong mọi trường hợp chỉ hành động theo lệnh của những người chỉ huy.

- Các bạn hiểu cho - chàng nói với những người cùng đi của mình - Nhảy xuống, đó là một biện pháp đặc biệt, chỉ khi nào thật cần thiết mới buộc chúng ta phải áp dụng đến nó. Mọi nỗ lực của chúng ta đều phải hướng vào việc cứu "Aljaka"! Nếu chúng ta để mất nó thì tình hình của chúng ta sẽ còn tệ hơn nữa kia! Chúng ta sẽ chỉ rời tàu trong trường hợp nó hoàn toàn không thể dùng được nữa. Nhưng ngay cả khi rủi ro như vậy thì việc rời tàu cũng được tiến hành một cách bình tĩnh: nếu không sẽ không tránh khỏi bị tai nạn! Tôi khuyên các bạn hãy trở lại buổi ăn tối dở dang, các sĩ quan hãy quan tâm đến các hoạt động tiếp theo.

Thái độ kiên quyết thể hiện qua những lời lẽ ấy đã làm yên lòng ngay cả những người nhút nhát nhất và các thủy thủ đã đi xuống phòng của đội tàu.

Sau đó, Êrik mời bác Hecsêbom đến, yêu cầu bác cởi xích con chó Klass trung thành ra và lạng lẽ đi theo nó.

- Chúng ta đi xuống bãi băng - chàng khê giải thích - đi tìm những người chạy trốn đưa về tàu, và kêu gọi họ có ý thức trách nhiệm. Như thế sẽ tốt hơn là bỏ mặc họ.

Những thủy thủ tội nghiệp lấy làm xấu hổ về sự non gan của mình. Họ vẫn còn ở trên rìa bãi băng. Nghe thuyền trưởng yêu cầu họ liền trở lại "Aljaska".

Sau khi biết chắc chắn những người chạy trốn đã có mặt trên tàu, Êrik và bác Hecsêbom đi đến kho thực phẩm, vì đoán có thể còn thủy thủ nào đó trốn ở đây chăng. Họ đi vòng quanh kho, nhưng không gặp ai nữa.

- Thừa bố, bố thấy sao, để tránh một sự hoảng hốt mới, đã đến lúc cần chuyển một bộ phận trong đoàn lên bãi băng chăng? - Êrik hỏi.

- Có lẽ là - bác ngư dân trả lời - nếu những người ở lại trên tàu sẽ không ganh tỵ với những người được chuyển lên bãi băng, thì như vậy mới được. Không thì biện pháp phòng ngừa ấy sẽ càng gây cho thủy thủ lo lắng hơn.

- Vâng. đúng như thế! - Êrik nói tiếp - Hợp lý nhất là liên kết đến phút cuối cùng những nỗ lực của họ để chống chọi với bão táp. Hơn nữa, con thấy chỉ có cách duy nhất ấy mới cứu được tàu. Nhưng tiện thể đã lên bãi băng, ta đi xem tình hình nó thế nào. Thú thật là tiếng băng vỡ, nổ rầm rầm khiến con nghĩ nó không được chắc chắn lắm đâu.

Êrik và người bố nuôi của chàng rời khỏi kho đi về hướng Bắc chưa được ba trăm bước đã buộc phải dừng lại: một khe nứt to tướng hoác ra ngay dưới chân họ. Muốn qua đó phải có những cây sào dài, nhưng họ đâu có ngờ thế này mà mang theo. Khi ấy họ bèn quyết định đi men bên rìa khe theo hướng Đông để xem cái khe nứt ấy có dài không.

Họ đi đã hơn nửa giờ mà chưa thấy hết vết nứt. Như vậy là kho thực phẩm nằm trên một tảng băng to. Yên tâm về những kết quả khảo sát của mình, Êrik và bác Hecsêbom quay trở lại.

Khi họ đi còn cách kho nửa đường nữa thì bãi băng lại xảy ra sự chấn động mới kèm theo tiếng băng vỡ ầm ầm ỉn tai. Không lo lắng lắm, họ vẫn rảo bước, mong sao sớm biết sự chấn động ấy có gây cho "Aljaska" những nguy hiểm mới nào không.

Lát sau họ về đến kho thực phẩm, rồi đến vùng biển nhỏ, nơi tàu đậu.

Êrik và bác Hecsêbom lau mắt hỏi nhau xem phải chăng họ đang nằm mơ: "Aljaska" không còn ở đó nữa!

Ý nghĩ đầu tiên của họ là tàu đã bị đắm. Qua tất cả những gì mà nó đã phải chịu đựng thì điều đó chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Nhưng, may sao, họ đã phải từ bỏ ngay điều phỏng đoán buồn thảm ấy: trên mặt nước không thấy có dấu vết gì của tàu cả. Quang cảnh chung của vùng biển nhỏ bị thay đổi đến mức không thể nhận ra được sau một thời gian ngắn ấy đã gây ấn tượng càng lạ lùng hơn. Cả bức tường được dựng lên bằng băng trôi tạo thành một vòng bao chắn quanh tàu và được bão bồi đắp thêm suốt mấy giờ qua cũng đã biến mất cùng với "Aljaska", không để lại dấu vết gì. Và thậm chí còn hơn thế nữa. Tất cả những chỗ bờ biển lượn cong bấy giờ đây đều đã hiện lên hết sức rõ ràng, tưởng như bãi băng đã loại trừ được hết mọi dị vật, trở lại với những đường nét cũ của mình. Đúng lúc đó bác Hecsêhom đã ghi nhận một tình huống mà lúc đi vòng quanh bãi băng bác đã bỏ qua, nhưng bây giờ khi trở lại nơi xuất phát, khiến bác mới chú ý là gió đã đổi hướng, giờ đây đang thổi từ hướng Tây! Có thể là gió đổi hướng đột ngột đã đẩy những tảng băng trôi chất đống quanh "Aljaska" vào sâu hơn nữa trong vịnh chăng? Có lẽ như thế thật. Chỉ còn kiểm tra tính xác thực của điều phỏng đoán ấy nữa mà thôi.

Êrik và bác Hecsêhom liền đi dọc theo dải bờ biển.

Họ đi khá lâu, tới bốn - năm kilômet. Các mép băng ở chỗ nào bây giờ cũng đều đã thoát khỏi những tảng băng trôi; những cơn sóng giận dữ đập vào bờ băng y như vào bãi cát, còn vịnh biển thì mỗi lúc một xa hơn, không thấy điểm cuối đâu cả. Nhưng điều đặc biệt lạ lùng là: mũi băng cao ngất án ngữ vịnh ở phía Nam cũng đã biến mất.

Cuối cùng Êrik dừng lại. Bây giờ chàng đã hiểu tất cả. Chàng siết chặt tay bác Hecsêhom.

- Bố - Êrik nói với một vẻ đầy ý nghĩa - bố thuộc hạng những người mà con phải nói ngay với bố tất cả sự thật là: những tảng băng trôi cản đường "Aljaska" đã tách khỏi bãi băng. Chúng ta đang ở trên một hòn đảo nổi với chiều dài vài kilômet và rộng vài trăm mét, hòn đảo ấy đang bị cuốn ra đại dương theo ý muốn kỳ quặc của bão!

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương mười chín

NHỮNG PHÁT SÚNG TRƯỜNG

Gần hai giờ đêm, Êrik và bác Hecsêhom chui vào tấm vải bạt che kho lương

thực, người mệt lử. Họ nằm xen giữa những chiếc thùng phuy, áp sát vào bộ lông ấm của chú Klaas và thiếp ngay đi. Khi thức dậy thì mặt trời đã nhô cao khỏi chân trời, bầu trời đã xanh trở lại và biển lặng êm. Tầng băng lớn - mà họ đang ở trên đó và trôi theo - dường như bất động; nó trôi êm và khoan thai hết sức. Dọc theo hai bên bờ, những tảng băng trôi khổng lồ cuốn đi với tốc độ đáng sợ tăng nọ đuổi theo tảng kia, có lúc đụng vào nhau vỡ tan ra. Êrik chưa bao giờ được ngắm nhìn một cảnh tượng nào tuyệt vời như cảnh những tia nắng được chiết quang và phản chiếu trong những khối pha lê kỳ vĩ ấy, y như trong lăng kính vậy. Ngay đến bác Hecsêbom, một người ít tỏ ra thần phục vẻ đẹp của thiên nhiên Bắc cực, nhất là lại đang trong những điều kiện không bình thường như thế này, cũng không thể giấu nổi sự kinh ngạc.

- Giá như được ngắm nhìn toàn bộ cái cảnh này từ trên một boong tàu chắc chắn, thì thú vị biết bao! - Bác thở dài nói.

- Trái lại! Êrik phản đối với thái độ lạc quan vốn dĩ của mình - Ở trên tàu thì lúc nào cũng còn phải nghĩ cách tránh băng trôi để khỏi bị tai nạn, còn trên hòn đảo băng của chúng ta đây ít nhất cũng khỏi phải phiền lòng như thế. Tất nhiên, đó là cách nhìn sự vật quá ư lạc quan. Bác Hecsêbom chỉ mỉm cười đáp lại. Những đặc điểm của Êrik là như thế đó - nhận thức bất kỳ hiện tượng nào cũng xuất phát trước hết từ mặt tốt của nó.

- Chúng ta còn một kho lương thực, như vậy chẳng phải là may sao? - chàng nói tiếp - Nếu không có lương thực thì đúng là ta lâm vào cảnh tuyệt vọng thật. Nhưng với hai mươi thùng phuy bánh mì sấy, thịt xông khói, nước trái cây, hơn thế nữa, lại còn có súng và đạn dự trữ - chúng ta sợ gì? Tệ nhất đi nữa thì chúng ta cũng trôi vài tuần lễ; rồi sẽ trông thấy bờ và có thể lên đó. Bố yêu quý, bố đừng lo, chúng ta nhất định sẽ thoát khỏi cảnh này, cũng giống như những người bị nạn trên tàu “Ganza”.

- Như “Ganza” à? - Bác Hecsêbom tò mò hỏi lại.

- Vâng, chiếc tàu này đi lên vùng biển Bắc cực năm 1869. Khi họ dỡ lương thực và than để lên bãi băng thì một bộ phận của đoàn tàu cũng lâm vào cảnh của bố và con bây giờ. Những người thủy thủ ấy đã phải cố tìm cách thích nghi tốt nhất với cuộc sống trên tảng băng trôi. Họ đã sống trên đó sáu tháng rưỡi, trôi qua vài nghìn hải lý rồi mới tấp được vào bờ biển Bắc cực vùng Bắc Mỹ.

- Giá ta cũng được may mắn như thế!... bác Hecsêbom nói và lại thở dài náo nức - Nhưng, có lẽ điều tốt nhất mà bây giờ ta có thể có được là lót dạ tí đã.

- Con cũng nghĩ thế - Êrik trả lời - Vài chiếc bánh mì sấy và miếng thịt bây giờ là hợp đây.

Bác Hecsêbom mở nắp hai thùng phuy và lấy ra những thứ cần thiết cho bữa điểm tâm. Bác dùng mũi dao khoét một cái lỗ nhỏ trên thùng đựng rượu trái cây và lấy nút gỗ đậy lại để khi nào cần có thể rót chất nước tươi ấy ra cho

tiện. Sau đấy, họ đã ăn một bữa sáng no nê.

- Thế cái tảng băng trôi mà những người thủy thủ tàu "Ganza" đã sống trên đó có lớn bằng tảng băng của chúng ta không? - bác ngư dân già hỏi dò sau mười phút ăn thật lực để bồi dưỡng sức lực của mình.

- Không, mà trái lại! Tảng băng của chúng ta kéo dài phải đến 10-12 km, còn của những người thủy thủ tàu "Ganza" thì dài chưa đầy hai km; đấy là chưa kể sau sáu tháng trôi tảng băng ấy đã bị nhỏ đi rất nhiều. Và những người tội nghiệp nọ đã phải rời bỏ tảng băng khi bị sóng tràn vào túp lều của họ. May sao, các thủy thủ đã tận dụng được chiếc xuồng lớn và di chuyển sang một tảng băng khác, bởi vì không thể ở lại trên tảng băng đầu tiên ấy nữa. Đã mấy lần họ phải di chuyển từ tảng băng này sang tảng băng khác, như những con gấu trắng, cho đến khi lên được đất liền.

- Té ra là thế! - bác Hecsêbom nói - Nghĩa là họ có thuyền. Còn chúng ta thì làm gì có!... Khi cần phải rời khỏi tảng băng này, chúng ta chỉ có mỗi một cách là ngồi vào thùng phuy rỗng. Bô chưa thấy có cách nào khác cả.

- Nếu cần thì ta sẽ nghĩ ra thôi - Êrik trả lời - còn sống thì ta sẽ tìm được cách! Còn bây giờ, tốt nhất là ta đi xem xét lãnh địa của ta!

Đầu tiên Êrik và Hecsêbom leo lên một cái gò băng dốc đứng để có thể hình dung một cách bao quát địa hình chung quanh. Trước mắt họ mở ra cả một bãi băng dài: nói đúng hơn là một hòn đảo với chiều dài từ đầu này đến đầu kia là 12-15 km; hình dáng kỳ quái của nó nom tựa như một con cá voi lạ mắt, trải dài trên mặt Bắc Băng Dương. Kho thực phẩm nằm đúng ngay trên đường trục phân cách đầu và mình "cá voi". Tuy nhiên, thật khó mà xác định được độ lớn và hình thù của đảo băng, bởi vì những tảng băng chồng chất khắp nơi đã cản trở tầm nhìn bao quát toàn bộ bề mặt của đảo. Đầu bãi băng kéo dài, nơi đêm qua vẫn còn là vịnh, bây giờ lại quay về hướng khác. Êrik và Hecsêbom quyết định nghiên cứu địa hình trước hết ở hướng này. Nếu như trước đây đầu của bãi băng - đầu này sau đó đã tách ra khỏi cả khối băng - quay về hướng Đông, thì bây giờ, như đã xác định được theo vị trí của mặt trời, nó lại quay về hướng Bắc. Điều đó có cơ sở để kết luận rằng: do tác dụng của dòng chảy hoặc của gió, con tàu đã bị cuốn về hướng Nam, và bản thân việc tảng băng dài chắn ngang tàu từ Đông sang Tây ở vĩ tuyến 78 bị biến mất tầm cũng đã khẳng định giả thuyết ấy.

Toàn bộ tảng băng đều bị tuyết phủ kín. Rải rác đó đây thấy có những chấm đen, bác Hecsêbom nhận ra ngay đó là "Ougiuks" - những con hải mã có râu thuộc giống to nhất. Hẳn là các chú hải mã sống trong các khe nứt hay trong các hang dưới bãi băng, cảm thấy an toàn chẳng sợ bị bất kỳ cuộc tấn công nào nên mới thản nhiên sưởi nắng như thế.

Phải mất hơn một giờ lội bộ Êrik và bác Hecsêbom mới đến được đầu bên kia tảng băng lớn. Già nửa đường họ đã đi dọc theo bờ Tây nên có thể đồng

thời quan sát biển và tình hình băng. Con Klaas bứt lên phía trước làm cho hải mã ở đằng xa sợ hãi. Thấy nguy hiểm, những con vật vụng về khập khiễng đi tới rìa bờ băng để mau mau lao xuống nước. Giống này có thể bắt biết bao nhiêu cũng được, nhưng để làm gì kia chứ, một khi không thể nhóm lửa để nấu nướng hoặc rán thứ thịt mềm của những con thú vô tội ấy!

Êrik bận tâm đến những chuyện khác sau khi chú ý nghiên cứu nền băng, và đi đến kết luận rằng nền băng không đồng nhất. Nó bị nhiều khe nứt cắt ngang mặt bãi băng ở nhiều chỗ, sợ rằng khi bị va chạm nhẹ thôi nó cũng có thể rã ra thành từng mảng. Đúng là các mảng băng đó có thể lớn, nhưng bản thân khả năng xảy ra điều bất hạnh ấy đã buộc họ phải bám sát kho lương thực, không phút nào được rời ra cả. Tuy nhiên, hiểm họa không bị đe dọa xảy ra ngay, bởi vì tất cả những vết nứt và khe nứt ấy đều được phủ lớp tuyết dày mới rơi đêm qua. Tuyết phủ trên mặt, sau đó thấm xuống len kín vào trong các khe và gắn sơ sơ các khoảng trống lại với nhau. Êrik quyết định tìm một kho chắc chắn và ổn định nhất trong số các khu bị các khe nứt phân ra, trụ lại trên đó và chuyển kho lương thực đến đây.

Chính vì vậy Êrik và bác Hecsêbom, sau khi nghỉ chút xíu, đã lại đi xem xét phần phía Tây của đảo. Họ đi dọc theo rìa bãi băng, nơi mới hai giờ trước đây từ đó họ đã nhìn thấy những đường nét quen thuộc của chính bờ vịnh mà chiếc tàu buồm Mỹ đã lâm vào tình trạng không có lối thoát. Con Klaas chạy lên phía trước, tỏ ra phấn chấn trước bầu không khí trong lành, và hình như nó cảm thấy được sống trong môi trường quen thuộc, giữa cảnh tuyết trắng gọi cho nó nhớ đến miền đồng bằng Gronlan.

Bỗng Êrik thấy con chó sau khi hít ngửi không khí đã lao đi như mũi tên bắn và dừng lại, sủa ầm lên bên cạnh một vật gì đó ở phía tảng băng gần nhất. "Có lẽ lại thêm một chú hải mã hoặc hải cẩu nữa" - Êrik nghĩ và không rào bước hơn.

Nhưng không phải con hải mã và cũng không phải con hải cẩu đã làm cho con Klaas hồi hộp. Đây là một con người, một con người đã tắt thở, vấy máu, mặc bộ quần áo lông mà không một thủy thủ nào trên tàu "Aljaska" có cả. Êrik nghĩ ngay đến những người trú đông ở tàu "Vêga". Chàng nâng đầu người nằm lên. Anh ta tóc hung, dày và mũi tẹt như mũi người da đen.

Êrik tưởng mình bị ảo giác. Chàng cởi chiếc áo gilê mặc sát trong người nạn nhân ra cốt kiểm tra xem tim anh ta còn đập không là chính, chứ không hẳn để được tận mắt nhìn thấy những chữ xăm mình...

Chàng thanh niên đã nhận ra ngay cái tên quen thuộc được xăm ngược ngoạc và thô thiển bằng màu xanh thẫm: "Patric Ô Đônôgan. Cintia".

Tim hẳn còn đập! Hẳn vẫn chưa chết!... Đầu hẳn hoác ra một vết thương lớn, vết thương thứ hai thấy trên vai, còn ở ngực thì hẳn rõ những vết đâm mạnh gây dập xương và khó thở.

- Phải đưa ngay hắn về chỗ trú của ta, băng bó và làm cho tỉnh lại - Êrik nói với bác Hecsêbom và thì thào thêm, như sợ có ai nghe thấy - Hắn đó, bố à, đó chính là người bấy lâu ta đi tìm mà chưa thấy. Đó là Patric Ô Đônôgan đấy. Nhưng, hắn hầu như đã tắt thở mất rồi.

Khi Erik nghĩ rằng, điều bí mật về cuộc đời của chàng đã bị giấu kín trong cái đầu của con người bê bết máu và hình như đã bị tử thần đóng dấu ấy, mắt chàng sáng rực ánh lửa u sầu. Mặc dù bác Hecsêbom cũng đoán ra những tình cảm gì đang giằng xé Êrik, nhưng bác không thể không nhún vai, tựa hồ muốn nói: “Quả là may mắn thật! Nhưng, nếu thậm chí bây giờ đây ta có biết hết mọi chuyện đi nữa, thì những điều bí mật của thế giới phông có đáng giá gì, một khi ta đang trong tình trạng bế tắc như thế này?”

Tuy nhiên, bác vẫn nắm chân nâng cái xác lên, trong khi đó Êrik xóc nách hắn, và hai người đã đưa cái gánh nặng ấy quay trở lại.

Những động chạm trong lúc di chuyển đã làm cho nạn nhân mở mắt. Bị các vết thương hành, hắn đau đớn quá, bắt đầu rên la âm ỉ, thốt ra những lời nào đó không đầu, không đuôi, nhưng nghe rõ được một từ tiếng Anh "uống".

Kho lương thực còn cách khá xa, Êrik quyết định dừng chân đã. Chàng đặt nạn nhân lên chỗ tuyết mềm dưới chân một vách núi băng, áp chiếc bi đông vào môi hắn ta. Chiếc bi đông gần như trống không, nhưng hình như giọt rượu đã làm cho Ô Đônôgan sống lại. Hắn nhìn quanh, hít thở sâu và hỏi:

- Zhons đâu?

- Chúng tôi tìm thấy ông bên cạnh một tảng băng - Êrik nói - Ngoài ông không có ai nữa, ông ở đây đã lâu chưa?

- Không biết - người bị thương nói một cách khó nhọc. Cho tôi uống nữa! - hắn nói, mắt nhìn Êrik chăm chú.

Hắn lại tợp thêm ngụm rượu và cảm thấy mình có thêm sức để tiếp tục nói chuyện.

- Khi bão nổi lên - hắn kể - chiếc tàu buồm bắt đầu chìm. Có vài người trong đội thủy thủ kịp nhảy xuống xuống cứu đuối, số còn lại đã bị chết hết. Ông Zhons gọi tôi lại và bảo tôi cùng với ông ta ngồi vào chiếc thuyền "Kajak" nhỏ xíu buộc ở đuôi tàu. Chẳng ai dám ngồi vào chiếc thuyền ấy vì nó nhỏ và nhẹ quá. Nhưng hóa ra, nó lại chắc chắn nhất. Chỉ có chiếc thuyền của chúng tôi vào được bãi băng thôi, thậm chí chưa kịp tấp tới nơi nữa, còn các xuống khác đều bị lật cả. Chúng tôi đã hoàn toàn bị kiệt sức thì sóng hất chúng tôi lên băng. Khó khăn lắm chúng tôi mới bò tiếp lên khỏi mặt nước và chờ trời sáng. Sáng nay, ông Zhons đã bỏ tôi để đi bắn hải cẩu hoặc chim biển gì đấy. Từ bấy đến giờ tôi không thấy ông ta nữa.

- Ông Zhons ấy là sĩ quan tàu "Albatros" à? - Êrik hỏi.

- Chủ tàu và thuyền trưởng đấy - Ô Đônôgan trả lời bằng một giọng lộ rõ sự ngạc nhiên: sao lại hỏi về hắn ta một câu như thế nhỉ.

- Thế chủ tàu không phải là Tuyđor Braun sao?

- Tôi không biết - người bị thương lúng búng trong miệng như tự hỏi mình nói nhiều vậy có cởi mở quá không.

Êrik quyết định không dừng lại ở đây. Bởi vì chàng còn có bao nhiêu điều muốn biết nữa kia mà!

- Ông hãy nghe đây - chàng nói với tên người Ailen và ngồi xuống tuyệt cạnh hắn - Đã có lần ông từ chối chuyển sang bên tàu của tôi để nói chuyện thẳng thắn với tôi, và sự từ chối của ông đã đem lại tai họa thế đó! Nhưng bây giờ, khi chúng ta lại gặp nhau, tôi muốn nhân cơ hội này nói chuyện nghiêm túc, như những người thực tế. Bởi vì ông đang ở trên một tảng băng trôi, bị thương, bị đói, bất lực, đối mặt với cái chết đau đớn! Tôi và bố nuôi của tôi đây có tất cả những gì mà ông cần: thức ăn, vũ khí, rượu! Chúng tôi sẵn sàng chăm sóc ông, chia sẻ với ông tất cả, chữa chạy cho ông bình phục. Vậy ông có thể tin tưởng chúng tôi và đáp lại một số điều chúng tôi quan tâm, được chứ?

Tên người Ailen nhìn Êrik chăm chú. Hình như trong cái nhìn mờ đục ấy lẫn lộn sự thú nhận với sự sợ hãi vô cùng và vô ý thức.

- Thế tôi phải thể hiện với các ngài sự tin cần như thế nào?

- Ồ, ông biết rất rõ điều đó! Êrik đáp, gắng mỉm cười và nắm tay người bị thương - Lần vừa rồi tôi đã nói với ông về điều đó: ông biết tôi cần được giải thích điều gì và điều gì đã đưa tôi đến những vùng xa xôi này... Ông hãy nghe đây, Patric Ô Đônôgan, ông hãy tập trung sức lực tiết lộ điều bí mật rất hệ trọng đối với tôi, hãy kể cho tôi nghe tất cả những gì ông biết về "đứa bé nằm trên chiếc phao cứu đuối"! Hãy dẫn tôi đến dù là một dấu tích nào đó thôi để tôi có thể tìm được gia đình tôi!... Ông sợ gì? Có hiểm họa nào đe dọa ông, nếu ông sẽ kể hết với tôi?

Ô Đônôgan không trả lời, dường như hắn đang cân nhắc những lý lẽ của Êrik.

- Hiểm họa là như thế này - cuối cùng, hắn nói một cách khó khăn - nếu như chúng ta sẽ còn sống, thoát khỏi cảnh éo le này và đến một đất nước nào đấy, có tòa án, thì các ông sẽ làm tình làm tội tôi!

- Không, không, tôi thề với ông! Êrik sốt sắng kêu lên. Dù cho ông có tội lỗi như thế nào đối với tôi hay những người khác thì tôi cũng hứa với ông rằng ông không vì thế mà bị bất cứ sự phiền toái nào! Hơn nữa, hình như ông chưa tính tới một điều là: bất kỳ lỗi lầm nào của ông đều đã hết thời hiệu vì đã quá lâu năm. Tôi muốn nhắc cho ông biết rằng bất kỳ tội lỗi nào gây ra từ hơn hai mươi năm trước, dù cho tội lỗi ấy như thế nào thì công lý của con người cũng không có quyền đưa người can tội ra truy tố!

- Thật thế không? - Patric chưa tin hỏi lại - Nhưng ông Zhôn đã nói với tôi rằng "Aljaska" do cảnh sát phái đi, và chính ông đã dọa đưa tôi ra tòa.

- Đây là việc liên quan đến những sự kiện mới xảy ra vào đầu cuộc hành trình của chúng tôi. Ông hãy tin tôi, Patric ạ. Zhons đã lừa ông! Không còn nghi ngờ gì nữa, hẳn muốn ông im lặng!

- Tất nhiên là thế, điều đó có lợi cho hẳn - tên người Ailen nói với vẻ vững tin - Nhưng làm sao ông phát hiện được là tôi biết điều bí mật? - hẳn hỏi, nhìn Êrik chăm chú.

- Qua ông bà Boul ở tửu quán "Mỏ neo đỏ" ở Bruclin. Họ thường nghe ông nói đến "Đứa bé nằm trên phao cứu hộ".

- Đúng thế đấy - tên Ailen khẳng định và hẳn lại im lặng.

- Vậy ông đích thực không phải do cảnh sát phái tới chứ? - Hẳn hỏi sau hồi lâu suy nghĩ.

- Không đâu! Làm gì có chuyện ngu ngốc ấy! Tôi ra đi theo ý muốn cá nhân, bởi vì cuối cùng thì tôi cũng cần phải biết tổ quốc tôi là đâu và cha mẹ tôi là ai chứ!

Ô Đônôgan cười về độ lượng.

- Vậy thì ông cần biết gì nào? Thật ra mà nói, tôi có thể giúp được ông, tôi có biết chuyện đó thật.

- Hãy nói cho tôi biết đi, hãy nói đi, ông Ô Đônôgan - Êrik kêu lên, cảm thấy hẳn vẫn còn lưỡng lự - Ông nói đi, tôi hứa sẽ bỏ qua tất cả những tội lỗi của ông, nếu ông có, và sẽ tạ ơn ông, miễn là hợp với khả năng của tôi!

Tên người Ailen nhìn chiếc bi đồng với vẻ thèm khát.

- Tất cả những chuyện này làm tôi khô cả họng. Xin ông cho tôi được tọt thêm chút rượu nữa.

- Trong này không còn, nhưng sẽ lấy ở kho lương thực mang đến cho ông ngay bây giờ. Chúng tôi còn dự trữ - Êrik trả lời, đưa bi đồng cho bác Hecsêbom.

Bác đi ngay, có con chó Klaas đi theo.

- Bỏ tôi không đi lâu đâu - chàng nói tiếp và lại cúi sát người bị thương - Nào, thôi đi, ông đừng mặc cả với tôi về sự chân thực của ông nữa. Ông đặt mình vào địa vị của tôi thì mới biết, ông hãy thử tưởng tượng, suốt cả đời mình ông không biết gì về tổ quốc mình, không biết mẹ mình tên gì, mà giờ đây, ông đang ở bên cạnh một người biết tất cả những điều đó, nhưng lại từ chối nói cho ông biết những điều quý giá vô ngần đối với ông, trong khi đó ông lại vừa mới cứu thoát và chạy chữa cho anh ta sống lại... Như vậy thì tàn nhẫn quá, có phải thế không? Thật ra tôi không đòi hỏi ở ông cái gì ngoài khả năng của ông, cũng không yêu cầu ông phải nhận lỗi, nếu sự thực ông có lỗi... Ông cho tôi một lời bóng gió, ám dụ nào đó, dù không đáng kể gì cũng được! Tôi không đòi hỏi thêm ở ông điều gì nữa!

- Thôi đành vậy, có lẽ tôi sẽ làm điều đó cho ông được vui lòng! - Patric Ô Đônôgan nói - Có lẽ ông biết tôi là thủy thủ tập sự trên tàu "Cintia"...

Bỗng hấn ta im bất.

Êrik cúi sát mặt hấn... Phải chăng chàng đã đạt được mục đích của mình? Phải chăng giờ đây chàng sẽ được biết điều bí mật về nguồn gốc của mình, được biết về gia đình mình, về tổ quốc mình. Lúc ấy chàng đã cảm thấy những hy vọng không còn là viễn vông nữa. Chàng không rời mắt khỏi tên thủy thủ, hồi hộp chờ đợi câu chuyện của hấn và không có gì trên đời này bây giờ đây có thể khiến chàng cắt ngang lời hấn, dù là bằng lời hay bằng điệu bộ...

Vì vậy Êrik không để ý bóng người xuất hiện đằng sau chàng đã buộc Patric dừng lời giữa chừng.

- Ông Zhôns! - hấn nói bằng giọng của một học trò mắc lỗi.

Êrik ngoảnh lại, thấy Tuyđor Braun ở tầng băng bên cạnh, có lẽ hấn định trốn đến cùng. Tiếng kêu của tên người Ailen đã khẳng định sự hoài nghi của Êrik: ông Zhôns và Tuyđor Braun cũng chỉ là một thôi!

Chàng vừa mới kịp nghĩ như vậy thì đã thấy vang lên hai phát súng liên tiếp, và trên tuyết để lại hai xác người.

Tuyđor Braun đã gỡ súng ra khỏi vai, bắn vào ngực Patric Ô Đônôgan. Tên sát nhân chưa kịp bỏ súng xuống thì đến lượt hấn ăn đạn vào trán và ngã gục mặt xuống.

- Bố đã để ý thấy những dấu chân khả nghi và kịp thời quay lại - bác Hecsêbom nói sau khi đột ngột xuất hiện với khẩu súng trường còn bốc khói trên tay.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương hai mươi

KẾT THÚC HÀNH TRÌNH VÒNG QUANH THỀ GIỚI

Êrik kêu lên một tiếng và bỏ đến quì xuống trước Patric Ô Đônôgan định tìm lại một chút hy vọng cuối cùng cùng với hơi thở cuối cùng của hấn... Nhưng, lần này thì tên Ailen đã chết thật và mang theo điều bí mật của mình xuống âm phủ.

Trong khi đó Tuyđor Braun co mình giãy chết, khẩu súng trường rơi khỏi tay hấn và hấn đã trút hơi thở cuối cùng không nói được lời nào.

- Bố đã làm cái gì thế, bố? - trong cơn thất vọng Êrik trách bố - Sao bố lại tước mất của con cái khả năng cuối cùng để hỏi biết sự thật về bố mẹ của

con? Sao bố không lao đến cái tên ấy, tước vũ khí của hắn, có hơn không?
- Con tưởng hắn chịu qui phục dễ dàng như thế sao? - Bác Hecsêbom đáp - Viên đạn thứ hai của hắn chắc chắn là dành cho con đó! Bố đã trả thù hắn về tội giết cái tên đáng thương kia, trừng trị hắn về tội đã gây ra ở Bas-Fruad và có lẽ còn vì nhiều tội ác khác nữa! Và bố không hối hận chút nào về việc đã giết hắn... Còn điều bí mật về đời con, con ạ, trong hoàn cảnh chúng ta như thế này đây, thì có ý nghĩa gì?... Điều bí mật về cuộc đời của con chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ được chính thượng đế bảo ban cho!

Bác chưa kịp nói hết những lời ấy thì đã nghe một phát đại bác vang lên trên những tảng băng. Hình như đó là câu trả lời cho những ý nghĩ âm thầm của bác ngư dân già. Nhưng, đúng hơn cả, và thậm chí không có gì nghi ngờ nữa, đây là sự trả lời hai phát súng vừa mới vang lên trên tảng băng trôi!
- Đại bác của "Aljaska"! Chúng ta được cứu rồi! - Êrik sung sướng reo lên và lao ngay tới núi băng gần nhất, từ trên đỉnh núi có thể nhìn bao quát chân trời rộng.

Đầu tiên, chàng không thấy gì hết, ngoài những tảng băng bị gió đẩy đi bồng bềnh trôi trên sóng biển với ánh nắng mặt trời Bắc cực.

Nhưng, ngay sau khi bác Hecsêbom bắn phát súng chỉ thiên, khẩu đại bác gần như đã đáp lại ngay và Êrik đã nhìn thấy ở phía Tây chân trời, trên nền mây xanh, một luồng khói đen đang tỏa.

Từ đây trở đi, cứ cách vài phút lại vang lên những tiếng đại bác và súng trường, và "Aljaska" đã chạy hết tốc lực, vượt qua các tảng băng trôi, chẳng mấy chốc đã xuất hiện ở rìa phía Bắc bãi băng.

Êrik và bác Hecsêbom vui mừng phát khóc lên, ôm chầm lấy nhau. Họ vẫy khăn, tung mũ lên trời, cố bằng mọi cách báo hiệu cho các bạn của mình.

Cuối cùng, "Aljaska" đã dừng lại. Một chiếc xuồng từ mạn tàu được hạ xuống và không đầy hai mươi phút sau đã cập sát tảng băng.

Thật khó mà diễn đạt được bằng lời niềm vui sướng của bác sĩ Svariênkrôna, Brêdêzhor, Maljarius và Ôttô khi họ nhìn thấy những người bạn mà họ tưởng đã hy sinh, không bao giờ còn trở lại nữa, giờ đây vẫn còn sống và nguyên vẹn.

Thế là bắt đầu những câu chuyện hàn huyên không dứt về những thử thách, những khủng khiếp của cái đêm đáng sợ ấy, về những cuộc tìm kiếm uổng công vô ích những người mất tích và về nỗi thất vọng đã xâm chiếm cõi lòng tất cả những người bạn của họ và toàn đoàn...

Sáng hôm sau, sau khi hầu như hoàn toàn thoát khỏi những tảng băng vây

hãm chung quanh, "Aljaska" đã mở được đường ra khơi bằng một số trái nổ. Phó thuyền trưởng Bêrêvit đảm nhận chỉ huy tàu, lập tức cho tàu chạy xuôi gió để đi tìm phần băng đã bị tách ra khỏi bãi băng. Đó là cuộc hành trình nguy hiểm nhất trong các hành trình mà "Aljaska" đã trải qua. Nhưng, nhờ kinh nghiệm mà đoàn thủy thủ tích lũy được dưới sự lãnh đạo của thuyền trưởng trẻ, nhờ sự khéo léo điều chỉnh hướng đi, cuối cùng nó cũng an toàn thoát khỏi mọi sự rắc rối, phức tạp do những tảng băng trôi phiêu bạt gây nên. Tuy nhiên, ở đây có sự hỗ trợ của hoàn cảnh thuận lợi: "Aljaska" đã bơi cùng hướng với những tảng băng trôi, nhưng với tốc độ lớn hơn nhiều. May phước làm sao, cuộc tìm kiếm hoá ra không uổng công vô ích tí nào. Lúc chín giờ sáng, từ phía khuất gió đã tìm thấy tảng băng. Chẳng mấy chốc, từ trên "tổ quạ" cũng đã phân biệt được những đường nét quen thuộc của nó. Rồi sau đấy hai phát súng từ đó vang lại đã gây niềm hy vọng: Êrik và bác Hecscôm vẫn còn sống. Tất cả mọi chuyện khác giờ đây đều không có ý nghĩa. Bây giờ "Aljaska" sẽ đi về hướng Bắc cực, và chẳng còn sức mạnh nào, cho dù đó là âm mưu quỷ kế, có thể cản trở được nó đến vùng biển này. Nhưng, nó phải chạy bằng buồm, bởi vì than không còn nữa...

- Và cũng không phải hoàn toàn bằng buồm! - Êrik tuyên bố - Tôi đã có những dự kiến của mình về việc này. Thứ nhất, chúng ta có thể bám sau bãi băng như tàu dốt vậy, tạm thời đi theo bãi băng trôi về hướng Nam hoặc hướng Tây. Như vậy, tránh cho ta khỏi phải vật lộn liên tục với những tảng băng trôi: chiếc "phà" băng của ta sẽ cản phá hết chúng ở phía trước. Thứ hai, chúng ta tranh thủ thời gian để khai thác nhiên liệu cần thiết ngay trên chiếc "phà" ấy, còn sau đó, khi nào tiện lợi thì ta sẽ tự lực.

- Con nói vậy là ý thế nào? Trong lòng những tảng băng ẩn náu những vĩa than chẳng?... Bác sĩ tươi cười hỏi.

- Không, tất nhiên là không có những vĩa than, nhưng có thứ hoàn toàn có thể thay thế nhiên liệu cũng được. Đó là những vĩa "than động vật", dưới dạng mỡ hải mã. Con muốn thử dùng mỡ này, vì lò của chúng ta đã được thiết kế để dùng cả loại chất đốt đó mà.

Trước hết cần phải làm nghĩa vụ cuối cùng đối với hai người chết đã: người ta thả hai cái xác xuống nước cùng với một viên đại bác buộc vào chân.

Sau đó "Aljaska" ghé sát vào bãi băng với ý định cùng di chuyển theo nó, đồng thời được nó che chở. Như vậy có thể dễ dàng chuyển lên tàu số lương thực mà trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể để mất được. Khi công việc bốc chuyển đã xong, tàu vào đỗ ở đầu phía Bắc bãi băng, tại đây có chỗ tránh băng trôi rất an toàn. Sự đứng đắn của Êrik đã hoàn toàn được khẳng định: "Aljaska" được kéo theo với tốc độ bình quân tới 6 hải lý, như vậy là được, bởi vì nó chưa thoát khỏi khu vực nguy hiểm có băng trôi.

Trong khi đó lại có một tảng băng khổng lồ y như một lục địa nổi vậy cũng

bám theo trôi về hướng Nam, đoàn thám hiểm của "Aljaska" tha hồ săn hải mã.

Mỗi ngày hai hoặc ba lần các nhóm thợ săn mang theo những chiếc lao, xiên và súng, cùng đàn chó giống Gronlan lên bãi băng và vây bắt những con vật ở biển đang lim dim ngủ gần mặt nước. Hải mã bị họ bắn vào tai, sả nguyên con, tách mỡ ra, chất lên xe trượt tuyết và chở về tàu "Aljaska" với sự hỗ trợ của bảy chó. Việc săn bắn rất nhẹ nhàng và kết quả đến nỗi không đầy một tuần các kho đã đầy ắp mỡ hải mã.

Trôi theo bãi băng về hướng Tây Nam. "Aljaska" đã đạt được đến kinh độ 40 dưới vĩ tuyến 74 và như vậy là nó đã để lại Đất Mới ở phía sau, sau khi đi vòng qua đó từ phía Bắc.

Dưới tác động của ánh nắng mặt trời, đến thời điểm này, hòn đảo băng trôi đã giảm đi gần hai lần, phần còn lại của nó bị các vết nứt và các rãnh chia cắt nhỏ ra, rõ ràng đang dần dần tan rã hết. Đã sắp đến cái giờ phút bãi băng khổng lồ chỉ còn là một tảng băng trôi. Êrik không đợi chờ đến lúc ấy.

Chàng ra lệnh cuốn neo và hướng mũi tàu về phía Tây.

Mỡ hải mã được đưa thẳng vào lò của "Aljaska", trộn thêm một ít than bụi, trở thành thứ nhiên liệu tuyệt vời, nhược điểm duy nhất của nó là mau làm tắc ống khói, do vậy mà ngày nào ống khói cũng phải thông. Còn nói về cái mùi riêng biệt của mỡ hải mã, chắc chắn nó làm cho các hành khách Địa Trung Hải khó chịu, nhưng đối với những thủy thủ Thụy Điển và Na Uy thì hầu như nó không gây sự bất tiện nào.

Lượng dự trữ nhiên liệu dồi dào đã giúp cho "Aljaska" chạy lò hơi đến phút chót và mặc dù bị ngược gió, nó vẫn nhanh chóng vượt qua khoảng cách giữa nó với các biển châu Âu. Ngày 5 tháng 9 "Aljaska" đã nhìn thấy Nordkap Ở Na Uy. Vì không thật cần thiết nên thậm chí nó đã không ghé vào Trômsid, mà vòng qua bán đảo Scandinav, lại đi ngang Skaghêrak và trở về nơi xuất phát.

14 tháng Chín, "Aljaska" đã thả neo ở Xtôckhôm, ngay vùng nước mà ngày 10 tháng 2 đầu năm nó đã từ đó ra đi.

Như vậy là dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng hai mươi hai tuổi, cuộc hành trình vòng quanh thế giới đầu tiên trên vùng biển Bắc cực đã được hoàn thành sau bảy tháng bốn ngày.

Cuộc thực nghiệm địa lý kiểm tra và bổ sung hết sức nhanh chóng những kết quả thám hiểm vĩ đại của Nordensheld chẳng bao lâu đã có tiếng vang lừng lẫy khắp thế giới. Nhưng, đúng ra là báo chí còn chưa nói gì đến những công lao của thuyền trưởng "Aljaska". Và không phải chỉ bản thân chàng, mà thậm chí một số ít người khác gần gũi với chàng chưa chắc đã có thể đánh giá được đầy đủ ý nghĩa lớn lao của đoàn thám hiểm của chàng, và dẫu sao thì ngay cả Kaisa cũng tỏ ra ít nghi ngờ nhất về điều ấy.

Cô gái đã nở nụ cười độ lượng khi nghe kể về chuyến du hành.

- Thế thì cũng đáng tự nguyện dấn thân vào những nguy hiểm như vậy lắm. -
Cô ta nói và chỉ giới hạn ở một lời nhận xét ấy mà thôi.

Tuy nhiên, hề có dịp là cô ta lại nói bóng nói gió Êrik:

- Bây giờ, lão Ailen "vang danh" nọ không còn sống nữa, thế là cuối cùng chúng ta cũng đã thoát được cái công việc chán ngấy ấy!

Thật là khác nhau một trời một vực giữa những lời lẽ khô khan lạnh nhạt của Kaisa và lá thư tràn đầy nỗi xúc động chân tình và triu mến mà sau đó chẳng bao lâu Êrik đã nhận được từ Nôrô gửi đến!

Vanda báo cho chàng biết cô và bà mẹ Katrina trong suốt những tháng ngày đằng đẵng vừa qua, đã phải lo lắng xiết bao, đã theo dõi hành trình "Aljaska" bằng trí tưởng tượng như thế nào. Cái tin các nhà du hành trở về bến cảng thân yêu đã đem lại cho họ những niềm sung sướng biết chừng nào!... Thậm chí nếu đoàn thám hiểm không đạt được những kết quả mà Êrik mong muốn thì chàng cũng chẳng phải buồn phiền gì. Bởi vì Êrik biết rất rõ rằng mặc dù chàng không có gia đình ruột thịt, nhưng đã có một gia đình khác ở một làng Na Uy nghèo nọ thương yêu triu mến chàng và gửi gắm hết tâm trí cho chàng. Chẳng nhẽ chàng không thể dành thời gian để về thăm cái gia đình khi nào cũng coi chàng là người trong nhà và không bao giờ từ bỏ chàng ư? Chẳng nhẽ chàng không thể dành cho họ lấy được một tuần lễ ư? Bởi vì đây là nguyện vọng thầm kín của người mẹ nuôi của chàng và của đứa em gái út Vanda của chàng kia mà...

Qua những lời tâm huyết ấy và qua mùi thơm tinh khiết của ba bông hoa được hái bên bờ vịnh bỏ vào phong bì, Êrik thấy như được sống lại thời thơ ấu của mình. Điều gì có thể làm cho trái tim buồn rầu của chàng bình phục trở lại và điều gì có thể giúp chàng mau chóng vượt qua nỗi thất vọng cay đắng, trước sự kết thúc không thành công của chuyến đi nếu không phải là sự quan tâm của những người thân yêu và gần gũi nhất?

Trong khi ấy dư luận đã phải thừa nhận một sự thật hiển nhiên và đánh giá một cách xứng đáng: Hành trình của "Aljaska" là sự kiện quan trọng không kém gì hành trình của "Vêga". Tên tuổi của Êrik từ nay đã được khắp nơi nhắc đến ngang hàng với tên tuổi quang vinh của Nordensheld. Tất cả các tờ báo đều đăng kín những bài vở nói về cuộc hành trình vòng quanh thế giới khác thường này. Tàu bè của tất cả các nước đậu ở cảng Xtôckhôm đều qui ước với nhau nhất loạt treo cờ để chào mừng thắng lợi mới của sự nghiệp hàng hải. Ở khắp nơi người ta nhiệt liệt đón chào chàng như đón một người

chiến thắng trở về. Êrik ngưỡng nghệu và kinh ngạc. Các hội khoa học đều nhất trí thể hiện sự kính trọng đối với chàng thuyền trưởng trẻ và toàn đoàn thám hiểm của tàu "Aljaska". Các nhà cầm quyền dân sự, chính quyền các nước đều dự tính tặng giải thưởng quốc gia cho những người tham gia đoàn thám hiểm.

Tất cả những lời khen ngợi ấy và tất cả sự rùm beng ấy đã làm cho Êrik băn khoăn, bối rối hết sức. Bởi vì chính chàng biết rõ chuyến đi này chủ yếu chàng theo đuổi mục đích cá nhân, và điều đó làm cho chàng thấy xấu hổ về sự vinh quang bất ngờ của mình, hơn nữa lại là sự vinh quang được đề cao vô cùng. Chính vì vậy, chàng đã quyết định thành thật kể rõ ngay từ đầu điều gì đã khiến chàng ra đi một chuyến xa như thế, điều gì chàng cần tìm, nhưng đã không tìm thấy ở vùng biển Bắc cực. Nói một cách khác, chàng muốn công khai xác minh điều bí mật về nguồn gốc của mình và nguyên nhân tàu "Cintia" bị đắm.

Sự việc lập tức được một người không có râu, nhanh như sóc, nhỏ gần như một chú lùn, tự giới thiệu là phóng viên của một trong những tờ báo quan trọng ở Xtôckhôm, chớp lấy ngay. Con người kỳ cục ấy đã bất ngờ xuất hiện trên tàu "Aljaska" để "được tự phỏng vấn đích danh thuyền trưởng". Êrik nóng lòng được kể hết sự thật và tuyên bố công khai rằng chỉ vì nhầm lẫn mà mọi người coi chàng là một Khristôfor Kôlômbô (Nhà hàng hải đã tìm ra châu Mỹ) mới.

Và Êrik đã kể hết, không giấu giếm gì về lai lịch của mình; chàng đã được một ngư dân nghèo ở Nôrô tìm thấy trên biển ra sao, đã được học với ngài Maljarius, được nuôi dưỡng và đào tạo tại nhà bác sĩ Svariênkrôna ở Xtôckhôm như thế nào, đã phỏng đoán Patric Ô Đônôgan nắm chiếc chìa khóa bí mật về cuộc đời chàng ra sao, bằng cách gì đã biết tên người Ailen ở trên tàu "Vêga", chàng đã cùng với những người bạn tìm hãn và buộc phải thay đổi tuyến hành trình, rồi sau đó đã đến quần đảo Ljakhôv, tiếp đó, đến mũi Cheljuskin như thế nào... Êrik đã kể hết những điều ấy như muốn để thanh minh cho tiếng tăm lừng lẫy đã được phong tặng, nhưng bản thân chàng thấy không xứng đáng nhận. Và chàng kể hết mọi chuyện một cách tỉ mỉ chính là vì chàng thấy rất ngưỡng ngùng trước bao nhiêu là lời khen về những hành vi mà chàng thấy bình thường và tự nhiên nhất.

Trong khi đó, cây bút chì của ngài phóng viên Skirelius tốc ký lia lịa trên

giấy. Những ngày tháng, tên người, những sự việc nhỏ nhất - tất cả đều được ghi chép một cách tỉ mỉ...

Ngày hôm sau, bài báo đã được đăng kín cả ba cột trên một tờ báo phổ biến nhất ở Thụy Điển và thật là hiếm thấy trong những trường hợp như vậy, sự chân thành của Êrik chẳng những không làm giảm bớt công lao của chàng, mà ngược lại, càng làm cho những công lao ấy tăng thêm sức nặng, còn tính khiêm tốn hiếm có của chàng và điều bí mật lãng mạn mà người ta rất quan tâm trong phần tiểu sử của chàng thì đã được dùng làm "mồi" đối với báo chí và công chúng. Bài báo của Skirelius chẳng bao lâu đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và truyền đi khắp châu Âu.

Ở Paris, buổi tối nọ, một tờ báo có đăng bài ấy, còn chưa ráo mực, đã lọt vào phòng khách được bài trí đơn sơ ở tầng ba một tòa biệt thự cổ trên đường Dêvaren.

Trong phòng khách có hai người đang ngồi - ông già đẹp lão, cao và một phụ nữ tóc bạc trắng, mặc đồ tang, nom còn trẻ, mặc dù trong toàn bộ phong thái của bà toát ra nét buồn vô hạn. Bà đưa kim lên tấm vải thưa một cách máy móc, trong khi những ý nghĩ của bà hướng về quá khứ và ánh mắt của bà mờ đi bởi một sự hồi tưởng đau đớn nào đó cứ ám ảnh bà hoài.

Ông già xem qua tờ báo mà người hầu vừa mới đưa vào cho ông.

Đây là ông Duyren, nguyên tổng lãnh sự và một trong những thư ký của Hội địa lý - chính là ông Duyren đã có mặt trong bữa tiệc của ngài quận trưởng hàng hải ở Brest nhân dịp "Aljaska" đến cảng này.

Không có gì ngạc nhiên khi ông Duyren đọc xong bài bút ký và tiểu sử của nhà hàng hải Thụy Điển trẻ tuổi. Cái tên Êrik đã làm cho ông phải rung mình. Nhưng khi ông chăm chú đọc lại bài báo thì gương mặt phờ phạc của ông tái nhợt đi như sắp chết, hai tay cầm tờ báo run bần lên, khiến cho người phụ nữ từ nãy đến giờ vẫn im lặng phải chú ý.

- Cha, cha thấy khó chịu trong người ă? - Bà lo lắng hỏi.

- Cha thấy... Cái lò sưởi đốt nóng quá... Cha về phòng làm việc của cha, có lẽ ở đó không đến nỗi ngột ngạt lắm... Không sao đâu... Chỉ thấy hơi khó chịu trong người thôi. - Ông Duyren trả lời và đi sang phòng bên.

Làm như không cố ý, ông mang tờ báo theo. Nếu như người con gái lúc ấy có thể đọc được những ý nghĩ của cha mình thì đó là ý định bằng mọi cách ông muốn giấu con gái bài báo đó.

Người con gái muốn theo cha sang phòng làm việc, nhưng đã kịp thời đoán ra rằng cha muốn được một mình, nên đành phải chiều theo tính thất thường của cha. Chẳng mấy chốc bà đã nghe thấy tiếng chân của cha đi lại trong phòng, còn cửa sổ, thì lúc mở, lúc đóng.

Mãi một tiếng sau bà mới kiên quyết hé mở cánh cửa ra vào, xem tình hình

sức khỏe của cha thế nào. Ngài Duyren đang ngồi sau bàn viết thư. Nhưng bà không để ý thấy mắt cha nhắm lẹ...

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu
Chương hai mươi một
BỨC THƯ TỪ PARIS

Sau khi trở về Xtôckhôm. gần như ngày nào Êrik cũng có nhiều thư từ khắp các nước châu Âu gửi tới. Các Hội khoa học hoặc các cá nhân đã gửi thư chúc mừng chàng; chính phủ các nước ghi nhận công lao của chàng bằng những hình thức tặng thưởng; các chủ tàu và thương gia yêu cầu chàng trả lời những câu hỏi mà họ quan tâm. Tuy nhiên, chàng hơi ngạc nhiên, khi một buổi sáng đẹp trời nọ, trong khi soạn những thư tín trao đổi, chàng đã phát hiện ra hai phong thư có dấu bưu điện Paris.

Trong bao thư thứ nhất chàng bóc ra thấy một tấm thiệp của Hội địa lý Pháp gửi thuyền trưởng "Aljaska" và những người cùng đi với thuyền trưởng, mời họ đến Paris để nhận huy chương danh dự lớn sẽ được trao tặng trong phiên họp trọng thể chào mừng cuộc hành trình đầu tiên đi vòng quanh thế giới trên vùng biển Bắc cực.

Phong thư thứ hai đã làm cho Êrik sửng sốt vì kinh ngạc. Ngoài phong bì có in một lớp bọc bằng cao su giống hình tấm huy chương trên đó nổi lên những chữ viết tắt "E.Đ" và câu danh ngôn "Semperidem"... Những chữ tắt và câu danh ngôn ấy cũng được in trên góc lá thư gấp để trong phong bì. Đó là thư của ngài Duyren, nội dung viết như sau:

"Cháu trai thân mến của ông! Hãy cho phép ông trong mọi trường hợp được xưng hô với cháu như vậy nhé. Ông vừa mới đọc trên tờ báo Pháp một bài báo dịch từ tiếng Thụy Điển ra nói về tiểu sử của một người. Bài báo đã làm cho ông xúc động đến nỗi không sao diễn đạt nổi. Nội dung của bài báo ấy nói về cháu. Cháu đã được một ngư dân Na Uy ở ngoại ô Berghen tìm thấy trên biển cách đây hai mươi hai năm. Lúc ấy cháu nằm trong một cái nôi được buộc vào chiếc phao cứu hộ có đề chữ "Cintia"; hành trình lên Bắc cực do cháu thực hiện với mục đích đặc biệt là tìm một người còn sống sót trong vụ đắm tàu "Cintia" xảy ra tháng Mười năm 1858 ở gần quần đảo

Farer. Và cuối cùng, cháu đã đi thám hiểm trở về, nhưng không làm sáng tỏ được điều gì.

Nếu mọi việc ấy đều đúng sự thật thì ông xin cháu hãy đánh điện trả lời ngay cho ông biết, đừng để chậm trễ một phút nào cả.

Bởi vì, nếu như vậy thì, cháu ạ, cháu hiểu cho sự sốt ruột của ông, những điều hoài nghi của ông và nỗi sung sướng của ông. Hoá ra cháu lại là cháu của ông đấy, đứa cháu mà bao nhiêu năm trời ông khóc thương, đứa cháu mà ông những tưởng đã phải vĩnh biệt rồi; cháu có nhẽ chính là người mà con gái ông, đứa con gái tội nghiệp của ông, từ sau khi xảy ra tấn thảm kịch trên tàu "Cintia" đã phải ôm trái tim tan nát và không ngớt gọi tên, không ngớt chờ đợi từng ngày - cháu là đứa con trai duy nhất, niềm an ủi và niềm vui duy nhất của con gái ông trong cảnh góa bụa đau xót của nó!...

Tìm được cháu còn sống và tiếng tăm lẫy lừng như thế - thật là một niềm hạnh phúc lớn lao và khó tin là có thật! Nhưng ông không định tin ngay vào điều hạnh phúc ấy, chừng nào ông chưa nhận được sự khẳng định của chính bản thân cháu... Tuy nhiên, mọi việc đều đúng y như sự thật!... Thậm chí trùng khớp đến cả những chi tiết nhỏ nhất. Nét mặt của cháu và toàn bộ phong thái của cháu gợi cho ông thấy cháu giống đứa con rể quá cố của ông một cách kỳ lạ. Lần duy nhất mà ông tình cờ được gặp cháu, ông đã lập tức thấy có cảm tình sâu sắc đối với cháu! Và bây giờ đây ông muốn tin rằng sự cảm tình theo bản năng ấy của ông đối với cháu hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên.

Cháu hãy đánh điện ngay cho ông vài lời dù chỉ vài lời thôi cũng được! Ngay ông cũng không biết ông sẽ sống đến cái phút ấy như thế nào nữa. Liệu lúc ấy ông có nhận được một câu trả lời mà ông hằng đau khổ và tha thiết chờ đợi đến thế không? Liệu giây phút ấy có đem đến cho đứa con gái tội nghiệp của ông và ông cái niềm sung sướng để đền bù lại cho công lao của ông trong suốt những năm dài đằng đẵng đau khổ và nước mắt không?

Ê. ĐUYREN

*Tổng lãnh sự đã về hưu
104, đường Dévaren, Paris "*

Kèm theo bức thư ấy là một văn bản có chữ ký xác nhận của ngài Duyren, cũng do tay ông viết, Êrik đọc ngấu ngiến dòng chữ như sau:

“Hồi tôi làm lãnh sự Pháp ở Tân Orlean, đưa con gái độc nhất của tôi là Katêrina đã lấy một thanh niên Pháp tên Zhorzh Duyren, cháu ngoại xa của chúng tôi, cùng quê Brêtanh với chúng tôi. Zhorzh Duyren là kỹ sư mỏ. Nó sang Mỹ để thực hiện việc khai thác những nguồn dầu mỏ mới được phát hiện, và dự tính ở Mỹ vài năm. Chàng Duyren thường lui tới nhà tôi và đã được tiếp đón một cách xứng đáng. Và khi chàng cầu hôn với con gái tôi thì tôi đã đồng ý mà không do dự. Sau đám cưới của con gái tôi chẳng được bao lâu, tôi đột nhiên được cử làm lãnh sự ở Riga và đành phải chia tay với con gái, bởi vì con rể tôi có nhiều công việc quan trọng cần phải ở lại Mỹ. Tại đây con gái tôi đã sinh được một đứa con trai; thằng bé được lấy tên của tôi và tên của bố nó ghép lại để làm tên của mình: Êmil-Anri-Zhorzh.

Nửa năm sau, con rể tôi bị chết trong một tai nạn không may dưới mỏ, Katrina tội nghiệp góa chồng lúc mới hai mươi tuổi, đã vội vàng thu xếp mọi công việc và đáp tàu “Cintia” rời New York đi Hamburg để đến chỗ tôi bằng con đường ngắn nhất.

Ngày 7 tháng Mười năm 1858, “Cintia” bị tai nạn ở phía Đông quần đảo Farer. Bối cảnh của tai nạn đã gây nên nhiều sự ngờ vực, nhưng chưa được làm sáng tỏ. Khi hành khách của chiếc tàu đắm được chuyển lên các xuồng thì đứa cháu trai bảy tháng của tôi được mẹ cháu để trong nôi và buộc chung vào một chiếc phao cứu hộ đã bị rơi từ boong tàu xuống hoặc bị ai đó vứt xuống biển và bị bão cuốn đi mất.

Phát điên lên vì cái cảnh khủng khiếp ấy, con gái tôi định lao theo đứa con của mình xuống vực biển, nhưng người ta đã kịp giữ nó lại và chuyển sang

một cái thuyền khác trong lúc nó bị ngất xỉu. Trên chiếc thuyền này có ba người nữa. Chỉ duy có thuyền ấy là còn nguyên vẹn mà thôi. Sau bốn mươi tám tiếng đồng hồ nó đã tấp vào một hòn đảo thuộc quần đảo Farer. Từ đây, con gái tôi bị kiệt sức sau bảy tuần lễ sốt ác liệt, đã được một người thủy thủ ân cần chăm sóc và đưa về Riga. Người thủy thủ ấy, chẳng những đã cứu con gái tôi thoát chết mà còn đưa nó về với cha. Zhôn Đinmen - tên chàng trai quý hóa ấy - về sau đã chết ở tiểu Á, trong khi phục vụ ở chỗ tôi.

Chúng tôi hầu như đã không hy vọng đứa cháu tội nghiệp của chúng tôi còn sống được sau vụ đắm tàu. Tuy nhiên, tôi đã thực hiện những cuộc tìm kiếm ở các quần đảo Farer và Shetland và trên vùng duyên hải Na Uy về phía Bắc thành phố Berghen. Tôi không nghĩ rằng cái nôi có thể bị cuốn đi xa hơn. Mãi 3 năm sau tôi mới chịu thôi, không tìm tiếp nữa, và làng Nôrô không nằm trong khu vực khảo sát chỉ vì lý do duy nhất là nó ở khuất và khá xa biển khơi.

Khi mọi hy vọng đều đã bị tiêu tan, tôi hết mình chăm lo cho con gái tôi, bởi vì trạng thái thể xác và tâm hồn của nó đòi hỏi phải có sự chăm sóc chu đáo. Sau khi tôi đã yêu cầu và được chuyển về miền Đông, tôi vẫn cố tìm mọi cách cho con gái tôi đi du lịch và tham gia các cuộc khảo sát khoa học của tôi để giúp nó khuây khỏa nỗi lòng. Nó đã tham dự vào tất cả các công việc của tôi và là người giúp việc trung thành của tôi. Nhưng than ôi, tôi chưa bao giờ xua tan được nỗi buồn vô hạn của nó cả. Cuối cùng, hai năm sau, tôi xin nghỉ hưu, và chúng tôi đã trở về nước Pháp. Từ đó đến nay, chúng tôi sống thay đổi, lúc ở Paris, lúc ở ngôi nhà cũ của tôi ở Val-Fere gần Brest. Thế là, phải chăng số phận đã định cho chúng tôi sẽ được gặp lại đứa con trai của mình, đứa cháu mà chúng tôi đã bao năm khóc thương - nó sẽ bước qua ngưỡng cửa của ngôi nhà ấy? Niềm hy vọng hấp dẫn quá, đến nỗi tôi không dám báo cho con gái tôi biết, trong khi tôi chưa nắm chắc hoàn toàn sự việc. Quả thật đây là một cuộc hồi sinh thật sự! Và nếu bây giờ tôi phải từ bỏ niềm mơ ước của mình thì đó sẽ là điều thất vọng cay đắng biết nhường nào!...

Hôm nay là thứ Hai. Ở bưu điện người ta cho tôi biết thứ Bảy tôi có thể nhận được trả lời!..."

Êrik khó khăn lắm mới đọc xong lá thư. Những giọt lệ làm mắt chàng mờ đi. Cũng như ngài Duyren, chàng sợ vội vàng tin vào niềm hy vọng đột ngột đến với chàng, nhưng chàng cũng nói với mình rằng mọi cái đều trùng hợp: sự việc, ngày tháng và những tình tiết nhỏ nhất... Đó có lẽ là một sự kỳ lạ thật sự! Làm sao chàng có thể tin được vào điều đó sau ngần ấy thất vọng!

Cùng một lúc tìm được cả gia đình, mẹ và tổ quốc! Và tổ quốc mới tuyệt làm sao!...Đúng là tổ quốc mà chính chàng đã mong muốn lựa chọn, bởi vì đây là một nơi đã thể hiện được một cách kỳ diệu nhất tất cả những hào hoa, tài năng và sự cao cả của nhân loại. Bởi vì nơi đây qui tụ những thiên tài của nền văn minh cổ đại, tinh thần và ngọn lửa của các thời đại mới!

Chàng cảm thấy như chàng đang nằm mơ thấy tất cả những chuyện đó. Biết bao lần niềm hy vọng đã lừa dối chàng!...Và bây giờ đây, có thể là chỉ cần một lời của bác sĩ thôi cũng đủ để làm tiêu tan niềm mơ ước tuyệt vời.

Nhưng đầu thế nào thì trước hết cũng cần phải hỏi ý kiến bác sĩ đã.

Bác sĩ chăm chú đọc bức thư, nhiều lần phải thốt lên những tiếng reo ngạc nhiên và vui mừng.

- Không có gì đáng nghi ngờ cả - cuối cùng ông nói -Mọi tình tiết đều hết sức khớp với nhau, kể cả những điều mà ông phóng viên không quên nói tới, những chữ viết tắt thêu trên quân áo, câu danh ngôn khắc trên chiếc nhẫn nhỏ, đều y hệt như trên phong bì và thư của ngài ấy... Chú bé yêu quý của tôi, lần này thì con tìm thấy gia đình mình thật rồi! Con phải đánh điện ngay cho ông con đi...

- Nhưng báo cho ông thế nào ạ? - Êrik hỏi, tái người đi vì sung sướng.

- Con hãy báo là ngày mai con đáp tàu tốc hành, và con mong sớm được ôm mẹ và ông!

Chỉ kịp trao đổi một cái bắt tay nồng nhiệt với con người cao thượng ấy, chàng thuyền trưởng trẻ chạy luôn ra khỏi nhà và nhảy lên một chiếc xe ngựa, để tranh thủ thời gian đến nhà bưu điện sớm.

Ngày hôm đó chàng đáp tàu tốc hành từ Xtôckhôm đi Malmjô ở vùng biển phía Tây Thụy Điển, tăng bo qua một cái eo mát hai mươi phút gì đó, rồi chuyển sang tàu hỏa đi Kôpenhaghen chạy suốt qua Hà Lan và Bỉ, sau đó chuyển lên tàu Bruysel -Paris.

Bảy giờ tối hôm thứ bảy, đúng ngày thứ sáu kể từ khi ngài Duyren gửi lá thư của mình đi, ông náo nức vui mừng đợi gặp đứa cháu mình ở nhà ga Bắc.

Dọc đường, Êrik đã liên tục gửi hết bức điện này đến bức điện khác để rút ngắn cho cả hai người những giây phút chờ đợi mệt mỏi.

Cuối cùng, con tàu đã ầm ầm lao qua những vòm cửa kính cao của nhà ga.

Ngài Duyren và đứa cháu trai của ngài lao đến ôm chầm lấy nhau. Trong những ngày gần đây nhất, họ đã gắn bó với nhau trong những ý nghĩ của mình đến mức cả hai đều đã bắt đầu thấy như quen biết nhau từ lâu lắm ra.

- Thế mẹ cháu đâu ạ? - Êrik hỏi.

- Ông vẫn chưa dám kể hết mọi điều cho mẹ cháu biết, chừng nào ông chưa gặp mặt cháu - ngài Duyren trả lời, chuyển ngay sang cách xưng hô triu mến “ông - cháu”.

- Mẹ cháu vẫn chưa biết gì ạ?

- Mẹ cháu đang nghi hoặc, sợ hãi, hy vọng! Khi vừa nhận được điện của cháu một cái là ông bắt đầu dần dần chuẩn bị tinh thần cho mẹ cháu, chẳng bao lâu nữa sẽ được đón nhận niềm vui chưa từng có. Ông bảo với mẹ cháu rằng hình như có một sĩ quan Thụy Điển muốn tìm gặp ông; rằng ở Brest ông đã gặp một thủy thủ trẻ và rất có cảm tình với anh ta... Nhưng mẹ cháu vẫn chưa biết gì cả và chưa đoán ra được điều gì hết, mặc dù đã bắt đầu nghi rằng có tin mới nào đây... Sáng nay, sau bữa điểm tâm, khó khăn lắm ông mới giấu được mẹ cháu nỗi sốt ruột của mình. Ông cảm thấy mẹ cháu chăm chú quan sát ông. Nhiều lần ông thấy mẹ cháu cứ định đòi ông phải thật tình giải thích hết mọi chuyện. Thú thật, ông sợ nhất điều đó. Ai mà biết được chuyện bất hạnh gì đây sẽ có thể giáng xuống ông và mẹ cháu, nếu như xảy ra một sự ngộ nhận hắt hờn hoặc phát sinh một trở ngại không lường trước! Trong một chuyện như của chúng ta thế này, có thể đề phòng tất cả... Để khỏi phải gặp mẹ cháu trưa nay và khỏi lâm vào tình trạng khó xử, ông đã phải viện cớ có công chuyện gấp để trốn đi. Không đợi lấy hành lý, họ đi về phố Dêvaren bằng chiếc xe ngựa hai chỗ ngồi do chính ngài Duyren điều khiển.

Trong khi đó, ở nhà một mình, bà Duyren sốt ruột đợi cha về.

Ngài Duyren đã đoán đúng, con gái ngài định sau buổi ăn trưa sẽ mời cha nói chuyện thẳng thắn. Đã mấy ngày nay bà thấy lo lắng trước những cử chỉ lạ lùng của cha và rất nhiều những bức điện mà cha nhận được, trước những lời bóng gió mơ hồ nào đó mà cha thường nói. Hai cha con đã quen tin nhau trong mọi ý nghĩ và tình cảm của mình, vì vậy bà không hề nghĩ rằng cha lại có thể giấu giếm mình điều gì. Đã nhiều lần bà định thổ lộ với cha, nhưng lại không lỡ phá mất ý đồ "lặng thinh đến cùng" của cha. "Chắc là cha đang chuẩn bị cho mình một sự bất ngờ gì đây - bà nghĩ - chẳng nên làm cha mất vui".

Nhưng hai ba ngày gần đây và nhất là buổi sáng hôm nay bà thấy có cái gì đấy rất là nóng lòng sốt ruột biểu hiện trong mỗi cử chỉ của ngài Duyren, trong ánh mắt hạnh phúc của ngài...

Và bỗng bà như chợt hiểu ra điều gì. Bà lơ mơ hiểu rằng đã có những dấu hiệu hy vọng nào đó xuất hiện, rằng cha có lẽ đã lần ra được dấu vết nào đấy và lại hy vọng tìm ra đứa con trai mất tích của bà. Thậm chí cho rằng sự việc đã tiến triển xa nên bà đã kiên quyết hỏi dò cha mọi tình tiết.

Bà Duyren chưa bao giờ từ bỏ ý nghĩ cho rằng con trai bà vẫn có thể còn sống. Chừng nào người mẹ chưa tận mắt thấy đứa con mình chết, chừng ấy bà vẫn chưa tin rằng nó chết. Bà sẽ làm cho mình tin rằng những người chứng kiến đã nhầm, và thậm chí nhiều năm trôi qua, nhưng bà vẫn hy vọng

đứa con mất tích sẽ bất ngờ trở về và bà cứ đợi chờ nó suốt.

Nói về bà Duyren thì bà có những cơ sở lớn hơn nhiều người khác để gìn giữ, ấp ủ hy vọng của mình. Tất cả những nỗi khủng khiếp đã trải qua vẫn còn rõ như in trong ký ức của bà, những bức tranh bị thương vẫn như hiện ra trước mắt bà, tựa hồ những sự kiện của hai mươi hai năm trước mới xảy ra đâu hôm qua vậy.

Bà nhìn thấy trước mắt mình chiếc tàu “Cintia” bị bão táp bao vây suýt đắm ngay từ đợt sóng đầu tiên đập vào. Bà thấy mình đang buộc đứa con vào một chiếc phao cứu hộ to giữa lúc hành khách và thủy thủ đánh nhau giành chỗ trên các xuồng cứu hộ. Bị đám đông chen lấn, bà van xin, yêu cầu mọi người cho dù chỉ một mình đứa con bà xuống xuồng thôi cũng được. Nhưng lúc ấy, một người nào đó đã giật lấy từ tay bà cái bấu vớt vô giá ấy của bà, còn bản thân bà thì bị ném xuống xuồng. Hầu như đúng lúc ấy, một cơn sóng mới đã ập đến, và ôi thật là khủng khiếp! Cái phao cứu hộ thoáng hiện trên ngọn sóng, những dải đăng ten của chiếc nôi bay tung lên và thế là cơn gió đã cuốn phăng miếng mồi của nó, như cuốn một cái lông hồng rơi vào luồng bão. Tiếng gào thét xé lòng hòa lẫn với những tiếng kêu la, rên rỉ thảm thiết của những con người khiếp sợ. Rồi cuộc vật lộn tuyệt vọng, bóng đêm ập xuống, ngất lịm mê man... Sau đó tỉnh dậy, đau xót vô cùng, những đêm sốt và mê sảng vật vã... Và kể đến là những cuộc tìm kiếm kéo dài và không có kết quả, là nỗi đau đớn tuyệt vọng, thu hút hết mọi tình cảm khác của bà.

Ôi, sao mà tất cả những điều ấy còn in rõ trong tâm trí bà đến thế! Hay nói đúng hơn, tấn bi kịch đã qua đó tác động đến bà một cách ghê gớm, đến nỗi bà không thể hồi phục trở lại được nữa. Gần một phần tư thế kỷ đã qua, kể từ khi xảy ra chuyện ấy, vậy mà bà Duyren vẫn tiếp tục khóc thương đứa con mình như những ngày đầu vậy. Trái tim người mẹ khôn khổ của bà đã kiệt sức vì đau khổ, và cả cuộc đời của bà, cuộc đời ảm đạm màu tang, đã được hiến trọn cho những hồi ức.

Bà vẫn thường tưởng tượng trước mắt mình hiện lên hình ảnh đứa con trai, lần lượt từ nhỏ tới lớn. Tuổi thơ ấu được thay thế bằng tuổi thiếu niên, cậu thiếu niên trở thành chàng thanh niên. Cứ sau mỗi tuổi bà lại tưởng tượng về nên bức tranh con trai bà có thể trở thành một người như thế nào và trong thực tế nó có thể là người như thế nào... bởi vì không có phút nào bà nguôi tin rằng con bà sẽ trở về. Không gì có thể làm lung lay được niềm hy vọng bản năng của bà - kể cả những điều bận rộn vô ích, những cuộc tìm kiếm không có kết quả và thời gian đã trôi qua.

Đây là lý do tại sao buổi chiều hôm ấy bà đã chờ đợi cha với ý định kiên quyết giải tỏa mọi điều nghi ngờ đã giày vò bà.

Ngài Duyren bước vào phòng. Cùng đi với ông là một chàng thanh niên được giới thiệu với bà như sau:

- Con yêu quý, đây chính là Êrik Hecsêbom mà cha đã kể với con. Cậu ấy vừa mới đến Paris - Hội địa lý đã xét tặng cậu huy chương danh dự lớn, và cậu đã dành cho cha điều vinh dự là vui lòng đến thăm nhà ta.

Trên đường từ ga về hai người đã thỏa thuận với nhau về cách ứng xử của Êrik. Chuyện về đứa bé được tìm thấy ở gần Nôrô thì chàng sẽ nói sau và làm như vô tình nhắc đến thôi. Và khi nói phải rất cẩn thận để không gây cho bà Duyren sự chấn động mạnh mẽ và gợi cho bà nghĩ rằng chàng chính là con trai của bà. Nhưng, khi Êrik nhìn thấy người mẹ của mình, chàng không còn đủ sức đóng cái vai ấy nữa. Người trắng bệch ra như tờ giấy, chàng cúi đầu chào, không thốt nên lời.

Còn bà mẹ thì niềm nở chào chàng, hơi nhồm dậy trong chiếc ghế bành. Và, bỗng mắt bà mở to, môi bà run run, đôi tay bà chìa ra phía trước chào đón.

- Con trai tôi! Cậu là con trai tôi! - bà kêu lên và lao về phía Êrik - Phải rồi, con, con... con đúng là con của mẹ rồi! - bà nói - Mẹ đang thấy trước mặt mẹ là cha của con! Cha con đang sống lại trong toàn bộ hình ảnh của con.

Trong khi đó, Êrik, nước mắt đầm đìa, quỳ xuống trước mặt mẹ mình.

Người phụ nữ tội nghiệp ôm lấy đầu con, hôn vào trán con, phát điên lên vì sung sướng và hạnh phúc.

Chú bé thoát nạn đắm tàu

Dịch giả : Phạm Hậu

Chương hai mươi hai

VAL - FERE - ĐOẠN KẾT

Một tháng sau, các vị khách từ Nôrô và Xtôckhôm đã tới Val-Fere ở ngoại vi thành phố Brest để dự cuộc họp mặt gia đình trọng thể ở nhà của mẹ và ông Êrik. Bà Duyren thiết tha mong muốn được những con người nhân từ, bình dị đã cứu con trai bà chia sẻ với bà niềm vui lớn lao không gì sánh nổi. Bà muốn dù thế nào chăng nữa cũng phải đón tiếp không những bà mẹ Katrina và Vanda, bác Hecsêbom và Ôttô mà cả bác sĩ Svariênkrôna, Kaisa, Brêdêzhor và Maljarius tại nhà riêng của mình.

Sống giữa cảnh thiên nhiên khắc nghiệt của miền Brêtanh gần biển Armôrikan (một phần vịnh giáp bờ bán đảo Brêtanh) hẳn là các vị khách Na Uy cảm thấy mình đỡ bị cách biệt quê hương hơn là ở phố Êvaren, Paris. Họ đã thực hiện các cuộc dạo chơi xa trong các khu rừng ở ngoại ô, thông báo cho nhau những điều mới được ngài Duyren cho biết, bàn luận những

chuyện tản mạn, đối chiếu những tin tức rời rạc, cố làm rõ toàn bộ sự việc liên quan đến Êrik mà họ thấy còn nhiều chỗ mờ mịt và khó hiểu. Và dần dần, qua các cuộc tọa đàm và tranh luận kéo dài, chân lý đã được xác lập.

Trước hết, Tuyđor Braun là ai? Món tư lợi nào đã khiến y với sự giúp sức của Patric Ô Đônôgan cản trở việc tìm kiếm gia đình của Êrik? Cái điều mà tên người Ailen bất hạnh đã nói ra, ý nghĩa biết bao! Hẳn ta đã gọi Tuyđor Braun là Zhons và chỉ biết y dưới cái tên ấy mà thôi. Mà chính Noi Zhons chứ không phải ai khác lại là người cùng hùn vốn với cha của Êrik khai thác một nguồn dầu hỏa do một kỹ sư trẻ phát hiện ở Pensilvania! Chỉ cần xác định sự thật này thôi cũng đủ làm cho những sự việc mới đây còn cảm thấy bí ẩn bỗng trở nên sáng tỏ.

Vụ đắm tàu "Cintia" rất đáng ngờ, việc đứa bé bị rơi xuống biển, mà có thể cả cái chết của cha Êrik nữa - tất cả những điều ấy - than ôi! - đều là kết quả của một bản giao kèo vô cùng nguy hại mà ngài Duyren đã phát hiện ra qua các giấy tờ còn để lại của con rể mình. Ngài đã kể lại nội dung bản giao kèo ấy, có giải thích thêm một số điều khoản.

- Trước khi cưới vợ mấy tháng - ngài Duyren thông báo với các bạn của Êrik - con rể tôi có phát hiện một nguồn dầu mỏ ở gần Harisberg. Vì nó không đủ vốn để xác lập quyền sở hữu lô đất của mình, nên nó cảm thấy bị mất hết mọi lợi lộc do sự phát hiện ấy mang lại. Nhưng nó đã gặp ở đây một lão Noi Zhons nào đấy xưng là kỹ nghệ gia ngành chăn nuôi ở miền Viễn Tây, kỳ thực, sau này mới biết, y là tên chuyên buôn bán người nô lệ ở Nam

Karôlina. Y tự nguyện xin hùn một số vốn cần thiết để mua và sau đó khai thác mỏ dầu "Vandalia". Nhưng, dưới hình thức đền bù phí tổn, y đã buộc Zhorzh ký một bản giao kèo hoàn toàn bất bình đẳng. Theo bản giao kèo ấy thì Noi Zhons được tính phần lợi nhuận lớn hơn. Khi con gái tôi đã đi lấy chồng, tôi không biết gì về điều kiện của bản giao kèo cả, và nói chung, thì chính bản thân Zhorzh cũng không nghĩ ngợi gì về bản giao kèo ấy. Có thể nói rằng, nó không biết gì về chuyện đại loại như thế. Là người cực kỳ thông minh, toàn diện, vừa là kỹ sư, nhà hóa học, vừa là nhà cơ khí xuất sắc nó hoàn toàn không có kinh nghiệm trong những việc thương mại và do việc không am hiểu ấy của mình mà nó đã hai lần bị mất cơ nghiệp. Không còn nghi ngờ gì nữa, cả trong quan hệ với tên Noi Zhons nó cũng cả tin. Rất có thể là nó đã ký vào bản giao kèo song phương của gã kia ần cho, mà không đọc trước. Đây là những điều khoản và kết luận chủ yếu tiêu biểu cho mẫu mực văn phong Ănglô - Săcsông.

- ... "Điều 3: Nguồn dầu lửa "Vandalia" là tài sản toàn vẹn của người phát hiện ra nó là Zhorzh Duyren và người hùn vốn là Noi Zhons.

"Điều 4: Noi Zhons được đặc quyền điều hành tất cả các khoản kinh phí, tiêu thụ sản phẩm, thu lại, thanh toán chi phí với sự cam kết hàng năm phải

báo cáo trước người cùng công ty của mình và chia thực lãi với người cùng công ty nói trên. Về phía mình, Zhorzh Duyren chịu trách nhiệm lãnh đạo các công tác và kỹ thuật khai thác nguồn dầu.

“Điều 5: Trong trường hợp nếu một trong hai người cộng chủ muốn bán phần của mình, thì người ấy phải ưu tiên bán cho người cùng công ty với mình, người mua sau khi được thông báo chính thức sẽ được dành thời hạn ba tháng để quyết định, sau đó sẽ trở thành người chủ duy nhất và trả cho người cùng công ty với mình trước đây một khoản tiền bằng một phần ba số tiền thực thu hàng năm được xác định theo bản kiểm kê cuối cùng.

“Điều 6: Chỉ có con của người cùng công ty mới được thừa kế các quyền lợi của người ấy. Nếu một trong số những người cùng công ty bị chết mà không có con, hoặc trong trường hợp bị chết khi một đứa con hoặc các con của người cùng công ty đã quá cố chưa đến tuổi hai mươi, thì người cộng chủ còn sống sẽ trở thành người sở hữu duy nhất của xí nghiệp và các khoản tiền vốn, loại trừ tất cả những người thừa kế khác của người quá cố.

- Bản giao kèo như vậy đó - Ngài Duyren nói tiếp. Con rể tương lai của tôi đã ký bản giao kèo ấy trong lúc nó chưa nghĩ đến việc lấy vợ và trong khi mọi người chung quanh, có lẽ chỉ trừ một mình Noi Zhons, chưa ai hình dung được việc khai thác nguồn dầu lửa "Vandalia" sẽ đem lại những khoản thu nhập lớn như thế nào. Các công việc thăm dò chưa kết thúc và mới chỉ bắt đầu vài việc nắm tình hình thôi. Có lẽ tên Mỹ tính làm nguội sự hăng hái của người cùng công ty và gạt người ấy ra khỏi công việc, đã tìm mọi cách cường điệu những khó khăn của việc khai thác mỏ dầu để chẳng bao lâu nữa giành toàn quyền sở hữu về mình. Việc Zhorh lấy con gái tôi, việc sinh thằng cháu yêu quý của chúng tôi và việc bất ngờ xác định được giá trị to lớn của nguồn dầu, tất cả những điều đó, dĩ nhiên, đã làm thay đổi tình hình một cách căn bản. Bây giờ không thể nói đến chuyện Noi Zhons mua với giá mạt cái lô đất sinh lời đó nữa rồi. Muốn có khả năng ấy thì chỉ có cách làm cho, đầu tiên là Zhorzh và sau đó là người thừa kế duy nhất của nó, biến khỏi mặt đất. Và thế là, sau khi nó lấy vợ được hai năm và sau khi đứa cháu trai của chúng tôi sinh được sáu tháng, xác của Zhorzh được tìm thấy bên cạnh một giếng khoan, mà theo lời các bác sĩ thì do bị hơi độc. Lúc ấy tôi không còn ở Mỹ nữa, bởi vì tôi đã được cử làm lãnh sự ở Riga trước khi xảy ra những sự kiện này. Vấn đề thừa kế đã được tòa án điều chỉnh lại. Noi Zhons tỏ ra mình là người tốt và đã đồng ý thực hiện mọi nghĩa vụ đối với con gái tôi. Hồi ấy đã thỏa thuận là y sẽ vẫn như cũ tiếp tục điều hành các khoản vốn chung và cứ nửa năm một lần đem nộp vào ngân hàng trung tâm ở Niu-York phần thu nhập thực tế thuộc về đứa bé. Thế nhưng, thậm chí phần thu nhập của kỳ sáu tháng thứ nhất hẳn đã không phải trả. Vì muốn mau chóng được gặp tôi, con gái tôi đã lọt vào sổ hành khách của tàu

"Cintia" bị tai nạn trong những hoàn cảnh rất đáng nghi ngờ. Do đó, công ty bảo hiểm đã được dịp rũ bỏ mọi trách nhiệm, còn người thừa kế duy nhất của Zhorzh thì đã mất tích trong thời gian xảy ra tai nạn... Từ đó Noi Zhons trở thành người toàn quyền sở hữu mỏ dầu "Vandalia", hàng năm đem lại cho y bình quân một trăm tám mươi nghìn đô la thực lãi.

- Và ngài cùng không khi nào nghi ngờ rằng y đã dính dáng vào tất cả những tai nạn tiếp theo vụ ấy? Brêdêthor hỏi.

- Tất nhiên, nghi ngờ chứ, điều đó là hoàn toàn tự nhiên, bởi vì sự chồng chất những thảm cảnh ngẫu nhiên ấy tiếc thay nhằm một mục đích đã quá rõ ràng. Nhưng tôi làm sao có thể lý giải được những điều nghi ngờ của mình trước cơ quan tư pháp? Trong tay tôi không có bằng cứ sự việc mà chỉ có những điều phỏng đoán mơ hồ. Theo kinh nghiệm, tôi biết rằng khó có thể dựa được vào tòa án, khi vấn đề lại liên quan đến việc tranh chấp giữa công dân của các quốc gia khác nhau... Hơn nữa, tôi cũng muốn an ủi hoặc ít nhất muốn tránh cho con gái tôi khỏi những điều suy nghĩ phiền toái, mà việc kiện cáo thì chỉ có làm tăng thêm những nỗi đau khổ của con tôi mà thôi. Đây là chưa nói đến chuyện người ta có thể gán cho tôi là hám lợi. Có đáng tiếc về chuyện ấy không? Nhưng tôi nghĩ và vẫn tự tin rằng tôi có làm thì đảng nào cũng chẳng đạt được kết quả gì đâu. Các ngài tự biết đấy, thậm chí ngay bây giờ đây khi đã thu thập được đủ tình hình và sự việc mà chúng ta đã biết, chúng tôi cũng không dễ gì đi đến một kết luận nào đó dứt khoát được!

- Nhưng Patric Ô Đônôgan có thể đóng vai trò như thế nào trong việc này? - bác sĩ Svariênkrôna nêu câu hỏi.

- Về Patric Ô Đônôgan, cũng như về nhiều chuyện khác - ngài Duyren nói - chúng ta đành chỉ giới hạn ở những dự đoán mà thôi. Nhưng có một căn cứ mà tôi thấy chắc chắn hơn cả là thế này. Đây chính là Ô Đônôgan, thủy thủ tập sự trên tàu "Cintia", giúp việc cho thuyền trưởng, thường xuyên tiếp xúc với các hành khách hạng nhất ăn trưa tại phòng chung. Tất nhiên là hắn biết tên, biết nguồn gốc người Pháp của con gái tôi và có thể nhận ra được con gái tôi trong đám đông hành khách. Liệu Noi Zhons có giao cho hắn một công việc tội lỗi nào không? Tên thủy thủ ấy có nhúng tay vào vụ đắm tàu "Cintia" đáng ngờ không, hoặc đơn giản hơn, vào vụ bỏ đứa bé xuống biển không? Vì hắn không còn nữa, nên chúng ta chẳng bao giờ biết được điều ấy. Nhưng dù thế nào thì Patric Ô Đônôgan cũng hiểu rõ "đứa bé trên phao cứu hộ" có ý nghĩa như thế nào đối với người cùng công ty với Zhorzh Duyren đã quá cố. Mà một người như Ô Đônôgan, cái tên lười biếng và con sâu rọu ấy, hoàn toàn có thể nghĩ đến chuyện lợi dụng những tin tức về đứa bé vào những mục đích vì lợi. Tên Ô Đônôgan có biết rằng "đứa bé trên phao cứu hộ" vẫn còn sống không? Phải chăng chính hắn đã giúp cứu đứa bé

bằng cách hoặc là đã vớt cháu bé trên biển, rồi sau đó đem để vào một nơi gần Nôrô, hoặc là bằng một cách khác nào đấy? Đó cũng là điều bí ẩn. Nhưng, có một điều chắc chắn là: Hấn đã báo cho Noi Zhôns biết đứa bé vẫn còn sống sau vụ đắm tàu và rằng hấn, Patric, biết nơi đứa bé đã được cứu vớt. Và dĩ nhiên là hấn không quên hăm dọa Noi Zhôns rằng đứa bé “trên phao cứu hộ” sẽ biết hết mọi chuyện nếu như có điều chẳng lành nào đó sẽ xảy ra với hấn - Patric Ô Đônôgan. Noi Zhôns đã buộc phải trả công cho sự im lặng của hấn. Đó chắc chắn là sự thu nhập không thường xuyên mà tên người Ailen đã sử dụng ở Niu-York mỗi lần hấn đến đây.

- Tôi cảm thấy điều ấy rất đúng với sự thật - Brêdêzhor nói - Và tôi xin nói thêm ý kiến cá nhân là các sự kiện tiếp theo đó hoàn toàn đúng với dự đoán của ngài. Những thông báo của bác sĩ Svariênkrôna trên báo chí đã làm cho tên Noi Zhôns lo lắng. Hấn đã làm tất cả những gì có thể để thoát khỏi tên Patric Ô Đônôgan, nhưng buộc phải hết sức thận trọng. Bởi vì tên Ailen đã nói những biện pháp đề phòng của hấn cho Noi Zhôns biết rồi. Noi Zhôns có lẽ đã mang những điều thông báo này ra dọa hấn, buộc hấn phải tránh sự can thiệp của cảnh sát. Kết luận này được rút ra từ câu chuyện của Boul, chủ tửu quán "Mỏ neo đỏ" ở Niu-York, và từ bản thân việc Patric Ô Đônôgan vội vã chuồn khỏi đây. Hấn là hấn cho rằng người ta có thể bắt hấn như bắt một tên tội phạm và giao nộp cho một nước khác, nên hấn đã lánh đến tận nơi heo hút nhất ở vùng cực Bắc (vùng các dân tộc ít người như Nhenhét, Chukchi và một số dân tộc khác ở cực Bắc nước Nga) này, hơn nữa, lại mang một cái tên khác. Rõ ràng là Noi Zhôns đã mớm cho hấn cái ý đó, và từ đây tên Zhôns đã tự coi mình được bảo đảm an toàn, thoát khỏi mọi điều bắt bớ. Nhưng, những lần thông báo kiên trì tìm Patric Ô Đônôgan, như người ta nói, đã xoáy vào tim óc tên Zhôns, Cho nên thậm chí y đã phải chấp nhận một chuyến đặc biệt đến Xtôckhôm để buộc chúng ta phải tin Patric Ô Đônôgan đã chết và tận mắt thấy rõ ràng cuộc điều tra của chúng ta đã tiến khá xa. Cuối cùng, một thông tin từ tàu "Vêga" đã được công bố và "Aljaska" đã lên đường bơi đến các biển Bắc cực. Noi Zhôns, hay Tuyđor Braun cũng vậy, thấy không tránh khỏi cái chết, bởi vì y có cơ sở để không tin vào Patric Ô Đônôgan, nên đã không dừng lại trước bất kỳ tội ác nào, miễn sao hấn khỏi bị trừng trị là được. May quá, mọi sự kết thúc tốt đẹp đối với chúng ta và bây giờ chúng ta có quyền nói rằng chúng ta đã thoát nợ một cách nhẹ nhàng!

- Biết đâu đấy có thể là những thử thách đã qua rốt cuộc đã giúp chúng ta đạt tới mục đích cũng nên? - bác sĩ nói - Nếu không có việc bắt hạnh ở Bas-Fruad thì có lẽ chúng ta đã vẫn đi con đường cũ qua kênh Xuyê và đến eo biển Bêrinh chậm, thành ra không gặp được "Vêga" ở đó rồi còn gì. Và càng ít tin được rằng chúng ta có thể moi được ở Patric Ô Đônôgan cái lời duy

nhất đã giúp ta tìm ra được dấu vết tên tội phạm ấy, nếu như chúng ta gặp hấn trong đám của Tuyđor Braun!... Như vậy là cuộc hành trình của chúng ta, mặc dầu lúc đầu có những chuyện bi thảm thật, nhưng cuối cùng cũng đã giúp chúng ta tìm được gia đình của Êrik. Đó là nhờ hành trình vòng quanh thế giới của "Aljaska" đã làm cho cậu chàng trở nên tiếng tăm như vậy!

- Vâng - bà Duyren nói, âu yếm xoa mái tóc xoăn của con trai - Vinh quang đã giúp cho cháu trở về với tôi.

Đoạn bà nói thêm :

- Tội lỗi đã cướp mất thằng bé của tôi, còn sự nhân từ của các bạn chẳng những đã bảo toàn được cháu mà còn làm cho cháu trở thành con người có tiếng tăm.

- Và hơn thế nữa, cái tên súc sinh Noi Zhons ấy, thật là ngoài ý muốn của y, đã phải trả cho cháu một khoản tài sản mà nhiều người giàu ở Mỹ cũng phải phát ghen! - Brêđêzhor kêu lên.

Mọi người nhìn ông với vẻ ngạc nhiên.

- Không còn phải bàn cãi gì nữa - ngài trạng sư lão luyện nói tiếp - Chẳng phải Êrik đã không được thừa kế của cha mình những khoản thu nhập do dầu mỏ "Vandalia" đem lại đó sao? Chẳng phải cháu đã từng suốt hai mươi năm bị tước đoạt khoản thu nhập ấy một cách bất hợp pháp đó sao? Và chẳng phải đã có đủ những chứng cứ đơn giản nhất của số người đã biết cháu từ hồi còn bé, kể từ bác Hecsêbom và bà Katrina, vợ bác, cho đến ngài Maljarius và chúng tôi, để phục hồi dòng họ của cháu và công nhận quyền thừa kế của cháu đó sao?

Nếu Noi Zhons còn để lại con cái, thì chúng phải chịu trách nhiệm trước pháp lý về món nợ lớn quá hạn ấy; số nợ này có lẽ sẽ ngốn hết toàn bộ phần vốn chung thuộc về chúng. Nếu tên bất nhân ấy không có con, thì theo những điều kiện của bản giao kèo mà ngài Duyren đã đọc cho chúng ta nghe, Êrik sẽ là người thừa kế hợp pháp duy nhất toàn bộ tài sản ấy. Trong mọi trường hợp, Êrik sẽ phải có ở Pensilvania một khoản thu nhập hàng năm ít nhất là một trăm năm mươi hoặc hai trăm ngàn đô la.

- Ủi chà! - bác sĩ Svanênkrôna tươi cười nói - các bạn đã thấy chàng trai đánh cá nhỏ bé xứ Nôrô chưa! Bây giờ đây anh chàng đã có một món tài sản lớn đấy chứ!... Một người được giải thưởng của Hội địa lý, người đầu tiên thực hiện cuộc hành trình vòng quanh thế giới qua Bắc cực, chàng trai có khoản thu nhập "khiêm tốn" hai trăm ngàn đô la một năm - một chú rể như thế dễ gì kiếm nổi ở Xtôckhôm! Cháu nghĩ thế nào, hả Kaisa?

Trước lời nhận xét hài hước ấy, mà hiển nhiên là người bác của cô cháu gái không nghi ngờ tính chất tàn nhẫn của nó, cô gái đỏ bừng mặt. Đến lúc ấy Kaisa mới nhủ mình là đã không biết nhìn xa, đã "đẩy" mất một anh chàng ái mộ xứng đáng như vậy, và tới đây cần phải quan tâm tới anh chàng nhiều

hơn mới được.

Nhưng, Êrik, chẳng lấy gì làm lạ, không cảm thấy có sự gắn bó gì với cô gái nữa, nhất là bây giờ, khi những lời nhận xét đầy vẻ miệt thị của cô ta đã không thể nào xúc phạm được lòng tự ái của chàng nữa. Có lẽ sự xa cách và những điều suy nghĩ trong những giờ đứng gác đêm đằng đằng đã giúp Êrik hiểu rõ tâm hồn lạnh nhạt của Kaisa. Có lẽ chàng đã nhận thức quá rõ rằng giờ đây cô ta đã không thể coi chàng là “đứa con rơi đáng thương” nữa. Nhưng từ nay chàng chỉ biểu hiện với cô ta một sự chú ý cần thiết nhất, như đối với một cô gái trẻ và cô cháu gái của bác sĩ Svarenkrôna mà thôi.

Chàng tỏ ra thích Vanda hơn. Vanda ngày càng có sức hấp dẫn hơn. Lòng nhân hậu hiếm có, vẻ kiêu diễm bẩm sinh, sự cao thượng và tấm lòng thành của nàng đã thu hút được sự cảm tình của tất cả những ai biết nàng. Nàng ở Val-Fere chưa đầy một tuần lễ mà bà Duyren tuyên bố công khai rằng bà không thể tưởng tượng được là sẽ phải chia tay với nàng.

Êrik phải ra tay thu xếp ổn thỏa mọi chuyện. Chàng đã thỏa thuận được với ông Hecsêbom và Katrina cho Vanda ở lại Pháp, nhưng với điều kiện tất yếu là hàng năm nàng sẽ cùng với chàng về thăm Nôrô. Chàng rất muốn đưa bác sĩ Svarenkrôna cùng tất cả gia đình sang Brêtanh, và thậm chí còn đề nghị chuyển ngôi nhà gỗ mà chàng đã từng sống qua thời thơ ấu, về dựng lại trên bờ vùng biển Brest. Nhưng kế hoạch di chuyển chung ấy đã được thừa nhận là thực tế không thể thực hiện được. Bác Hecsêbom và bà Katrina đều nói rằng về tuổi già không dễ dàng thay đổi được nếp sống đã quen, và lại họ sẽ không cảm thấy được hạnh phúc khi sống ở nước người, vì không biết tiếng và phong tục tập quán của nước ấy. Êrik phải đành lòng đồng ý để bố mẹ nuôi trở về Tổ quốc theo nguyện vọng của họ, và chàng đã bảo đảm cho bố mẹ nuôi một cuộc sống đầy đủ mà từ trước đến nay cả cuộc đời lao động lương thiện của họ cũng không thể làm ra được thế.

Êrik muốn ít ra cũng giữ được Ôttô ở lại, nhưng cả người anh nuôi của chàng cũng thích vùng biển của mình hơn mọi vùng biển trên thế giới và không thấy viễn cảnh nào hấp dẫn hơn cuộc sống gian truân của người đánh cá. Nhưng nếu đã nói thực đến cùng thì cần phải nói rằng những bím tóc vàng và đôi mắt xanh của Regnilda, con gái viên quản lý nhà máy dầu cá, cũng đã có sự can dự nào đấy vào sự gắn bó không gì ngăn được của Ôttô đối với Nôrô. Cho dù thế nào thì ta cũng có thể đi đến kết luận như vậy sau khi được biết rằng chàng định cưới nàng vào lễ Noel tới.

Ngài Maljarius đang trù tính chẳng bao lâu nữa sẽ lại dạy con cái của chúng học như đã từng dạy Êrik và Vanda, ông lại đã trở về với trách nhiệm khiêm tốn của mình ở trường làng, sau khi đã chia sẻ cùng với thuyền trưởng tàu "Aljaska" những niềm vinh dự mà Hội địa lý Pháp đã dành cho họ. Hiện ông đang chỉnh lại bản thảo của công trình lao động tuyệt vời của mình về hệ thực vật của các biển Bắc cực mà Hội các nhà nghiên cứu tự nhiên Thụy Điển (Hội này mang tên nhà vạn vật học nổi tiếng của Thụy Điển, tên là Linh hồn Karl (1707-1778)) đã nhận xuất bản.

Nói về bác sĩ Svariênkrôna thì ông cho đến nay vẫn chưa hoàn thành việc miêu tả các tượng đài cổ xưa, một công trình sẽ phải làm cho tên tuổi của ông trở nên bất diệt.

Vụ kiện cuối cùng của trạng sư Brêđêzhor là vụ do ông khởi tố nhằm phục hồi những quyền hợp pháp của Êrik đối với mỏ dầu "Vandalia". Vụ kiện đã thắng chẳng những ở tòa sơ thẩm, mà còn cả ở tòa thượng thẩm, và là một sự thành công không nhỏ thậm chí đối với ngay cả một trạng sư tài giỏi như thế.

Êrik đã sử dụng thắng lợi này và số tài sản mà chàng được hưởng để mua lại chiếc tàu "Aljaska" mà chàng đã biến thành chiếc tàu buồm dạo chơi. Hàng năm chàng dùng nó để cùng với bà Duyren và Vanda đi thăm bố mẹ nuôi của mình ở Nôrô. Mặc dù nhân cách và quốc tịch của chàng đã được xác nhận về mặt pháp lý và chàng đã mang tên hợp pháp là Emil Duyren, có thêm tên Hecsêbom nữa, nhưng mọi người thân thiết gần gũi vẫn theo thói quen tiếp tục gọi chàng là Êrik.

Ước muốn thầm kín của bà Duyren đến một lúc nào đó được thấy con trai mình trở thành chồng Vanda mà bà yêu quý như con gái ruột, rất trùng hợp với nguyện vọng của chính Êrik, cho nên cái ngày nguyện vọng ấy được thực hiện không còn xa nữa.

Còn Kaisa vẫn chưa kén được "đám thích hợp", nên vẫn là cô gái chưa chồng, tự oán mình, như người ta nói, đã để "xénh ăn".

Bác sĩ Svaviênkrôna, trạng sư Brêđêzhor và giáo sư Hostedt vẫn chơi bài như cũ.

Một buổi tối nọ, khi bác sĩ chơi bài dở hơn mọi hôm, Brêđêzhor đã gõ gõ những ngón tay lên hộp đựng thuốc lá nhắc ông ta về vụ cá cược đã bị lãng quên từ lâu.

- Thế khi nào thì cuối cùng ngài chịu hạ cố gửi cho tôi cuốn Plini của ngài do Ald Manuxija xuất bản? - Ngài trạng sư hỏi với ánh mắt hòa bình. Hy vọng rằng bây giờ ngài không còn cho Êrik thuộc gốc người Ailen nữa chứ? Mặc dù có bị mất tinh thần trước cuộc tấn công bất ngờ ấy, nhưng bác sĩ cũng đã kịp trấn tĩnh nói với vẻ tin chắc:

- Biết làm sao được! Nếu ngay đến cựu tổng thống nước Cộng hòa Pháp (ý nói Mak Mahôn, Tổng thống Pháp năm 1873-1879) còn xuất thân từ dòng dõi vua Ailen thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên, nếu như họ nhà Duyren cũng là gốc Ailen.

- Có thể lắm, Brêđêzhor trả lời - Chỉ cần ngài chứng minh cho, và tôi xin sẵn lòng gửi cho ngài cuốn Kvintilian của tôi.

HẾT

Nguồn: HanAn - VNthuquan - Thư viện Online
Nhà Xuất Bản Trẻ (tái bản lần 1 năm 1996)
Người đăng: Ct.Ly
Thời gian: 25/06/2009 11:32:12 CH